VIET NAM'S PROVINCIAL OPEN BUDGET INDEX REPORT 2020

Nguyễn Đức Thành, Vũ Sỹ Cường
Phạm Văn Long, Ngô Minh Hương, Nguyễn Quang Thương

POBI
PROVINCIAL OPEN BUDGET INDEX
2020

CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH

Đo lường mức độ công khai
thông tin ngân sách địa phương

BTAP
Minh bạch vì Công bằng và Phát triển
Budget Transparency, Accountability and Participation Coalition

LIÊN MINH MINH BẠCH NGÂN SÁCH (BTAP)

CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH
POBI 2020

Báo cáo này là sản phẩm của dự án "Thúc đẩy công khai, minh bạch và sự tham gia của người dân vào quản lý ngân sách nhà nước", một hoạt động của Liên minh Minh bạch Ngân sách, do tổ chức Oxfam và Viện Konard Adenauer Stiftung tại Việt Nam tài trợ. Báo cáo này được viết dựa trên quan điểm của tác giả, không nhất thiết phản ánh quan điểm của Oxfam và Viện Konard Adenauer Stiftung.

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN

LIÊN MINH MINH BẠCH NGÂN SÁCH (BTAP) được thành lập năm 2014 với sự hỗ trợ từ tổ chức Oxfam Việt Nam. Mục tiêu của BTAP là tìm kiếm, thử nghiệm và thúc đẩy việc áp dụng các giải pháp hiệu quả hướng tới công khai minh bạch, trách nhiệm giải trình và sự tham gia của người dân trong quy trình ngân sách nhà nước tại Việt Nam, góp phần tạo ra những thay đổi tích cực vì sự phát triển của đất nước.

Website của Liên minh Minh bạch Ngân sách: www.ngansachvietnam.net

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN VÀ HỘI NHẬP (CDI) là một tổ chức phi chính phủ của Việt Nam thành lập năm 2005. CDI đóng góp cho tiến trình công khai minh bạch ở Việt nam thông qua đó người dân và xã hội có thể tham gia vào xây dựng và giám sát chính sách và ngân sách. CDI là đối tác của Tổ chức Đối tác Ngân sách Quốc tế (IBP) thực hiện khảo sát Chỉ số công khai ngân sách quốc gia (OBI), hợp tác cùng Viện nghiên cứu chính sách (VEPR) thực hiện khảo sát Chỉ số công khai ngân sách tỉnh (POBI) và Chỉ số công khai ngân sách Bộ, cơ quan Trung ương (MOBI) tại Việt Nam. CDI hiện đang là tổ chức điều phối Liên minh Minh bạch Ngân sách (BTAP).

VIỆN NGHIÊN CỨU KINH TẾ VÀ CHÍNH SÁCH (VEPR), tiền thân là Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách, được thành lập từ 2008 và hiện trực thuộc Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội. VEPR thực hiện các nghiên cứu kinh tế và chính sách nhằm giúp nâng cao chất lượng ra quyết định của các cơ quan hoạch định chính sách, doanh nghiệp và các nhóm lợi ích, dựa trên sự thấu hiểu bản chất của những vận động kinh tế và quá trình điều hành chính sách vĩ mô ở Việt Nam. VEPR hiện là một thành viên của Liên minh Minh bạch Ngân sách (BTAP).

LỜI CẢM ƠN

Chỉ số Công khai ngân sách tỉnh năm 2020 (POBI 2020) do Liên minh Minh bạch Ngân sách (BTAP) chủ trì đã hoàn thành với sự thực hiện của Trung tâm Phát triển và Hội Nhập (CDI) và Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR).

Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Ông Nguyễn Minh Tân, Phó Vụ trưởng Vụ ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính; Bà Đinh Thị Mai Anh, Phó trưởng phòng Phòng Phân tích, dự báo và thống kê ngân sách; Ông Nguyễn Minh Tân, Phó Vụ trưởng Vụ tài chính ngân sách, Ủy ban Tài chính ngân sách, Văn phòng Quốc hội; Ông Trịnh Tiến Dũng, Nguyên Trưởng ban Quản trị quốc gia, UNDP Việt Nam vì những đóng góp quý báu cho nhóm nghiên cứu về phương pháp, công cụ và báo cáo khảo sát.

Chúng tôi chân thành ghi nhận và trân trọng cảm ơn Ủy ban nhân dân và Sở Tài chính của các tỉnh, thành phố trên cả nước đã tham gia đóng góp ý kiến và phản hồi về khảo sát. Chúng tôi trân trong ghi nhận sự hỗ trợ của các tổ chức xã hội đã giúp cho nhóm nghiên cứu hoàn thiện báo cáo này.

Thành viên nhóm nghiên cứu bao gồm PGS.TS. Nguyễn Đức Thành (trưởng nhóm), PGS.TS. Vũ Sỹ Cường (nhà nghiên cứu chính), cùng các thành viên: ThS. Phạm Văn Long, Nguyễn Đức Hiếu, Phan Nhật Quang, Hà Kiều Trinh thuộc Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR), TS. Ngô Minh Hương, ThS. Nguyễn Quang Thương, Phạm Hải Bình, Lê Út Tình, Võ An Phương, Triệu Thị Khánh Linh, Mai Thị Kim Oanh, Vũ Văn Thuyên thuộc Trung tâm Phát triển và Hội nhập (CDI). Các thành viên hỗ trợ gồm: Lê Thị Minh Hiền, Đỗ Thị Lê, Ngô Đăng Thành. Sự tận tâm, nhiệt tình và kiên nhẫn của các thành viên góp phần quan trọng trong việc hoàn thiện cuốn sách này.

Chúng tôi xin được gửi lời tri ân đến tổ chức Oxfam Việt Nam và Viện Konrad Adenauer Stiftung Việt Nam đã đồng hành và hỗ trợ BTAP và các thành viên trong quá trình thực hiện khảo sát *POBI 2020* và công bố những kết quả đạt được.

Những nỗ lực của các chuyên gia và cộng sự, cùng với sự hợp tác nhiệt thành của các bộ ngành, các tỉnh thành phố đã giúp chúng tôi hoàn thiện việc thực hiện khảo sát, phản hồi và báo cáo trong thời gian cho phép. Tuy nhiên, cuốn sách hẳn không tránh khỏi được những hạn chế và thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được sự đóng góp của độc giả để nhóm tác giả có cơ hội được học hỏi và hoàn thiện hơn trong những công trình tiếp theo.

Hà Nội, ngày 15/5/2021

PGS. TS. Nguyễn Đức Thành

Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chiến lược Việt Nam (VESS),
Cố vấn trưởng Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR).

MỤC LỤC

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN 2
LỜI CẢM ƠN 3
DANH MỤC BẢNG 8
DANH MỤC HÌNH 11
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT 13
GIỚI THIỆU CHUNG 14
PHẦN I TÓM TẮT TỔNG QUAN 16
I. KẾT QUẢ XẾP HẠNG VỀ MINH BẠCH NGÂN SÁCH 16
II. XẾP HẠNG VỀ SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN 25
III. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ 26
PHẦN 2 KẾT QUẢ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH POBI 2020 29
CHƯƠNG I. XẾP HẠNG CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH 29
1. XẾP HẠNG CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH 2020 29
2. XẾP HẠNG CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH THEO VÙNG ĐỊA LÝ 33
CHƯƠNG II. XẾP HẠNG VỀ SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN VÀO QUÁ TRÌNH CÔNG KHAI NGÂN SÁCH 35
CHƯƠNG III. TÌNH HÌNH CÔNG KHAI CÁC TÀI LIỆU NGÂN SÁCH 37
1. DỰ THẢO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2021 TRÌNH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH 37
2. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2021 ĐÃ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUYẾT ĐỊNH 41
3. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGÂN SÁCH TỈNH QUÝ 1/2020 45
4. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGÂN SÁCH TỈNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020 48
5. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGÂN SÁCH TỈNH 9 THÁNG NĂM 2020 51
6. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGÂN SÁCH TỈNH CẢ NĂM 2020 54
7. BÁO CÁO QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2019 ĐÃ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÊ CHUẨN 57
8. BÁO CÁO NGÂN SÁCH DÀNH CHO CÔNG DÂN NĂM 2021 62

9. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 62
10. BÁO CÁO TÌNH HÌNH NỢ CÔNG CỦA TỈNH NĂM 2020 HOẶC 2021 63
11. BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC NĂM 2017, 2018 HOẶC 2019 63
12. CÁC TÀI LIỆU KHÔNG CHẤM ĐIỂM POBI 2020 63
PHẦN 3 KẾT QUẢ CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH CỦA 63 TỈNH, THÀNH PHỐ TRÊN CẢ NƯỚC 65
1. TỈNH AN GIANG 65
2. TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU 71
3. TỈNH BẮC KẠN 77
4. TỈNH BẮC GIANG 82
5. TỈNH BẠC LIÊU 86
6. TỈNH BẮC NINH 91
7. TỈNH BẾN TRE 95
8. TỈNH BÌNH ĐỊNH 101
9. TỈNH BÌNH DƯƠNG 108
10. TỈNH BÌNH PHƯỚC 114
11. TỈNH BÌNH THUẬN 118
12. TỈNH CÀ MAU 124
13. THÀNH PHỐ CẦN THƠ 130
14. TỈNH CAO BẰNG 136
15. THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG 142
16. TỈNH ĐẮK LẮK 147
17. TỈNH ĐẮK NÔNG 152
18. TỈNH ĐIỆN BIÊN 157
19. TỈNH ĐỒNG NAI 163
20. TỈNH ĐỒNG THÁP 169
21. TỈNH GIA LAI 174
22. TỈNH HÀ GIANG 180
23. TỈNH HÀ NAM 185

24. THÀNH PHỐ HÀ NỘI 190
25. TỈNH HÀ TĨNH 195
26. TỈNH HẢI DƯƠNG 201
27. THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG.....207
28. TỈNH HẬU GIANG 213
29. THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 219
30. TỈNH HÒA BÌNH 225
31. TỈNH HƯNG YÊN.....229
32. TỈNH KHÁNH HÒA.....234
33. TỈNH KIÊN GIANG 240
34. TỈNH KON TUM 245
35. TỈNH LAI CHÂU.....251
36. TỈNH LÂM ĐỒNG 256
37. TỈNH LẠNG SƠN.....263
38. TỈNH LÀO CAI.....268
39. TỈNH LONG AN.....274
40. TỈNH NAM ĐỊNH 280
41. TỈNH NGHỆ AN.....286
42. TỈNH NINH BÌNH.....292
43. TỈNH NINH THUẬN.....297
44. TỈNH PHÚ THỌ 301
45. TỈNH PHÚ YÊN 306
46. TỈNH QUẢNG BÌNH.....310
47. TỈNH QUẢNG NAM.....315
48. TỈNH QUẢNG NGÃI 322
49. TỈNH QUẢNG NINH 326
50. TỈNH QUẢNG TRỊ.....331
51. TỈNH SÓC TRĂNG 336
52. TỈNH SƠN LA 341
53. TỈNH TÂY NINH 348

54. TỈNH THÁI BÌNH 354
55. TỈNH THÁI NGUYÊN 359
56. TỈNH THANH HÓA 365
57. TỈNH THỪA THIÊN-HUẾ 371
58. TỈNH TIỀN GIANG 378
59. TỈNH TRÀ VINH 383
60. TỈNH TUYÊN QUANG 389
61. TỈNH VĨNH LONG 395
62. TỈNH VĨNH PHÚC 401
63. TỈNH YÊN BÁI 407
PHẦN 4 PHỤ LỤC 412
PHỤ LỤC 1: KHUNG PHÁP LÝ VỀ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ...412
PHỤ LỤC 2: PHƯƠNG PHÁP KHẢO SÁT POBI 2020 414

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Số lượng tỉnh công khai ngân sách phân theo mức độ công khai, 2017-2020 16
Bảng 2: Số lượng và tỷ lệ các tỉnh công khai các tài liệu ngân sách 2017-2020 17
Bảng 3: Số tỉnh công khai kịp thời các tài liệu ngân sách 2017-2020 18
Bảng 4: Số lượng/tỷ lệ các tỉnh công khai đầy đủ các biểu mẫu của các tài liệu ngân sách được công khai 2017-2020 19
Bảng 5: So sánh % Thay đổi của chi thường xuyên ngân sách tỉnh hàng năm cho GDĐT và Y tế, dân số so với % thay đổi của tổng chi thường xuyên trong Dự thảo trình 2021 với Dự toán 2020 22
Bảng 6: So sánh % Thay đổi của chi thường xuyên ngân sách tỉnh hàng năm cho GDĐT và Y tế, dân số so với % thay đổi tổng chi thường xuyên trong Dự toán 2021 với Dự toán 2020 22
Bảng 7: Chênh lệch giữa số dự toán và quyết toán ngân sách 2019 23
Bảng 8: Mức độ liên tục của các tài liệu ngân sách 24
Bảng 9: Xếp hạng công khai ngân sách tỉnh POBI 2020 theo 7 vùng địa lý 33
Bảng 10: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh An Giang phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu 65
Bảng 11: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu 71
Bảng 12: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Bắc Kạn phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu 78
Bảng 13: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Bắc Giang phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu 82
Bảng 14: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Bạc Liêu phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu 86
Bảng 15: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Bắc Ninh phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu 91
Bảng 16: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Bến Tre phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu 96
Bảng 17: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Bình Định phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu 102
Bảng 18: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Bình Dương phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu . 108
Bảng 19: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Bình Phước phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu .. 114
Bảng 20: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Bình Thuận phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu .. 118
Bảng 21: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Cà Mau phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu 124
Bảng 22: Kết quả chấm POBI 2020 thành phố Cần Thơ phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu 131
Bảng 23: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Cao Bằng phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu 136
Bảng 24: Kết quả chấm POBI 2020 thành phố Đà Nẵng phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu 143
Bảng 25: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Đắk Lắk phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu 147

Bảng 26: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Đắk Nông phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu..... 152
Bảng 27: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Điện Biên phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu..... 157
Bảng 28: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Đồng Nai phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu..... 163
Bảng 29: Kết quả chấm POBI tỉnh Đồng Tháp phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu 169
Bảng 30: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Gia Lai phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu 175
Bảng 31: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Hà Giang phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu..... 181
Bảng 32: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Hà Nam phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu..... 186
Bảng 33: Kết quả chấm POBI 2020 thành phố Hà Nội phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu 190
Bảng 34: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Hà Tĩnh phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu 196
Bảng 35: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Hải Dương phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu ... 201
Bảng 36: Kết quả chấm POBI 2020 thành phố Hải Phòng phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu 207
Bảng 37: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Hậu Giang phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu.... 214
Bảng 38: Kết quả chấm POBI 2020 thành phố Hồ Chí Minh phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu 220
Bảng 39: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Hoà Bình phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu..... 225
Bảng 40: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Hưng Yên phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu..... 229
Bảng 41: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Khánh Hoà phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu... 234
Bảng 42: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Kiên Giang phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu... 240
Bảng 43: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Kon Tum phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu..... 245
Bảng 44: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Lai Châu phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu 251
Bảng 45: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Lâm Đồng phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu 257
Bảng 46: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Lạng Sơn phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu..... 263
Bảng 47: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Lào Cai phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu 269
Bảng 48: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Long An phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu..... 275
Bảng 49: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Nam Định phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu 281
Bảng 50: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Nghệ An phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu..... 287
Bảng 51: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Ninh Bình phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu 292
Bảng 52: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Ninh Thuận phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu .. 297
Bảng 53: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Phú Thọ phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu..... 301
Bảng 54: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Phú Yên phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu 306
Bảng 55: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Quảng Bình phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu .. 310
Bảng 56: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Quảng Nam phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu .. 316
Bảng 57: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Quảng Ngãi phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu .. 322

Bảng 58: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Quảng Ninh phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu..326
Bảng 59: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Quảng Trị phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu.....332
Bảng 60: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Sóc Trăng phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu.....336
Bảng 61: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Sơn La phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu.....342
Bảng 62: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Tây Ninh phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu 348
Bảng 63: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Thái Bình phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu 355
Bảng 64: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Thái Nguyên phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu 360
Bảng 65: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Thanh Hoá phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu ...366
Bảng 66: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Thừa Thiên Huế phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu 371
Bảng 67: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Tiền Giang phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu ...378
Bảng 68: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Trà Vinh phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu.....384
Bảng 69: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Tuyên Quang phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu389
Bảng 70: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Vĩnh Long phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu....395
Bảng 71: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Vĩnh Phúc phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu 402
Bảng 72: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Yên Bái phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu 408

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Định dạng của các tài liệu chấm điểm POBI được công bố, 2020 (số tỉnh) 21
Hình 2: Kết quả xếp hạng chỉ số công khai ngân sách tỉnh POBI 2020.....31
Hình 3: Phân loại xếp hạng chỉ số công khai ngân sách tỉnh POBI 2020 32
Hình 4: Kết quả chấm POBI trung bình theo 7 vùng địa lý, 2017-2020 34
Hình 5: Xếp hạng về sự tham gia của người dân, 2020.....36
Hình 6: Xếp hạng các tỉnh công khai tài liệu Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh 38
Hình 7: Số tỉnh công bố tài liệu Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, phân theo thời gian công khai.....39
Hình 8: Số tỉnh công bố tài liệu Dự thảo toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu 40
Hình 9: Xếp hạng các tỉnh có công khai Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định.....42
Hình 10: Số tỉnh công bố tài liệu Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định phân theo thời gian công khai 43
Hình 11: Số tỉnh công bố tài liệu Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu 44
Hình 12: Xếp hạng các tỉnh có công bố tài liệu báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020 theo điểm POBI 2020 46
Hình 13: Số tỉnh công bố Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020 phân theo thời gian công khai.....47
Hình 14: Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020 phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu.....48
Hình 15: Xếp hạng các tỉnh có công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng 2020 theo điểm POBI 2020.....49
Hình 16: Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng 2020 phân theo thời gian công khai.....50
Hình 17: Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng 2020 phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu.....51

Hình 18: Xếp hạng các tỉnh có công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng 2020 theo điểm POBI 2020.....52
Hình 19: Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng 2020 phân theo thời gian công khai.....53
Hình 20: Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng 2020 phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu.....54
Hình 21: Xếp hạng các tỉnh có công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2020 theo điểm POBI 2020.....55
Hình 22: Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 phân theo thời gian công khai.....56
Hình 23: Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu.....57
Hình 24: Xếp hạng các tỉnh có công bố Quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 theo điểm POBI 2020 58
Hình 25: Số tỉnh công bố tài liệu Quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 phân theo thời gian công khai.....59
Hình 26: Số tỉnh công bố tài liệu quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu.....60

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

GDĐT	Giáo dục và Đào tạo
HĐND	Hội đồng Nhân dân
MTTQ	Mặt trận Tổ quốc
NSNN	Ngân sách nhà nước
POBI	Chỉ số công khai ngân sách tỉnh
TTĐT	Thông tin điện tử
UBND	Uỷ ban Nhân dân

GIỚI THIỆU CHUNG

Tiếp nối các thành công của Khảo sát Công khai Ngân sách tỉnh (POBIS – Provincial Open Budget Index Survey) năm 2017, 2018 và 2019, Trung tâm Phát triển và Hội nhập (CDI) và Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR) tiếp tục thực hiện khảo sát POBI 2020. Chỉ số Công khai ngân sách POBI được áp dụng chu trình ngân sách 2020 của Việt Nam ở cấp tỉnh từ khâu (i) Lập Ngân sách, (ii) Phê duyệt Ngân sách, (iii) Thực hiện Ngân sách và (iv) Quyết toán ngân sách theo Luật Ngân sách hiện hành của Việt Nam và thông lệ tốt của quốc tế về công khai, minh bạch ngân sách. Khảo sát POBI 2020, bao gồm hai trụ cột về minh bạch ngân sách và sự tham gia của người dân trong chu trình ngân sách.

- *Trụ cột thứ nhất*, về **minh bạch ngân sách (tính là chỉ số công khai ngân sách POBI 2020)**, xây dựng thông qua việc đánh giá tính sẵn có, kịp thời, thuận tiện, đầy đủ và tin cậy của 11 loại tài liệu ngân sách. Trong số 11 tài liệu này, có 7 loại tài liệu ngân sách bắt buộc phải công khai theo Luật NSNN 2015 và 4 tài liệu ngân sách cần phải công khai theo như thông lệ tốt của quốc tế (xem Bảng 2). Chỉ số công khai ngân sách POBI 2020 là kết quả của 85 câu hỏi trong trụ cột này được quy về thang điểm 100.
- *Trụ cột thứ hai*, về **sự tham gia của người dân,** xây dựng thông qua khảo sát mức độ UBND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh tạo điều kiện cho người dân tham gia vào quy trình ngân sách tại tỉnh và trách nhiệm phản hồi của các cơ quan này đối với các câu hỏi của công dân liên quan tới ngân sách nhà nước. Phần này gồm có 11 câu hỏi trong đó 8 câu hỏi về mức độ chính quyền địa phương tạo điều kiện để người dân tham gia vào chu trình ngân sách thông qua trang thông tin điện tử của UBND, HĐND và Sở Tài chính; 3 câu hỏi về mức độ phản hồi thông tin của Sở Tài chính tỉnh đối với câu hỏi/yêu cầu cung cấp thông tin của nhóm nghiên cứu.

Khảo sát POBI 2020 được áp dụng cho năm ngân sách 2020 với các tài liệu ngân sách được công khai trước thời điểm **31/01/2021**. Các tài liệu được thay đổi hoặc bổ sung sau ngày 31/1/2020 không được coi là có công khai trong khảo khảo sát POBI 2020 (xem Phụ lục 1). Các câu hỏi khảo sát POBI 2020 được thiết kế dựa trên (i) các quy định của pháp luật Việt Nam gồm có: Luật Ngân sách 2015, Luật đầu tư công, Luật Tiếp cận thông tin, Luật Quản lý nợ công và (ii) thông lệ tốt của quốc tế về công khai, minh bạch.

Thời điểm thực hiện khảo sát và thu thập bằng chứng về công khai tài liệu ngân sách trên cổng thông tin điện tử của tỉnh là từ ngày 01 đến ngày 04 tháng 02 năm 2021. Khảo sát POBI chỉ đánh giá "có" hoặc "không" công khai các tài liệu/nội dung/biểu mẫu của tài liệu tại thời điểm khảo sát trên cổng thông tin điện tử/trang thông tin điện tử của các đơn

vị. Khảo sát POBI không đánh giá lý do tại sao các tài liệu/nội dung/bảng biểu không được công khai hoặc công khai chậm.

Xếp hạng POBI 2020 về kết quả công khai minh bạch ngân sách của địa phương được thực hiện theo thang điểm với 4 mức. Mức **A:** Từ 75 – 100 điểm quy đổi, được hiểu là mức độ công khai **ĐẦY ĐỦ**. Mức **B**: Từ 50 – dưới 75 điểm quy đổi, được hiểu là mức độ công khai **TƯƠNG ĐỐI**. Mức **C:** Từ 25 – dưới 50 điểm quy đổi, được hiểu là mức độ công khai **CHƯA ĐẦY ĐỦ**. Mức **D**: Từ 0 – dưới 25 điểm quy đổi, được hiểu là mức độ công khai **ÍT** (xem phụ lục 2).

PHẦN I
TÓM TẮT TỔNG QUAN

I. KẾT QUẢ XẾP HẠNG VỀ MINH BẠCH NGÂN SÁCH

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy điểm chỉ số trung bình về công khai ngân sách tỉnh đạt 69,09 điểm trên tổng số 100 điểm quy đổi xếp hạng. So với kết quả năm 2019, điểm trung bình chỉ số POBI 2020 tăng thêm 3,54 điểm. Năm 2020, có 27 tỉnh công khai ĐẦY ĐỦ tài liệu và thông tin về ngân sách nhà nước, tăng 3 tỉnh so với năm 2019. Số tỉnh công khai TƯƠNG ĐỐI đầy đủ là 29 tỉnh, tăng 2 tỉnh so với năm 2019. Số tỉnh công khai CHƯA ĐẦY ĐỦ và công khai ÍT lần lượt là 5 và 2 tỉnh, giảm lần lượt 4 và 1 tỉnh so với năm 2019. Chi tiết kết quả xếp hạng công khai ngân sách của các tỉnh như bảng dưới đây:

Bảng 1: Số lượng tỉnh công khai ngân sách phân theo mức độ công khai, 2017-2020

Năm	ĐẦY ĐỦ 75 - 100 điểm	TƯƠNG ĐỐI 50 - dưới 75 điểm	CHƯA ĐẦY ĐỦ 25 - dưới 50 điểm	ÍT 0 - dưới 25 điểm
2020	27/63 tỉnh	29/63 tỉnh	5/63 tỉnh	2/63 tỉnh
2019	24/63 tỉnh	27/63 tỉnh	9/63 tỉnh	3/63 tỉnh
2018	6/63 tỉnh	27/63 tỉnh	21/63 tỉnh	9/63 tỉnh
2017	0/63 tỉnh	12/63 tỉnh	26/63 tỉnh	25/63 tỉnh

Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2017, 2018, 2019 và 2020

Trong xếp hạng công khai ngân sách POBI 2020, **Vĩnh Long** là tỉnh **đứng đầu** bảng xếp hạng, đạt 93,68 điểm. Đà Nẵng xếp thứ hai với 92,26 điểm và Bà Rịa-Vũng Tàu xếp thứ ba với 90,45 điểm. Ba tỉnh này đều là những tỉnh có xếp hạng cao thuộc top 5 tỉnh đứng đầu của bảng xếp hạng POBI năm 2019. Đáng tiếc là tỉnh Quảng Nam năm 2019 đứng đầu bảng xếp hạng thì năm 2020 đã tụt xuống vị trí thứ 17. Mặc dù vậy, Quảng Nam vẫn thuộc nhóm công khai đầy đủ thông tin với 81,83 điểm. Hai tỉnh công khai ÍT thông tin nhất trong kết quả xếp hạng POBI 2020 đó là Bình Phước (3,84 điểm) và Đắk Lắk (23,41 điểm). Đáng khích lệ nhất đó là tỉnh Lạng Sơn, nếu như năm 2019 tỉnh này đứng áp chót bảng xếp hạng thì năm 2020 đã vươn lên đứng thứ 16 với 82,3 điểm, thuộc nhóm tỉnh công khai ĐẦY ĐỦ thông tin.

Kết quả khảo sát POBI 2020 theo sáu tiêu chí về tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính thuận tiện, tính tin cậy và tính liên tục được tóm tắt như dưới đây:

Tính sẵn có của các tài liệu ngân sách

Kết quả POBI 2020 tiếp tục cho thấy sự cải thiện trong việc công khai các tài liệu ngân sách nhà nước theo quy định của Luật NSNN năm 2015, Luật Tiếp cận Thông tin, Luật Quản lý nợ công và thông lệ tốt của quốc tế về công khai, minh bạch ngân sách.

Trong số 11 tài liệu ngân sách được khảo sát trong POBI 2020, có 8 tài liệu có sự cải thiện về số lượng tỉnh có công khai tài liệu, 01 tài liệu không có sự cải thiện (Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh), 02 tài liệu giảm về số lượng tỉnh có công khai (Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách năm giảm từ 53 xuống 49 tỉnh và Báo cáo tình hình nợ công giảm từ 31 xuống 30 tỉnh). Báo cáo ngân sách nhà nước dành cho công dân là tài liệu có sự cải thiện nhiều nhất về tính sẵn có. Mặc dù đây không phải là tài liệu bắt buộc phải công khai theo Luật NSNN 2015 nhưng đã có 22 tỉnh có công khai tài liệu này trong năm 2020, tăng 8 tỉnh so với năm 2019. Năm 2020 cũng là năm đầu tiên tiến hành chấm điểm đối với tài liệu Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước các năm 2017, 2018 hoặc 2019. Kết quả cho thấy chỉ có 20 tỉnh (chiếm tỉ lệ 31,75%) có công khai tài liệu này của ít nhất một trong ba năm kể trên.

Bảng 2: Số lượng và tỷ lệ các tỉnh công khai các tài liệu ngân sách 2017-2020

Tài liệu	POBI 2017	POBI 2018	POBI 2019	POBI 2020
Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh	27 (42.86%)	47 (74.6%)	54 (85.71 %)	54 (85.71%)
Dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh quyết định	51 (80.95%)	59 (93.65%)	58 (92.06 %)	60 (95.24%)
Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1	Không áp dụng	46 (73.02%)	58 (92.06 %)	61 (96.83%)
Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng	Không áp dụng	53 (84.13%)	58 (92.06 %)	60 (95.24%)
Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng	28 (44.44%)	46 (73.02%)	55 (87.3 %)	58 (92.06%)
Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm	25 (39.68%)	35 (55.56%)	53 (84.13 %)	49 (77.78%)
Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh	49 (77.78%)	54 (85.71%)	57 (90.48 %)	59 (93.65%)
Báo cáo ngân sách nhà nước dành cho công dân	Không áp dụng	1 (1.59%)	14 (22.22 %)	22 (34.92%)
Danh mục dự án đầu tư công của tỉnh	Không áp dụng	46 (73.02%)	50 (79.37 %)	51 (80.85%)
Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh	Không áp dụng	Không áp dụng	31 (49.21 %)	30 (47.92%)
Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	20 (31.75%)

Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2017-2020

Tính kịp thời của các tài liệu ngân sách

Khảo sát POBI 2020 xác định tính kịp thời của các tài liệu ngân sách dựa trên thời gian đăng tải các tài liệu này trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh như quy định của Thông tư 343/2016/TT-BTC. Kết quả POBI 2020 cho thấy, đã có sự cải thiện đáng kể về tính kịp thời khi số lượng và tỉ lệ tỉnh công khai đúng thời hạn các tài liệu ngân sách tăng mạnh so với năm 2019. Có từ 75% đến 80% số tỉnh công bố đúng hạn đối với các tài liệu ngân sách, trong khi năm 2019 chỉ có khoảng trên 50% số tỉnh công bố đúng hạn. Kết quả này cho thấy các tỉnh đã chú trọng hơn trong việc công khai đúng thời hạn các tài liệu ngân sách theo quy định của Luật. Chi tiết về tính kịp thời của các tài liệu ngân sách được công khai xin xem Bảng 3.

Bảng 3: Số tỉnh công khai kịp thời các tài liệu ngân sách 2017-2020

Tài liệu	POBI 2017	POBI 2018	POBI 2019	POBI 2020
Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh	9 (14.29%)	29 (46.03%)	36 (57.14 %)	47 (74.60%)
Dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh quyết định	35 (55.56%)	39 (61.9%)	35 (55.56 %)	49 (77.78%)
Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1	Không áp dụng	19 (30.16%)	27 (42.86 %)	48 (76.19%)
Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng	Không áp dụng	27 (42.86%)	34 (53.97 %)	51 (80.95%)
Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng	11 (17.46%)	23 (36.51%)	32 (50.79 %)	47 (74.60%)
Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm	21 (33.33%)	15 (23.81%)	28 (44.44 %)	32 (50.79%)
Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh	30 (47.62%)	31 (49.21%)	40 (63.49 %)	50 (79.37%)
Báo cáo ngân sách nhà nước dành cho công dân	Không áp dụng	Không áp dụng	10 (15.87 %)	16 (25.39%)

Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2017-2020

Tính đầy đủ của các tài liệu ngân sách

Khảo sát POBI 2020 xác định tính đầy đủ của các tài liệu ngân sách được công khai dựa trên hướng dẫn của Thông tư 343/2016/TT- BTC. Để được coi là đầy đủ, các tài liệu ngân sách phải đảm bảo (i) đầy đủ các biểu mẫu và (ii) đầy đủ nội dung của một số bảng biểu như quy định của Thông tư 343 và nguyên tắc thống nhất trong tính toán và nguyên tắc có thể so sánh được giữa các năm đã được quy định tại Khoản 1, Điều 5 của Luật Thống kê 2015.

Bảng 4: Số lượng/tỷ lệ các tỉnh công khai đầy đủ các biểu mẫu của các tài liệu ngân sách được công khai 2017-2020

Tài liệu	POBI 2017	POBI 2018	POBI 2019	POBI 2020
Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh công khai đầy đủ 13 biểu mẫu	2 (3.2%)	10 (15.9%)	18 (28.57 %)	26 (41.27%)
Dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh quyết định công khai đầy đủ 13 biểu mẫu	10 (15.9%)	16 (25.4%)	27 (42.86 %)	28 (44.44%)
Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 có công khai đủ 3 biểu mẫu	Không áp dụng	37 (58.7%)	53 (84.13 %)	58 (92.06%)
Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng có công bố đầy đủ 3 biểu mẫu	Không áp dụng	41 (65.1%)	52 (82.54 %)	57 (90.48%)
Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng có công bố đầy đủ 3 biểu mẫu	22 (34.9%)	41 (65.1%)	53 (84.13 %)	56 (88.89%)
Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm có công bố đầy đủ 3 biểu mẫu	11 (17.5%)	25 (39.7%)	42 (66.67 %)	42 (66.67%)
Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh có công bố đầy đủ 7 biểu mẫu	Không áp dụng	38 (60.3%)	46 (73.02 %)	50 (79.37%)

Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2017-2020

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tính đầy đủ của các tài liệu ngân sách tiếp tục được cải thiện so với năm 2019. Các báo cáo tình hình thực hiện ngân sách hàng quý và báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh vẫn là những tài liệu được công khai đầy đủ các biểu mẫu nhất theo quy định. Mặc dù có sự cải thiện so với năm 2019, nhưng tài liệu dự thảo dự toán và dự toán đã được quyết định vẫn có số lượng các tỉnh công bố đầy đủ tương đối thấp, lần lượt chỉ là 26 và 28 tỉnh. Tài liệu dự thảo dự toán là tài liệu rất quan trọng vì nó được đưa ra để lấy ý kiến góp ý không chỉ của các chuyên gia mà của cả người dân trong việc xây dựng dự toán ngân sách hàng năm của địa phương. Do đó, các tỉnh cần ý thức được tầm quan trọng của tài liệu này và cần phải được công khai đầy đủ nội dung và các biểu mẫu theo quy định của Luật ngân sách 2015 và Thông tư 343/2016/TT- BTC.

Đối với tài liệu dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, biểu số 33 có 44 tỉnh trong tổng số 63 tỉnh phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ theo quy định (tăng 7 tỉnh so với POBI 2019). Biểu số 35 chỉ có 23 tỉnh phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (gồm 18 mục nhỏ) và chi tiết theo từng loại thuế. Biểu số 39 chỉ có 29 tỉnh có phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho các lĩnh vực theo quy định.

Đối với tài liệu dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được quyết định, biểu số 46 – Biểu cân đối ngân sách địa phương có 47 trong tổng số 63 tỉnh phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ theo quy định (tăng 5 tỉnh so với khảo sát POBI 2019). Biểu số 48 – Dự toán thu NSNN có 31 tỉnh phản ánh đầy đủ các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa bao gồm 18 mục nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (tăng 7 tỉnh so với khảo sát POBI 2019). Biểu số 52 – Dự toán chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp tỉnh cho từng cơ quan tổ chức theo lĩnh vực có 36 tỉnh phản ánh dự toán cụ thể cho 12 lĩnh vực chi đầu tư (tăng 2 tỉnh so với khảo sát POBI 2019).

Đối với báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020, kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy 68,25% số tỉnh (tương đương 43 tỉnh) phản ánh đầy đủ cả 4 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của biểu số 59. Đối với báo cáo 6 tháng, có 44 tỉnh (tương đương 69,84% số tỉnh), báo cáo 9 tháng có 45 tỉnh (tương đương 71,42% số tỉnh) và báo cáo cả năm 2020 có 35 tỉnh (tương đương 55,55% số tỉnh) phản ánh đầy đủ cả 4 mục lớn và các mục nhỏ của biểu 59 theo quy định.

Đối với tài liệu quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019, biểu số 62 – Biểu Cân đối ngân sách địa phương năm 2019 có 50 tỉnh (tương đương 79,36%) phản ánh đầy đủ cả 6 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định, tăng 7 tỉnh so với khảo sát POBI 2019. Biểu số 63 – Biểu Quyết toán thu NSNN năm 2019 có 36 tỉnh (tương đương 57,14%) phản ánh cụ thể các nguồn thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 mục nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế, tăng 5 tỉnh so với khảo sát POBI năm 2019. Biểu số 65 – Biểu Quyết toán chi ngân sách cấp tỉnh theo từng lĩnh vực năm 2019 có 50 tỉnh (tương đương 79.37%) phản ánh đầy đủ 3 mục lớn và các mục nhỏ.

Tính thuận tiện của các tài liệu ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy 100% cổng TTĐT của Sở Tài chính các tỉnh đều có thư mục riêng về công khai ngân sách. Kết quả này cho thấy sự cải thiện đáng kể về tính thuận tiện trong việc công khai tài liệu ngân sách của các địa phương khi sau 04 năm liên tiếp thực hiện chỉ số POBI, đây là lần đầu tiên toàn bộ 63 tỉnh thành có thư mục riêng về công khai ngân sách trên cổng TTĐT của Sở Tài chính.

Đối với các tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách, có 58 tỉnh phân chia cụ thể thư mục riêng về công khai ngân sách theo tài liệu hoặc theo năm và có nội dung cập nhật. Hai tỉnh có phân chia nội dung trong thư mục riêng về công khai ngân sách theo tài liệu hoặc theo năm nhưng chưa cập nhật nội dung, đó là Quảng Bình và Bình Phước. Ba tỉnh không phân chia cụ thể thư mục riêng về công khai ngân sách theo tài liệu hoặc theo năm nhưng vẫn có tài liệu, là Hậu Giang, Sóc Trăng và Thái Bình.

Tính thuận tiện của các tài liệu được công khai trong khảo sát POBI 2020 tiếp tục có sự cải thiện so với năm 2019. Hầu hết các tài liệu đều được công bố dưới dạng file word hoặc excel dễ dàng trong việc sử dụng. Số lượng các tỉnh công bố tài liệu dưới dạng file scan hoặc PDF không thể chuyển đổi sang định dạng word và excel chỉ còn dưới 10 tỉnh đối với từng loại tài liệu (bình quân năm 2019 là trên 15 tỉnh). Tài liệu về báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh hàng quý tiếp tục là tài liệu được nhiều tỉnh công bố dưới dạng file word/excel nhiều nhất (trên 50 tỉnh).

Hình 1: Định dạng của các tài liệu chấm điểm POBI được công bố, 2020 (số tỉnh)

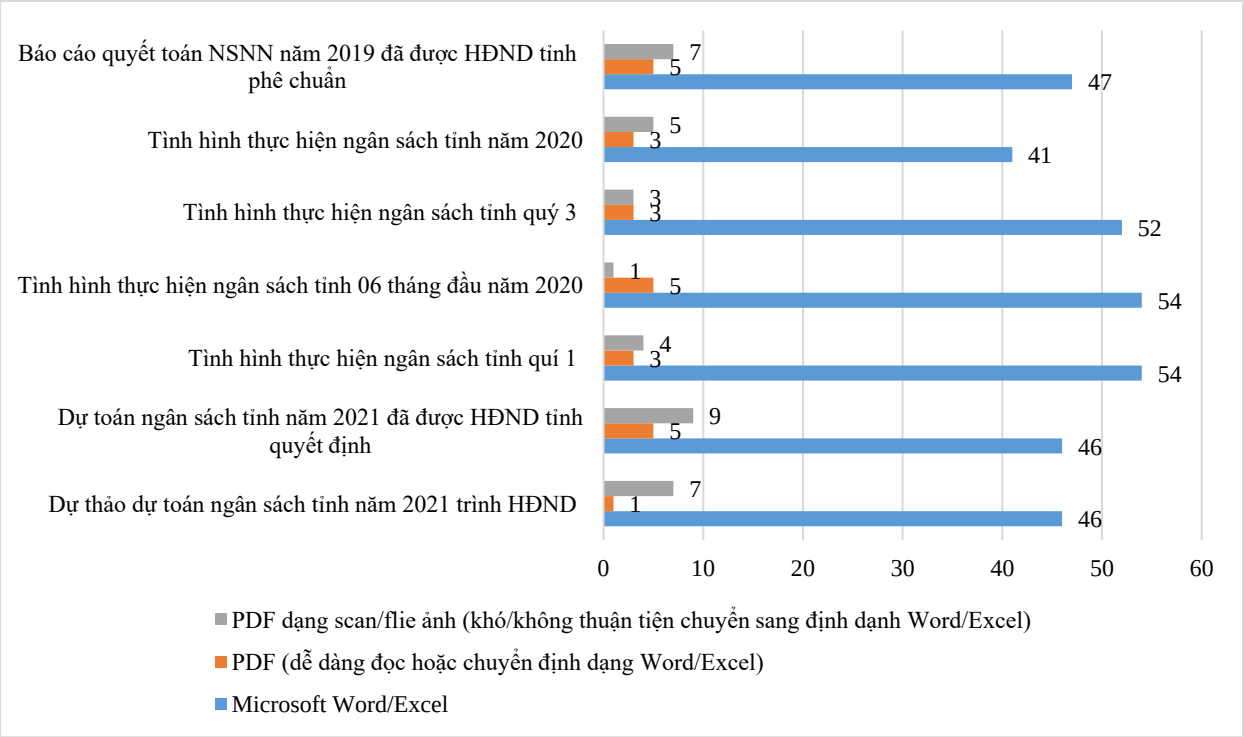

Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020

Tính tin cậy của các tài liệu ngân sách

Đây là năm thứ hai khảo sát POBI tiến hành chấm điểm về tính tin cậy của các tài liệu ngân sách. Tính tin cậy của khảo sát POBI2020 dựa trên so sánh chênh lệch giữa quyết toán và dự toán ngân sách năm 2019 và so sánh phần trăm thay đổi của chi thường xuyên năm 2021 của ngân sách cấp tỉnh cho lĩnh vực GDĐT và lĩnh vực y tế, dân số so với phần trăm thay đổi của tổng chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh năm 2021 và 2020.

Thay đổi ngân sách dành cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo và lĩnh vực y tế, dân số sẽ tác động và ảnh hưởng tới đa số người dân nên cần phải được tính toán cẩn trọng trong quá trình lập dự toán. Bộ Tài chính chỉ có hướng dẫn và nguyên tắc chung về cắt giảm chi thường xuyên, nhưng không có hướng dẫn cụ thể về việc cắt giảm của từng lĩnh vực, ngành. Vì chưa có hướng dẫn nên việc cắt giảm chi thường xuyên có thể chưa công bằng, chưa

phù hợp giữa các ngành, lĩnh vực tại địa phương hoặc chưa phù hợp/logic với các ưu tiên chính sách, định hướng phát triển của địa phương. Kết quả khảo sát POBI 2020 sẽ cung cấp bức tranh về việc thay đổi chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh trong hai lĩnh vực này so với thay đổi của tổng chi thường xuyên trong năm 2021 và 2020. Cụ thể như sau:

Tài liệu dự thảo trình

Đối với tài liệu dự thảo dự toán năm 2021 trình HĐND tỉnh, chỉ có 26 tỉnh (41,27%) có mức chi thường xuyên ngân sách tỉnh cho GDĐT và 19 tỉnh (30,16%) có mức chi thường xuyên ngân sách tỉnh cho y tế, dân số tăng nhanh (hoặc giảm ít hơn) so với mức tăng/giảm tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh trong dự toán được duyệt năm 2020.

Bảng 5: So sánh % Thay đổi của chi thường xuyên ngân sách tỉnh hàng năm cho GDĐT và Y tế, dân số so với % thay đổi của tổng chi thường xuyên trong Dự thảo trình 2021 với Dự toán 2020

	Giáo dục đào tạo	Y tế và Dân số
Mức tăng nhanh (hoặc giảm ít hơn)	26 (41.27%)	19 (30.16%)
Không thay đổi	1 (1.59%)	1 (1.59%)
Mức tăng thấp hơn (hoặc giảm mạnh hơn)	21 (33.33%)	26 (41.27%)
Không có số liệu chi tiết	6 (9.52%)	8 (12.70%)

Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020

Tài liệu dự toán đã được quyết định

Đối với tài liệu dự toán năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, có 27 tỉnh (42,86%) có mức chi thường xuyên ngân sách tỉnh cho GDĐT và 25 tỉnh (39,68%) có mức chi thường xuyên ngân sách tỉnh cho y tế, dân số tăng nhanh (hoặc giảm ít hơn) so với mức tăng/giảm tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh trong dự toán được duyệt năm 2020.

Bảng 6: So sánh % Thay đổi của chi thường xuyên ngân sách tỉnh hàng năm cho GDĐT và Y tế, dân số so với % thay đổi tổng chi thường xuyên trong Dự toán 2021 với Dự toán 2020

	Giáo dục đào tạo	Y tế và Dân số
Mức tăng nhanh (hoặc giảm ít hơn)	27 (42.86%)	25 (39.68%)
Không thay đổi	0 (0.00%)	0 (0.00%)
Mức tăng thấp hơn (hoặc giảm mạnh hơn)	26 (41.27%)	27 (42.86%)
Không có số liệu chi tiết	7 (11.11%)	8 (12.70%)

Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020

Chênh lệch giữa dự toán và quyết toán 2019

Nhóm nghiên cứu so sánh mức độ chênh lệch giữa số dự toán và quyết toán năm 2019 đối với các khoản mục (i) Quyết toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp của tỉnh (ii) Quyết toán chi cân đối ngân sách địa phương (iii) Quyết toán chi đầu tư phát triển; và (iv) Quyết toán chi thường xuyên. Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy việc lập dự toán ngân sách của các tỉnh năm 2019 chưa đảm bảo tin cậy cho quá trình thực hiện thực tế. Đặc biệt là đối với dự toán thu ngân sách, chỉ có 9 tỉnh có mức chênh lệch giữa số dự toán và số quyết toán dưới 5% trong khi có tới 35 tỉnh có mức chêch lệch trên 15%. Tương tự như vậy, đối với dự toán chi đầu tư phát triển cũng chỉ có 8 tỉnh có mức chênh lệch dưới 5% và 35 tỉnh có mức chênh lệch trên 15%. Chi tiết xem tại bảng 7:

Bảng 7: Chênh lệch giữa số dự toán và quyết toán ngân sách 2019

Nội dung	Chênh lệch			
	Dưới 5%	Từ 5-10%	Từ 10-15%	Hơn 15%
Dự toán thu ngân sách	9 (14.29%)	8 (12.70%)	7 (11.11%)	35 (55.56%)
Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	19 (30.19%)	10 (15.87%)	7 (11.11%)	23 (36.51%)
Dự toán chi đầu tư phát triển	8 (12.70%)	5 (7.94%)	11 (17.46%)	35 (55.56%)
Dự toán chi thường xuyên	25 (39.68%)	17 (26.98%)	10 (15.87%)	7 (11.11%)

Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020

Tính liên tục của các tài liệu ngân sách

POBI 2020 là năm đầu tiên nhóm nghiên cứu thực hiện việc chấm điểm tính liên tục của các tài liệu được công khai bao gồm dự thảo dự toán trình HĐND tỉnh, dự toán đã được duyệt và quyết toán ngân sách. Tỉnh sẽ được điểm tối đa nếu công khai liên tục các tài liệu dự thảo trình, dự toán được duyệt trong ba năm 2019, 2020 và 2021, đối với tài liệu quyết toán là các năm 2017, 2018 và 2019. Kết quả khảo sát cho thấy có 49 tỉnh (77,78%) công bố tài liệu dự thảo trình liên tục trong ba năm, 52 tỉnh (82,54%) công bố tài liệu dự toán đã được duyệt liên tục trong ba năm và 51 tỉnh (80,95%) công bố báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh liên tục trong ba năm. Sóc Trăng và Kon Tum là hai tỉnh không công bố tài liệu dự thảo trình trong ba năm liên tiếp.

Bảng 8: Mức độ liên tục của các tài liệu ngân sách

Nội dung	Mức độ liên tục			
	Công khai liên tục trong 03 năm	Công khai trong 02 năm	Công khai trong 01 năm	Không công khai trong 03 năm gần nhất
Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh	49 (77.78%)	7 (11.11%)	5 (7.94%)	2 (3.17%)
Dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh quyết định	52 (82.54%)	8 (12.70%)	3 (4.76%)	0 (0.00%)
Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh	51 (80.95%)	7 (11.11%)	5 (7.94%)	0 (0.00%)

Ghi chú: Đối với tài liệu Dự thảo và Dự toán, tính liên tục được xét trong 03 năm 2019, 2020 và 2021, riêng tài liệu Quyết toán, tính liên tục được xét trong 03 năm 2017, 2018 và 2019.

Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020

Các tài liệu ngân sách không tính điểm

Có 05 tài liệu ngân sách không tính điểm trong POBI 2020 nhưng khuyến khích các tỉnh công khai gồm có: (i) Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2021, (ii) Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019, (iii) Báo cáo tài chính của tỉnh, (iv) Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023, và (v) Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

Tổng điểm cho các tài liệu khuyến khích công khai trong POBI 2020 là 500 điểm. Không có tỉnh nào đạt điểm tối đa đối với nhóm tài liệu khuyến khích công khai. Quảng Nam, Bà Rịa-Vũng Tàu và Lạng Sơn là ba tỉnh công bố nhiều nhất với 4/5 loại tài liệu khuyến khích công khai.

Trong số các tài liệu không tính điểm, tài liệu được các tỉnh công khai nhiều nhất đó là Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025 với 31 tỉnh có công bố. Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023 có 27 tỉnh công bố, tài liệu Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2021 có 24 tỉnh công bố, 16 tỉnh có công bố Báo cáo tài chính của tỉnh và chỉ có 02 tỉnh có công bố kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước trong ít nhất một năm 2017, 2018 hoặc 2019.

II. XẾP HẠNG VỀ SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN

Kết quả khảo sát POBI 2020 về mức độ tham gia của người dân cho thấy nhìn chung các tỉnh vẫn ÍT tạo điều kiện để người dân tham gia vào quy trình ngân sách. Số điểm quy đổi trung bình của 63 tỉnh thành phố là 39.25 điểm, gần như không có sự cải thiện so với năm 2019 (38,02 điểm). Đà Nẵng là địa phương đạt điểm số cao nhất với 81,82 điểm quy đổi. Thanh Hoá là tỉnh có số điểm về sự tham gia của người dân thấp nhất cả nước (4,55 điểm).

Theo Điểm m khoản 1 Điều 17 Luật Tiếp cận Thông tin và Điểm a khoản 1 điều 27 Luật Công nghệ Thông tin 2017 thì địa chỉ email được công khai trên cổng TTĐT của Sở Tài chính được sử dụng để trao đổi, cung cấp thông tin với cá nhân và tổ chức. Có 14 trong số 63 tỉnh/thành phố phản hồi các câu hỏi yêu cầu cung cấp thông tin của nhóm nghiên cứu gửi qua email liên hệ được công khai trên cổng tin điện tử của Sở Tài chính. Trong đó, có 11 phản hồi được nhận trong vòng 15 ngày kể từ ngày gửi và 3 phản hồi được nhận trong vòng 16 đến 30 ngày kể từ ngày gửi.

Trong số 63 tỉnh, thành phố, có 28 Sở Tài chính tỉnh không phản hồi và có 21 tỉnh không gửi được email theo địa chỉ email được công khai trên cổng TTĐT. Phản hồi của các Sở Tài chính cho thấy các địa chỉ email được công khai trên cổng TTĐT chỉ được sử dụng để trao đổi thông tin nội bộ giữa các cơ quan quản lý nhà nước, không tiếp nhận hoặc xử lý các email không thuộc hệ thống email công vụ (email có đuôi gov.vn).

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy chỉ có 25 trên tổng số 63 tỉnh có công khai quy chế cung cấp thông tin cho người dân và có 16 tỉnh/thành phố có cổng TTĐT của Sở Tài chính, UBND hay HĐND có các liên kết với các kênh mạng xã hội như Facebook, Zalo của tỉnh.

Khảo sát POBI 2020 cũng tiến hành chấm điểm đối với các tài liệu phục vụ kỳ họp hội đồng nhân dân (HĐND) trên cổng TTĐT của tỉnh. Trong số các tài liệu thuộc nhóm này, Báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh (bao gồm cả báo cáo thẩm tra quyết toán 2019 và dự thảo dự toán 2021) và Báo cáo tổng hợp kết quả tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND tỉnh năm 2020 là hai tài liệu được công khai nhiều nhất với 29 tỉnh có công khai, tương đương với 46.03%. Báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) tỉnh có 24 tỉnh công khai, tương đương với 38.09%. Trong khi đó, chỉ có 18 tỉnh (28.57%) công khai Biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021 (kỳ họp tháng 12/2020).

III. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy đã có sự cải thiện về điểm xếp hạng so với năm 2019, nhưng mức độ cải thiện là không đáng kể. Điểm bình quân POBI 2020 là 69,09 điểm. Mặc dù có thay đổi về tỉnh đứng đầu bảng xếp hạng so với năm 2019 tuy nhiên nhóm các tỉnh có thành tích tốt trong các năm trước đây vẫn tiếp tục duy trì vị trí top đầu trong bảng xếp hạng. Dựa trên kết quả xếp hạng POBI 2020, nhóm nghiên cứu đưa ra một số khuyến nghị chính sách như sau:

Về tính sẵn có

Kết quả POBI 2020 cho thấy sự cải thiện về tính sẵn có của các tài liệu ngân sách bắt buộc phải công khai. Tuy nhiên, Báo cáo ngân sách nhà nước dành cho công dân và Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh vẫn có tỉ lệ công khai tương đối thấp, thậm chí còn giảm nhẹ đối với tài liệu về nợ công của tỉnh. Do đó, nhóm nghiên cứu tiếp tục khuyến nghị các địa phương cần công bố công khai hai loại tài liệu này để đảm bảo việc công khai được minh bạch hơn và rõ ràng hơn. Năm 2020 cũng là năm đầu tiên thực hiện việc chấm điểm công khai tài liệu về Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019 và chỉ có 20 tỉnh có công bố tài liệu này. Nhóm nghiên cứu đề nghị các địa phương đã được cơ quan kiểm toán nhà nước tiến hành kiểm toán và ra kết luận cần công khai kết quả thực hiện trên các cổng TTĐT của tỉnh.

Về tính kịp thời

Mặc dù các tỉnh đã chủ động hơn trong việc công bố kịp thời các loại tài liệu theo đúng quy định của Luật NSNN 2015 và Thông tư 343/2016/TT-BTC nhưng vẫn còn khoảng trên 20% số tỉnh chưa thực hiện đúng theo quy định, tức công bố chậm hơn so với thời hạn. Điều này không những ảnh hưởng tới kết quả xếp hạng công khai của tỉnh mà còn ảnh hưởng tới việc tiếp cận thông tin kịp thời của người dân. Do đó nhóm nghiên cứu đề nghị các tỉnh đã làm tốt cần làm tốt hơn nữa, các tỉnh chưa làm tốt cần thực hiện đúng và đầy đủ việc công khai kịp thời các thông tin ngân sách. Đặc biệt, cần bổ sung thông tin về thời điểm công bố thông tin trên các trang TTĐT của tỉnh, bằng hình thức tự động trên trang TTĐT và có thể kiểm chứng được, hạn chế việc điền thông tin về thời điểm công bố một cách thủ công.

Về tính đầy đủ

Ngoài việc công khai đầy đủ số lượng các bảng biểu của từng loại tài liệu, các địa phương cần công khai chính xác theo đúng biểu mẫu được hướng dẫn tại Thông tư 343/2016/TT-BTC. Kết quả chấm POBI 2020 cho thấy vẫn còn có địa phương công bố

thông tin không theo biểu mẫu của Thông tư 343. Nội dung các bảng biểu cũng cần được công bố chi tiết và đầy đủ. Đối với những thông tin ngân sách mà địa phương không tiến hành lập dự toán do không phát sinh trong kỳ hoặc chưa được giao dự toán vẫn cần được thể hiện đầy đủ trong các bảng biểu công khai theo mẫu của Thông tư 343 (được thể hiện bằng cách ghi số "0" tương ứng với dòng ngân sách.

Về tính thuận tiện

Kết quả chấm POBI 2020 cho thấy sự tiến bộ vượt bậc về tính thuận tiện khi mà 100% số tỉnh có thư mục công khai ngân sách và đa số các tỉnh công bố tài liệu dưới dạng word/excel dễ dàng sử dụng và chuyển đổi. Tuy nhiên, việc sắp xếp các tài liệu ngân sách trong các thư mục vẫn chưa thực sự thuận tiện khi mà vẫn có tỉnh mặc dù có thư mục rõ ràng về tài liệu ngân sách nhưng tài liệu thực tế lại được công bố ở một thư mục khác, gây khó khăn cho việc tiếp cận và tìm kiếm thông tin. Do đó, tài liệu nào cần phải được để đúng và chính xác trong thư mục đó, kể cả đối với các tài liệu khuyến khích công khai.

Về tính tin cậy

Kết quả chấm POBI 2020 cho thấy đa số các tỉnh có mức tăng hoặc giảm của chi thường xuyên cho GDĐT và y tế, dân số chậm hoặc nhanh hơn so với mức tăng/giảm của tổng chi thường xuyên. Điều này cho thấy các địa phương vẫn chưa chú trọng trong việc đầu tư cho các hoạt động liên quan đến GDĐT, y tế và dân số. Do đó, việc lập dự toán trong các năm tiếp theo cần chú trọng tới các chỉ tiêu này. Đối với dự toán thu ngân sách và dự toán chi đầu tư phát triển trong quyết toán ngân sách năm 2019, mức độ tin cậy rất thấp, lần lượt chỉ đạt 9% và 8% do đó, việc lên kế hoạch lập dự toán cần được tính toán và xem xét một cách kĩ lưỡng và cẩn trọng để đảm bảo mức chênh lệch giữa số dự toán và số quyết toán không nhiều hơn quá 5%.

Về tính liên tục

Đây là năm đầu tiên thực hiện khảo sát về tính liên tục của các tài liệu được công khai. Mặc dù kết quả khảo sát khá tích cực tuy nhiên vẫn còn có những địa phương không công khai bất kì tài liệu nào trong ba năm gần nhất. Việc duy trì công khai các tài liệu ngân sách của các năm trước đó là rất cần thiết, không những phục vụ cho việc tìm kiếm thông tin mà còn sử dụng cho việc kiểm chứng về tính tin cậy của các thông tin ngân sách. Do đó, sẽ là cần thiết để các tỉnh duy trì việc công khai liên tục tài liệu ngân sách qua các năm, tối thiểu là trong vòng ba năm gần nhất.

Về sự tham gia

Sự tham gia của người dân đóng vai trò rất quan trọng trong tiến trình ngân sách. Tuy nhiên, kết quả chấm POBI 2020 chưa cho thấy sự cải thiện đáng kể về sự tham gia của người dân. Việc tiếp nhận và phản hồi của các cơ quan quản lý nhà nước về ngân sách cấp tỉnh còn chậm và hạn chế do đó các tỉnh cần chủ động hơn trong việc tiếp nhận và phản hồi các câu hỏi, thắc mắc của người dân. Quy định, quy chế về cung cấp thông tin cũng cần được công bố công khai và tạo thuận lợi cho việc tìm kiếm các quy định này. Kết quả chấm POBI 2020 cho thấy chỉ có 25 trên tổng số 63 tỉnh có công khai quy chế/quy trình cung cấp thông tin cho người dân. Ngoài ra, có 16 tỉnh/thành phố đã sử dụng các kênh mạng xã hội như Facebook, Zalo để dễ dàng hơn trong việc tương tác với người dân, thiết nghĩ việc làm này nên được nhận rộng ra các địa phương còn lại trên cả nước.

PHẦN 2
KẾT QUẢ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH POBI 2020

CHƯƠNG I. XẾP HẠNG CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH

Chương này sẽ trình bày tổng hợp kết quả khảo sát POBI 2020 theo xếp hạng từ số điểm đạt được của các tỉnh. Các xếp hạng được thực hiện theo mức độ công khai gồm ĐẦY ĐỦ, TƯƠNG ĐỐI, CHƯA ĐẦY ĐỦ và ÍT. Ngoài ra, xếp hạng các tỉnh theo vùng địa lý cũng sẽ được thực hiện để thấy được sự khác nhau giữa các vùng miền. Nội dung này sẽ cung cấp bức tranh chung về thực trạng công khai ngân sách của 63 tỉnh, thành phố của Việt Nam trong năm 2020.

1. XẾP HẠNG CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH 2020

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy điểm chỉ số trung bình về công khai ngân sách tỉnh đạt **69,09 điểm** trên tổng số 100 điểm quy đổi xếp hạng. So với kết quả năm 2019, điểm trung bình chỉ số POBI 2020 chỉ **tăng 3,54 điểm**. Tuy nhiên, kết quả xếp hạng về chỉ số công khai ngân sách tỉnh năm 2020 cho thấy có 27 tỉnh được xếp vào nhóm A, nhóm những tỉnh có mức điểm chấm POBI cao nhất từ 75 – 100 điểm và 29 tỉnh thuộc nhóm B. Điều này cho thấy có tới 56 tỉnh đứng trên xếp hạng trung bình (trên 50 điểm) - TƯƠNG ĐỐI công khai minh bạch, tăng 4 tỉnh so với năm 2019. Kết quả cụ thể như sau:

Nhóm A – công khai ĐẦY ĐỦ, nhóm những tỉnh có mức điểm cao nhất từ 75 – 100 điểm, có 27 tỉnh bao gồm: Vĩnh Long, Đà Nẵng, Bà Rịa – Vũng Tàu, Hải Dương, Cao Bằng, Điện Biên, Bình Định, Bến Tre, Ninh Bình, Bình Dương, Tây Ninh, Tuyên Quang, Hà Nội, Hoà Bình, Nghệ An, Lạng Sơn, Quảng Nam, Vĩnh Phúc, Quảng Trị, Trà Vinh, Lai Châu, Quảng Ngãi, Cà Mau, Sơn La, Ninh Thuận, Yên Bái và Bắc Ninh.

Nhóm B – công khai TƯƠNG ĐỐI, bao gồm 29 tỉnh, là những tỉnh có điểm POBI quy đổi từ 50 – dưới 75 điểm. Nhóm này bao gồm: Hưng Yên, An Giang, Phú Thọ, Bắc Giang, Bắc Kạn, Gia Lai, Thái Bình, Lâm Đồng, Hà Giang, Hậu Giang, Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bạc Liêu, Lào Cai, Kiên Giang, Hải Phòng, Khánh Hoà, Nam Định, Thái Nguyên, Quảng Ninh, Hà Nam, Đắk Nông, Kon Tum, Long An, Bình Thuận, Tiền Giang, Phú Yên, Thừa Thiên Huế và Cần Thơ.

Nhóm C - công khai CHƯA ĐẦY ĐỦ, bao gồm 05 tỉnh, là những tỉnh có điểm POBI quy đổi từ 25 – dưới 50 điểm. Nhóm này bao gồm: Đồng Tháp, Thanh Hoá, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Sóc Trăng.

Nhóm cuối cùng là nhóm D- ÍT công khai, gồm 02 tỉnh, là những tỉnh có điểm POBI quy đổi từ 0 – dưới 25 điểm, bao gồm: Đắk Lắk và Bình Phước.

Vĩnh Long, Đà Nẵng và Bà Rịa-Vũng Tàu và Hải Dương là những tỉnh tiếp tục duy trì vị trí top đầu trong bảng xếp hạng POBI 2020. Vĩnh Long là tỉnh có điểm xếp hạng cao nhất năm 2020 đạt 93,68 điểm. Nếu như năm 2019, Quảng Nam là tỉnh đứng đầu bảng xếp hạng thì năm 2020, Quảng Nam đã tụt xuống vị trí thứ 17, nhưng vẫn thuộc nhóm tỉnh công khai đầy đủ thông tin về ngân sách (nhóm A).

Hoà Bình và Lạng Sơn là hai tỉnh có điểm số POBI 2020 cải thiện tích cực nhất so với năm 2019. Nếu như năm 2019, Hoà Bình và Lạng Sơn thuộc nhóm công khai ÍT nhất (nhóm D) lần lượt đứng thứ 63 và 61 trong bảng xếp hạng POBI 2019 thì năm 2020, Hoà Bình và Lạng Sơn đã bứt phá lên nhóm đầu (nhóm A) về công khai thông tin ngân sách, lần lượt xếp thứ 14 và 16 trong bảng xếp hạng công khai ngân sách POBI 2020.

Hình 2: Kết quả xếp hạng chỉ số công khai ngân sách tỉnh POBI 2020

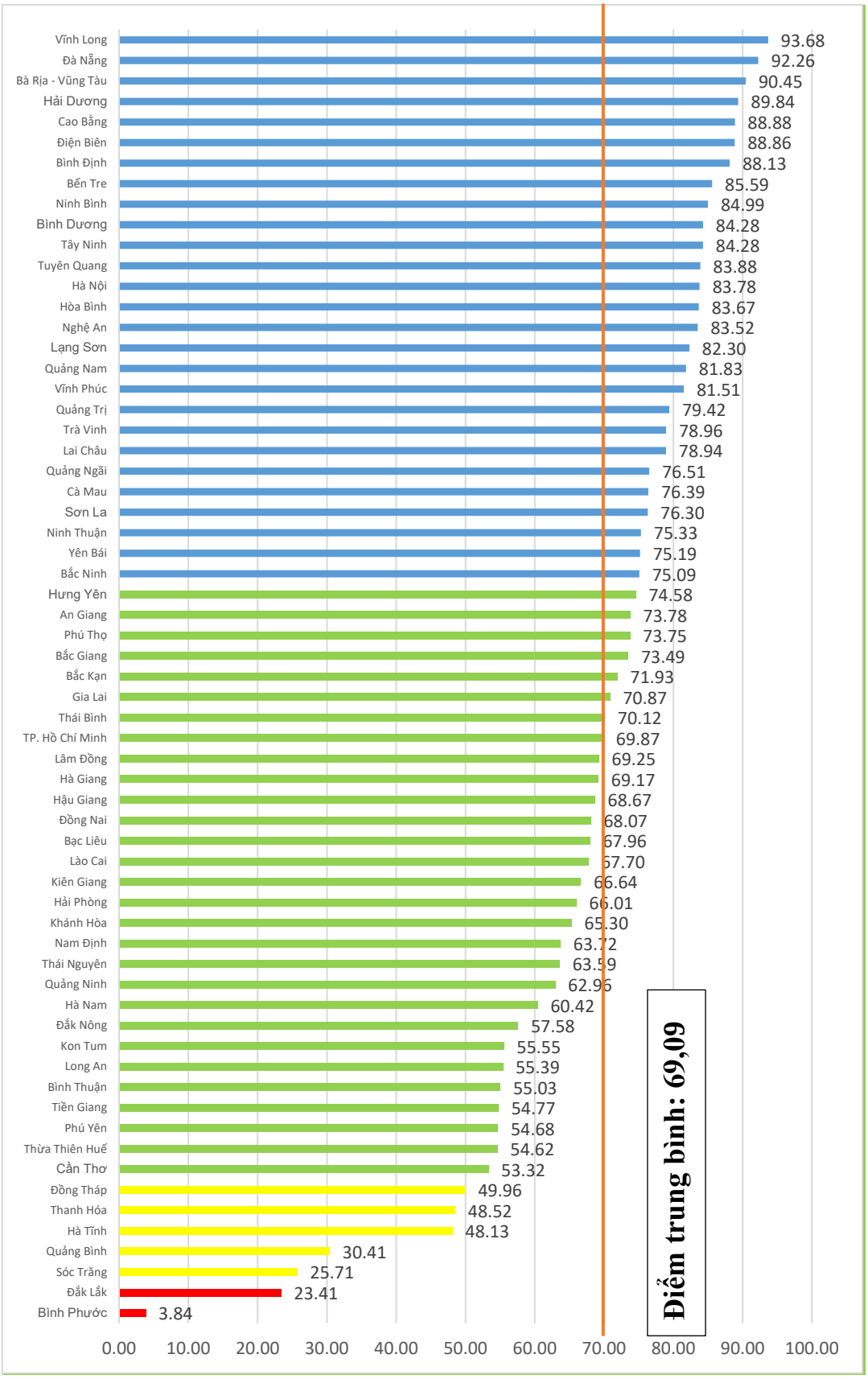

Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020

Hình 3: Phân loại xếp hạng chỉ số công khai ngân sách tỉnh POBI 2020

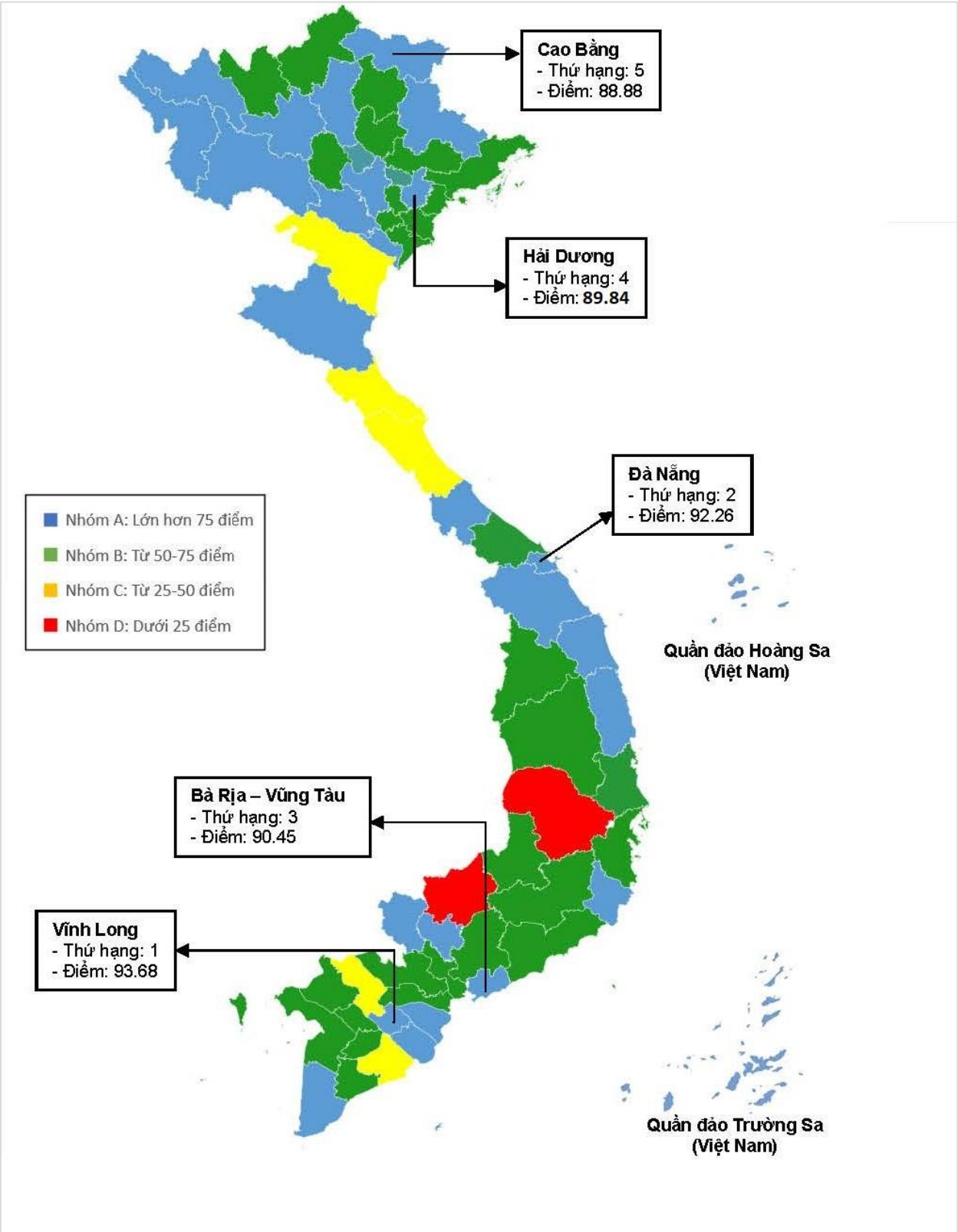

Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020

2. XẾP HẠNG CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH THEO VÙNG ĐỊA LÝ

Xếp theo 7 vùng địa lý trên cả nước, Cao Bằng (88,88 điểm), Hải Dương (89,84 điểm), Nghệ An (83.52 điểm), Đà Nẵng (92,26 điểm), Gia Lai (70,87 điểm), Bà Rịa - Vũng Tàu (90.45 điểm), và Vĩnh Long (93,68 điểm) là các tỉnh có số điểm POBI đứng đầu mỗi vùng.

Bảng 9: Xếp hạng công khai ngân sách tỉnh POBI 2020 theo 7 vùng địa lý

Vùng	Trung du v miền núi Bắc bộ		ĐBSH		Bắc Trung bộ		Duyên hải Nam trung bộ	
STT	Tỉnh	Điểm	Tỉnh	Điểm	Tỉnh	Điểm	Tỉnh	Điểm
1	Cao Bằng	88.88	Hải Dương	89.84	Nghệ An	83.52	Đà Nẵng	92.26
2	Điện Biên	88.86	Ninh Bình	84.99	Quảng Trị	79.42	Bình Định	88.13
3	Tuyên Quang	83.88	Hà Nội	83.78	Thừa Thiên Huế	54.62	Quảng Nam	81.83
4	Hòa Bình	83.67	Vĩnh Phúc	81.51	Thanh Hóa	48.52	Quảng Ngãi	76.51
5	Lạng Sơn	82.3	Bắc Ninh	75.09	Hà Tĩnh	48.13	Ninh Thuận	75.33
6	Lai Châu	78.94	Hưng Yên	74.58	Quảng Bình	30.41	Khánh Hòa	65.3
7	Sơn La	76.3	Thái Bình	70.12			Bình Thuận	55.03
8	Yên Bái	75.19	Hải Phòng	66.01			Phú Yên	54.68
9	Phú Thọ	73.75	Nam Định	63.72				
10	Bắc Giang	73.49	Quảng Ninh	62.96				
11	Bắc Kạn	71.93	Hà Nam	60.42				
12	Hà Giang	69.17						
13	Lào Cai	67.7						
14	Thái Nguyên	63.59						
Vùng	**Tây Nguyên**		**Đông Nam Bộ**		**ĐBSCL**			
STT	**Tỉnh**	**Điểm**	**Tỉnh**	**Điểm**	**Tỉnh**	**Điểm**		
1	Gia Lai	70.87	Bà Rịa - Vũng Tàu	90.45	Vĩnh Long	93.68		
2	Lâm Đồng	69.25	Tây Ninh	84.28	Bến Tre	85.59		
3	Đắk Nông	57.58	Bình Dương	84.28	Trà Vinh	78.96		
4	Kon Tum	55.55	TP. Hồ Chí Minh	69.87	Cà Mau	76.39		
5	Đắk Lắk	23.41	Đồng Nai	68.07	An Giang	73.78		
6			Bình Phước	3.84	Hậu Giang	68.67		
7					Bạc Liêu	67.96		
8					Kiên Giang	66.64		
9					Long An	55.39		
10					Tiền Giang	54.77		
11					Cần Thơ	53.32		
12					Đồng Tháp	49.96		
13					Sóc Trăng	25.71		

Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020

Trung du và miền núi Bắc bộ là vùng có điểm POBI trung bình cao nhất cả nước năm 2020, đạt 76,98 điểm. Đây cũng là vùng có sự cải thiện đáng kể nhất về điểm POBI trung bình của các tỉnh trong suốt giai đoạn 2017-2020. Các vùng cũng có sự cải thiện tích cực về điểm POBI còn có Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ. Các vùng có điểm POBI trung bình năm 2020 giảm so với năm 2019 gồm có Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ.

Hình 4: Kết quả chấm POBI trung bình theo 7 vùng địa lý, 2017-2020

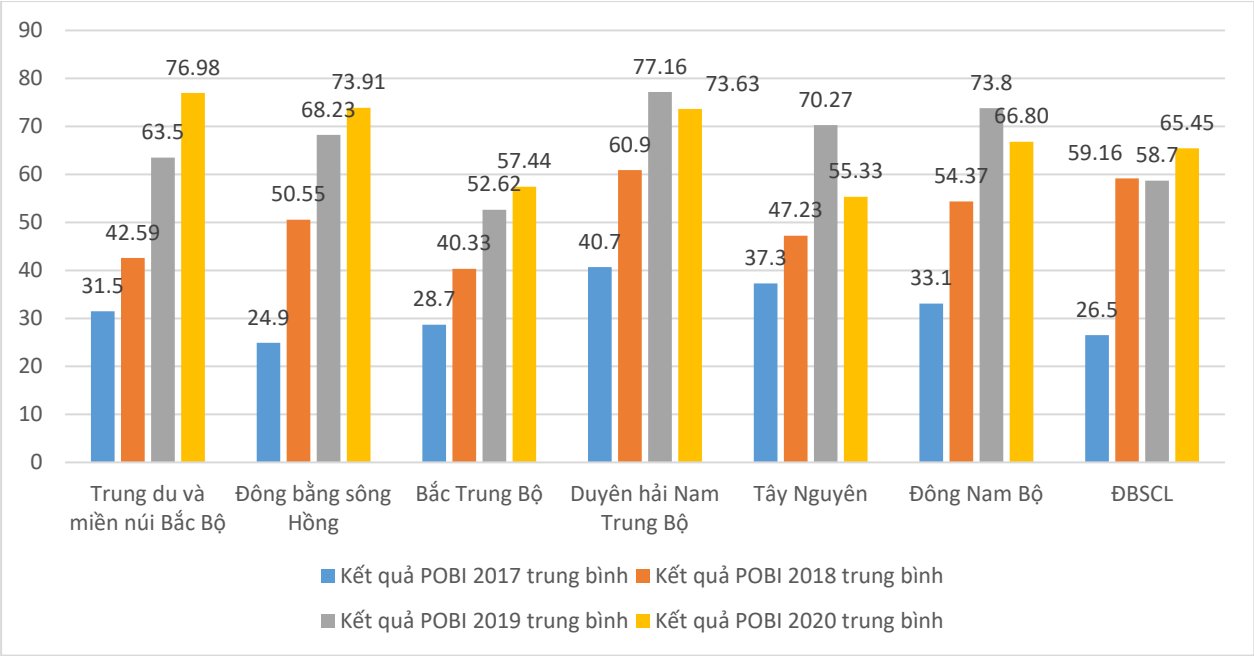

Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2017-2020

CHƯƠNG II. XẾP HẠNG VỀ SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN VÀO QUÁ TRÌNH CÔNG KHAI NGÂN SÁCH

Đây là năm thứ ba khảo sát POBI đưa tiêu chí về sự tham gia của người dân trong chu trình ngân sách địa phương vào nội dung khảo sát. Các nội dung đánh giá bao gồm việc Sở Tài chính các tỉnh có phương thức giao tiếp, trao đổi với người dân trên cổng thông tin điện tử về vấn đề ngân sách và các ý kiến, kiến nghị của cử tri về vấn đề ngân sách được HĐND, MTTQ tỉnh tổng hợp và công khai trên cổng thông tin điện tử. Kết quả khảo sát POBI 2020 về mức độ tham gia của người dân cho thấy nhìn chung các tỉnh vẫn ÍT tạo điều kiện để người dân tham gia vào quy trình ngân sách. Số điểm quy đổi trung bình của 63 tỉnh thành phố là 39,25 điểm, gần như không có sự cải thiện so với năm 2019 (38,01 điểm). Đà Nẵng là địa phương đạt điểm số cao nhất với 81,82 điểm quy đổi. Thanh Hoá là tỉnh có số điểm về sự tham gia của người dân thấp nhất cả nước (4,55 điểm).

Có 14 trong số 63 tỉnh/thành phố phản hồi các câu hỏi yêu cầu cung cấp thông tin của nhóm nghiên cứu gửi qua email liên hệ được công khai trên cổng tin điện tử của Sở Tài chính. Trong đó, có 11 phản hồi được nhận trong vòng 15 ngày kể từ ngày gửi và 3 phản hồi được nhận trong vòng 16 đến 30 ngày kể từ ngày gửi.

Trong số 63 tỉnh, thành phố, có 28 Sở Tài chính tỉnh không phản hồi và có 21 tỉnh không gửi được email theo địa chỉ email được công khai trên cổng TTĐT. Phản hồi của các Sở Tài chính cho thấy các địa chỉ email được công khai trên cổng TTĐT chỉ được sử dụng để trao đổi thông tin nội bộ giữa các cơ quan quản lý nhà nước, không tiếp nhận hoặc xử lý các email không thuộc hệ thống email công vụ (email có đuôi gov.vn).

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy chỉ có 25 trên tổng số 63 tỉnh có công khai quy chế cung cấp thông tin cho người dân và có 16 tỉnh/thành phố có cổng TTĐT của Sở Tài chính, UBND hay HĐND có các liên kết với các kênh mạng xã hội như Facebook, Zalo của tỉnh.

Khảo sát POBI 2020 cũng tiến hành chấm điểm đối với các tài liệu phục vụ kỳ họp HĐND trên cổng TTĐT của tỉnh. Trong số các tài liệu thuộc nhóm này, Báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh (bao gồm cả báo cáo thẩm tra quyết toán 2019 và dự thảo dự toán 2021) và Báo cáo tổng hợp kết quả tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND tỉnh năm 2020 là hai tài liệu được công khai nhiều nhất với 29 tỉnh có công khai, tương đương với 46.03%. Báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh có 24 tỉnh công khai, tương đương với 38.09%. Trong khi đó, chỉ có 18 tỉnh (28.57%) công khai Biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách tỉnh năm 2021 (kỳ họp tháng 12/2020).

Hình 5: Xếp hạng về sự tham gia của người dân, 2020

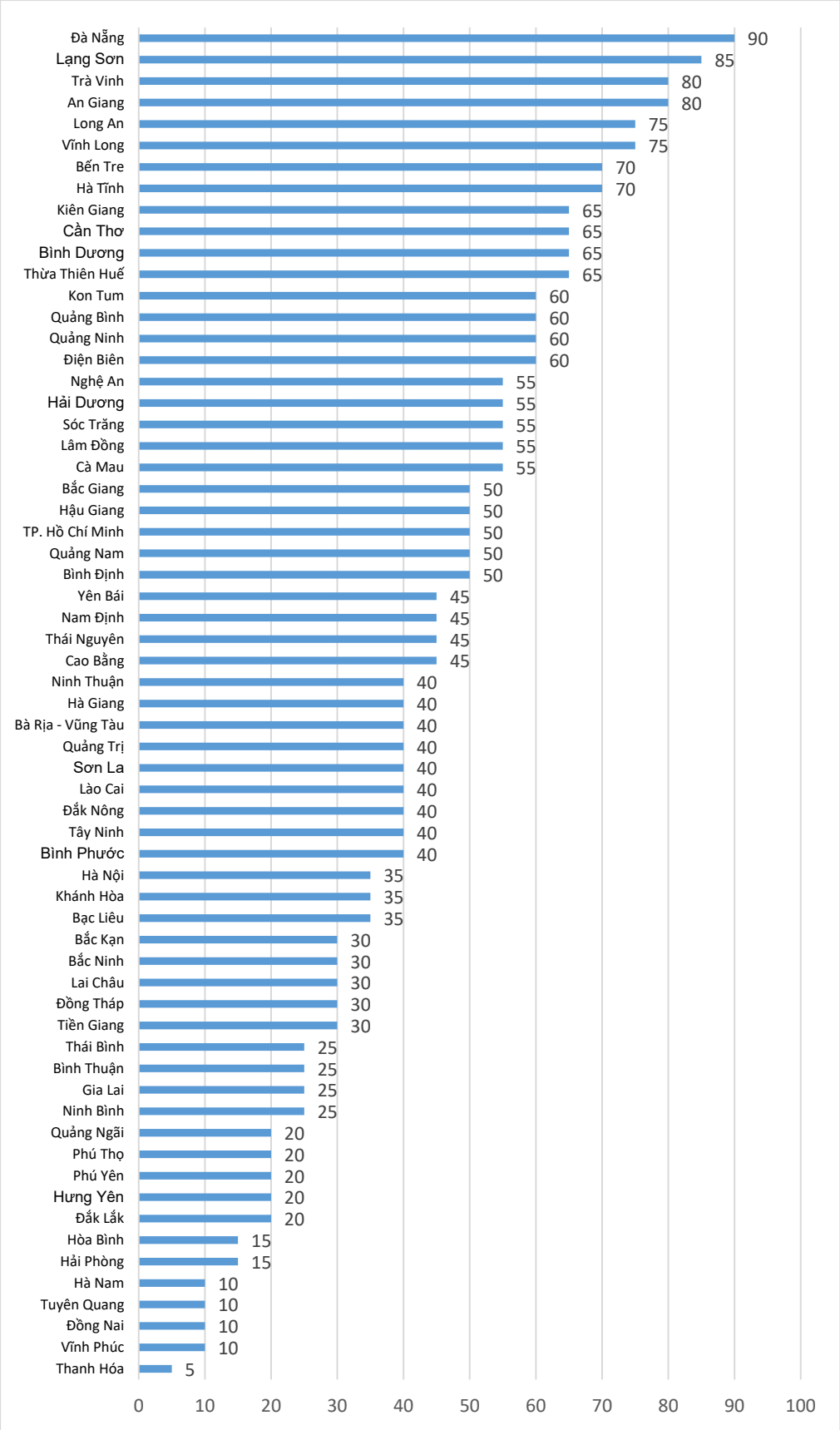

Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020

CHƯƠNG III. TÌNH HÌNH CÔNG KHAI CÁC TÀI LIỆU NGÂN SÁCH

Chương này trình bày kết quả tình hình công khai theo các tài liệu ngân sách theo khảo sát POBI 2020. Nội dung của chương này cho biết mức độ sẵn có, tính kịp thời và tính đầy đủ của từng loại tài liệu ngân sách bắt buộc phải công bố và các tài liệu khuyến khích công bố bao gồm:

1. Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020
6. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn
8. Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2021
9. Danh mục dự án đầu tư công của tỉnh năm 2021
10. Tình hình nợ công của tỉnh năm 2020
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019
12. Các tài liệu không chấm điểm POBI 2020

Đối với các tài liệu khuyến khích công khai (tài liệu không chấm điểm POBI 2020), mặc dù hiện tại các tài liệu này theo Luật NSNN 2015 chưa phải là tài liệu bắt buộc công khai, tuy nhiên đây là những thông lệ quốc tế tốt mà các tỉnh nên thực hiện. Việc công khai các tài liệu này giúp người dân có hiểu biết tốt hơn về tình hình quản lý ngân sách tại địa phương. Các tài liệu này gồm có: (i) Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2021, (ii) Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019, (iii) Báo cáo tài chính của tỉnh, (iv) Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023, và (v) Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

1. DỰ THẢO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2021 TRÌNH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy có 54 tỉnh/thành phố có công khai tài liệu Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh. Số tỉnh công khai tương tự như kết quả của khảo sát POBI 2019. Tổng điểm quy đổi cho tài liệu Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh năm 2021 là 21,74 điểm trong tổng số 100 điểm quy đổi POBI

2020. Kiên Giang, Bà Rịa-Vũng Tàu và Đà Nẵng là 3 tỉnh đứng đầu bảng xếp hạng về công khai tài liệu Dự thảo dự toán với số điểm tối đa cho tài liệu này.

Các tỉnh không công khai tài liệu Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh bao gồm: Sóc Trăng, Kon Tum, Bình Phước, Bình Thuận, Đắk Lắk, Đắk Nông, Khánh Hoà, Phú Yên, Quảng Bình.

Hình 6: Xếp hạng các tỉnh công khai tài liệu Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh

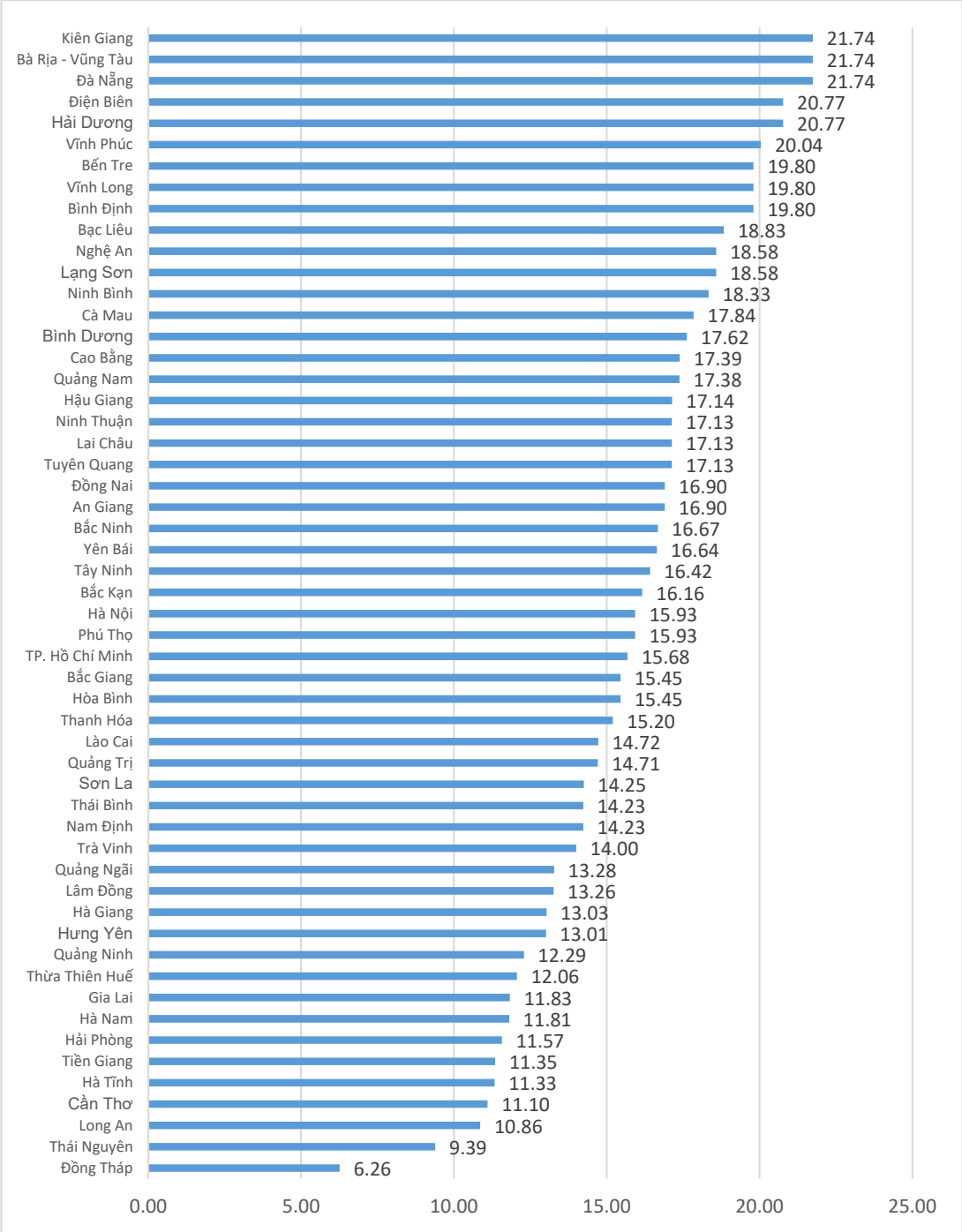

Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020

Về thời điểm công khai Dự thảo dự toán ngân sách năm 2021 trình HĐND, trong số 54 tỉnh có công khai tài liệu này, 47 tỉnh công bố công khai đúng thời gian quy định là trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày UBND tỉnh gửi báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 cho đại biểu HĐND tỉnh (tăng 11 tỉnh so với POBI 2019). Có 5 tỉnh công bố sau 05 ngày và trong khoảng 30 ngày và chỉ có 2 tỉnh công bố sau 30 ngày hoặc không xác định được chính xác thời điểm công bố.

Hình 7: Số tỉnh công bố tài liệu Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, phân theo thời gian công khai

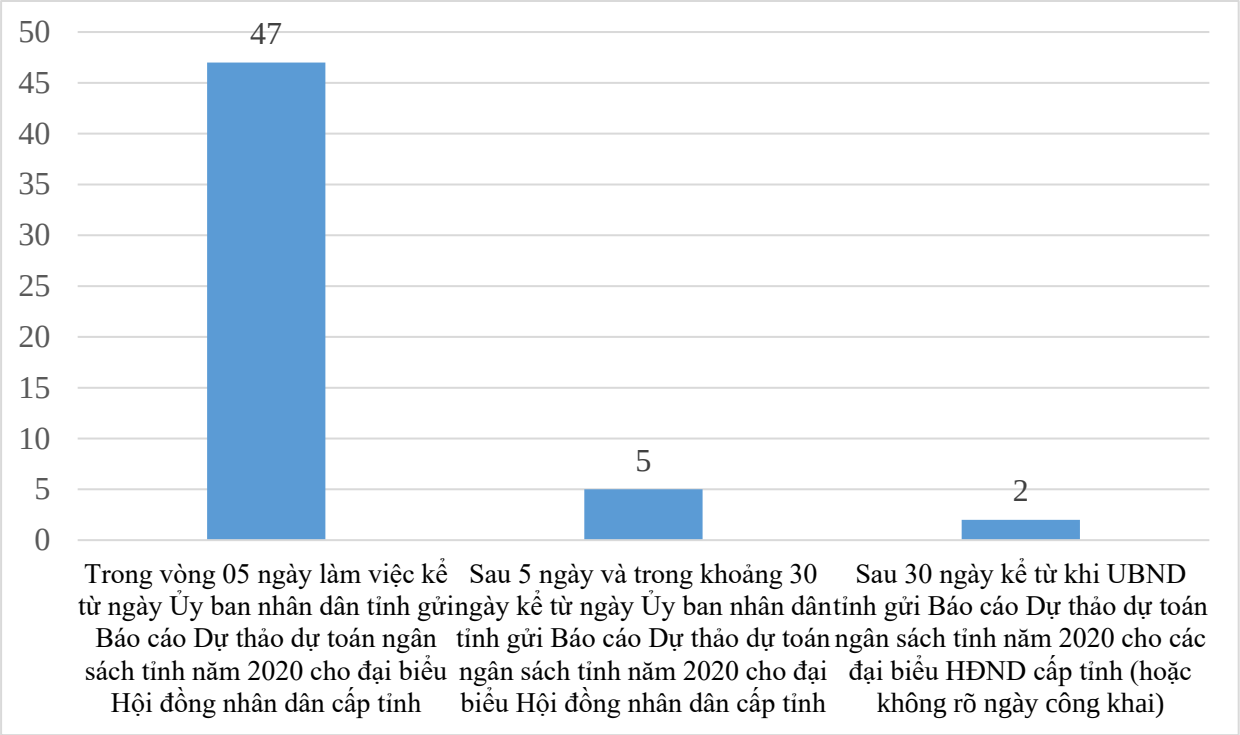

Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020

Theo quy định tại Thông tư 343, tài liệu Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh phải được công khai kèm theo đầy đủ phụ lục 13 bảng biểu bao gồm các biểu từ biểu số 33 đến biểu số 45. Trong số 54 tỉnh có công bố Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2020 trình HĐND tỉnh, có 26 tỉnh (chiếm tỉ lệ 41,26% trong tổng số 63 tỉnh thành) công bố đầy đủ 13 bảng biểu theo quy định của Thông tư 343 (tăng 8 tỉnh so với khảo sát POBI 2019), 23 tỉnh phản ánh 7 đến 12 biểu (chiếm tỉ lệ 36,5% trong tổng số 63 tỉnh thành) và 5 tỉnh (chiếm tỉ lệ 7,9% trong tổng số 63 tỉnh thành) phản ánh dưới 7 biểu hoặc không có phụ lục bảng biểu kèm theo.

Hình 8: Số tỉnh công bố tài liệu Dự thảo toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu

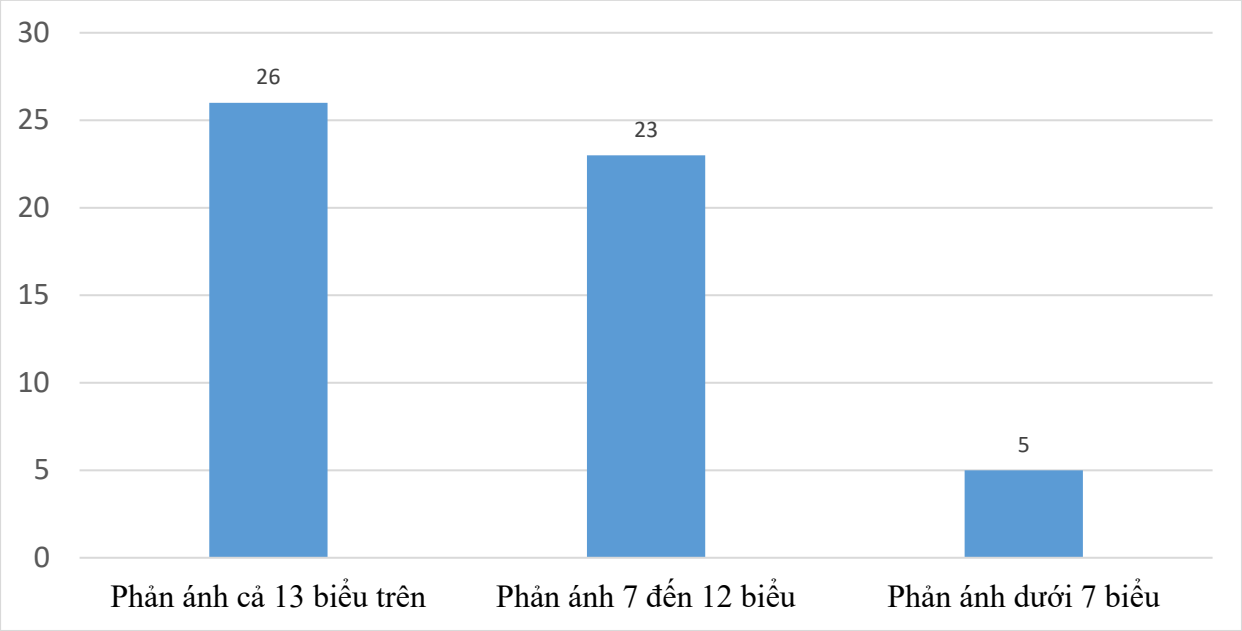

Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020

Trong khảo sát POBI 2020, nhóm nghiên cứu tiếp tục chấm điểm đầy đủ trong việc công khai nội dung các bảng biểu số 33 – Cân đối ngân sách, biểu số 35 – Dự toán thu NSNN và biểu số 39 – Dự toán chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp tỉnh cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực.

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy, đối với biểu số 33, có 44 tỉnh trong tổng số 63 tỉnh phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ theo quy định (tăng 7 tỉnh so với POBI 2019), 3 tỉnh có phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ theo quy định, 5 tỉnh không phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn theo quy định hoặc không phản ánh biểu số 33 trong tài liệu. Đối với các tỉnh có phản ánh biểu 33 nhưng không đầy đủ chủ yếu chỉ phản ánh hai khoản mục chính là mục A - Tổng nguồn thu NSĐP và mục B - Tổng chi NSĐP, thiếu các khoản mục như mục C - Bội chi/Bội thu NSĐP, mục D – Chi trả nợ gốc của NSĐP và mục Đ – Tổng mức vay của NSĐP.

Đối với biểu số 35, chỉ có 23 tỉnh phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (gồm 18 mục nhỏ) và chi tiết theo từng loại thuế. Có 22 tỉnh phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa nhưng không chi tiết theo sắc thuế. Có 7 tỉnh phản ánh các nguồn thu trong thu nội địa nhưng ít hơn 18 mục thu theo quy định. Chỉ có 2 tỉnh không phản ánh nguồn thu cụ thể nào trong nguồn thu nội địa (hoặc không có biểu số 35).

Đối với biểu số 39, chỉ có 29 tỉnh có phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho các lĩnh vực theo quy định. Có 5 tỉnh phản ánh từ 9 đến 11 lĩnh vực, 2 tỉnh chỉ phản ánh dưới từ 5 đến 8 lĩnh vực chi đầu tư và 18 tỉnh không phản ánh cụ thể dự toán chi đầu tư cho bất kỳ lĩnh vực nào (hoặc không có biểu số 39).

POBI 2020 là năm đầu tiên nhóm nghiên cứu bổ sung thêm nội dung đó là so sánh phần trăm thay đổi của chi thường xuyên hàng năm cho GDĐT và y tế, dân số so với phần trăm thay đổi của tổng chi thường xuyên trong Dự thảo trình 2021 với Dự toán được duyệt 2020. Dự thảo trình năm 2021 chỉ đạt tính tin cậy khi chi thường xuyên cho GDĐT và y tế, dân số tăng nhanh hơn hoặc giảm ít hơn mức tăng hoặc mức giảm trong tài liệu dự toán được duyệt năm 2020. Kết quả chỉ có 26 tỉnh (41,27%) có mức chi thường xuyên cho GDĐT và 19 tỉnh (30,16%) có mức chi thường xuyên cho y tế, dân số tăng nhanh (hoặc giảm ít hơn) so với mức tăng/giảm tổng chi thường xuyên trong dự toán được duyệt năm 2020.

2. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2021 ĐÃ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUYẾT ĐỊNH

Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được quyết định là một trong những tài liệu được các tỉnh/thành phố công khai nhiều nhất. Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy có 60 tỉnh có công khai tài liệu này, tăng 02 tỉnh so với khảo sát POBI năm 2019.

Tổng điểm quy đổi cho tài liệu Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định là 18,84 điểm. Kết quả chấm POBI năm 2020 cho thấy có 2 tỉnh thực hiện việc công khai rất tốt tài liệu này là Cao Bằng và Đà Nẵng, đều đạt điểm số tối đa cho tài liệu này. Một số tỉnh có công khai nhưng đạt điểm rất thấp như tỉnh Quảng Bình, Bạc Liêu, Đồng Tháp do không đảm bảo tính đầy đủ về nội dung của bảng biểu đính kèm hoặc chỉ công khai Nghị quyết phê duyệt dự toán năm 2021 của HĐND tỉnh và không kèm theo phụ lục bảng biểu. Bình Phước, Đắk Lắk và Sóc Trăng là ba tỉnh không công khai tài liệu dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định.

Hình 9: Xếp hạng các tỉnh có công khai Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định

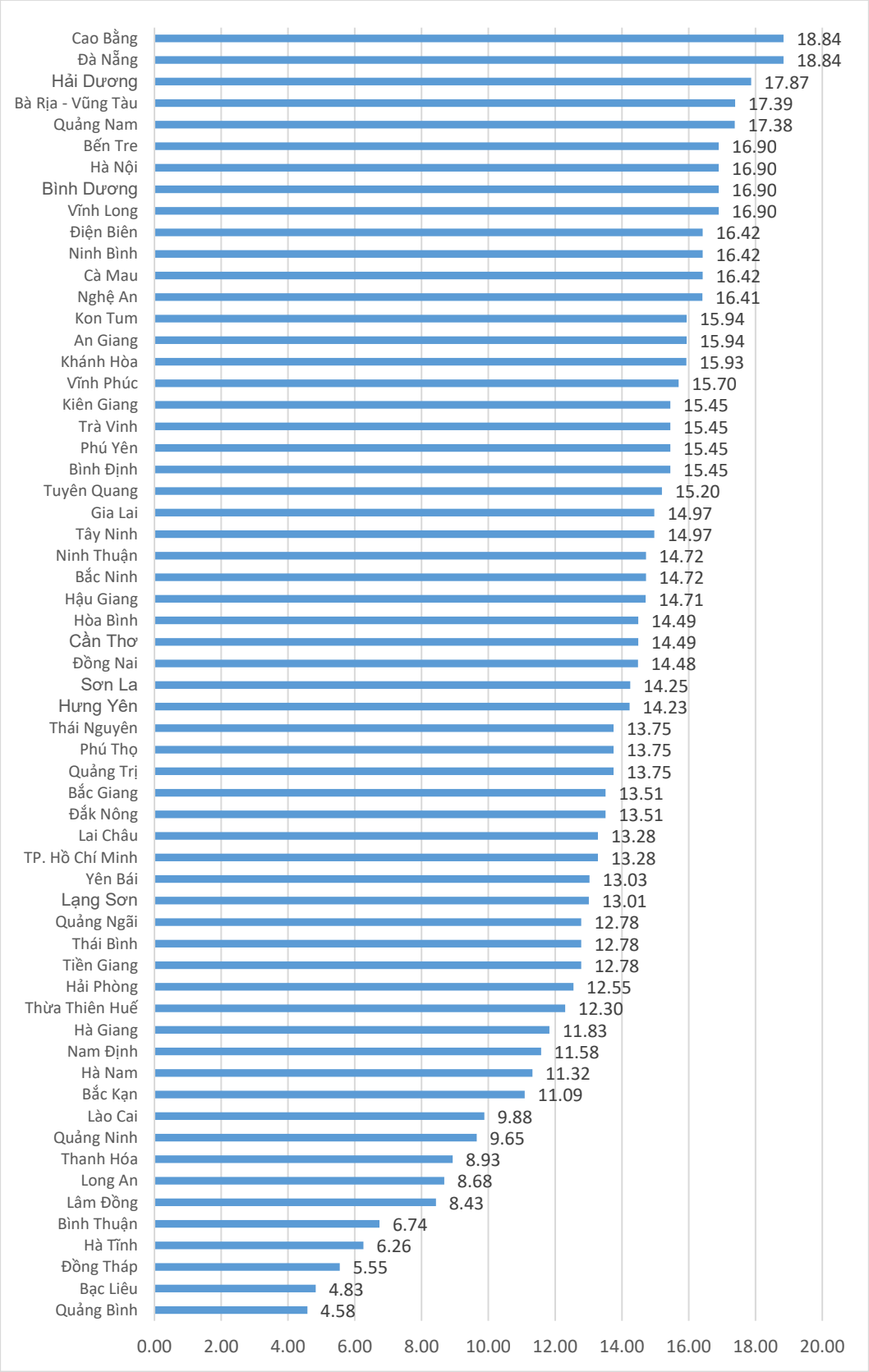

Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020

Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định là loại tài liệu có tỉ lệ các tỉnh công khai đúng thời hạn quy định tương đối cao (49 tỉnh, tăng 14 tỉnh so với kết quả khảo sát POBI 2019). Có 10 tỉnh công khai chậm – tức là trong khoảng từ ngày thứ 31 đến ngày thứ 60. Có 1 tỉnh không xác định được chính xác thời điểm công khai hoặc công khai quá muộn.

Hình 10: Số tỉnh công bố tài liệu Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định phân theo thời gian công khai

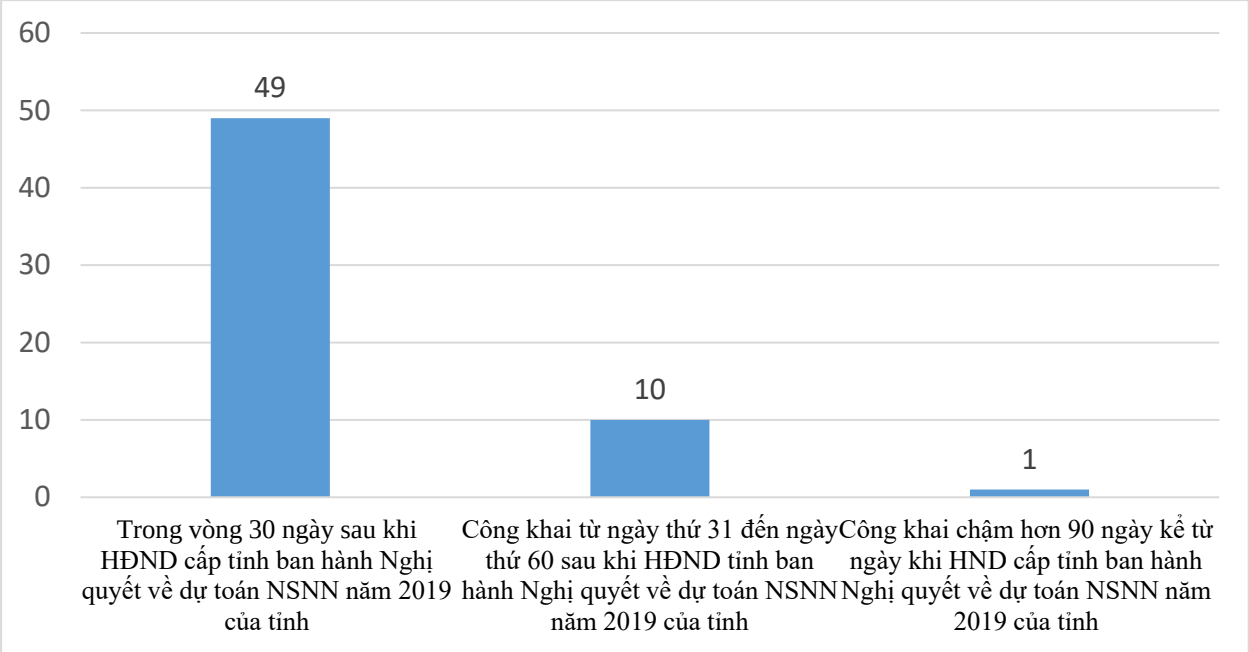

Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020

Trong số 60 tỉnh có công khai Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được quyết định, có 28 tỉnh phản ánh đầy đủ cả 13 biểu theo quy định của Thông tư 343, chiếm tỉ lệ 44,4% trong tổng số 63 tỉnh thành (tăng 01 tỉnh so với khảo sát POBI 2019). Có 27 tỉnh (tương đương 42.86% trong tổng số 63 tỉnh thành) phản ánh từ 7 đến 12 biểu và 5 tỉnh (tương đương 7.93% trong tổng số 63 tỉnh thành) phản ánh dưới 7 biểu hoặc không công khai bảng biểu cùng với Dự toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được phê duyệt.

Hình 11: Số tỉnh công bố tài liệu Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu

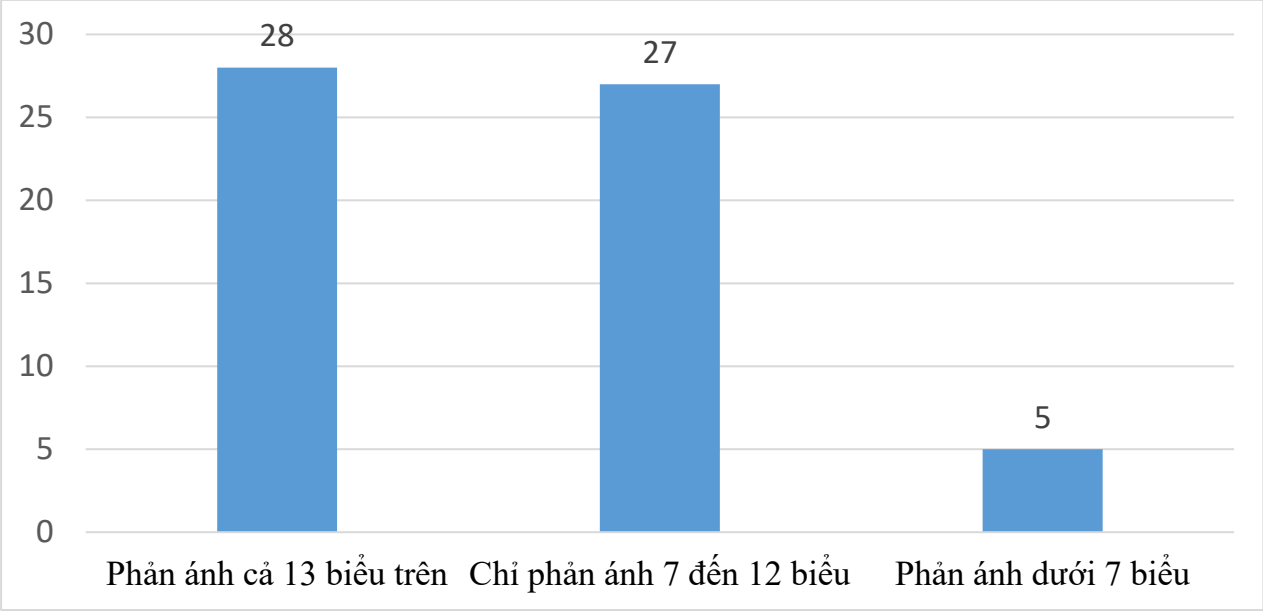

Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020

Theo quy định của Thông tư 343, tài liệu Dự toán ngân sách tỉnh gồm 13 biểu mẫu kèm theo (từ biểu số 46 đến biểu số 58). Trong khảo sát POBI 2020, nhóm nghiên cứu tiếp tục chấm điểm đầy đủ trong việc công khai nội dung các bảng biểu số 46 – Cân đối ngân sách địa phương, biểu số 48 – Dự toán thu NSNN và biểu số 52 – Dự toán chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp tỉnh cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực.

Đối với biểu số 46 – Biểu cân đối ngân sách địa phương, có 47 trong tổng số 63 tỉnh phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ theo quy định (tăng 5 tỉnh so với khảo sát POBI 2019), 4 tỉnh có phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ theo quy định, 9 tỉnh không phản ánh đầy đủ cả 5 mục lớn theo quy định hoặc không phản ánh biểu số 46 trong tài liệu. Đối với các tỉnh có phản ánh biểu 46 nhưng không đầy đủ chủ yếu chỉ phản ánh hai khoản mục chính là mục A - Tổng nguồn thu ngân sách địa phương (NSĐP) và mục B - Tổng chi NSĐP, thiếu các khoản mục như mục C - Bội chi/Bội thu NSĐP, mục D – Chi trả nợ gốc của NSĐP và mục Đ – Tổng mức vay của NSĐP.

Đối với biểu số 48 – Dự toán thu NSNN, có 31 tỉnh phản ánh đầy đủ các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa bao gồm 18 mục nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (tăng 7 tỉnh so với khảo sát POBI 2019). Có 14 tỉnh phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ) cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa và không chi tiết theo loại thuế. Có 12 tỉnh phản ánh các nguồn thu trong thu nội địa nhưng ít hơn 18 mục thu theo quy định.

Đối với biểu số 52 – Dự toán chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp tỉnh cho từng cơ quan tổ chức theo lĩnh vực, 36 tỉnh phản ánh dự toán cụ thể cho 12 lĩnh vực chi đầu tư (tăng 2 tỉnh so với khảo sát POBI 2019). Có 4 tỉnh phản ánh cụ thể dự toán cho 9 đến 11 lĩnh vực chi đầu tư. Có 4 tỉnh phản ánh cụ thể dự toán chi đầu tư cho 5 đến 8 lĩnh vực chi đầu tư. 17 tỉnh còn lại chỉ phản ánh cụ thể dự toán chi đầu tư cho 0 đến 4 lĩnh vực chi đầu tư hoặc không công khai tài liệu này.

POBI 2020 là năm đầu tiên nhóm nghiên cứu bổ sung thêm nội dung đó là so sánh phần trăm thay đổi của chi thường xuyên hàng năm của ngân sách tỉnh cho GDĐT và y tế, dân số so với phần trăm thay đổi của tổng chi thường xuyên trong Dự toán ngân sách tỉnh được quyết định năm 2021 với Dự toán được quyết định năm 2020. Dự toán được phê duyệt năm 2021 chỉ đạt tính tin cậy khi chi thường xuyên cho GDĐT và y tế, dân số tăng nhanh hơn hoặc giảm ít hơn mức tăng hoặc mức giảm trong tài liệu dự toán được duyệt năm 2020. Kết quả chỉ có 27 tỉnh (42,86%) có mức chi thường xuyên cho GDĐT và 25 tỉnh (39,68%) có mức chi thường xuyên cho y tế, dân số tăng nhanh (hoặc giảm ít hơn) so với mức tăng/giảm tổng chi thường xuyên trong dự toán được duyệt năm 2020.

3. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGÂN SÁCH TỈNH QUÝ 1/2020

Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020 là một trong những tài liệu bắt buộc phải công bố công khai có tỉ lệ số tỉnh công bố cao nhất trong các loại tài liệu, cụ thể 61/63 tỉnh (tương đương 96,8%) có công khai loại tài liệu này, tăng 3 tỉnh so với khảo sát POBI 2019.

Tổng điểm quy đổi cho tài liệu báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020 là 5,8 điểm. Kết quả chấm POBI 2020 cho thấy có 30 tỉnh đạt điểm tối đa, tăng 17 tỉnh so với khảo sát POBI 2019. Hai tỉnh không công khai tài liệu này là Bình Phước và Kiên Giang.

Hình 12: Xếp hạng các tỉnh có công bố tài liệu báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020 theo điểm POBI 2020

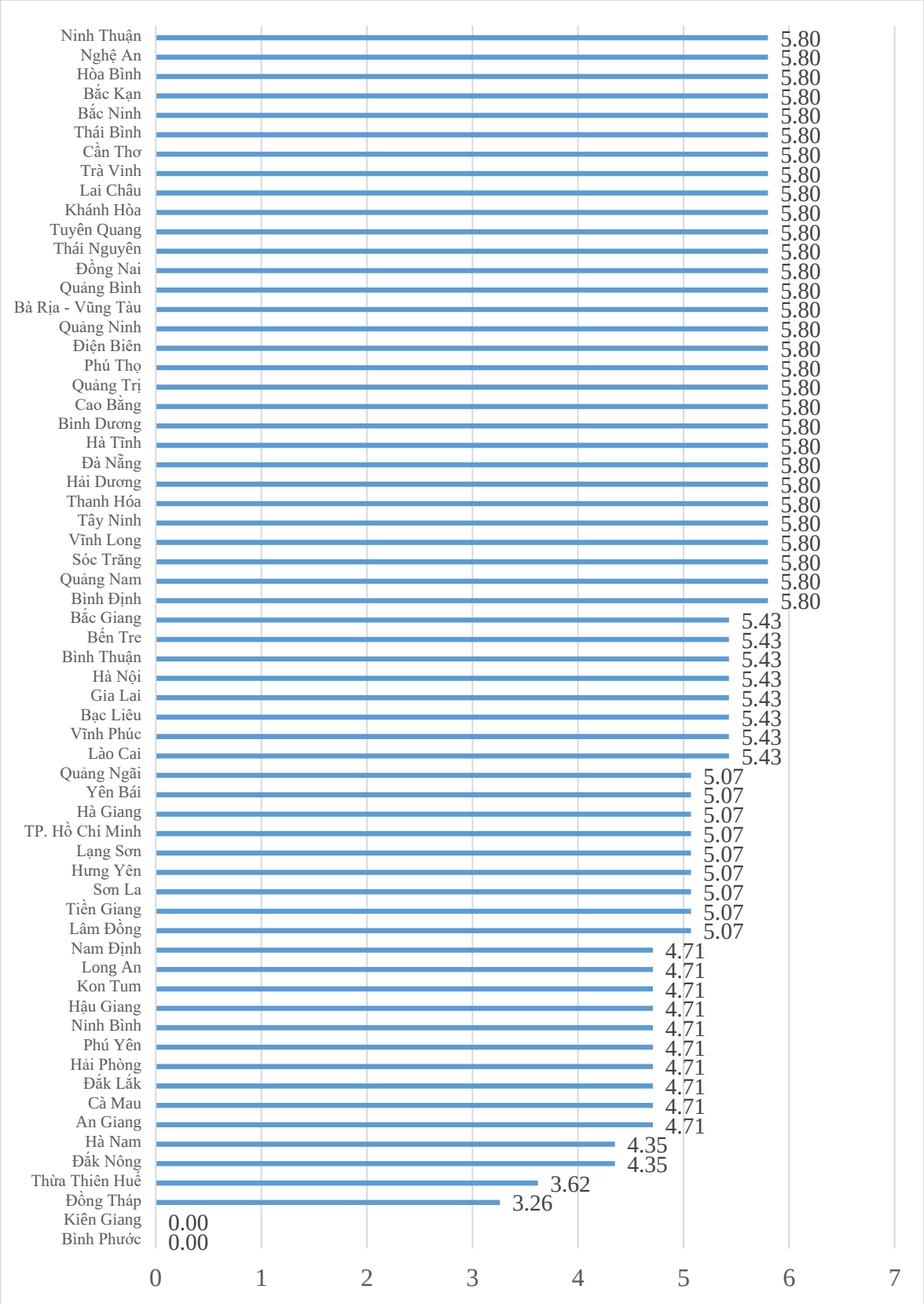

Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020

Có sự tiến bộ vượt bậc về số lượng các tỉnh công bố đúng thời hạn quy định của Thông tư 343 đối với tài liệu này. Có 48 tỉnh trong tổng số 63 tỉnh thành (tương đương với 76,2%) công bố trong vòng 15 ngày sau khi kết thúc quý 1 năm 2020 (tăng 21 tỉnh so với khảo sát POBI 2019). Có 11 tỉnh (tương đương 17,46% trong tổng số 63 tỉnh thành) công bố sau 15 ngày và trong khoảng 30 ngày và chỉ có 2 tỉnh (tương đương 3,1% trong tổng số 63 tỉnh thành) công bố sau 30 ngày hoặc không xác định được thời điểm công bố.

Hình 13: Số tỉnh công bố Báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020 phân theo thời gian công khai

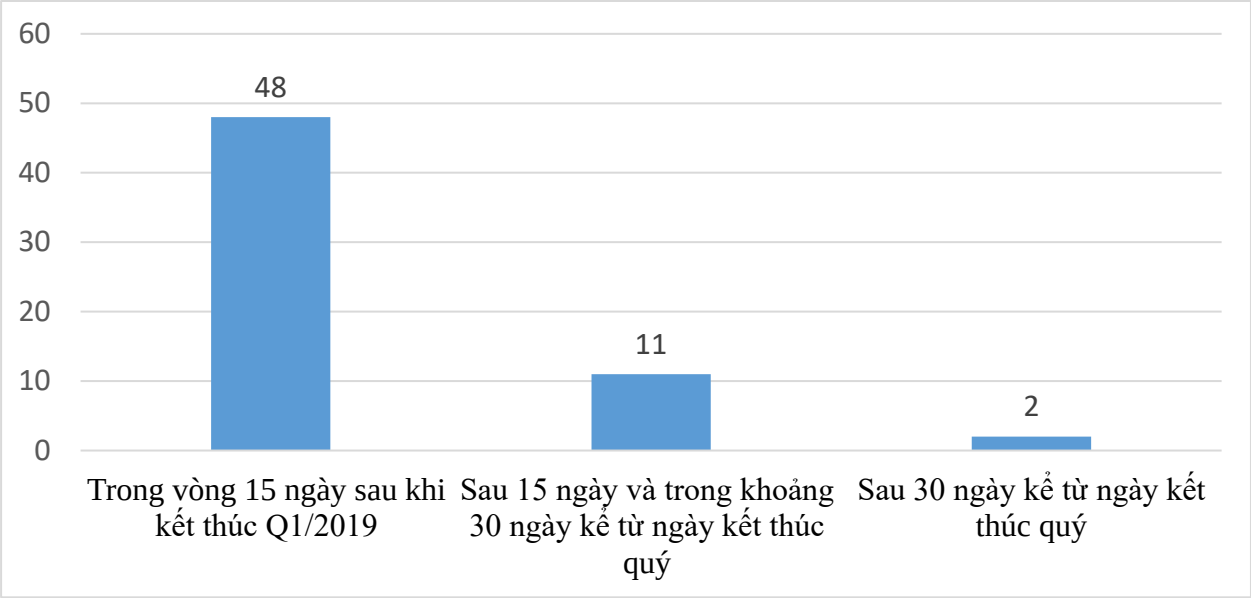

Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020

Có tới 58/60 tỉnh có công khai báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020 phản ánh đầy đủ cả 03 biểu theo quy định của Thông tư 343 (tăng 5 tỉnh so với khảo sát POBI 2019, chiếm tỉ lệ 88,9% trong tổng số 63 tỉnh thành). Có 3 tỉnh (tương đương 4,76% trong tổng số 63 tỉnh thành) phản ánh 1 hoặc 2 biểu và không có tỉnh nào không công khai hoặc không phản ánh bất kỳ biểu nào theo quy định của Thông tư 343, ngoại trừ hai tỉnh không công khai tài liệu này.

Hình 14: Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020 phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu

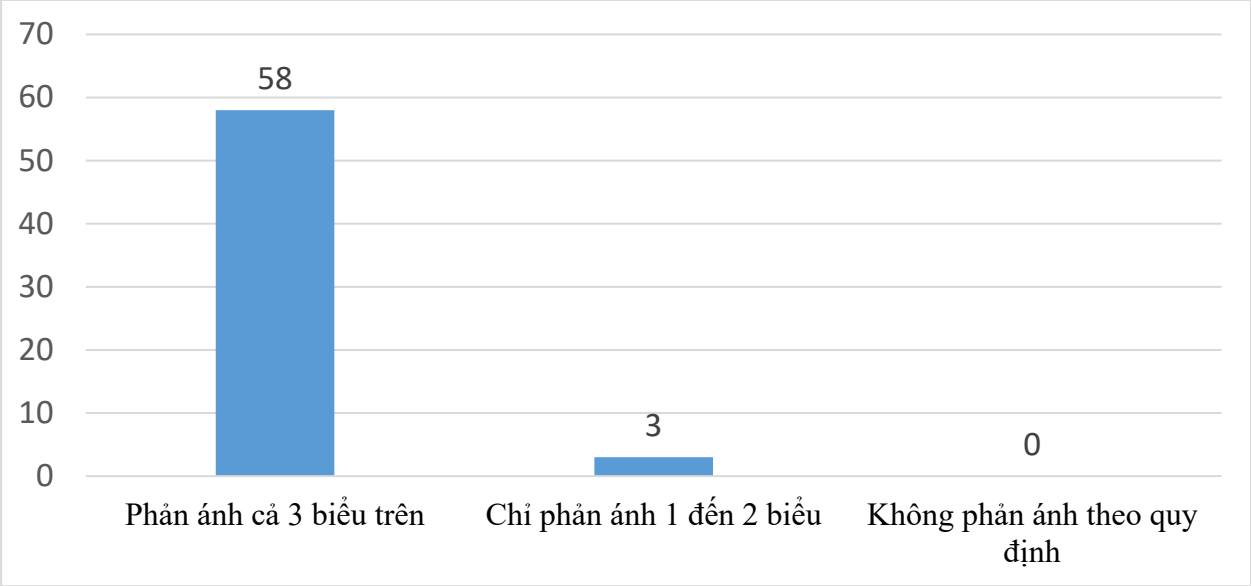

Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020

Các biểu bắt buộc phải công bố công khai theo Thông tư 343 trong tài liệu về tình hình thực hiện ngân sách quý của tỉnh bao gồm biểu số 59 – Cân đối ngân sách địa phương quý, biểu số 60 – Ước thực hiện thu NSNN quý và biểu số 61 – Ước thực hiện chi ngân sách địa phương quý. Khảo sát POBI 2020 chỉ tiến hành chấm điểm đầy đủ nội dung của biểu số 59. Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy 68,25% số tỉnh (tương đương 43 tỉnh) phản ánh đầy đủ cả 4 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của biểu số 59. Có 11 tỉnh (tương đương 17,46%) phản ánh đầy đủ cả 4 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ và 7 tỉnh (tương đương 11,1%) không phản ánh đầy đủ 4 mục lớn theo quy định hoặc không công khai loại tài liệu này.

4. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGÂN SÁCH TỈNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng năm 2020 là một trong những tài liệu bắt buộc phải công bố công khai có tỉ lệ số tỉnh công bố ở mức cao, cụ thể 60/63 tỉnh (tương đương 95.2%) có công khai loại tài liệu này, tăng 2 tỉnh so với khảo sát POBI năm 2019.

Tổng điểm quy đổi cho tài liệu báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng năm 2020 là 5,8 điểm. Kết quả chấm POBI 2020 cho thấy có 34 tỉnh đạt điểm tối đa, tăng 17 tỉnh so với khảo sát POBI 2019. Ba tỉnh không công khai tài liệu này là Bình Phước, Kiên Giang và Cần Thơ.

Hình 15: Xếp hạng các tỉnh có công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng 2020 theo điểm POBI 2020

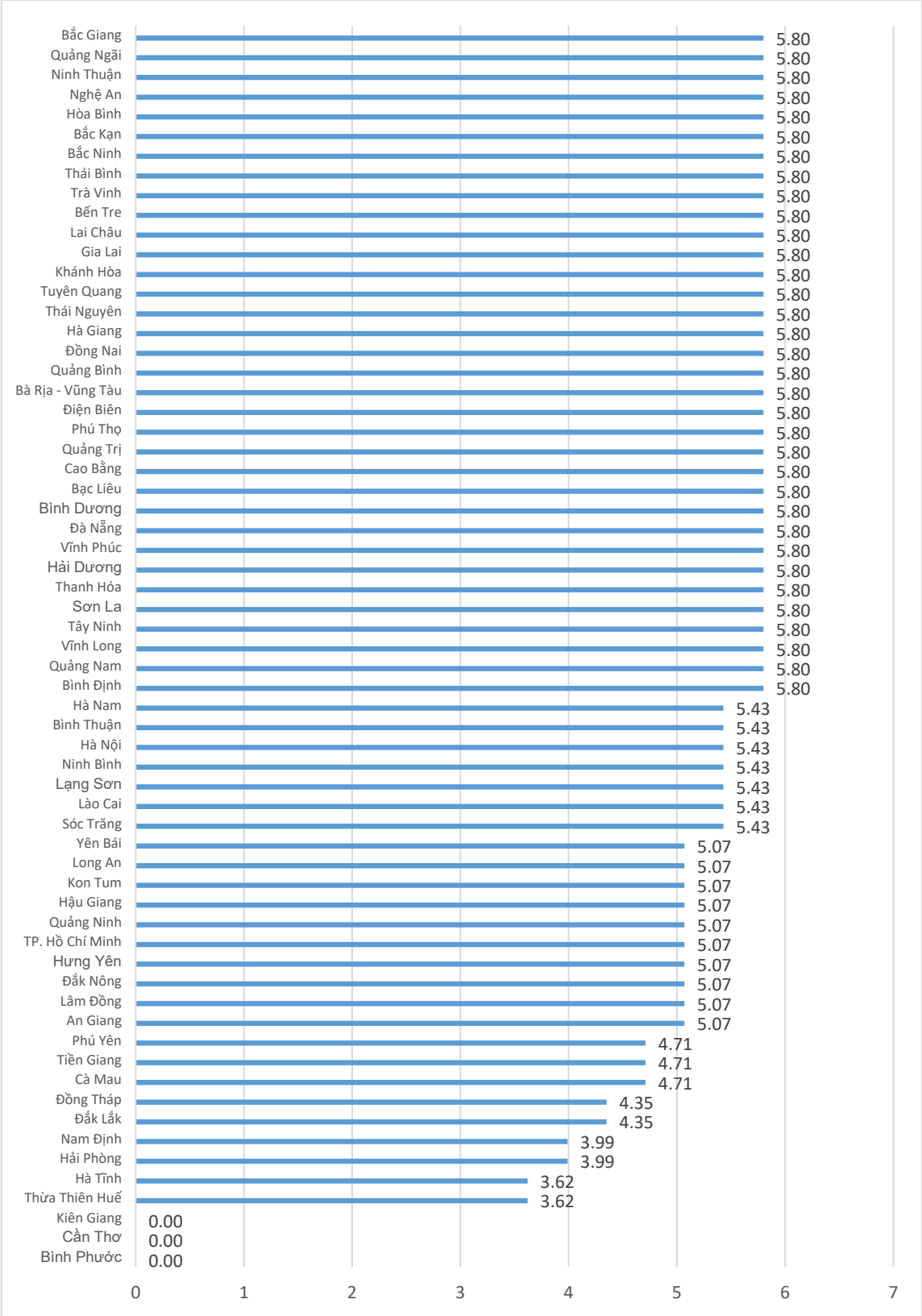

Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020

Tương tự như tài liệu Quý 1, có sự cải thiện tích cực về số lượng các tỉnh công bố đúng thời hạn quy định của Thông tư 343 đối với tài liệu tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng 2020. Có 51 tỉnh trong tổng số 63 tỉnh thành (tương đương với 80,9%) công bố trong vòng 15 ngày sau khi kết thúc quý 2 năm 2020 (tăng 17 tỉnh so với khảo sát POBI 2019). Có 7 tỉnh (tương đương 11,1% trong tổng số 63 tỉnh thành) công bố sau 15 ngày và trong khoảng 30 ngày và chỉ có 2 tỉnh (tương đương 3,1% trong tổng số 63 tỉnh thành) công bố sau 30 ngày hoặc không xác định được thời điểm công bố.

Hình 16: Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng 2020 phân theo thời gian công khai

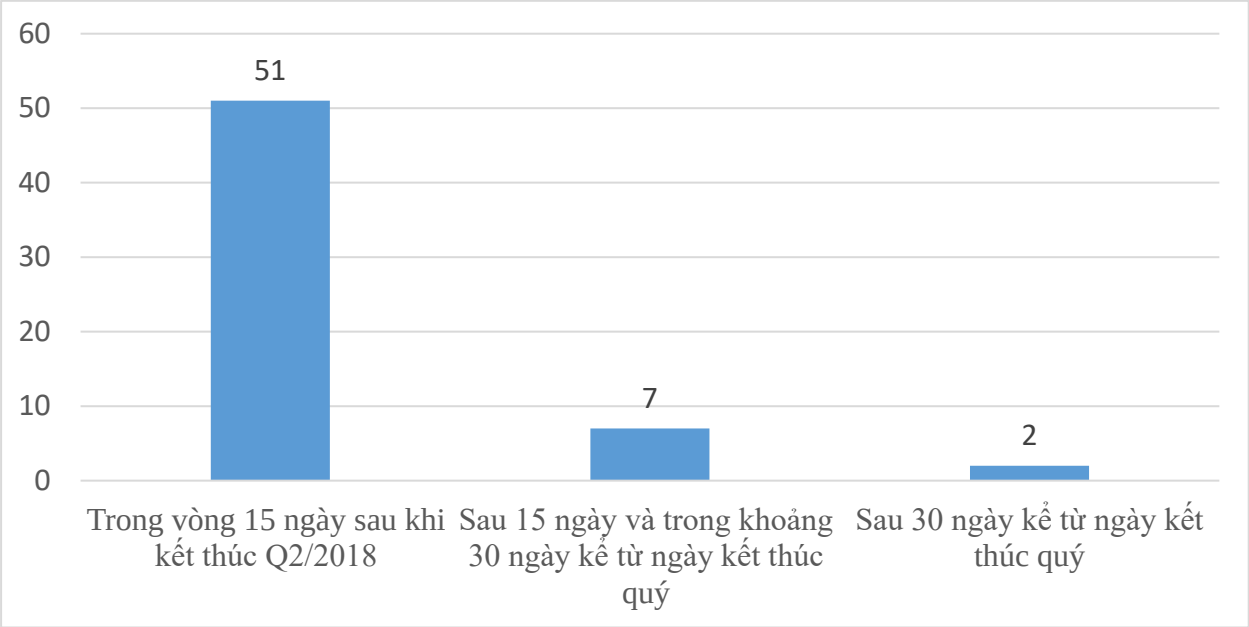

Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020

Có tới 57 trong số 60 tỉnh có công khai báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng năm 2020 phản ánh đầy đủ cả 03 biểu theo quy định của Thông tư 343 (chiếm tỉ lệ 90,47% trong tổng số 63 tỉnh thành, tăng 5 tỉnh so với kết quả khảo sát POBI 2019). Có 3 tỉnh (tương đương 4,76% trong tổng số 63 tỉnh thành) chỉ phản ánh 1 hoặc 2 biểu và không có tỉnh nào không phản ánh biểu nào theo như quy định trong Thông tư 343, ngoại từ ba tỉnh không công khai tài liệu này.

Hình 17: Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng 2020 phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu

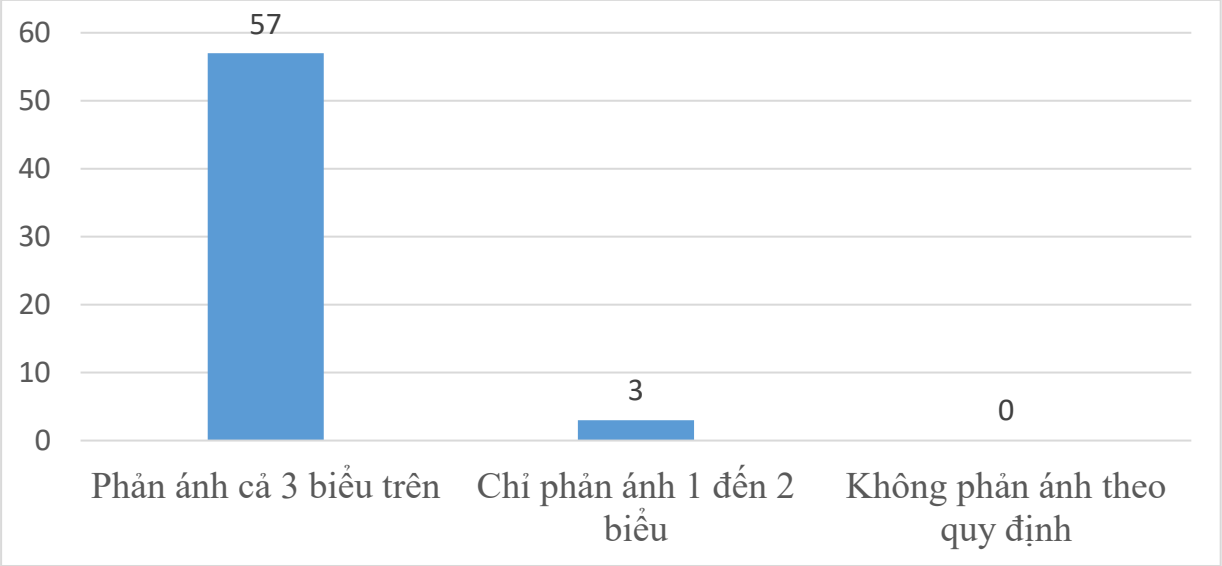

Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020

Các biểu bắt buộc phải công bố công khai theo Thông tư 343 trong tài liệu về tình hình thực hiện ngân sách quý (6 tháng) của tỉnh bao gồm biểu số 59 – Cân đối ngân sách địa phương quý, biểu số 60 – Ước thực hiện thu NSNN quý và biểu số 61 – Ước thực hiện chi ngân sách địa phương quý. Khảo sát POBI 2020 chỉ tiến hành chấm điểm đầy đủ nội dung của biểu số 59. Theo đó, 44 tỉnh (tương đương 69,84% số tỉnh) phản ánh đầy đủ cả 4 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định, 9 tỉnh (tương đương 14,28% số tỉnh) phản ánh đầy đủ cả 4 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ và 7 tỉnh (tương đương 11,1% số tỉnh) không phản ánh đầy đủ 4 mục lớn theo quy định. Các tỉnh còn lại không công khai loại tài liệu này.

5. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGÂN SÁCH TỈNH 9 THÁNG NĂM 2020

Báo cáo tình hình thực hiên ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020 là một trong những tài liệu bắt buộc phải công khai có tỉ lệ số tỉnh công bố ở mức tương đối cao, cụ thể 58/63 tỉnh (tương đương 92%) có công khai loại tài liệu này, tăng thêm 3 tỉnh so với khảo sát POBI 2019.

Tổng điểm quy đổi cho tài liệu báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020 là 5,8 điểm. Kết quả chấm POBI 2020 cho thấy có 31 tỉnh đạt điểm tối đa, tăng 10 tỉnh so với khảo sát POBI 2019. Năm tỉnh không công khai tài liệu này là Bình Phước, Hà Tĩnh, Kon Tum, Kiên Giang và Cần Thơ.

Hình 18: Xếp hạng các tỉnh có công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng 2020 theo điểm POBI 2020

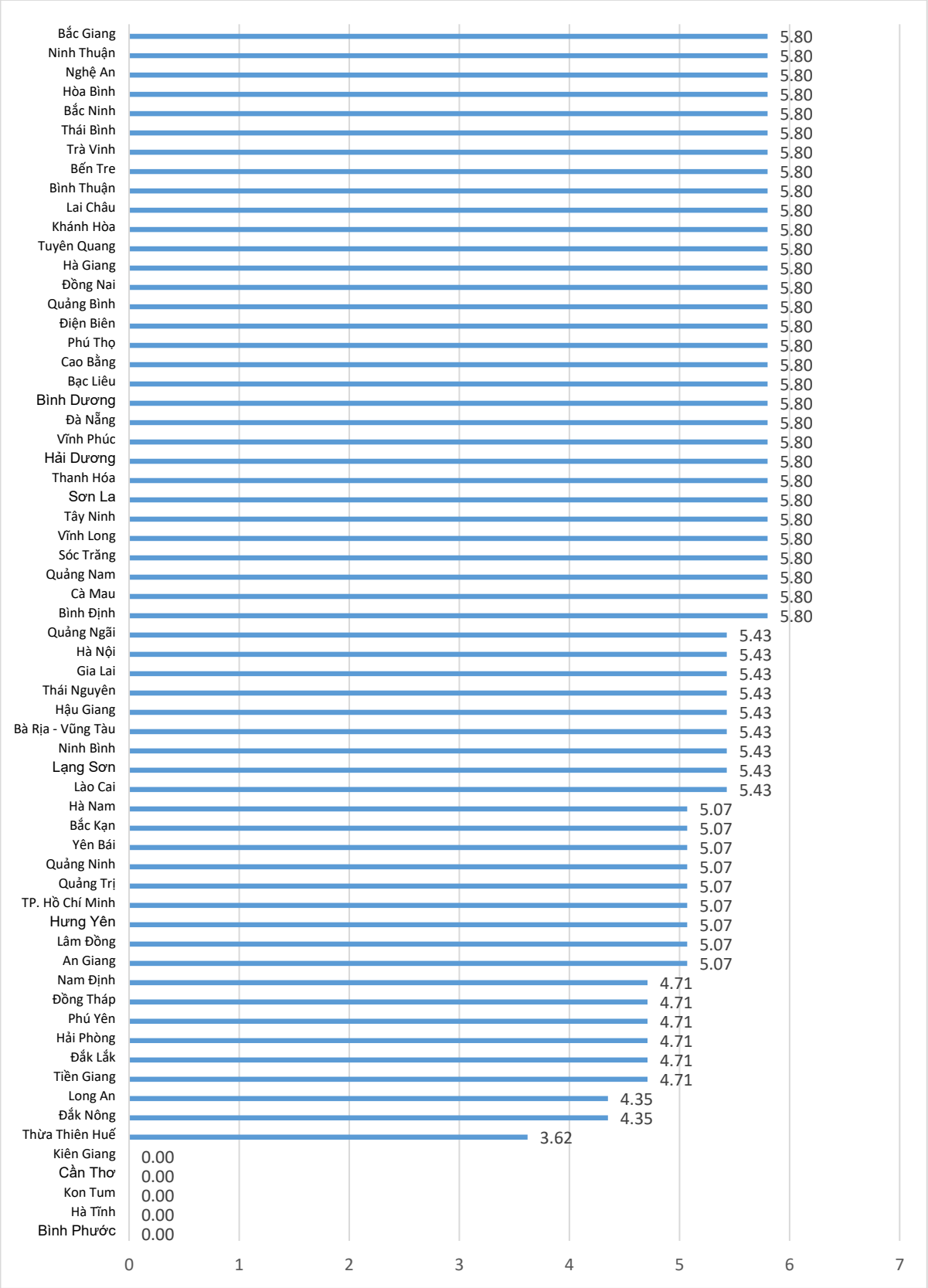

Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020

Số lượng các tỉnh công bố đúng thời hạn quy định của Thông tư 343 có sự cải thiện đáng kể. Có 47/63 tỉnh (tương đương 74,6% số tỉnh) công bố trong vòng 15 ngày sau khi kết thúc quý 3 năm 2020, tăng 15 tỉnh so với khảo sát POBI 2019. Có 10 tỉnh (tương đương 15,87%) công bố sau 15 ngày và trong khoảng 30 ngày, và chỉ có 01 tỉnh (tương đương 1,58%) công bố sau 30 ngày hoặc không xác định được thời điểm công bố.

Hình 19: Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng 2020 phân theo thời gian công khai

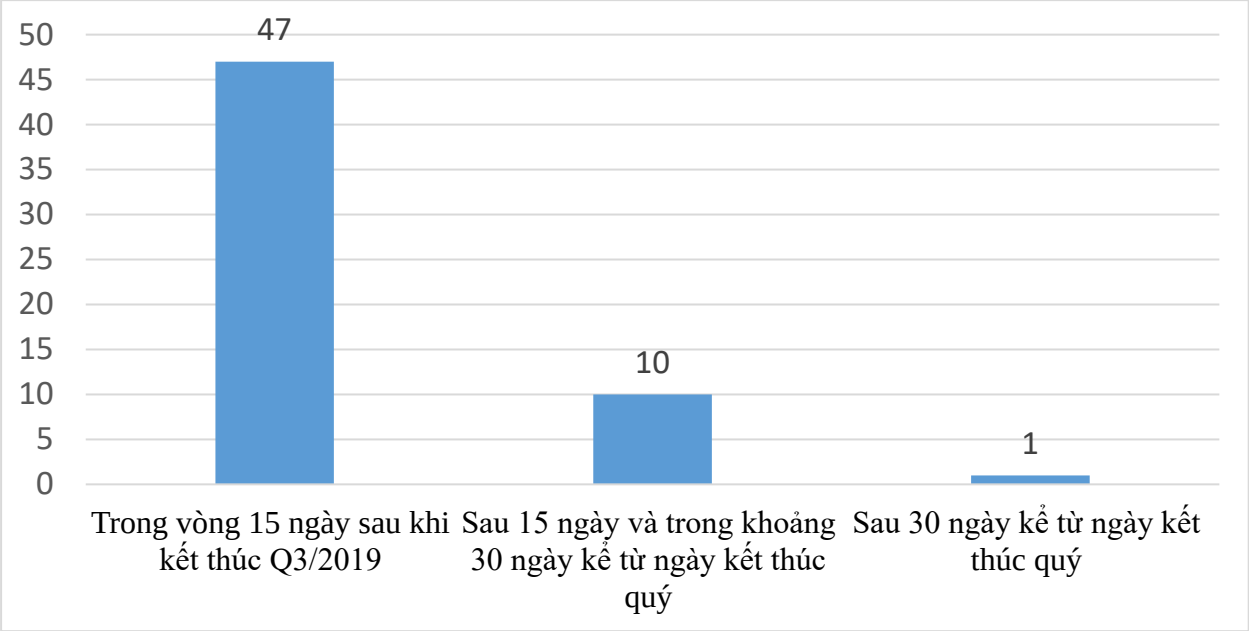

Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020

Có tới 56 trong số 58 tỉnh có công khai báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020 phản ánh đầy đủ cả 03 biểu theo quy định của Thông tư 343 (chiếm tỉ lệ 88,8% trong tổng số 63 tỉnh, tăng 3 tỉnh so với khảo sát POBI 2019). Có 2 tỉnh (tương đương 3.17% trong tổng số 63 tỉnh) phản ánh 1 hoặc 2 biểu và không có tỉnh nào không công khai hoặc không phản ánh bất kỳ biểu nào theo quy định của Thông tư 343.

Hình 20: Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng 2020 phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu

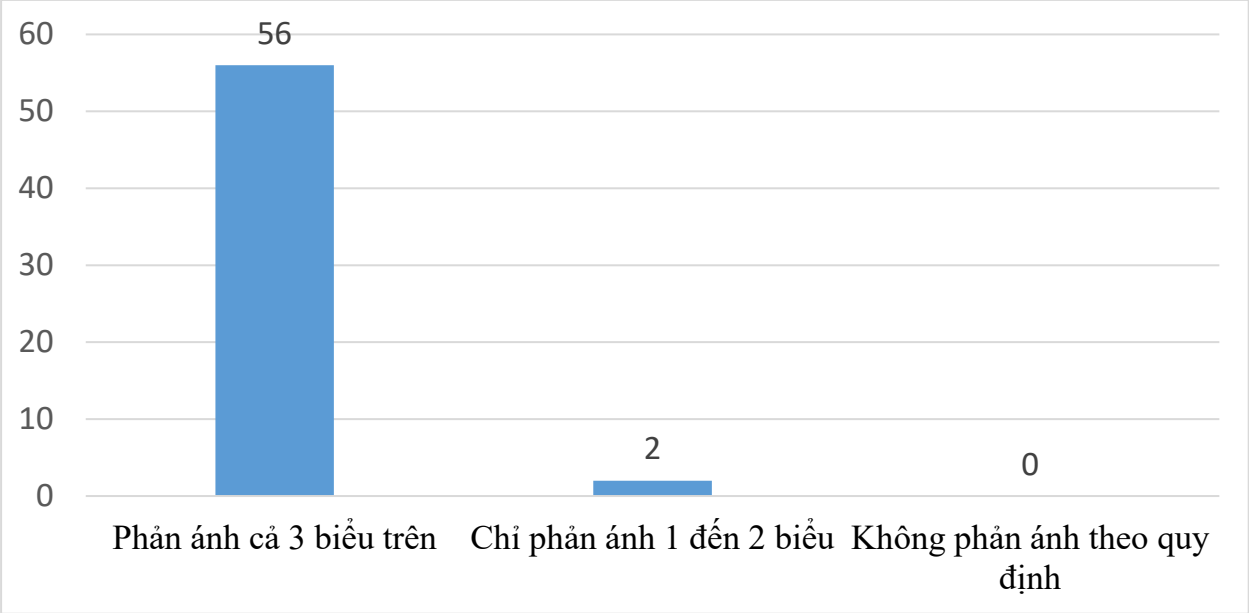

Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020

Các biểu bắt buộc phải công bố công khai theo Thông tư 343 trong tài liệu về tình hình thực hiện ngân sách quý (9 tháng) của tỉnh bao gồm biểu số 59 – Cân đối ngân sách địa phương quý, biểu số 60 – Ước thực hiện thu NSNN quý và biểu số 61 – Ước thực hiện chi ngân sách địa phương quý. Khảo sát POBI 2020 chỉ tiến hành chấm điểm đầy đủ nội dung của biểu số 59. Theo đó, 45 tỉnh (tương đương 71,42% số tỉnh) phản ánh đầy đủ cả 4 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định, 8 tỉnh (tương đương 12,69% số tỉnh) phản ánh đầy đủ cả 4 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ và 5 tỉnh (tương đương 7,93% số tỉnh) không phản ánh đầy đủ 4 mục lớn theo quy định. Các tỉnh còn lại không công khai loại tài liệu này.

6. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGÂN SÁCH TỈNH CẢ NĂM 2020

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy chỉ có 49/63 tỉnh/thành phố có công khai tài liệu báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2020, giảm 4 tỉnh so với kết quả khảo sát POBI 2019. Điều này cho thấy có một bước lùi trong việc thực hiện công khai tài liệu này.

Tổng điểm quy đổi cho tài liệu báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2020 là 5,8 điểm. Kết quả chấm POBI 2020 cho thấy có 20 tỉnh đạt điểm tối đa, tăng 4 tỉnh so với khảo sát POBI 2019. Có 14 tỉnh không công khai tài liệu này bao gồm: An Giang, Bình Phước, Quảng Nam, Tiền Giang, Lào Cai, Thanh Hoá, Hải Phòng, Phú Yên, Quảng Bình, Đồng Nai, Long An, Kiên Giang, Hà Nam, Ninh Thuận.

Hình 21: Xếp hạng các tỉnh có công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2020 theo điểm POBI 2020

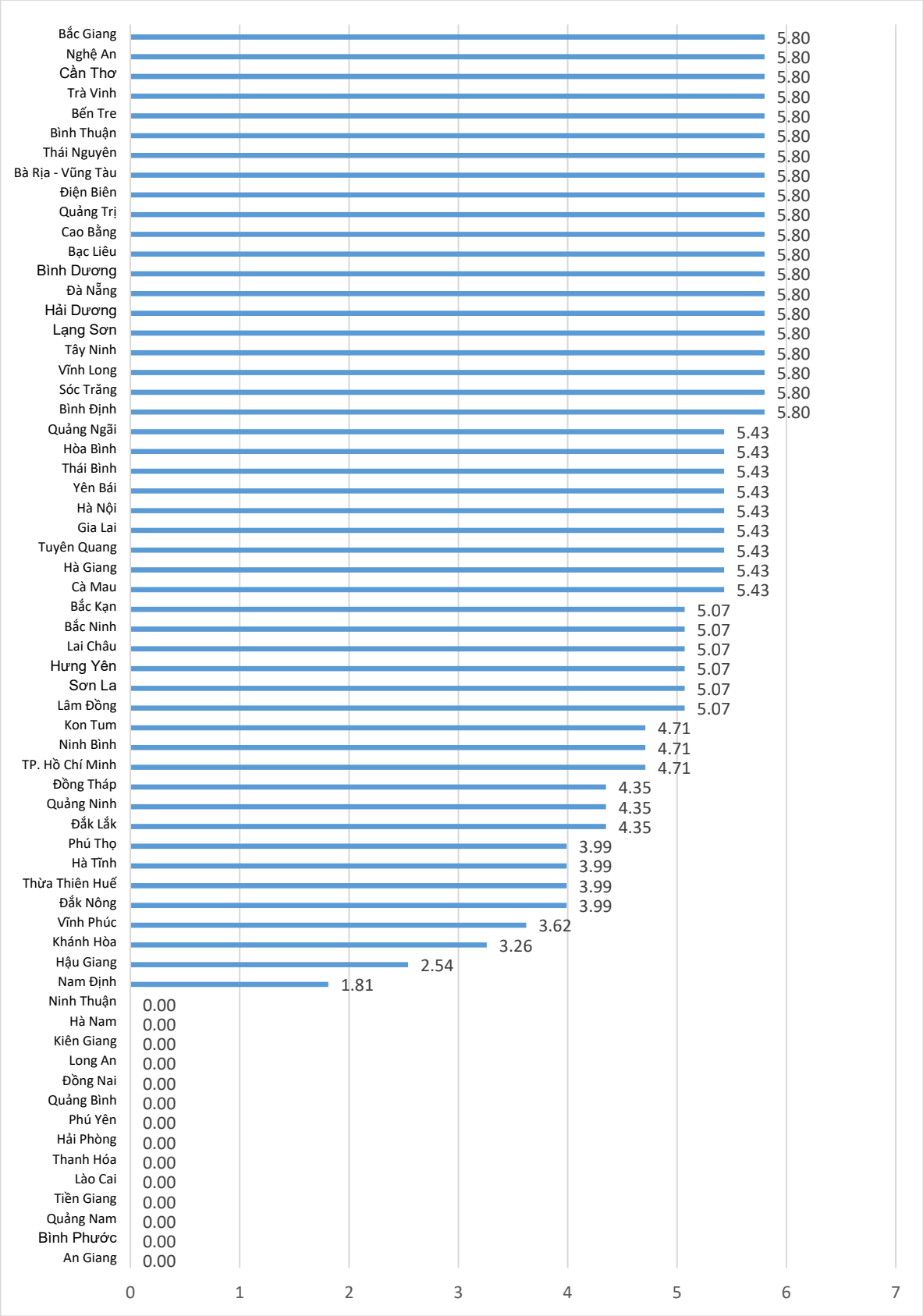

Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020

Có 32 tỉnh có công khai tài liệu báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 công bố đúng thời hạn trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 2020 cho đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (chiếm tỉ lệ 50,79% trong tổng số 63 tỉnh thành, tăng 4 tỉnh so với khảo sát POBI 2019). Có 11 tỉnh (tương đương 17,46%) công khai sau 5 ngày và trong khoảng 30 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 2020 cho đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, 6 tỉnh (tương đương 9,52%) công khai sau 30 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 2020 cho đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoặc không rõ ngày công khai.

Hình 22: Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 phân theo thời gian công khai

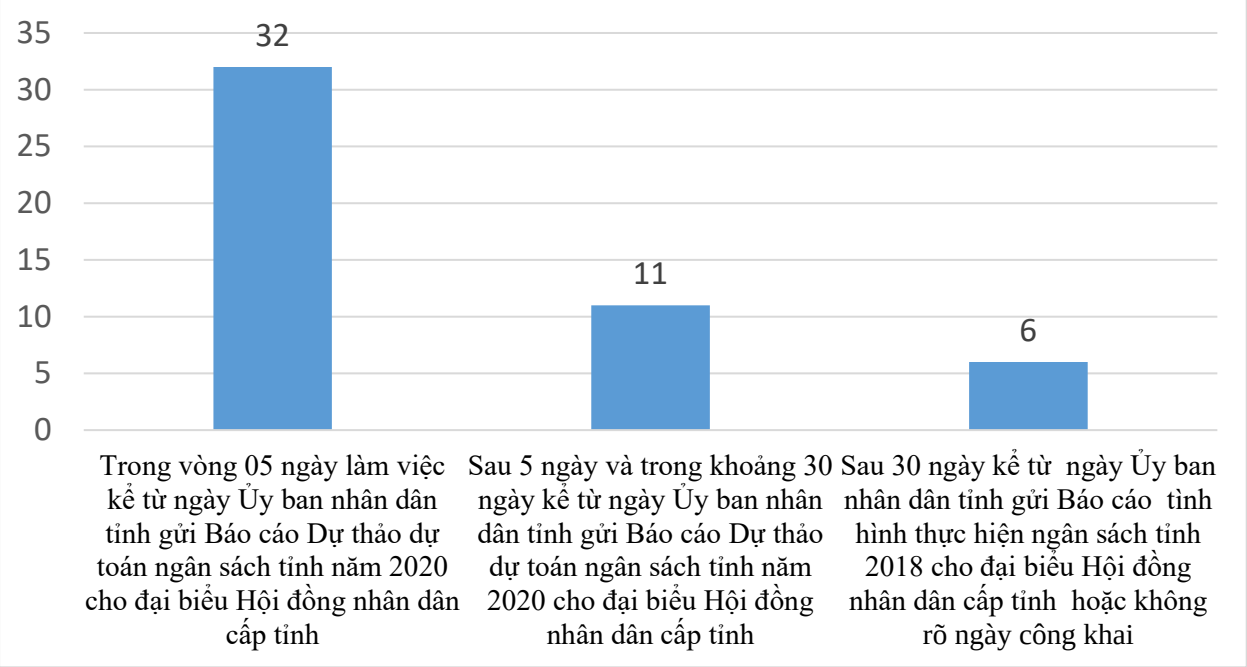

Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020

Trong số 49 tỉnh có công bố công khai tài liệu báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020, có 42 tỉnh (tương đương 66.67%) phản ánh đầy đủ cả ba biểu theo quy định của Thông tư 343, có 4 tỉnh phản ánh một hoặc hai biểu, (tương đương 6,35%) và có 3 tỉnh (tương đương 4,76%) không phản ảnh bảng biểu nào theo quy định.

Hình 23: Số tỉnh công bố báo cáo Tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu

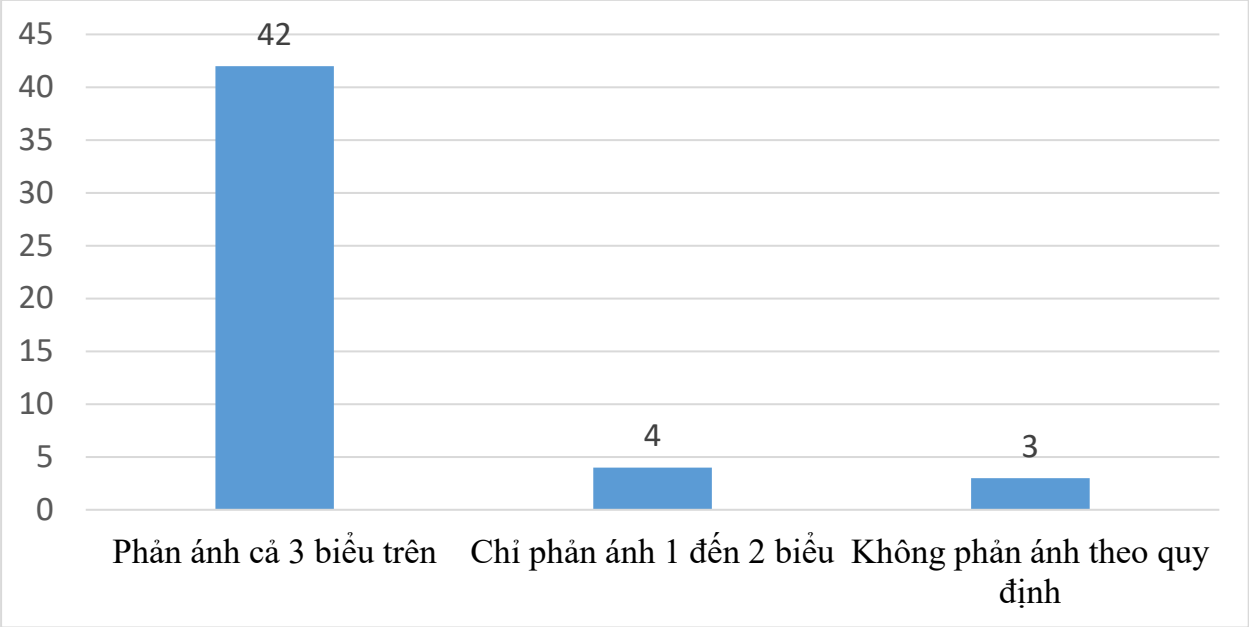

Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020

Các biểu bắt buộc phải công bố công khai theo Thông tư 343 trong tài liệu về báo cáo tình hình thực hiện ngân sách năm 2020 của tỉnh bao gồm biểu số 59 – Cân đối ngân sách địa phương năm, biểu số 60 – Ước thực hiện thu NSNN năm và biểu số 61 – Ước thực hiện chi ngân sách địa phương năm. Khảo sát POBI 2020 chỉ tiến hành chấm điểm đầy đủ nội dung của biểu số 59 – Cân đối ngân sách địa phương năm 2020. Theo đó, 35 tỉnh (tương đương 55,55% số tỉnh) phản ánh đầy đủ cả 4 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định, 5 tỉnh (tương đương 7,93%) phản ánh đầy đủ cả 4 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ và 9 tỉnh (tương đương 14,28%) không phản ánh đầy đủ 8 mục lớn theo quy định. Các tỉnh còn lại (14 tỉnh) không công khai loại tài liệu này.

7. BÁO CÁO QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2019 ĐÃ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÊ CHUẨN

Quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 là tài liệu ngân sách có số lượng các tỉnh công bố công khai tương đối cao. Kết quả khảo sát cho thấy có 59/63 tỉnh thành (tương đương 93,65%) có công bố công khai loại tài liệu này, tăng 2 tỉnh so với kết quả khảo sát POBI 2019 đối với quyết toán ngân sách tỉnh năm 2018.

Tổng điểm quy đổi cho tài liệu Quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 là 24,64 điểm. Kết quả POBI 2020 cho thấy chưa có tỉnh nào đạt số điểm tối đa đối với tài liệu Quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019. Kiên Giang là tỉnh có số điểm cao nhất với 23,65 điểm. Bình Phước, Sóc Trăng, Thanh Hoá và Đắk Lắk là bốn tỉnh không công khai tài liệu này.

Hình 24: Xếp hạng các tỉnh có công bố Quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 theo điểm POBI 2020

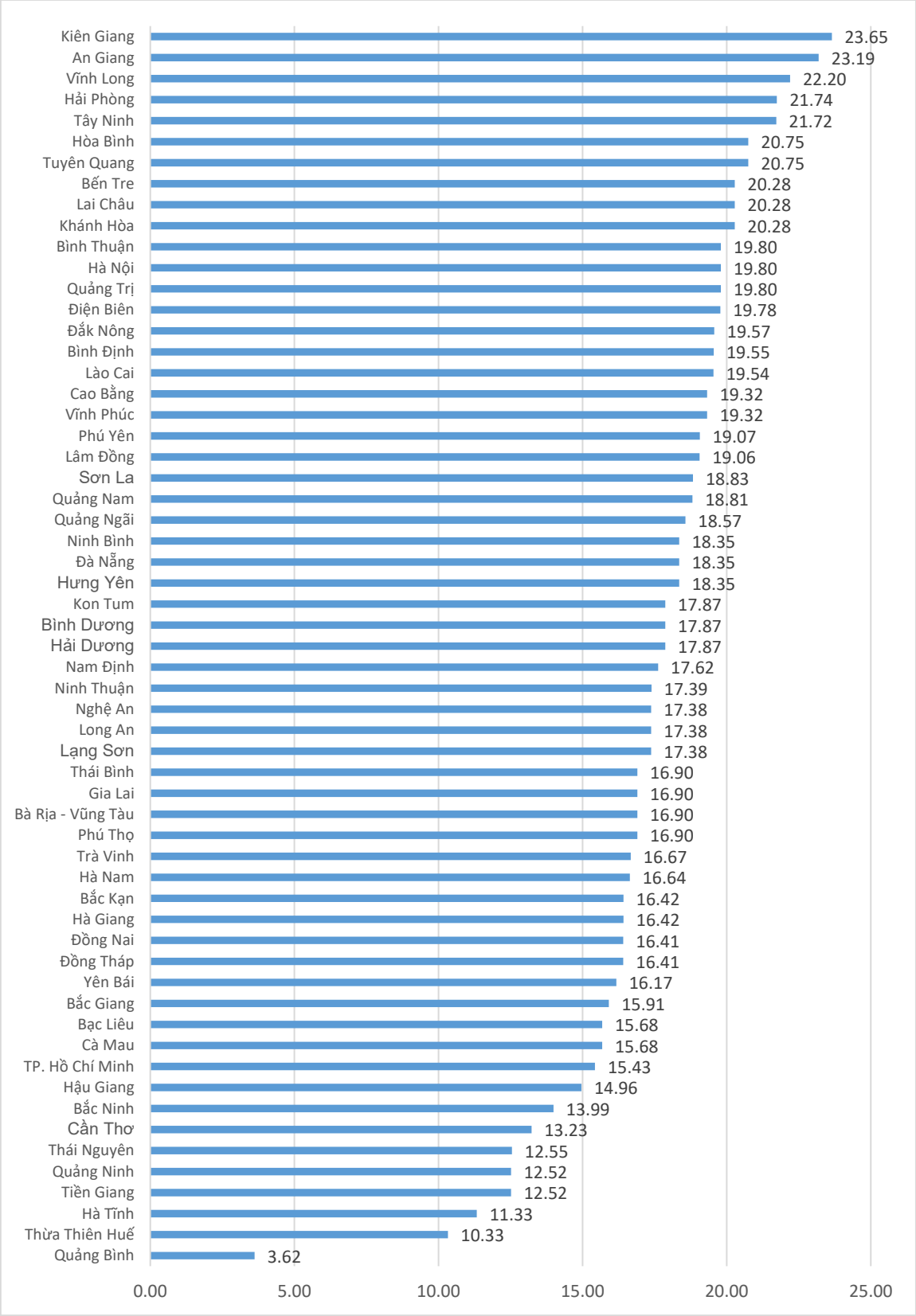

Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020

Quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 cũng là loại tài liệu có tỉ lệ các tỉnh công bố đúng thời hạn tương đối cao. Có 50 tỉnh (tương đương 79,36%) công bố tài liệu này trong vòng 30 ngày sau khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết phê chuẩn Quyết toán ngân sách tỉnh năm 2018, đúng thời hạn quy định của Thông tư 343, tăng 10 tỉnh so với kết quả khảo sát POBI 2019. Có 6 tỉnh (tương đương 9.52%) công khai kể từ ngày thứ 31 đến ngày thứ 60, và 3 tỉnh (tương đương 4,76%) công khai chậm hơn 60 ngày hoặc không xác định được chính xác thời điểm công khai.

Hình 25: Số tỉnh công bố tài liệu Quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 phân theo thời gian công khai

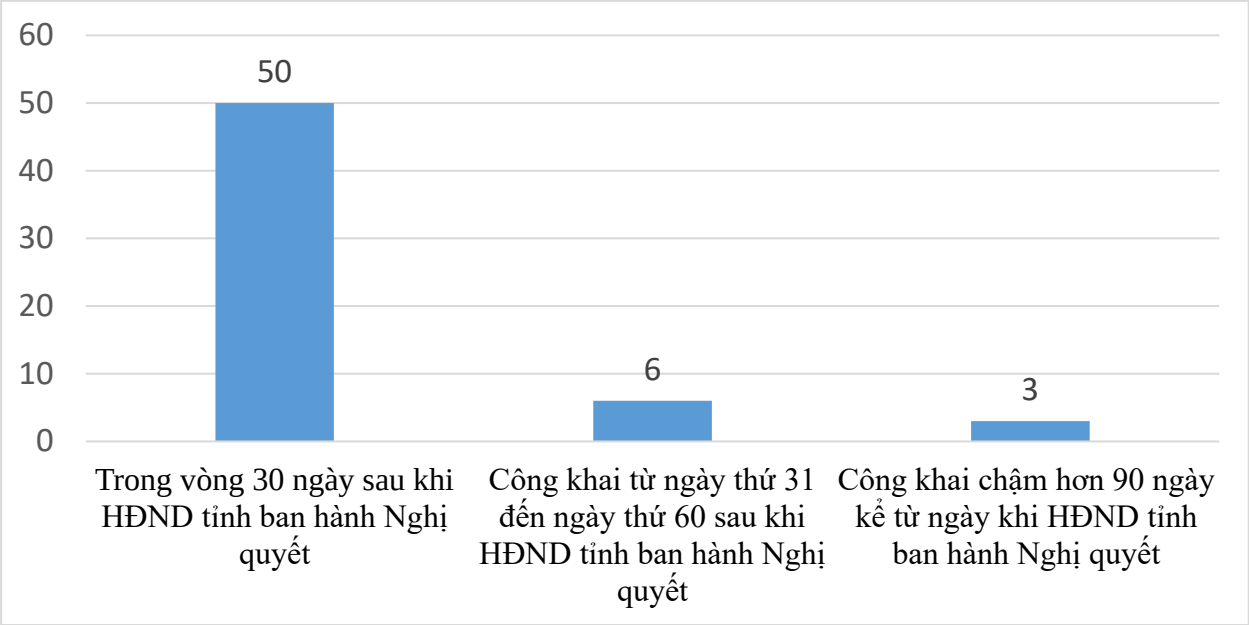

Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020

Trong số 59 tỉnh công bố Quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019, có 50 tỉnh (tương đương 79,36%) phản ánh đầy đủ 07 bảng biểu theo quy định của Thông tư 343, tăng 4 tỉnh so với khảo sát POBI năm 2019. Có 8 tỉnh phản ánh từ 03 đến 05 biểu (tương đương 12.69%) và chỉ có 1 tỉnh (tương đương 1,58%) phản ánh dưới 03 biểu.

Hình 26: Số tỉnh công bố tài liệu quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 phân theo mức độ đầy đủ số lượng các bảng biểu

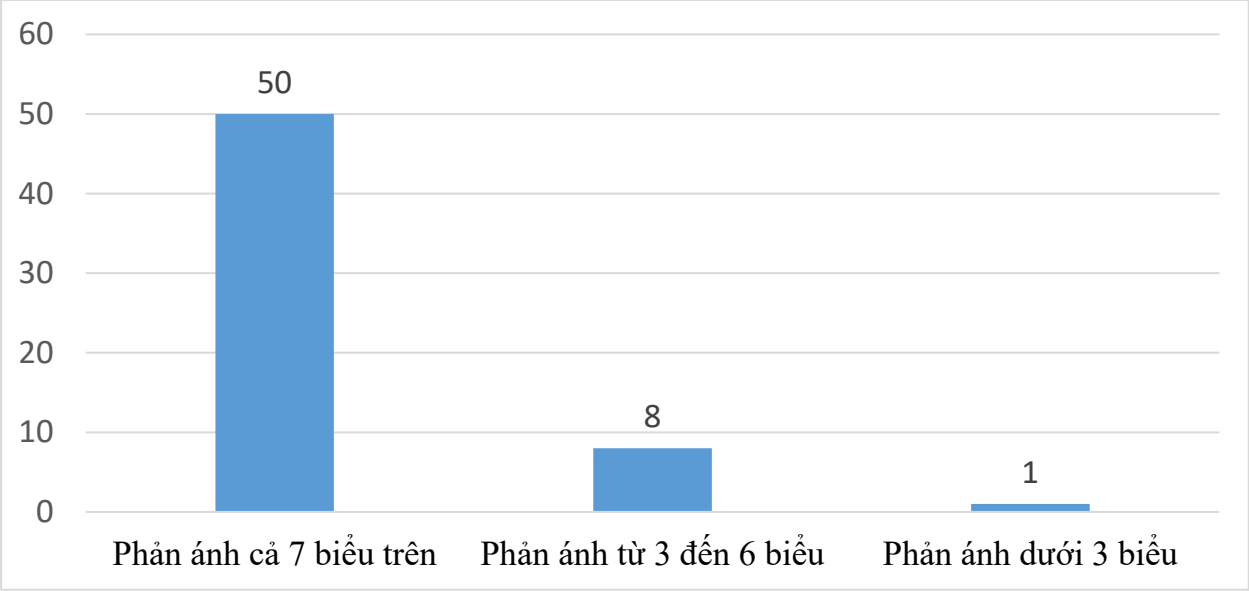

Nguồn: Kết quả khảo sát POBI 2020

Tài liệu Quyết toán ngân sách tỉnh theo quy định của Thông tư 343 gồm 07 bảng biểu, từ biểu số 62 đến biểu số 68. Khảo sát POBI 2020 tiến hành chấm điểm đầy đủ trong việc công khai nội dung của các bảng biểu số 62 – Cân đối ngân sách địa phương năm 2018, biểu số 63 – Quyết toán thu NSNN năm 2018 và biểu số 65 – Quyết toán chi ngân sách cấp tỉnh theo từng lĩnh vực năm 2018.

Đối với biểu số 62 – Biểu Cân đối ngân sách địa phương năm 2019, 50 tỉnh (tương đương 79,36%) phản ánh đầy đủ cả 6 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định, tăng 7 tỉnh so với khảo sát POBI 2019. Có 4 tỉnh (tương đương 6,35%) phản ánh đầy đủ cả 6 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ, 5 tỉnh (tương đương 7,93%) không phản ánh đầy đủ cả 6 mục lớn theo quy định.

Đối với biểu số 63 – Biểu Quyết toán thu NSNN năm 2019, có 36 tỉnh (tương đương 57,14%) phản ánh cụ thể các nguồn thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 mục nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế, tăng 5 tỉnh so với khảo sát POBI năm 2019. Có 15 tỉnh (tương đương 23,8%) phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và không chi tiết theo từng loại thuế. Có 6 tỉnh (tương đương 9,5%) phản ánh các nguồn thu nội địa cụ thể song ít hơn 18 mục nhỏ theo quy định. Chỉ có 2 tỉnh (tương đương 4.76%) không phản ánh các nguồn thu nội địa cụ thể hoặc không có biểu 63.

Đối với biểu số 65 – Biểu Quyết toán chi ngân sách cấp tỉnh theo từng lĩnh vực năm 2019, 50 tỉnh (tương đương 79.37%) phản ánh đầy đủ 3 mục lớn và các mục nhỏ. Có 5 tỉnh

(tương đương 7,93%) phản ánh đầy đủ 3 mục lớn, nhưng không chi tiết các mục nhỏ. Có 4 tỉnh (tương đương 6,35%) có phản ánh nhưng không đầy đủ theo quy định.

POBI 2020 là năm thứ hai chấm điểm tiêu chí về mức độ tin cậy về các khoản chênh lệch giữa dự toán và quyết toán thu/chi ngân sách đối với cả 4 mục lớn: (i) Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp, phản ánh trong Mục A.1 Biểu 62 Thông tư 343; (ii) Chi cân đối ngân sách địa phương năm 2018, phản ánh trong Mục B.I Biểu 62 Thông tư 343; (iii) Chi đầu tư phát triển, phản ánh trong Mục B.I.1 Biểu 62 Thông tư 343; (iv) Chi thường xuyên, phản ánh trong Mục B.I.2 Biểu 62 Thông tư 343. Ngoài ra, POBI 2020 còn tiến hành chấm điểm tiêu chí mức độ tin cậy đối với dự toán Tổng thu ngân sách của địa phương (Mục A Biểu 62 Thông tư 343). Kết quả cụ thể như sau:

- Đối với dự toán tổng thu ngân sách địa phương: Chỉ có 3 tỉnh lập dự toán tương đối chính xác về tổng thu ngân sách tỉnh năm 2019, chênh lệch giữa dự toán được duyệt với quyết toán ngân sách 2019 chỉ nằm trong khoảng 5%. Có 2 tỉnh phản ánh số thu dự toán chênh lệch từ 5% đến dưới 10% so với tổng quyết toán thu NSĐP. Không có tỉnh nào phản ánh số thu dự toán chênh lệch từ 10% đến dưới 15% so với tổng quyết toán thu NSĐP. Có tới 54 tỉnh phản ánh số thu dự toán chênh lệch 15% trở lên so với tổng quyết toán thu NSĐP hoặc con số trùng khớp tuyệt đối nên không đáng tin cậy.
- Đối với dự toán thu ngân sách được hưởng theo phân cấp: Có 9 tỉnh lập dự toán tương đối chính xác về thu ngân sách tỉnh được hưởng theo phân cấp năm 2019, chênh lệch giữa dự toán được duyệt với quyết toán ngân sách 2019 chỉ nằm trong khoảng 5%. Có 8 tỉnh phản ánh số thu dự toán chênh lệch từ 5% đến dưới 10% so với tổng quyết toán thu NSĐP. Có 7 tỉnh phản ánh số thu dự toán chênh lệch từ 10% đến dưới 15% so với tổng quyết toán thu NSĐP. Có 35 tỉnh phản ánh số thu dự toán chênh lệch 15% trở lên so với tổng quyết toán thu NSĐP hoặc con số trùng khớp tuyệt đối nên không đáng tin cậy.
- Đối với dự toán chi cân đối ngân sách địa phương: Có 19 tỉnh lập dự toán tương đối chính xác về khoản chi cân đối ngân sách địa phương, chênh lệch giữa dự toán được duyệt với quyết toán ngân sách 2019 chỉ nằm trong khoảng 5%. Có 10 tỉnh phản ánh số chi dự toán chênh lệch từ 5% đến dưới 10% so với quyết toán chi cân đối ngân sách địa phương. Có 7 tỉnh phản ánh số chi dự toán chênh lệch từ 10% đến dưới 15% so với quyết toán chi cân đối ngân sách địa phương. Có 23 tỉnh phản ánh số chi dự toán chênh lệch 15% trở lên so với quyết toán chi cân đối ngân sách địa phương hoặc con số trùng khớp tuyệt đối nên không đáng tin cậy.

- Đối với dự toán chi đầu tư phát triển: Có 8 tỉnh lập dự toán tương đối chính xác về khoản chi đầu tư phát triển, chênh lệch giữa dự toán được duyệt với quyết toán ngân sách 2019 chỉ nằm trong khoảng 5%. Có 5 tỉnh phản ánh số chi dự toán chênh lệch từ 5% đến dưới 10% so với quyết toán chi đầu tư phát triển. Có 11 tỉnh phản ánh số chi dự toán chênh lệch từ 10% đến dưới 15% so với quyết toán chi đầu tư phát triển. Có 35 tỉnh phản ánh số chi dự toán chênh lệch 15% trở lên so với quyết toán chi đầu tư phát triển hoặc con số trùng khớp tuyệt đối nên không đáng tin cậy.
- Đối với dự toán chi thường xuyên: Có 25 tỉnh lập dự toán tương đối chính xác về khoản chi thường xuyên, chênh lệch giữa dự toán được duyệt với quyết toán ngân sách 2019 chỉ nằm trong khoảng 5%. Có 17 tỉnh phản ánh số chi dự toán chênh lệch từ 5% đến dưới 10% so với quyết toán chi ngân sách từ chi thường xuyên. Có 10 tỉnh phản ánh số chi dự toán chênh lệch từ 10% đến dưới 15% so với quyết toán chi thường xuyên. Có 7 tỉnh phản ánh số chi dự toán chênh lệch 15% trở lên so với quyết toán chi thường xuyên hoặc số liệu dự toán và quyết toán trùng khớp tuyệt đối nên không đáng tin cậy.

8. BÁO CÁO NGÂN SÁCH DÀNH CHO CÔNG DÂN NĂM 2021

Báo cáo ngân sách công dân là tài liệu không bắt buộc công khai theo Luật NSNN 2015, nhưng cần phải công khai theo thông lệ tốt của quốc tế. Số lượng các tỉnh công bố báo cáo ngân sách công dân tăng từ 1 tỉnh trong kỳ khảo sát 2018 lên 14 tỉnh trong POBI 2019. Năm 2020, số tỉnh có công bố báo cáo ngân sách dành cho công dân là 22 tỉnh, bao gồm: Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Định, Bình Dương, Cao Bằng, Đà Nẵng, Điện Biên, Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng, Hoà Bình, Lâm Đồng, Lạng Sơn, Ninh Bình, Ninh Thuận, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Ninh, Tây Ninh, Hồ Chí Minh, Trà Vinh, Tuyên Quang và Vĩnh Long. Kết quả này cho thấy, các tỉnh đã có nỗ lực công khai ngân sách theo đúng quy định của Việt Nam và thông lệ tốt của quốc tế.

Trong số các tỉnh có công khai báo cáo ngân sách dành cho công dân, có 16 tỉnh công khai trong vòng 30 ngày sau khi HĐND cấp tỉnh ban hành Nghị quyết. Có 4 tỉnh công khai trong khoảng từ 31 đến 60 ngày. Có 1 tỉnh công khai sau 60 ngày và có 1 tỉnh không xác định được rõ ngày công khai tài liệu.

9. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021

Kế hoạch đầu tư công năm 2021 hay còn gọi là Danh mục dự án đầu tư công năm 2021 là tài liệu được các tỉnh công khai tương đối đầy đủ với 51 tỉnh công khai (tương đương với 80,95%), tăng 1 tỉnh so với khảo sát POBI năm 2019. Trong số đó, có 33 tỉnh (tương đương với 52,38%) công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

Có 9 đơn vị công bố tà liệu ở định dạng PDF nhưng có thể chuyển đổi sang word/excel. Có 9 đơn vị công bố tài liệu ở định dạng PDF scan, không thuận tiện cho việc sử dụng.

Trong số 51 tỉnh có công khai kế hoạch đầu tư công năm 2021, có 50 tỉnh (tương đương 79,36% trong tổng số 63 tỉnh) công bố tài liệu đi kèm với ngày công khai, 1 tỉnh (tương đương 1,58% trong tổng số 63 tỉnh) có công bố tài liệu nhưng không đi kèm với ngày công khai trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh.

10. BÁO CÁO TÌNH HÌNH NỢ CÔNG CỦA TỈNH NĂM 2020 HOẶC 2021

POBI 2020 cũng chấm điểm về việc công khai Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh trong năm 2020 hoặc 2021. Có 30 tỉnh (tương đương 47,61%) công bố tài liệu này. Trong số đó có 23 tỉnh (tương đương 36,5%%) công bố tài liệu và chi tiết (i) Số dư nợ đầu năm (chi tiết theo từng nguồn vay); (ii) Số vay trong năm (chi tiết vay trả nợ gốc, vay để bù đắp bội chi); (iii) Số trả nợ trong năm (chi trả nợ lãi, phí và các chi phí khác liên quan đến các khoản vay của chính quyền địa phương; chi trả nợ gốc); và (iv) Số dư nợ cuối năm (chi tiết theo từng nguồn vay).

11. BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC NĂM 2017, 2018 HOẶC 2019

POBI 2020 là năm đầu tiên tiến hành chấm điểm công khai tài liệu Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước một trong các năm 2017, 2018 hoặc 2019. Kết quả cho thấy có 20 trên tổng số 63 tỉnh có công bố tài liệu này trên các trang TTĐT của tỉnh.

12. CÁC TÀI LIỆU KHÔNG CHẤM ĐIỂM POBI 2020

Có 05 tài liệu ngân sách không tính điểm trong POBI 2020 nhưng khuyến khích các tỉnh công khai gồm có: (i) Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2021, (ii) Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019, (iii) Báo cáo tài chính của tỉnh, (iv) Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023, và (v) Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

Tổng điểm cho các tài liệu khuyến khích công khai trong POBI 2020 là 500 điểm. Không có tỉnh nào đạt điểm tối đa đối với nhóm tài liệu khuyến khích công khai. Quảng Nam, Bà Rịa-Vũng Tàu và Lạng Sơn là ba tỉnh công bố nhiều nhất với 4/5 loại tài liệu khuyến khích công khai.

Trong số các tài liệu không tính điểm, tài liệu được các tỉnh công khai nhiều nhất đó là Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025 với 31 tỉnh có công bố. Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023 có 27 tỉnh công bố, tài liệu Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2021 có 24 tỉnh công bố, 16 tỉnh có công bố Báo cáo tài chính của tỉnh và chỉ có 02 tỉnh có công bố kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước trong ít nhất một năm 2017, 2018 hoặc 2019.

PHẦN 3
KẾT QUẢ CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH CỦA 63 TỈNH, THÀNH PHỐ TRÊN CẢ NƯỚC

1. TỈNH AN GIANG

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH AN GIANG NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **29**	**6/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **3**
ĐIỂM XẾP HẠNG **73,78**	**4** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **80**
TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	**2** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh An Giang đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh An Giang đạt **73,78** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **29** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **giảm 10 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 10: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh An Giang phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[1]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**800**	**11,59**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**5091**	**73,78**
I. Theo loại tài liệu		

[1] Đã tính trọng số

1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1166	16,90
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1100	15,94
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	325	4,71
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020	350	5,07
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	350	5,07
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	0	0,00
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1600	23,19
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	0	0,00
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	0	0,00
II. Theo tiêu chí đánh giá		
I. Tính sẵn có	450	6,52
II. Tính kịp thời	375	5,43
III. Tính thuận tiện	650	9,42
IV. Tính đầy đủ	2416	35,01
V. Tính tin cậy	900	13,04
VI. Tính liên tục	300	4,35

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử (TTĐT) của Sở Tài chính và UBND tỉnh An Giang, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT sở Tài chính tỉnh An Giang có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các mục được chia rõ ràng và sắp xếp theo từng năm nhằm tạo thuận lợi cho việc truy cập và tìm kiếm các loại tài liệu.

- Các tài liệu được công bố trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh An Giang đều có định dạng excel nhằm tạo thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh An Giang đã công khai 6/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020, 6 tháng đầu năm 2020, 9 tháng năm 2020, và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- 05 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2020, Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2021, Kế hoạch đầu tư công năm 2021, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc năm 2021 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số 06 tài liệu ngân sách được công khai, có 04 tài liệu được công khai kịp thời trên trang TTĐT của Sở Tài chính. Cụ thể:

- 04 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020, 9 tháng năm 2020 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- 02 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách trình HĐND tỉnh năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh 11/13 biểu (từ biểu 33 đến biểu 45, thiếu biểu 39 và 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo không phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 44/CK-NSNN).
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ biểu 46 đến biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và

chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo không phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 57/CK-NSNN). Báo cáo cũng không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai không kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ biểu số 62 đến biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 3%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 3,5%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 2,6%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 3%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2019 của tỉnh là 3%.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 trình HĐND so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND phê duyệt là -10,4%. Mức thay đổi này chậm hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 trình HĐND tỉnh so với dự toán năm 2020 (78,46%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là -10,4%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (78,7%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2021 trình HĐND so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt là 1,85%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này thấp hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (78,46%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên lĩnh vực y tế và dân số năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt là 1,85%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (78,7%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đều được công khai liên tục trong 03 năm 2019, 2020 và 2021.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Sở Tài chính tỉnh An Giang công khai tất cả 3 tài liệu được khuyến khích công khai là Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2017, 2018 và 2019, Báo cáo tài chính và Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 5 năm 2021-2025.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính và không nhận được phản hồi.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh.
- Trang TTĐT của Sở Tài chính có công khai Quy chế và Quy trình cung cấp thông tin cho người dân của Sở.
- Cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2020 nhưng không có ý kiến về ngân sách.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có đường link dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo), công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021 (kỳ họp tháng 12/2020),và có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020. Các trang TTĐT của tỉnh cũng công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh.
- Về việc tuyên truyền, phổ biến về dự toán ngân sách 2021, tỉnh cho biết không sử dụng kênh thông tin gồm trang TTĐT của Sở Tài chính, trang TTĐT của HĐND và Cổng công khai ngân sách của Bộ Tài chính.

2. TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **3**	**11/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **31**
ĐIỂM XẾP HẠNG **90,45**	**7** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **40**
ĐẦY ĐỦ	**1** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đạt **90,45** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **3** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **giảm 1 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 11: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[2]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**400**	**5,80**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**6241**	**90,45**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1500	21,74
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1200	17,39
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	400	5,80

[2] Đã tính trọng số

4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020	400	5,80
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	375	5,43
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	400	5,80
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1166	16,90
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	200	2,90
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	200	2,90
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	100	1,45
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	100	1,45
II. Theo tiêu chí đánh giá		
I. Tính sẵn có	900	13,04
II. Tính kịp thời	575	8,33
III. Tính thuận tiện	800	11,59
IV. Tính đầy đủ	3200	46,38
V. Tính tin cậy	466	6,75
VI. Tính liên tục	300	4,35

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử (TTĐT) của Sở Tài chính và UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu có thư mục riêng về công khai ngân sách. Tuy nhiên, chỉ có các tài liệu như hướng dẫn dự toán, ngân sách công dân, tài chính công, nợ chính quyền địa phương, báo cáo thẩm tra ngân sách, báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước và báo cáo giải trình kiến nghị của cử tri là được xếp vào thư mục riêng. Các tài liệu còn lại không được xếp vào thư mục mà công bố đơn lẻ theo từng biểu mẫu. Thư mục công khai ngân sách trên cổng TTĐT của UBND tỉnh không được phân chia theo loại tài liệu hoặc theo năm mà chỉ có các tài liệu ngân sách được công khai chung trong mục Công khai tài chính – Ngân sách.

- Ba tài liệu được công khai trên cổng TTĐT của Sở Tài chính gồm Dự thảo dự toán thu chi ngân sách tỉnh trình HĐND, Dự toán ngân sách 2021 được phê duyệt và Quyết toán ngân sách 2019 đều có định dạng excel, thuận tiện cho việc sử dụng. Các tài liệu gồm Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, 6 tháng đầu năm 2020, 9 tháng đầu năm 2020 và cả năm 2020 được công khai trên cổng TTĐT của UBND tỉnh dưới dạng PDF nhưng dễ dàng chuyển đổi để sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai **9/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020, 6 tháng đầu năm 2020, 9 tháng năm 2020, cả năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2021, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh 6 tháng đầu năm 2020 và Kế hoạch đầu tư công năm 2021 (trong Dự toán ngân sách năm 2021 được phê duyệt có biểu số 58 về Danh mục dự án sử dụng vốn NSNN năm 2021).
- **01** tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có **07** tài liệu được công khai kịp thời trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính, UBND, và HĐND tỉnh; **01** tài liệu được công khai muộn. Cụ thể:

- **07** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh (26/11/2020), Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt (08/01/2021), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020 (14/4/2020), 6 tháng đầu năm 2020 (09/7/2020), cả năm 2020 (26/12/2020), Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt (31/12/2020) và Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2021 (13/12/2020).
- **01** tài liệu được công khai muộn là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020 (16/10/2020).

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo thuyết minh có giải thích về ưu tiên

của địa phương cho ít nhất một chính sách cụ thể và được minh chứng bằng số liệu. Báo cáo thuyết minh có nêu căn cứ dựa vào các chỉ tiêu PTKTXH trung hạn (2021-2025), kế hoạch tài chính trung hạn của tỉnh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ biểu 33 đến biểu 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 44/CK-NSNN).

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ biểu 46 đến biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 57/CK-NSNN). Báo cáo không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm

trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai không đi kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ biểu số 62 đến biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 38%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 17,4%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 18,1%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 28,3%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2019 của tỉnh là 5%.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 trình HĐND so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt là 6,6%. Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng nhanh hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (6,1%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã được HĐND tỉnh quyết định năm 2021 so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 6,6%. Thay đổi này là chưa

phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (6,1%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2021 trình HĐND so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt là 19,6%. Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng nhanh hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (6,1%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên lĩnh vực y tế và dân số năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định năm 2021 so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 19,6%. Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (6,1%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh được công khai liên tục trong 03 năm 2019, 2020 và 2021.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh được công khai liên tục trong 03 năm 2019, 2020 và 2021.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Trong 05 tài liệu được khuyến khích công khai, tỉnh công khai 04 tài liệu gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo tài chính của tỉnh, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023 và Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 05 năm 2021-2025. Có 01 tài liệu không được công khai là kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước tỉnh năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính vào ngày 26/01/2021 và sau 30 ngày vẫn chưa nhận được phản hồi.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh.
- Trang TTĐT của Sở Tài chính không công khai Quy chế và Quy trình cung cấp thông tin cho người dân của Sở.

- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường link dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo) và cũng không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021 (kỳ họp tháng 12/2020), không công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2020 và không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020.
- Chỉ có duy nhất 01 tài liệu về trụ cột tham gia của người dân được công khai trên trang TTĐT của HĐND tỉnh đó là báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh.

3. TỈNH BẮC KẠN

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH BẮC KẠN NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **32**	**9/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **43**
ĐIỂM XẾP HẠNG **71,93**	**7** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **30**
TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	**0** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Bắc Kạn đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Bắc Kạn đạt **71,93** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **32** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **giảm 12 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 12: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Bắc Kạn phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[3]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**300**	**4,35**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**4963**	**71,93**
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1115	16,16
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	765	11,09
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	400	5,80
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020	400	5,80
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	350	5,07
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	350	5,07
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1133	16,42
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	200	2,90
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	50	0,72
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	0	0,00
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	650	9,42
2. Tính kịp thời	500	7,25
3. Tính thuận tiện	750	10,87
4. Tính đầy đủ	2665	38,62
5. Tính tin cậy	266	3,86
6. Tính liên tục	132	1,91

[3]Đã tính trọng số

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

- Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn, nhóm nghiên cứu nhận thấy:
- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.
- 7 tài liệu được công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020; Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê chuẩn 2019 và Danh mục dự án đầu tư công 2021.
- 01 tài liệu định dạng ảnh PDF không thuận tiện cho người sử dụng chuyển đổi sang word, excel: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai 9/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020; Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê chuẩn 2019; Kế hoạch Đầu tư công năm 2021 (Biểu số 58 trong Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định) và Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020.
- 2 tài liệu ngân sách không công khai: Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2021 và Báo cáo thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

- Căn cứ vào chữ ký và dấu online trên các tài liệu ngân sách được công khai, nhóm nghiên cứu xác định tỉnh Bắc Kạn công khai kịp thời 7 tài liệu: Dự thảo dự toán

ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND; Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1, 6 tháng và 9 tháng năm 2020; Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn.

Tính đầy đủ của tài liệu

- Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh đủ 11/13 biểu theo quy định, tuy nhiên nội dung trong Biểu số 39 thiếu 3 mục: Chi Khoa học và công nghệ; Chi Thể dục thể thao và Chi Bảo đảm xã hội.
- Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định có 11/13 biểu, thiếu Biểu số 54 và Biểu số 57.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020, 6 tháng đầu năm 2020, 9 tháng đầu năm 2020 và Báo cáo thực hiện ngân sách năm 2020 đều có thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 133,3%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 92,2%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 99,13%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 93,7%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2019 của tỉnh là 98,8%.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 chưa phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh và dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục đào tạo đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là -87,5% và -87,5%. Cao hơn với mức thay đổi của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 -69,4% của tỉnh.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y

tế của tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh và dự toán chi thường xuyên cho y tế, dân số đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế, dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là -14,7 % và -14,7 %. Mức thay đổi này giảm ít hơn với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 -69,4% của tỉnh.

Tính liên tục

- Trên trang TTĐT của Sở Tài chính công khai 2 năm liên tiếp (2020 – 2021) Báo cáo Dự thảo dự toán trình HĐND tỉnh và Dự toán ngân sách được HĐND tỉnh quyết định.
- Trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh chỉ công khai Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Trong số 5 tài liệu không chấm điểm POBI 2020, có 2 tài liệu được công khai, gồm Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023 và Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025. Các tài liệu không được công khai gồm có: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2021 của tỉnh; Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018, 2019 và Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020.

Sự tham gia của người dân

- Trên trang TTĐT của Sở Tài chính có 2 nội dung đảm bảo dự tham gia của người dân: Có Thư mục hỏi đáp và Báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh.
- Các nội dung còn thiếu như sau: Quy chế và quy trình cung cấp thông tin cho người dân; Biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021; Báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh; Báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2020; Đường dẫn tới một trang mạng xã hội chính thức để trao đổi với người dân.

4. TỈNH BẮC GIANG

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH BẮC GIANG NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **31**	**8/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **22**
ĐIỂM XẾP HẠNG **73,49**	**7** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **50**
TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	**0** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Bắc Giang đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Bắc Giang đạt **73,49** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **31** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **giảm 25 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 13: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Bắc Giang phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[4]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**500**	**7,25**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**5071**	**73,49**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1066	15,45
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	932	13,51
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	375	5,43
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng	400	5,80

[4]Đã tính trọng số

đầu năm 2020		
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	400	5,80
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	400	5,80
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1098	15,91
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	200	2,90
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	0	0,00
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	600	8,70
2. Tính kịp thời	500	7,25
3. Tính thuận tiện	800	11,59
4. Tính đầy đủ	2873	41,64
5. Tính tin cậy	66	0,96
6. Tính liên tục	232	3,36

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Về tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính tỉnh Bắc Giang, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Bắc Giang có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.
- Các tài liệu đều được công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai 8/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách

tỉnh quý I năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020; Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê chuẩn 2019; Kế hoạch Đầu tư công năm 2021 (Biểu số 58 trong Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định).

- 3 tài liệu ngân sách không công khai: Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2021, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 và Báo cáo thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

- Căn cứ vào chữ ký và dấu online trên các tài liệu ngân sách được công khai, nhóm nghiên cứu xác định tỉnh Bắc Giang công khai kịp thời 8 tài liệu: Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND; Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định; Báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý 1 năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng và 9 tháng năm 2020; Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê chuẩn 2019 và Kế hoạch đầu tư công năm 2021.

Tính đầy đủ của tài liệu

- Dự thảo Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh công khai đủ 12/13 biểu theo quy định, có kèm theo báo cáo thuyết minh và còn thiếu Biểu số 34.
- Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định công khai 12/13 biểu. Biểu số 57 chỉ có bảng biểu không có số liệu, nội dung.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, 6 tháng đầu năm 2020, 9 tháng đầu năm 2020 và Báo cáo thực hiện ngân sách năm 2020 đều có thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Cả 4 tài liệu trên đều có kèm theo báo cáo thuyết minh.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 161,5%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 161,7%,

chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 125,3%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 147%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2019 của tỉnh là 117,8%.

- Không so sánh được mức thay đổi việc Lập dự toán chi cho lĩnh vực Giáo dục đào tạo và Y tế với Chi thường xuyên giữa năm 2020 và năm 2021 do không tìm được số liệu năm 2020 (Bảng 50 trong Dự toán ngân sách năm 2020 của tỉnh đã được HĐND quyết định).

Tính liên tục

- Báo cáo Dự thảo dự toán trình HĐND tỉnh và Dự toán được HĐND tỉnh quyết định được công khai trong 2 năm liên tục: 2020 và 2021.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh được công khai 2 năm liên tục: 2018 và 2019.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Trong số 5 tài liệu không chấm điểm POBI 2020, có Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023 được công khai. Các tài liệu không được công khai gồm có: Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020; Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2021 của tỉnh; Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018, 2019; Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

Sự tham gia của người dân

- Trên trang TTĐT của Sở Tài chính có 1 nội dung đảm bảo dự tham gia của người dân: Có Thư mục hỏi đáp.
- Các nội dung còn thiếu như sau: Quy chế và quy trình cung cấp thông tin cho người dân; Biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021; Báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh; Báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2020; Báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh và Đường dẫn tới một trang mạng xã hội chính thức để trao đổi với người dân.

5. TỈNH BẠC LIÊU

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH BẠC LIÊU NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **40**	**9/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **40**
ĐIỂM XẾP HẠNG **67,96**	**5** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **35**
TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	**1** tài liệu công bố chậm, **1** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Bạc Liêu đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Bạc Liêu đạt **67,96** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **40** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **tăng 16 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 14: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Bạc Liêu phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[5]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**350**	**5,07**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**4689**	**67,96**
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1299	18,83
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	333	4,83
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	375	5,43
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng	400	5,80

[5] Đã tính trọng số

đầu năm 2020		
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	400	5,80
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	400	5,80
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1082	15,68
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	100	1,45
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	100	1,45
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	650	9,42
2. Tính kịp thời	375	5,43
3. Tính thuận tiện	500	7,25
4. Tính đầy đủ	2499	36,22
5. Tính tin cậy	365	5,29
6. Tính liên tục	300	4,35

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính, UBND, và HĐND tỉnh Bạc Liêu, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Bạc Liêu có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.
- Trong số các tài liệu được công khai, **05** tài liệu được công bố bằng định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020. Có **04** tài liệu được công bố bằng

định dạng PDF dạng scan/file ảnh, không thuận tiện trong việc chuyển sang định dạng word/excel, bao gồm: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Kế hoạch Đầu tư công năm 2021 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh Bạc Liêu đã công khai **9/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Kế hoạch Đầu tư công năm 2021 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018.
- **02** tài liệu không được công bố công khai gồm: Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 và Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có **05** tài liệu được công khai kịp thời trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính, UBND, và HĐND tỉnh; **01** tài liệu được công khai muộn; **01** tài liệu không rõ ngày công khai. Cụ thể:

- **05** tài liệu công khai kịp thời gồm có: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh (04/12/2020), Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định (07/01/2021), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020 (15/07/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020 (15/10/2020) và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 (04/12/2020).
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020 (16/04/2020) được công khai muộn.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn không rõ ngày công khai.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh: Báo cáo công khai đầy đủ báo cáo thuyết minh và 13 biểu theo quy định của TT 343. Tuy nhiên,

báo cáo thuyết minh không nêu căn cứ dựa vào các chỉ tiêu phát triển kinh tế-xã hội trung hạn (2021-2025), kế hoạch tài chính trung hạn của tỉnh. Biểu số 35 phản ánh đầy đủ các khoản thu (18 mục nhỏ), nhưng có ba mục không chi tiết theo từng loại sắc thuế, bao gồm: Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý, Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định: Các bảng biểu được công khai trong báo cáo không theo mẫu của TT 343. Trong đó, chỉ có phụ lục số 1, phụ lục số 2 và phụ lục số 7 lần lượt phản ánh ba biểu tương tự như trong TT 343 bao gồm các Biểu số 46, Biểu số 48 và Biểu số 49. Phụ lục số 1 (tương ứng với Biểu số 46 theo TT 343) chỉ phản ánh 2/5 mục lớn theo quy định, không phản ánh bội chi NSĐP/bội thu NSĐP, chi trả nợ gốc của NSĐP, và tổng mức vay của NSĐP. Phụ lục số 2 (tương ứng với Biểu số 48 theo TT 343) chỉ phản ánh 17/18 mục thu, thiếu thuế đất nông nghiệp. Báo cáo cũng không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn: Các bảng biểu được công khai trong báo cáo cũng không theo mẫu của TT 343 và không được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Tuy nhiên, 7 biểu theo quy định của TT 343 đều được phản ánh cụ thể và đầy đủ trong báo cáo.
- Ngoài ra, các câu hỏi còn lại về tính đầy đủ của các tài liệu đã công khai đều được đáp ứng đầy đủ.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh nhìn chung chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 62,41%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 121,77%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 5,05%, chênh lệch giữa quyết toán và dự án chi thường xuyên của tỉnh năm 2019 của tỉnh là 9,14%.
- Tuy nhiên, lập dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh đã đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 2,28%.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 trình HĐND so với dự toán chi thường

xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là âm 4,15%. Mức giảm này ít hơn so với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 trình HĐND so với năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định (âm 8,95%) của tỉnh.

- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 chưa phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế của tỉnh năm 2021 trình HĐND so với dự toán chi thường xuyên cho y tế, dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là âm 27,48%. Mức giảm này cao hơn so với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 trình HĐND so với năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định (âm 8,95%) của tỉnh.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh quyết định và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê chuẩn đều được công khai liên tục trong ba năm trên trang TTĐT của tỉnh.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Trong số 5 tài liệu không chấm điểm POBI 2020, có **02** tài liệu được công khai, bao gồm: Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023 và Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.
- **03** tài liệu không được công khai bao gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2021, Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2018 và Báo cáo tài chính của tỉnh.

Sự tham gia của người dân

- Trên trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới các công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh.
- Đồng thời, tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021, báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh và báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh.
- Báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020 được công khai nhưng không có ý kiến về ngân sách.

6. TỈNH BẮC NINH

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH BẮC NINH NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **27**	**9/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **43**
ĐIỂM XẾP HẠNG **75,09**	**7** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **30**
ĐẦY ĐỦ	**0** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Bắc Ninh đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Bắc Ninh đạt **75,09** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **27** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **giảm 5 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 15: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Bắc Ninh phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[6]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**300**	**4,35**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**5181**	**75,09**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1150	16,67
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1016	14,72
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	400	5,80
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng	400	5,80

[6]Đã tính trọng số

đầu năm 2020		
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	400	5,80
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	350	5,07
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	965	13,99
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	200	2,90
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	100	1,45
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	0	0,00
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	700	10,14
2. Tính kịp thời	500	7,25
3. Tính thuận tiện	800	11,59
4. Tính đầy đủ	2348	34,03
5. Tính tin cậy	533	7,72
6. Tính liên tục	300	4,35

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.
- Các tài liệu đều được công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai 9/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách

tỉnh quý 1/2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020; Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020; Kế hoạch Đầu tư công năm 2021 (Biểu số 58 trong Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định); Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê chuẩn 2019.

- 2 tài liệu ngân sách không công khai: Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2021 và Báo cáo thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

- Căn cứ vào chữ ký và dấu online trên các tài liệu ngân sách được công khai, nhóm nghiên cứu xác định tỉnh Bắc Ninh công khai kịp thời 8 tài liệu: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh; Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, cả năm 2020 và Kế hoạch đầu tư công năm 2021.

Tính đầy đủ của tài liệu

- Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh kèm thuyết minh có 10/13 biểu: Biểu số 33; Biểu số 34; Biểu số 35; Biểu số 35; Biểu số 36; Biểu số 37; Biểu số 38; Biểu số 40; Biểu số 42; Biểu số 43; Biểu số 44. Tuy nhiên các biểu này cũng không giống như hướng dẫn trong TT 343. Các biểu còn thiếu: Biểu số 39, Biểu số 41, Biểu số 45.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định có 11/13 biểu. Các biểu còn thiếu là: Biểu số 54, Biểu số 57. Trong đó Biểu số 46 đủ mục nhưng không giống như quy định ở TT 343. Biểu số 52 thiếu mục chi Khoa Học và công nghệ.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 đều có thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn kèm thuyết minh, có 6/7 biểu theo quy định của TT 343, thiếu Biểu số 68.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 57%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 19%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 2%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 69%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2019 của tỉnh là (11%).
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 trình HĐND và dự toán chi thường xuyên lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 26,9% và 26,9%. Mức thay đổi này giảm tăng với mức giảm thay đổi của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (1,9%) của tỉnh.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế của tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh và dự toán chi thường xuyên cho y tế, dân số đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế, dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 2,4% và 2,4%. Mức thay đổi này tăng với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (1,9 %) của tỉnh.

Tính liên tục

- Báo cáo Dự thảo dự toán trình HĐND tỉnh và Dự toán được HĐND tỉnh quyết định trong 3 năm 2019, 2020 và 2021. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2017, 2018 và 2019 được công khai liên tục trên cổng TTĐT của tỉnh .

Công khai các tài liệu được khuyến khích:

- Trong số 5 tài liệu không chấm điểm POBI 2020, có 2 tài liệu được công khai, gồm có Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023 và Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025. Các tài liệu không được công khai gồm có Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2021 của tỉnh; Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018, 2019; Báo cáo tài chính của tỉnh.

Sự tham gia của người dân

- Trên trang TTĐT của Sở Tài chính có 2 nội dung đảm bảo dự tham gia của người dân: Có Thư mục hỏi đáp và có đường dẫn tới một trang Facebook (mạng xã hội) chính thức để trao đổi với người dân.
- Các nội dung còn thiếu như sau: Quy chế và quy trình cung cấp thông tin cho người dân; Biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021; Báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh, Báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh; Báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2020.

7. TỈNH BẾN TRE

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH BẾN TRE NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **8**	**8/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **7**
ĐIỂM XẾP HẠNG **85,89**	**6** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **70**
ĐẦY ĐỦ	**1** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Bến Tre đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Bến Tre đạt **85,59** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **8** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **tăng 23 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 16: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Bến Tre phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[7]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**700**	**10,14**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**5906**	**85,59**
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1366	19,80
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1166	16,90
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	375	5,43
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020	400	5,80
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	400	5,80
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	400	5,80
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1399	20,28
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	200	2,90
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	0	0,00
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	600	8,70
2. Tính kịp thời	475	6,88
3. Tính thuận tiện	800	11,59
4. Tính đầy đủ	3400	49,28
5. Tính tin cậy	331	4,80
6. Tính liên tục	300	4,35

[7] Đã tính trọng số

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử (TTĐT) của Sở Tài chính và UBND tỉnh Bến Tre, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT sở Tài chính tỉnh Bến Tre có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các mục được chia rõ ràng và sắp xếp theo từng năm nhằm tạo thuận lợi cho việc truy cập và tìm kiếm các loại tài liệu.
- Các tài liệu được công bố trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Bến Tre đều có định dạng word/excel nhằm tạo thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai 8/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020, 6 tháng đầu năm 2020, 9 tháng năm 2020, cả năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Kế hoạch đầu tư công năm 2021 (trong Dự toán ngân sách năm 2021 được phê duyệt có biểu số 58 về Danh mục dự án sử dụng vốn NSNN năm 2021).
- 03 tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2021 , Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc năm 2021 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

- Trong số 08 tài liệu ngân sách được công khai, có 06 tài liệu được công khai kịp thời trên trang TTĐT của Sở Tài chính. Cụ thể:
- 06 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh (19/11/2020), Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt (31/12/2020), , 6 tháng đầu năm 2020 (15/7/2020), 9 tháng năm 2020 (08/10/2020), cả năm 2020 (07/01/2021) và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt (19/11/2020).
- 01 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020 (20/4/2020).

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh: Báo cáo không được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ biểu 33 đến biểu 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 44/CK-NSNN).
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ biểu 46 đến biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 57/CK-NSNN). Báo cáo có phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số

liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ biểu số 62 đến biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 55,8%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 36,5%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 1,16%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 13,3%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2019 của tỉnh là 6%.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 trình HĐND so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND phê duyệt là -10,4%. Mức thay đổi này chậm hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 trình HĐND tỉnh so với dự toán năm 2020 (78,46%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020

đã được HĐND tỉnh quyết định là -10,4%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (78,7%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2021 trình HĐND so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt là 1,85%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này thấp hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (78,46%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên lĩnh vực y tế và dân số năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt là 1,85%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (78,7%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đều được công khai liên tục trong 03 năm 2019, 2020 và 2021.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Sở Tài chính tỉnh Bến Tre không công khai tất cả 05 tài liệu được khuyến khích công khai.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính và nhận được phản hồi sau 30 ngày.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh.
- Trang TTĐT của Sở Tài chính có công khai Quy chế và Quy trình cung cấp thông tin cho người dân của Sở.

- Cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2020 nhưng không có ý kiến về ngân sách.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có đường link dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo). có công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021 (kỳ họp tháng 12/2020),và công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020. Các trang TTĐT của tỉnh cũng công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh.
- Về việc tuyên truyền, phổ biến về dự toán ngân sách 2021, tỉnh không sử dụng kênh thông tin gồm trang TTĐT của Sở Tài chính, trang TTĐT của HĐND và Cổng công khai ngân sách của Bộ Tài chính.

8. TỈNH BÌNH ĐỊNH

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH BÌNH ĐỊNH NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **7**	**10/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **22**
ĐIỂM XẾP HẠNG **88,13**	**8** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **50**
ĐẦY ĐỦ	**0** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Bình Định đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Bình Định đạt **88,13** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **7** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **không thay đổi về hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 17: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Bình Định phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[8]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**500**	**7,25**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**6081**	**88,13**
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1366	19,80
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1066	15,45
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	400	5,80
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020	400	5,80
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	400	5,80
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	400	5,80
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1349	19,55
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	200	2,90
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	200	2,90
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	100	1,45
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	0	0,00
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	800	11,59
2. Tính kịp thời	600	8,70
3. Tính thuận tiện	750	10,87
4. Tính đầy đủ	3166	45,88
5. Tính tin cậy	465	6,74
6. Tính liên tục	300	4,35

[8] Đã tính trọng số

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính tỉnh Bình Định, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung
- Trên website của Sở Tài chính tỉnh có 7/8 loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai ở dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020; Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 và Kế hoạch Đầu tư công năm 2021
- Đối với Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: trên website của Sở Tài chính có công khai ở cả hai định dạng excel và PDF, tuy nhiên đường dẫn trực tiếp để download biểu excel bị lỗi. Vì vậy, chỉ có bảng biểu được công khai ở định dạng PDF được chấp nhận.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai **10/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020; Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt); Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc năm 2021 và Kế hoạch Đầu tư công năm 2021.
- 01 tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có **08** tài liệu được công khai kịp thời trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính, UBND, và HĐND tỉnh. Cụ thể:

- **08** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020; Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt) và Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

Nhóm nghiên cứu có một số nhận xét về tính đầy đủ của các loại tài liệu chấm điểm POBI như sau:

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo thuyết minh có giải thích về ưu tiên của địa phương cho ít nhất một chính sách cụ thể và được minh chứng bằng số liệu. Báo cáo thuyết minh có nêu căn cứ dựa vào các chỉ tiêu PTKTXH trung hạn (2021-2025), kế hoạch tài chính trung hạn của tỉnh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ Biểu số 33 đến Biểu số 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 44/CK-NSNN). Tuy nhiên, Biểu số 35/CK-NSNN chưa phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (chỉ có 17 mục nhỏ).
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ Biểu số 46 đến Biểu số 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Báo cáo có phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 57/CK-NSNN). Báo cáo cũng phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương. Tuy nhiên, Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh chưa đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (chỉ có 17 mục nhỏ).

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai đi kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ biểu số 62 đến biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 56%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 42,3%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 5,3%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 12,2%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2019 của tỉnh là 3,4%.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 trình HĐND so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt là -0,47%. Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này giảm chậm hơn so với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (-1,96%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã được HĐND tỉnh quyết định năm 2021 so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là -0,47%. Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này giảm chậm hơn so với với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (-1,96%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2021 trình HĐND so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt là -10,01%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm nhanh hơn so với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (-1,96%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên lĩnh vực y tế và dân số năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định năm 2021 so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là -10,01%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (-1,96%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh và Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai liên tục trong 03 năm 2019, 2020 và 2021.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh được công khai liên tục trong 03 năm 2017, 2018 và 2019.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Tỉnh không công khai tài liệu nào trong số 05 tài liệu được khuyến khích công khai, bao gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo tài chính của tỉnh, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023 và Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 05 năm 2021-2025, và kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước tỉnh năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính vào ngày 26/01/2021 và sau 30 ngày vẫn chưa nhận được phản hồi.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh.
- Trang TTĐT của Sở Tài chính có công khai Quy chế và Quy trình cung cấp thông tin cho người dân của Sở.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường link dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo)
- Trang TTĐT UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021 (Kỳ họp tháng 12/2020
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh (bao gồm báo cáo thẩm tra quyết toán 2019 hoặc dự thảo dự toán 2021).
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020.

9. TỈNH BÌNH DƯƠNG

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH BÌNH DƯƠNG NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **10**	**9/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **9**
ĐIỂM XẾP HẠNG **84,23**	**8** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **65**
ĐẦY ĐỦ	**0** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Bình Dương đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Bình Dương đạt **84,28** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **10** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **tăng 3 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 18: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Bình Dương phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[9]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**650**	**9,42**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**5815**	**84,28**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1216	17,62
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1166	16,90
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	400	5,80

[9] Đã tính trọng số

4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020	400	5,80
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	400	5,80
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	400	5,80
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1233	17,87
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	200	2,90
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	200	2,90
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	0	0,00
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	700	10,14
2. Tính kịp thời	600	8,70
3. Tính thuận tiện	800	11,59
4. Tính đầy đủ	3250	47,10
5. Tính tin cậy	165	2,39
6. Tính liên tục	300	4,35

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử (TTĐT) của Sở Tài chính và UBND tỉnh Bình Dương, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Bình Dương có thư mục riêng về công khai ngân sách. Tuy nhiên, việc phân chia chưa thuận tiện cho việc tìm kiếm thông tin. Tài liệu dự thảo trình nằm trong mục tài liệu dự toán đã được phê duyệt. Người dân sẽ không phân biệt được hai tài liệu trên nếu như không tải về và mở ra xem.
- Các tài liệu được công khai trên cổng TTĐT của Sở Tài chính đều có định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai 9/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020, 6 tháng đầu năm 2020, 9 tháng năm 2020, cả năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2021 và Kế hoạch đầu tư công năm 2021 (trong Dự toán ngân sách năm 2021 được phê duyệt có biểu số 58 về Danh mục dự án sử dụng vốn NSNN năm 2021).
- 02 tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc năm 2021 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số **8** tài liệu ngân sách được chấm điểm tính kịp thời, tất cả đều được công khai đúng hạn trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính: Cụ thể:

- **08** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh (23/11/2020), Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt (06/01/2021), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020 (10/4/2020), 6 tháng đầu năm 2020 (13/7/2020), 9 tháng năm 2020 (12/10/2020), cả năm 2020 (18/11/2020), Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt (06/01/2021) và Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2021 (30/11/2020).

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ biểu 33 đến biểu 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 44/CK-NSNN).

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ biểu 46 đến biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 57/CK-NSNN). Báo cáo có phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ biểu số 62 đến biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 34%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 25%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 32,5%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 53%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2019 của tỉnh là 10%.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 trình HĐND so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND phê duyệt là 1,5%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này chậm hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 trình HĐND tỉnh so với dự toán năm 2020 (4,2%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 1,5%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (4,2%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2021 trình HĐND so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt là 1,1%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này thấp hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (4,2%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên lĩnh vực y tế và dân số năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt là 1,1%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (4,2%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đều được công khai liên tục trong 03 năm 2019, 2020 và 2021.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Trong 05 tài liệu được khuyến khích công khai, tỉnh chỉ công khai 01 tài liệu là: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2021.
- Có 04 tài liệu không được công khai gồm: Báo cáo tài chính của tỉnh, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 05 năm 2021-2025 và Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước tỉnh năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính và có nhận được phản hồi chỉ sau 02 ngày.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh.
- Trang TTĐT của Sở Tài chính có công khai Quy chế và Quy trình cung cấp thông tin cho người dân của Sở.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có đường link dẫn tới trang Facebook chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân và không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021 (kỳ họp tháng 12/2020), không công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2020 và không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND

tỉnh tháng 12/2020. Các trang TTĐT của tỉnh cũng không công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh.

- Về việc tuyên truyền, phổ biến về dự toán ngân sách 2021, tỉnh cho biết có sử dụng kênh thông tin gồm trang TTĐT của Sở Tài chính và Cổng công khai ngân sách của Bộ Tài chính.

10. TỈNH BÌNH PHƯỚC

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH BÌNH PHƯỚC NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **63**	**0/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **31**
ĐIỂM XẾP HẠNG **3,84**	**0** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **40**
ÍT	**0** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Bình Phước đã công bố **ÍT** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Bình Phước đạt **3,84** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **63** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **giảm 21 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 19: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Bình Phước phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[10]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**400**	**5,80**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**265**	**3,84**
I. Theo loại tài liệu		

[10] Đã tính trọng số

1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	33	0,48
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	33	0,48
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	0	0,00
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020	0	0,00
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	0	0,00
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	0	0,00
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	33	0,48
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	0	0,00
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	0	0,00
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	0	0,00
2. Tính kịp thời	0	0,00
3. Tính thuận tiện	166	2,41
4. Tính đầy đủ	0	0,00
5. Tính tin cậy	0	0,00
6. Tính liên tục	99	1,43

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính tỉnh Bình Phước, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách trên cổng TTĐT của STC tỉnh chỉ phân theo hai nhóm (i) dự toán và quyết toán và (ii) Tình hình thực hiện theo quý. Các báo cáo chấm điểm cho POBI 2020 hầu như vẫn chưa được cập nhật vào thời điểm khảo sát

- Không có loại tài liệu chấm điểm về định dạng nào được ghi nhận công khai trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Bình Phước, vậy tỉnh không được chấm điểm đối với các câu hỏi này

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã không công khai bất kỳ tài liệu nào trong số các loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020; Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt); Kế hoạch Đầu tư công năm 2021; Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021; Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

- Các loại tài liệu chấm điểm về tính kịp thời đều không được công khai trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh, vậy tỉnh không được chấm điểm đối với tiêu chí này.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Các loại tài liệu chấm điểm về tính đầy đủ đều không được công khai trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh, vậy tỉnh không được chấm điểm đối với tiêu chí này.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Các loại tài liệu chấm điểm về tính tin cậy đều không được công khai trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh, vậy tỉnh không được chấm điểm đối với tiêu chí này.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh chỉ được công khai đối với năm 2020.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt chỉ được công khai đối với năm 2019.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh chỉ được công khai đối với năm 2017.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Tỉnh công khai 1/5 tài liệu được khuyến khích công khai, đó là: Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023.
- Các tài liệu được khuyến khích nhưng không được công khai bao gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo tài chính của tỉnh, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 05 năm 2021-2025, và kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước tỉnh năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính vào ngày 26/01/2021 và sau 30 ngày vẫn chưa nhận được phản hồi.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh.
- Trang TTĐT của Sở Tài chính có công khai Quy chế và Quy trình cung cấp thông tin cho người dân của Sở.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường link dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).
- Trang TTĐT UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021 (Kỳ họp tháng 12/2020
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh (bao gồm báo cáo thẩm tra quyết toán 2019 hoặc dự thảo dự toán 2021).
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020.

11. TỈNH BÌNH THUẬN

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH BÌNH THUẬN NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **52**	**7/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **48**
ĐIỂM XẾP HẠNG **55,03**	**3** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **25**
TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	**2** tài liệu công bố chậm, **1** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Bình Thuận đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Bình Thuận đạt **55,03** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **52** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **giảm 28 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 20: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Bình Thuận phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[11]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**250**	**3,62**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**3797**	**55,03**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	66	0,96
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	465	6,74
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	375	5,43

[11] Đã tính trọng số

4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020	375	5,43
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	400	5,80
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	400	5,80
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1366	19,80
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	150	2,17
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	0	0,00
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	500	7,25
2. Tính kịp thời	225	3,26
3. Tính thuận tiện	475	6,88
4. Tính đầy đủ	2033	29,46
5. Tính tin cậy	332	4,81
6. Tính liên tục	232	3,36

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử (TTĐT) của Sở Tài chính và UBND tỉnh Bình Thuận, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT sở Tài chính tỉnh Bình Thuận có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các mục được chia rõ ràng và sắp xếp theo từng năm nhằm tạo thuận lợi cho việc truy cập và tìm kiếm các loại tài liệu.
- Các tài liệu được công bố trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Bình Thuận đều có định dạng excel nhằm tạo thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Bình Thuận đã công khai 7/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2020, Báo cáo dự toán ngân sách

tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, 6 tháng đầu năm 2020, 9 tháng năm 2020, cả năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, và Kế hoạch đầu tư công năm 2020.

- 04 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2021, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc năm 2021 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số 06 tài liệu ngân sách được công khai, có 03 tài liệu được công khai kịp thời trên trang TTĐT của Sở Tài chính. Cụ thể:

- 03 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020 và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2020.
- 03 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng năm 2020 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh 5/13 biểu (từ Biểu số 46 đến Biểu số 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN không phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo có phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 57/CK-NSNN). Báo cáo không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm

trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai không kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ biểu số 62 đến biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh không đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 82,74%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 53,1%, chênh

lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 3,9%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 6,52%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2019 của tỉnh là 4,5%.

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 trình HĐND so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND phê duyệt là 33,4%. Mức thay đổi này chậm hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 trình HĐND tỉnh so với dự toán năm 2020 (63,5%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 33,4%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (63,5%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2021 trình HĐND so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt là 43,67%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này thấp hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (63,5%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên lĩnh vực y tế và dân số năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt là 43,67%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (63,5%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh và Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt đều được công khai liên tục trong 02 năm 2020 và 2021.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2017, 2018 và 2019 đều được công khai liên tục.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Sở Tài chính tỉnh Bình Thuận không công khai tất cả 5 tài liệu được khuyến khích công khai

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính và không nhận được phản hồi.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh.
- Trang TTĐT của Sở Tài chính không công khai Quy chế và Quy trình cung cấp thông tin cho người dân của Sở.
- Cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2020 nhưng không có ý kiến về ngân sách.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường link dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo), công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021 (kỳ họp tháng 12/2020),và có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020. Các trang TTĐT của tỉnh cũng không công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh.
- Về việc tuyên truyền, phổ biến về dự toán ngân sách 2021, tỉnh cho biết không sử dụng kênh thông tin gồm trang TTĐT của Sở Tài chính, trang TTĐT của HĐND và Cổng công khai ngân sách của Bộ Tài chính.

12. TỈNH CÀ MAU

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH CÀ MAU NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **23**	**8/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **17**
ĐIỂM XẾP HẠNG **76,39**	**6** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **55**
ĐẦY ĐỦ	**1** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Cà Mau đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Cà Mau đạt **76,39** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **23** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **tăng 27 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 21: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Cà Mau phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[12]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**550**	**7,97**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**5271**	**76,39**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1231	17,84
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1133	16,42
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	325	4,71
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng	325	4,71

[12] Đã tính trọng số

đầu năm 2020		
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	400	5,80
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	375	5,43
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1082	15,68
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	200	2,90
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	0	0,00
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	600	8,70
2. Tính kịp thời	450	6,52
3. Tính thuận tiện	800	11,59
4. Tính đầy đủ	2823	40,91
5. Tính tin cậy	332	4,81
6. Tính liên tục	266	3,86

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính tỉnh Cà Mau, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.
- Trên website của Sở Tài chính tỉnh có **8/8** loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai ở dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020; Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh

năm 2020; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Kế hoạch Đầu tư công năm 2021.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai **8/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020; Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; và Kế hoạch Đầu tư công năm 2021.
- 03 tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt); Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc năm 2021 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có **06** tài liệu được công khai kịp thời trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính, UBND, và HĐND tỉnh; **01** tài liệu được công khai muộn. Cụ thể:

- **06** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020; và Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020.
- 01 tài liệu trong đó không xác định được ngày đăng tải lên trang TTĐT (tỉnh không công khai ngày đăng hoặc công khai nội bộ), đó là Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt).

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

Nhóm nghiên cứu có một số nhận xét về tính đầy đủ của các loại tài liệu chấm điểm POBI như sau:

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo thuyết minh có giải thích về ưu tiên

của địa phương cho ít nhất một chính sách cụ thể và được minh chứng bằng số liệu. Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ Biểu số 33 đến Biểu số 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 39/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 44/CK-NSNN). Tuy nhiên, thuyết minh dự thảo không nêu căn cứ dựa vào các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trung hạn (2021-2025) và kế hoạch tài chính trung hạn của tỉnh. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và nhưng không chi tiết các mục nhỏ (cụ thể, mục A thiếu Thu từ quỹ dự trữ tài chính; Mục B thiếu chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương). Biểu số 35/CK-NSNN có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và nhưng không chi tiết thuế phí theo huyện, xã, phường; không chi tiết khoản thu từ xổ số kiến thiết theo sắc thuế.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ biểu 46 đến biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Báo cáo có phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 57/CK-NSNN). Báo cáo cũng phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương. Tuy nhiên, Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và nhưng không chi tiết các mục nhỏ (cụ thể, mục A thiếu Thu từ quỹ dự trữ tài chính; Mục B thiếu chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương). Biểu số 48/CK-NSNN có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và nhưng không chi tiết thuế phí theo huyện, xã, phường; không chi tiết khoản thu từ xổ số kiến thiết theo sắc thuế.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020: Báo cáo phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, Báo cáo không được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn theo Thông tư 343 nhưng mục A.I thiếu thu từ dầu thô, viện trợ.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020: Báo cáo phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của

cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, Báo cáo không được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn theo Thông tư 343 nhưng mục A.I thiếu thu từ dầu thô, viện trợ.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn theo Thông tư 343 nhưng mục A.I thiếu thu từ dầu thô, viện trợ.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2020: Báo cáo phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, Báo cáo không được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn theo Thông tư 343 nhưng mục A.I thiếu thu từ dầu thô, viện trợ.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ biểu số 62 đến biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN). Tuy nhiên, Báo cáo không được công khai đi kèm với báo cáo thuyết minh. Biểu số 63/CK-NSNN có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ nhưng không chi tiết các khoản Thuế BVMT, thu phí lệ phí không chi tiết theo huyện, xã, phường và thu từ xổ số kiến thiết. Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn nhưng không chi tiết trong Mục B (thiếu chi tạo nguồn và điều chỉnh tiền lương).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 37%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 29,81%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 15,1%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019

của tỉnh là 53,12%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2019 của tỉnh là 6,72%.

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 đã được HĐND phê duyệt so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt là 2,4%. Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng trong khi tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 giảm (5,39%).
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2021 đã được HĐND phê duyệt so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt là (5,6%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm nhanh hơn so với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (5,39%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh được công khai liên tục đối với hai năm 2020 và 2021. Dự thảo dự toán trình HĐND tỉnh năm 2019 không được công khai trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai liên tục trong 03 năm 2019, 2020 và 2021.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh được công khai liên tục trong 03 năm 2017, 2018 và 2019.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Tỉnh công khai **3/5** tài liệu được khuyến khích công khai, bao gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2021, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023 và Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 05 năm 2021-2025.
- Hai tài liệu khuyến khích không được công khai là: Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018, 2019 của tỉnh và Báo cáo tài chính của tỉnh.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính vào ngày 26/01/2021 nhưng email Sở cung cấp báo lỗi không hỗ trợ mã hóa và không truy cập được.

- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh.
- Trang TTĐT của Sở Tài chính có công khai Quy chế và Quy trình cung cấp thông tin cho người dân của Sở.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có đường link dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo)
- Trang TTĐT UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021 (Kỳ họp tháng 12/2020
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh (bao gồm báo cáo thẩm tra quyết toán 2019 hoặc dự thảo dự toán 2021).
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020, tuy nhiên báo cáo không bao gồm ý kiến về ngân sách.

13. THÀNH PHỐ CẦN THƠ

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ CẦN THƠ NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **56**	**5/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **9**
ĐIỂM XẾP HẠNG **53,32**	**3** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **65**
TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	**0** tài liệu công bố chậm, **2** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy thành phố Cần Thơ đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của thành phố Cần Thơ đạt **53,32** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **56** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **giảm 24 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 22: Kết quả chấm POBI 2020 thành phố Cần Thơ phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[13]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**650**	**9,42**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**3679**	**53,32**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	766	11,10
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1000	14,49
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	400	5,80
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020	0	0,00
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	0	0,00
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	400	5,80
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	913	13,23
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	0	0,00
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	0	0,00
II. Theo tiêu chí đánh giá		

[13] Đã tính trọng số

1. Tính sẵn có	400	5,80
2. Tính kịp thời	200	2,90
3. Tính thuận tiện	500	7,25
4. Tính đầy đủ	2215	32,10
5. Tính tin cậy	198	2,87
6. Tính liên tục	166	2,41

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử (TTĐT) của Sở Tài chính và UBND Thành phố Cần Thơ, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT sở Tài chính Thành phố Cần Thơ có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các mục được chia rõ ràng và sắp xếp theo từng năm nhằm tạo thuận lợi cho việc truy cập và tìm kiếm các loại tài liệu.
- Các tài liệu được công bố trên cổng TTĐT của Sở Tài chính Thành phố Cần Thơ đều có định dạng excel nhằm tạo thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính Thành phố Cần Thơ đã công khai 5/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2021 trình HĐND thành phố, Báo cáo dự toán ngân sách thành phố năm 2021 đã được HĐND thành phố phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố quý 1 năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố năm 2019 đã được HĐND thành phố phê duyệt và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố năm 2020.
- 07 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm 2020, 9 tháng năm 2020, Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2021, Kế hoạch đầu tư công năm 2021, Báo cáo tình hình nợ công của thành phố năm 2020 hoặc năm 2021, Báo cáo Đầu tư công 2021 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

- Trong số 05 tài liệu ngân sách được công khai, cả 03 tài liệu trên đều được Sở Tài chính Thành phố Cần Thơ công khai kịp thời là: Báo cáo dự toán ngân sách thành

phố năm 2021 đã được HĐND thành phố phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố quý 1 năm 2020 và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2020.

- 02 tài liệu không rõ ngày công khai là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2021 trình HĐND thành phố và Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố năm 2019.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2021 trình HĐND thành phố: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh 11/13 biểu (từ Biểu số 33 đến Biểu số 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Biểu số 39/CK-NSNN không phản ánh chi tiết 8 lĩnh vực đầu tư. Báo cáo không phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 44/CK-NSNN).
- Báo cáo dự toán ngân sách thành phố năm 2021 đã được HĐND thành phố phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ biểu 46 đến biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo không phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 57/CK-NSNN). Báo cáo cũng không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố quý 1 năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm

trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố năm 2019 đã được HĐND thành phố phê duyệt: Báo cáo được công khai không kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của thành phố tương đối đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của thành phố là 7%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của thành phố là 3%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của thành phố là 2%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của thành phố là 2%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của thành phố năm 2019 là 1%.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của thành phố năm 2021 trình HĐND so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND phê duyệt là 6%. Mức thay đổi này nhanh hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 trình HĐND thành phố so với dự toán năm 2020 (4%) đã được HĐND thành phố phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã được HĐND thành phố quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND thành phố quyết định là 6%. Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (4%) đã được HĐND thành phố phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của thành phố năm 2021 trình HĐND so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm

2020 đã được HĐND thành phố phê duyệt là 7%. Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này thấp hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (4%) đã được HĐND thành phố phê duyệt.

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên lĩnh vực y tế và dân số năm 2021 đã được HĐND thành phố phê duyệt so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2020 đã được HĐND thành phố phê duyệt là 7%. Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (4%) đã được HĐND thành phố phê duyệt.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2021 trình HĐND thành phố, Báo cáo dự toán ngân sách thành phố năm 2021 đã được HĐND thành phố phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố năm 2019 đều được công khai liên tục trong 03 năm 2019, 2020 và 2021.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Sở Tài chính Thành phố Cần Thơ không công khai tất cả 05 tài liệu được khuyến khích công khai.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính và có nhận được phản hồi chỉ sau 14 ngày.
- Trang TTĐT của UBND thành phố, HĐND thành phố và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2021 trình HĐND thành phố.
- Trang TTĐT của Sở Tài chính không có công khai Quy chế và Quy trình cung cấp thông tin cho người dân của Sở.
- Cổng TTĐT của UBND thành phố, HĐND thành phố và Sở Tài chính có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND thành phố tháng 12 năm 2020 nhưng không có ý kiến về ngân sách.
- Trang TTĐT của UBND thành phố, HĐND thành phố và Sở Tài chính có đường link dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của thành phố để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo), công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của thành phố năm 2021 (kỳ họp tháng 12/2020),và có công khai

báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ thành phố trình kỳ họp HĐND thành phố tháng 12/2020. Các trang TTĐT của thành phố cũng công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND thành phố.

- Về việc tuyên truyền, phổ biến về dự toán ngân sách 2021, thành phố cho biết không sử dụng kênh thông tin gồm trang TTĐT của Sở Tài chính, trang TTĐT của UBND Thành phố Cần Thơ.

14. TỈNH CAO BẰNG

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH CAO BẰNG NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **5**	**10/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **27**
ĐIỂM XẾP HẠNG **88,88**	**8** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **45**
ĐẦY ĐỦ	**0** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Cao Bằng đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Cao Bằng đạt **88,88** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **5** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **tăng 7 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 23: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Cao Bằng phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[14]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**450**	**6,52**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**6133**	**88,88**

[14] Đã tính trọng số

I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1200	17,39
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1300	18,84
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	400	5,80
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020	400	5,80
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	400	5,80
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	400	5,80
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1333	19,32
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	200	2,90
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	200	2,90
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	100	1,45
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	0	0,00
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	800	11,59
2. Tính kịp thời	600	8,70
3. Tính thuận tiện	800	11,59
4. Tính đầy đủ	3000	43,48
5. Tính tin cậy	633	9,17
6. Tính liên tục	300	4,35

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử (TTĐT) của Sở Tài chính và UBND tỉnh Cao Bằng, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Cao Bằng có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các tài liệu được công khai đều được xếp vào thư mục riêng. Thư mục công

khai ngân sách trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh được phân chia theo loại tài liệu.

- **10** tài liệu được công khai trên cổng TTĐT của Sở Tài chính gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê chuẩn năm 2019, Kế hoạch Đầu tư công năm 2021, Báo cáo tình hình nợ công năm 2020, và Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2021 của tỉnh đều có định dạng excel, thuận tiện cho việc sử dụng.
- **02** tài liệu được công khai bằng định dạng PDF nhưng dễ dàng chuyển đổi bao gồm: Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2021 và Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai **10/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Kế hoạch Đầu tư công năm 2021, Báo cáo tình hình nợ công năm 2020 (chỉ có 6 tháng đầu năm 2020) và Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2021.
- **01** tài liệu ngân sách không công khai: Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có **8** tài liệu được công khai kịp thời trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính, UBND, và HĐND tỉnh; **0** tài liệu được công khai muộn. Cụ thể:

- **8** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh (1/12/2020), Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định (31/12/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 3

tháng (4/10/2020), 6 tháng (9/7/2020) và 9 tháng (8/10/2020) năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 (18/11/2020), Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê chuẩn 2019 (15/1/2020) và Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2021 (31/12/2020).

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai có kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo thuyết minh không giải thích về ưu tiên của địa phương cho ít nhất một chính sách cụ thể và được minh chứng bằng số liệu. Báo cáo thuyết minh không nêu căn cứ dựa vào các chỉ tiêu PTKTXH trung hạn (2021-2025), kế hoạch tài chính trung hạn của tỉnh. Báo cáo phản ánh **13/13** biểu (từ Biểu số 33 đến Biểu số 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh **13/13** biểu (từ Biểu số 46 đến Biểu số 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo có phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ

năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai không đi kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 1%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2019 của tỉnh là 2%.
- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 48%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 48%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 14%.

- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 trình HĐND và dự toán chi thường xuyên lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 4,3%. Mức thay đổi này giảm với mức giảm thay đổi của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (6,4%) của tỉnh.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế của tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh và dự toán chi thường xuyên cho y tế, dân số đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế, dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 9,9%. Mức thay đổi này tăng với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (6,4%) của tỉnh.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh được công khai liên tục trong 03 năm 2019, 2020 và 2021.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Trong 05 tài liệu được khuyến khích công khai, tỉnh công khai **02** tài liệu gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 và Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 05 năm 2021-2025.
- Có **03** tài liệu không được công khai là Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018, 2019, Báo cáo tài chính của tỉnh và Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi câu hỏi qua mục hỏi đáp vào ngày 26/01/2021 và nhận được phản hồi của Sở qua thư mục hỏi đáp trong vòng 13 ngày, vào ngày 9/2/2021.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh.

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có công khai Quy chế và Quy trình cung cấp thông tin cho người dân của Sở.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường link dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo) và cũng không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021 (kỳ họp tháng 12/2020), không công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2020 và không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020.

15. THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **2**	**10/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **1**
ĐIỂM XẾP HẠNG **92,26**	**8** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **90**
ĐẦY ĐỦ	**0** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy thành phố Đà Nẵng đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của thành phố Đà Nẵng đạt **92,26** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **2** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **tăng 1 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 24: Kết quả chấm POBI 2020 thành phố Đà Nẵng phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[15]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**900**	**13,04**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**6366**	**92,26**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1500	21,74
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1300	18,84
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	400	5,80
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020	400	5,80
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	400	5,80
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	400	5,80
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1266	18,35
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	200	2,90
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	200	2,90
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	100	1,45
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	0	0,00
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	800	11,59
2. Tính kịp thời	600	8,70
3. Tính thuận tiện	800	11,59
4. Tính đầy đủ	3300	47,83
5. Tính tin cậy	566	8,20
6. Tính liên tục	300	4,35

[15] Đã tính trọng số

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.
- Các tài liệu đều được công khai bằng định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Thành phố đã công khai 10/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2021 trình HĐND thành phố, Báo cáo dự toán ngân sách thành phố năm 2021 đã được HĐND thành phố quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 9 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố năm 2019 đã được HĐND thành phố phê chuẩn, Báo cáo ngân sách công dân năm 2021, Kế hoạch Đầu tư công năm 2021, Báo cáo tình hình nợ công của thành phố năm 2021.
- Tài liệu ngân sách không công khai: Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Tất cả các tài liệu ngân sách được công khai đều được công khai kịp thời trên trang TTĐT của Sở Tài chính, UBND và HĐND thành phố. Cụ thể:

- Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2021 trình HĐND thành phố: (5/12/2020) sớm hơn ngày khai mạc kỳ họp thứ 16 của HĐND thành phố khóa IX (từ 7/12-9/12/2020). Báo cáo dự toán ngân sách thành phố năm 2021 đã được HĐND thành phố quyết định (25/12/2020). Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách quý 1 năm 2020 (3/4/2020). Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm 2020 (6/7/2020). Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 9 tháng đầu năm 2020 (6/10/2020). Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố năm 2020 (11/12/2020). Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố năm 2019 đã được

HĐND thành phố phê chuẩn (9/12/2020). Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (5/12/2020).

Tính đầy đủ của tài liệu

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2021 trình HĐND thành phố kèm thuyết minh và có nêu căn cứ dựa vào các chỉ tiêu PTKTXH trung hạn (2021-2025).
- Báo cáo dự toán ngân sách thành phố năm 2021 đã được HĐND thành phố quyết định có phản ánh các khoản thu, chi ngoài cân đối NSĐP.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách quý 1 năm 2020 có kèm theo báo cáo thuyết minh.
- Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố năm 2019 đã được HĐND thành phố phê chuẩn không kèm báo cáo thuyết minh.
- Báo cáo tình hình nợ công của thành phố công khai kết quả thực hiện vay-trả nợ năm 2019 và phương án vay-trả nợ năm 2021.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của thành phố đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu NSĐP được hưởng theo phân cấp năm 2019 của thành phố là 2%.
- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của thành phố chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể: chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu NSĐP năm 2019 của thành phố là 95%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối NSĐP năm 2019 của thành phố là 28%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của thành phố là 30%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên năm 2019 của thành phố là 6%.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của thành phố năm 2021 so với năm 2020 phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của thành phố năm 2021 trình HĐND và dự toán chi thường xuyên lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã được HĐND thành phố quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND thành phố quyết định đều là 1,71%. Mức thay đổi này tăng với mức giảm thay đổi của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (7,28%) của thành phố.

- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của thành phố năm 2021 so với năm 2020 phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế của thành phố năm 2021 trình HĐND thành phố và dự toán chi thường xuyên cho y tế, dân số đã được HĐND thành phố quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế, dân số năm 2020 đã được HĐND thành phố quyết định đều là 3,06%. Mức thay đổi này tăng với mức giảm thay đổi của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (7,28%) của thành phố.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo Dự thảo dự toán trình HĐND thành phố, Dự toán được HĐND thành phố quyết định trong 3 năm 2019, 2020 và 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2017, 2018 và 2019 đều được công khai liên tục trên Cổng TTĐT của thành phố.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Trong số 5 tài liệu không chấm điểm POBI 2020, có 3 tài liệu được công khai gồm có: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2021 của thành phố; Dự thảo kế hoạch tài chính thành phố 05 năm 2021-2025; Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023. Các tài liệu không được công khai gồm có: Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018, 2019; Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020.

Sự tham gia của người dân

- Trên Cổng TTĐT của Sở Tài chính có phần thư mục hỏi đáp và có thể sử dụng được
- Trang TTĐT của Sở Tài chính thành phố có công khai quy chế và quy trình cung cấp thông tin cho người dân.
- Trên Cổng TTĐT của UBND, HĐND, Sở Tài chính thành phố có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của thành phố để trao đổi với người dân dưới dạng mã QR.
- Có 3 tài liệu được công khai trên Cổng TTĐT của UBND, HĐND, Sở Tài chính thành phố là: Báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND thành phố, Báo cáo góp ý/ báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ thành phố, Báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND thành phố tháng 12 năm 2020. Tài liệu không được công khai là: Biên bản kỳ họp/ thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của thành phố năm 2021.

16. TỈNH ĐẮK LẮK

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH ĐẮK LẮK NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **62**	**4/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **52**
ĐIỂM XẾP HẠNG **23,41**	**4** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **20**
ÍT	**0** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Đắk Lắk đã công bố **ÍT** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Đắk Lắk đạt **23,41** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **62** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **giảm 19 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 25: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Đắk Lắk phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[16]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**200**	**2,90**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**1615**	**23,41**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	33	0,48
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	66	0,96
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	325	4,71
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng	300	4,35

[16] Đã tính trọng số

đầu năm 2020		
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	325	4,71
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	300	4,35
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	66	0,96
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	0	0,00
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	0	0,00
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	200	2,90
2. Tính kịp thời	200	2,90
3. Tính thuận tiện	375	5,43
4. Tính đầy đủ	675	9,78
5. Tính tin cậy	0	0,00
6. Tính liên tục	165	2,39

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử (TTĐT) của Sở Tài chính và UBND tỉnh Đắk Lắk, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk có thư mục riêng về công khai ngân sách, được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu. Tùy từng tài liệu mà nội dung được cập nhật đến năm 2021. Các tài liệu như dự toán ngân sách tỉnh 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định và quyết toán ngân sách tỉnh 2019 có hiển thị trên cổng TTĐT tuy nhiên đường dẫn tải file dữ liệu không hoạt động do đó không tiếp cận được tài liệu (chỉ tiếp cận được tài liệu của các năm trước đó). Ngoài ra, tài liệu dự thảo dự toán trình HĐND tỉnh chỉ được cập nhật đến năm 2020.

- HĐND tỉnh không có trang TTĐT riêng, chỉ có thư mục liên quan đến HĐND tỉnh trong trang TTĐT của UBND tỉnh và không có các tài liệu được cập nhật. Tài liệu gần nhất được công khai từ năm 2019.
- Đối với các tài liệu được công khai trên cổng TTĐT của Sở Tài chính, các báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020, 6 tháng đầu năm và 9 tháng năm 2020 có định dạng excel, thuận tiện cho việc sử dụng. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2020 có dạng PDF nhưng dễ dàng chuyển đổi và sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai **4/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020 và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2020.
- **07** tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2021, Kế hoạch đầu tư công năm 2021, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc năm 2021 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số **04** tài liệu ngân sách được công khai, tất cả đều được công khai kịp thời trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính: Cụ thể:

- **04** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020 (06/4/2020), 6 tháng đầu năm 2020 (02/7/2020), 9 tháng năm 2020 (07/10/2020), cả năm 2020 (30/11/2020).

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020: Báo cáo được công khai không đi kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343 (mục B-I thiếu thông tin về dự phòng ngân sách).

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020: Báo cáo được công khai không đi kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo chỉ phản ánh hai trong số ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343 (thiếu Biểu số 61, trong thư mục có đường link tải Biểu số 61 nhưng khi mở ra lại là Biểu số 60). Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343 (mục B-I thiếu thông tin về dự phòng ngân sách).
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020: Báo cáo được công khai không đi kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343 (mục B-I thiếu thông tin về dự phòng ngân sách).
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2020: Báo cáo này nằm trong Báo cáo số 322 về Tình hình thực hiện thu, chi ngân sách năm 2020; dự toán và phân bổ dự toán ngân sách năm 2021. Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo có biểu về dự toán thu, dự toán chi, bao gồm các thông tin so sánh với dự toán được duyệt và tình hình thực hiện năm trước nhưng không có biểu về cân đối thu chi, các biểu được công khai không theo mẫu của Thông tư 343. Phần liên quan đến dự toán và phân bổ dự toán ngân sách năm 2021 chưa có số quyết định, dưới dạng dự thảo nghị quyết, không có dấu đỏ/dấu giáp lai, không phải dự thảo trình cũng không phải dự toán được duyệt và không theo mẫu của Thông tư 343.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Do không tiếp cận được tài liệu dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, tài liệu dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh 2019 nên không có thông tin để phân tích.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh chỉ có của năm 2020 trên trang TTĐT của Sở Tài chính. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 có đường

dẫn nhưng không tiếp cận được tài liệu, chỉ tiếp cận được các tài liệu của các năm trước đó (2019 và 2020 đối với dự thảo và 2018 và 2019 đối với tài liệu quyết toán).

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Trong 05 tài liệu được khuyến khích công khai, tỉnh không công khai bất kỳ một tài liệu nào.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính nhưng không nhận được phản hồi của Sở.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh.
- Trang TTĐT của Sở Tài chính không công khai Quy chế và Quy trình cung cấp thông tin cho người dân của Sở.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường link dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo) và cũng không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021 (kỳ họp tháng 12/2020), không công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2020 và không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020. Các trang TTĐT của tỉnh cũng không công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh.

17. TỈNH ĐẮK NÔNG

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH ĐẮK NÔNG NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **49**	**9/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **31**
ĐIỂM XẾP HẠNG **57,58**	**0** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **40**
TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	**5** tài liệu công bố chậm, **1** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Đắk Nông đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Đắk Nông đạt **57,58** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **49** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **giảm 16 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 26: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Đắk Nông phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[17]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**400**	**5,80**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**3973**	**57,58**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	66	0,96
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	932	13,51
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	300	4,35
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng	350	5,07

[17] Đã tính trọng số

đầu năm 2020		
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	300	4,35
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	275	3,99
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1350	19,57
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	50	0,72
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	50	0,72
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	100	1,45
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	600	8,70
2. Tính kịp thời	175	2,54
3. Tính thuận tiện	250	3,62
4. Tính đầy đủ	2182	31,62
5. Tính tin cậy	500	7,25
6. Tính liên tục	266	3,86

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính, UBND và HĐND tỉnh Đắk Nông, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.
- Trong số các tài liệu được công khai, chỉ có **01** tài liệu được công bố bằng định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, đó là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm năm 2020. Còn lại, **07** tài liệu đều được công bố bằng định dạng PDF dạng scan/file ảnh, không thuận tiện trong việc chuyển sang định dạng word/excel, bao gồm: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020,

Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Kế hoạch Đầu tư công năm 2021 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh Đắk Nông đã công khai **9/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Kế hoạch Đầu tư công năm 2021, Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017 và Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021.
- **02** tài liệu không được công bố công khai gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh và Báo cáo ngân sách công dân năm 2021.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có **0** tài liệu được công khai kịp thời trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính, UBND, và HĐND tỉnh; **05** tài liệu được công khai muộn và **01** tài liệu được công khai quá muộn. Cụ thể:

- **05** tài liệu được công khai muộn gồm có: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định (19/01/2021), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020 (22/04/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm năm 2020 (20/07/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm năm 2020 (19/10/2020), và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn (19/01/2021).
- **01** tài liệu được công khai quá muộn sau 30 ngày là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 (18/01/2021)

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định: Báo cáo chỉ công khai 10/13 biểu theo quy định của TT 343, không phản ánh Biểu số 53, Biểu số 57 và Biểu số 58. Biểu số 48 phản ánh đầy đủ 18 nguồn thu, nhưng số liệu về khoản thu từ thuế tiêu thụ đặc biệt ở hai mục Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý và Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý không được chi tiết.

Báo cáo có phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương. Biểu số 51 có số liệu quỹ hỗ trợ nông dân và quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm năm 2020, và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020: Các báo cáo này đều công khai đầy đủ 3/3 biểu theo quy định của TT 343. Biểu số 59 ở các báo cáo này phản ánh đầy đủ cả 4 mục lớn nhưng phản ánh thiếu mục nhỏ Chi từ nguồn bổ sung cổ mục tiêu từ NSTW cho NSĐP trong mục lớn Tổng chi NSĐP.
- Ngoài ra, các câu hỏi còn lại về tính đầy đủ của các tài liệu đã công khai đều được đáp ứng đầy đủ.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán thu ngân sách năm 2019 của tỉnh chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 47%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 16%.
- Lập dự toán chi ngân sách năm 2019 của tỉnh đã đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là âm 2%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 4%, chênh lệch giữa quyết toán và dự án chi thường xuyên của tỉnh năm 2019 của tỉnh là 0%.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là âm 2,76%. Mức giảm này thấp hơn so với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định so với năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định (âm 9,75%) của tỉnh.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 8,90%. Mức giảm này thấp hơn so

với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định so với năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định (9,75%) của tỉnh.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh quyết định và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê chuẩn đều được công khai liên tục trong ba năm trên trang TTĐT của tỉnh.
- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh được công khai liên tục hai năm 2019 và 2020.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Trong số 5 tài liệu không chấm điểm POBI 2020, có **03** tài liệu được công khai, bao gồm: Báo cáo tài chính của tỉnh, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023 và Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.
- **02** tài liệu không được công khai bao gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 và Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2017, 2018 và 2019.

Sự tham gia của người dân

- Quy chế và quy trình cung cấp thông tin cho người dân không được công khai trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh.
- Trên trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới các công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh và không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021.
- Báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh và báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020 được công khai nhưng không có ý kiến về ngân sách.

18. TỈNH ĐIỆN BIÊN

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH ĐIỆN BIÊN NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **6**	**9/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **13**
ĐIỂM XẾP HẠNG **88,86**	**8** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **60**
ĐẦY ĐỦ	**0** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Điện Biên đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Điện Biên đạt **88,86** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **6** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **tăng 20 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 27: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Điện Biên phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[18]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**600**	**8,70**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**6131**	**88,86**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1433	20,77
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1133	16,42
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	400	5,80
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng	400	5,80

[18] Đã tính trọng số

đầu năm 2020		
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	400	5,80
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	400	5,80
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1365	19,78
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	200	2,90
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	200	2,90
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	0	0,00
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	700	10,14
2. Tính kịp thời	600	8,70
3. Tính thuận tiện	800	11,59
4. Tính đầy đủ	3200	46,38
5. Tính tin cậy	531	7,70
6. Tính liên tục	300	4,35

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử (TTĐT) của Sở Tài chính và UBND tỉnh Điện Biên, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Điện Biên có thư mục riêng về công khai ngân sách, được phân chia cụ thể theo loại tài liệu và có nội dung được cập nhật. Riêng mục báo cáo đầu tư công và kết quả thực hiện kiến nghị của kiểm toán nhà nước để trống và không có tài liệu nào được công khai trong mục này.
- Các tài liệu được công khai trên cổng TTĐT của Sở Tài chính đều có định dạng excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai **9/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm

2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, 6 tháng đầu năm 2020, 9 tháng năm 2020, cả năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2021 và Kế hoạch đầu tư công năm 2021 (trong Dự toán ngân sách năm 2021 được phê duyệt có biểu số 58 về Danh mục dự án sử dụng vốn NSNN năm 2021).

- **02** tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc năm 2021 (chỉ có của năm 2019) và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, tất cả đều được công khai kịp thời trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính: Cụ thể:

- Các tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh (3/12/2020), Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt (31/12/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020 (14/4/2020), 6 tháng đầu năm 2020 (10/7/2020), 9 tháng năm 2020 (13/10/2020), cả năm 2020 (03/12/2020), Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt (06/01/2021) và Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2021 (31/12/2020).

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo có giải thích về ưu tiên cho ít nhất một chính sách cụ thể của tỉnh và có kèm theo số liệu minh chứng. Báo cáo thuyết minh có nêu căn cứ dựa vào các chỉ tiêu PTKTXH trung hạn (2021-2025), kế hoạch tài chính trung hạn của tỉnh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ Biểu số 33 đến Biểu số 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 44/CK-NSNN).
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ Biểu số 46 đến Biểu số 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục

lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 57/CK-NSNN). Báo cáo không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai không đi kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn

và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 26%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 12,18%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 6,7%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2019 của tỉnh là 5,3%. Riêng chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 3,2%, đảm bảo tính tin cậy.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 trình HĐND so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt là -11%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm nhanh hơn so với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (-5,2%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là -11,8%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm nhanh hơn so với với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (-5,2%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2021 trình HĐND so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt là -1,75%. Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này giảm thấp hơn so với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (5,2%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là -1,3%. Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này giảm thấp hơn so với với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (-5,2%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đều được công khai liên tục trong 03 năm 2019, 2020 và 2021.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Trong 05 tài liệu được khuyến khích công khai, tỉnh chỉ công khai 03 tài liệu là: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2021, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023 và Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 05 năm 2021-2025.
- Có 02 tài liệu không được công khai gồm: Báo cáo tài chính của tỉnh và Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước tỉnh năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính nhưng không nhận được thông tin phản hồi.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh.
- Trang TTĐT của Sở Tài chính không công khai Quy chế và Quy trình cung cấp thông tin cho người dân của Sở.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường link dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo) và cũng không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021 (kỳ họp tháng 12/2020) mà chỉ có đề cương báo cáo kết quả kỳ họp.
- Trang TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri và có ý kiến về ngân sách trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2020 và báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh và có ý kiến về ngân sách trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020. Trang TTĐT của HĐND tỉnh cũng công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh.
- Về việc tuyên truyền, phổ biến về dự toán ngân sách 2021, nhóm nghiên cứu không nhận được phản hồi từ Sở Tài chính.

19. TỈNH ĐỒNG NAI

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **39**	**6/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **59**
ĐIỂM XẾP HẠNG **68,07**	**6** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **10**
TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	**0** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Đồng Nai đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Đồng Nai đạt **68,07** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **39** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **tăng 10 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 28: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Đồng Nai phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[19]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**100**	**1,45**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**4697**	**68,07**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1166	16,90
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	999	14,48
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	400	5,80
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng	400	5,80

[19] Đã tính trọng số

đầu năm 2020		
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	400	5,80
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	0	0,00
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1132	16,41
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	0	0,00
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	0	0,00
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	450	6,52
2. Tính kịp thời	450	6,52
3. Tính thuận tiện	550	7,97
4. Tính đầy đủ	2716	39,36
5. Tính tin cậy	231	3,35
6. Tính liên tục	300	4,35

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử (TTĐT) của Sở Tài chính và UBND tỉnh Đồng Nai, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai có thư mục riêng về công khai ngân sách, được phân chia cụ thể theo loại tài liệu và có nội dung được cập nhật. Trang TTĐT của HĐND chỉ có các nghị quyết đã được phê duyệt, không có tài liệu kỳ họp (các văn bản, báo cáo trình HĐND, không có tài liệu của kỳ họp gần nhất vào tháng 12/2020. Trang TTĐT của UBND tỉnh không có thư mục CKNS và để tải được tài liệu dự thảo dự toán trình HĐND dưới định dạng excel thì cần có tài khoản đăng nhập.
- Tài liệu dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh được công khai có định dạng file ảnh, khó khăn trong việc chuyển đổi và sử dụng. Các tài liệu được

công khai khác gồm dự toán 2021 đã phê duyệt, báo cáo quý 1, báo cáo 6 tháng, báo cáo 9 tháng và báo cáo quyết toán 2019 được công khai dưới dạng file excel, thuận tiện trong việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai **7/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, 6 tháng đầu năm 2020, 9 tháng năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Kế hoạch đầu tư công năm 2021 (trong Dự toán ngân sách năm 2021 được phê duyệt có biểu số 58 về Danh mục dự án sử dụng vốn NSNN năm 2021).
- **04** tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2020, Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2021, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc năm 2021 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, **06** tài liệu được công khai kịp thời trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính: Cụ thể:

- **06** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh (04/12/2020), Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt (30/12/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020 (13/4/2020), 6 tháng đầu năm 2020 (08/7/2020), 9 tháng năm 2020 (07/10/2020) và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt (30/12/2020).

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo thuyết minh có giải thích về ưu tiên của địa phương cho ít nhất một chính sách cụ thể và được minh chứng bằng số liệu. Tuy nhiên, báo cáo thuyết minh không nêu căn cứ dựa vào các chỉ tiêu PTKTXH trung hạn (2021-2025) hoặc kế hoạch tài chính trung hạn của tỉnh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ Biểu số 33 đến Biểu số 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội

dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 44/CK-NSNN).

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ Biểu số 46 đến Biểu số 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN chỉ phản ánh dự toán chi đầu tư cho 7 lĩnh vực theo mẫu của Thông tư 343, thiếu các lĩnh vực như chi phát thanh truyền hình, thông tấn, chi bảo vệ môi trường, chi hoạt động kinh tế, chi thể dục thể thao, chi bảo đảm xã hội, một số mục chi khác không theo mẫu của Thông tư 343. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 57/CK-NSNN). Báo cáo không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai không đi kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa nhưng ít hơn 18 mục nhỏ theo quy định, thiếu mục thu khác ngân sách (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 37,8%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 12,4%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 54,4%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 126%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2019 của tỉnh là 7,1%.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 trình HĐND so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt là 4%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng chậm hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (6%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 4%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm thấp hơn so với với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (6%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2021 trình HĐND so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 1,6%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng chậm hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (6%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên lĩnh vực y tế và dân số năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 2%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng chậm hơn so với với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (6%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đều được công khai liên tục trong 03 năm 2019, 2020 và 2021.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Trong 05 tài liệu được khuyến khích công khai, tỉnh không công khai bất kỳ một tài liệu nào.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email nhưng đều không thể sử dụng được.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh.
- Trang TTĐT của Sở Tài chính không công khai Quy chế và Quy trình cung cấp thông tin cho người dân của Sở.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường link dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo) và cũng không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021 (kỳ họp tháng 12/2020), không công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2020 và không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020. Các trang TTĐT của tỉnh cũng không công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh.

20. TỈNH ĐỒNG THÁP

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH ĐỒNG THÁP NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **57**	**8/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **43**
ĐIỂM XẾP HẠNG **49,96**	**2** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **30**
CHƯA ĐẦY ĐỦ	**1** tài liệu công bố chậm, **4** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Đồng Tháp đã công bố **CHƯA ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Đồng Tháp đạt **49,96** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **57** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **tăng 5 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 29: Kết quả chấm POBI tỉnh Đồng Tháp phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[20]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**300**	**4,35**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**3447**	**49,96**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	432	6,26
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	383	5,55
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	225	3,26

[20] Đã tính trọng số

4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020	300	4,35
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	325	4,71
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	300	4,35
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1132	16,41
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	150	2,17
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	0	0,00
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	550	7,97
2. Tính kịp thời	225	3,26
3. Tính thuận tiện	650	9,42
4. Tính đầy đủ	1656	24,00
5. Tính tin cậy	66	0,96
6. Tính liên tục	300	4,35

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính, UBND và HĐND tỉnh Đồng Tháp, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.
- Trong số các tài liệu được công khai, **05** tài liệu được công bố bằng định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 và Báo cáo quyết toán ngân sách

tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn. Có **03** tài liệu được công bố bằng định dạng PDF nhưng thuận tiện cho việc đọc và chuyển sang định dạng word/excel, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định và Kế hoạch Đầu tư công năm 2021.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh Đồng Tháp đã công khai **8/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn và Kế hoạch Đầu tư công năm 2021.
- **03** tài liệu không được công bố công khai gồm: Báo cáo ngân sách công dân năm 2021, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có **02** tài liệu được công khai kịp thời trên trang TTĐT của Sở Tài chính, UBND, và HĐND tỉnh; **04** tài liệu được công khai muộn; **01** tài liệu không rõ ngày công khai. Cụ thể:

- **02** tài liệu công khai kịp thời gồm có: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định (08/12/2020) và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn (08/12/2020).
- **04** tài liệu được công khai muộn gồm có: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020 (20/10/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020 (20/10/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020 (20/10/2020) và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 (27/01/2020). Ngày công bố của Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1, 6 tháng đầu năm và 9 tháng đầu năm năm 2020 được tính theo ngày đăng tự động trên trang TTĐT của Sở Tài chính; ngày công bố của Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 được tính theo thời gian cập nhật gần nhất của bài đăng trên trang TTĐT của Sở Tài chính.

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh không rõ ngày công khai, được đăng trên Google Drive cho phép tất cả những người truy cập được phép chỉnh sửa.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh: Báo cáo công khai đầy đủ báo cáo thuyết minh. Báo cáo thuyết minh không giải thích ưu tiên chi cho lĩnh vực nào cụ thể và cũng không nêu căn cứ dựa vào các chỉ tiêu phát triển kinh tế-xã hội trung hạn (2021-2025), kế hoạch tài chính trung hạn của tỉnh. Các bảng biểu được công khai trong báo cáo không theo mẫu của TT 343. Các phụ lục chỉ phản ánh 4 biểu tương tự như trong TT 343, bao gồm Biểu số 33, Biểu số 35, Biểu số 36, Biểu số 40, Biểu số 42 và Biểu số 43. Phụ lục số 3 (tương ứng với Biểu số 33 theo TT 343) chỉ phản ánh 3/5 mục lớn theo quy định, thiếu mục Chi trả nợ gốc và Tổng mức vay của ngân sách địa phương. Phụ lục 1 (tương ứng với Biểu số 35 theo TT 343) phản ánh đầy đủ 18 khoản thu nhưng không có mục nào chi tiết theo sắc thuế theo quy định TT 343.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định: Các bảng biểu được công khai trong báo cáo không theo mẫu của TT 343. Các phụ lục chỉ phản ánh 4 biểu tương tự như trong TT 343, bao gồm Biểu số 46, Biểu số 47, Biểu số 48 và Biểu số 49. Phụ lục số 1 (tương ứng với Biểu số 46 theo TT 343) chỉ phản ánh 2/5 mục lớn theo quy định, không phản ánh bội chi NSĐP/bội thu NSĐP, chi trả nợ gốc của NSĐP, và tổng mức vay của NSĐP. Phụ lục số 3 (tương ứng với Biểu số 48 theo TT 343) chỉ phản ánh 16/18 mục thu theo quy định, thiếu mục Thuế sử dụng đất nông nghiệp và Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước. Báo cáo cũng không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020: Báo cáo chỉ công khai 2/3 biểu theo quy định của TT 343 và không công khai kèm báo cáo thuyết minh. Trên trang TTĐT của Sở Tài chính, đường dẫn toàn văn tới "Báo cáo thuyết minh" chỉ chứa thông báo công khai tình hình thực hiện ngân sách tỉnh, không chứa văn bản thuyết minh. Đường dẫn toàn văn tới "File excel số liệu" của Biểu số 59 là đường dẫn tới thông báo công khai, không phải Biểu số 59.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm năm 2020, và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020: Các báo cáo này công khai đầy đủ 3/3 biểu theo quy

định của TT 343 nhưng không công khai kèm báo cáo thuyết minh. Trên trang TTĐT của Sở Tài chính, đường dẫn toàn văn tới "Báo cáo thuyết minh" của những báo cáo này chỉ chứa thông báo công khai tình hình thực hiện ngân sách tỉnh, không chứa văn bản thuyết minh.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn: Báo cáo phản ánh đầy đủ 7/7 biểu theo quy định của TT 343 nhưng không công khai kèm báo cáo thuyết minh. Biểu số 63 có phản ánh đầy đủ 18 nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa, nhưng có 3 nguồn thu không được phản ánh chi tiết theo từng loại thuế, bao gồm: thuế bảo vệ môi trường, thu phí, lệ phí, và thu từ xổ số kiến thiết.
- Ngoài ra, các câu hỏi còn lại về tính đầy đủ của các tài liệu đã công khai đều được đáp ứng đầy đủ.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 115%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 30%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 64%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 49%, chênh lệch giữa quyết toán và dự án chi thường xuyên của tỉnh năm 2019 của tỉnh là 9%.
- Do Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh không phản ánh Biểu số 37, và Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định không phản ánh Biểu số 50, nhóm nghiên cứu không tìm thấy số liệu dự toán chi thường xuyên lĩnh vực giáo dục và đào tạo và lĩnh vực y tế và dân số năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định. Do đó, việc tính mức thay đổi chi thường xuyên năm 2021 so với 2020 cho hai lĩnh vực này không thể thực hiện. Vì vậy, báo cáo này chưa phản ánh mức độ tin cậy của công tác lập dự toán ngân sách của tỉnh năm 2021 so với năm 2020.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh quyết định và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê chuẩn đều được công khai liên tục trong ba năm trên trang TTĐT của tỉnh.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Trong số 5 tài liệu không chấm điểm POBI 2020, chỉ có **01** tài liệu được công khai, đó là: Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.
- **04** tài liệu không được công khai bao gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2021, Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2017, 2018 và 2019, Báo cáo tài chính của tỉnh và Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023.

Sự tham gia của người dân

- Trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp có thư mục hỏi đáp nhưng không sử dụng được.
- Quy chế và quy trình cung cấp thông tin cho người dân không được công khai trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh.
- Biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021, báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh kỳ họp tháng 12/2020, và báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh kỳ họp tháng 12/2020 không được công khai trên trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính.

21. TỈNH GIA LAI

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH GIA LAI NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **33**	**8/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **48**
ĐIỂM XẾP HẠNG **70,87**	**2** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **25**
TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	**5** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Gia Lai đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh

Gia Lai đạt **70,87** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **33** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **tăng 3 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 30: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Gia Lai phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[21]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**250**	**3,62**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**4890**	**70,87**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	749	10,86
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1033	14,97
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	375	5,43
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020	400	5,80
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	375	5,43
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	375	5,43
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1166	16,90
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	150	2,17
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	0	0,00
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	600	8,70
2. Tính kịp thời	325	4,71
3. Tính thuận tiện	650	9,42

[21] Đã tính trọng số

4. Tính đầy đủ	2683	38,88
5. Tính tin cậy	332	4,81
6. Tính liên tục	300	4,35

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử (TTĐT) của Sở Tài chính và UBND tỉnh Gia Lai, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Gia Lai có thư mục riêng về công khai ngân sách, được phân chia cụ thể theo loại tài liệu và có nội dung được cập nhật. Trang TTĐT của HĐND tỉnh không truy cập được.
- Tài liệu dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 và quyết toán ngân sách 2019 được công khai dưới dạng PDF nhưng dễ dàng chuyển đổi và sử dụng. Các tài liệu được công khai còn lại dưới dạng excel, thuận tiện cho quá trình sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai **8/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, 6 tháng đầu năm 2020, 9 tháng năm 2020, cả năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Kế hoạch đầu tư công năm 2021 (trong Dự toán ngân sách năm 2021 được phê duyệt có Biểu số 58 về Danh mục dự án sử dụng vốn NSNN năm 2021).
- **03** tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2021, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc năm 2021 (chỉ có của năm 2019) và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có **02** tài liệu được công khai kịp thời và **05** tài liệu được công khai muộn trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính: Cụ thể:

- **02** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh (15/12/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020 (14/4/2020).

- **05** tài liệu công khai muộn gồm: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt (21/01/2021), Báo cáo 6 tháng đầu năm 2020 (15/7/2020), Báo cáo 9 tháng năm 2020 (16/10/2020), Báo cáo cả năm 2020 (15/01/2020), Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt (20/01/2021).

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai không kèm theo báo cáo thuyết minh. Báo cáo chỉ phản ánh 9/13 biểu (thiếu Biểu số 38, Biểu số 39, Biểu số 43 và Biểu số 44) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ Biểu số 46 đến Biểu số 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo có phản ánh biểu chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 57/CK-NSNN) mặc dù số dự toán chi là bằng không. Báo cáo không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai đi kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 28%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 8%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 11%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 51%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2019 của tỉnh là 6%.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 trình HĐND so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt là -0,6%. Thay đổi này là phù hợp. Mức

thay đổi này giảm chậm hơn so với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (-1%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là -0,6%. Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này giảm chậm hơn so với với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (-1%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2021 trình HĐND so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt là -1,3%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm nhanh hơn so với với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (-1%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt là -1,3%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm nhanh hơn so với với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (-1%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh chỉ được công khai năm 2021, không có của năm 2019 và 2020.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đều được công khai liên tục trong 03 năm 2019, 2020 và 2021.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Trong 05 tài liệu được khuyến khích công khai, không có bất kỳ tài liệu nào được công khai trên các trang TTĐT của tỉnh.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email nhưng không thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi câu hỏi qua mục hỏi đáp nhưng không nhận được phản hồi.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh.

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có công khai Quy chế và Quy trình cung cấp thông tin cho người dân của Sở.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường link dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo) và cũng không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021 (kỳ họp tháng 12/2020). Trang TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2020 và báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020. Trang TTĐT của HĐND tỉnh cũng không công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh.
- Về việc tuyên truyền, phổ biến về dự toán ngân sách 2021, nhóm nghiên cứu không nhận được phản hồi từ Sở Tài chính.

22. TỈNH HÀ GIANG

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH HÀ GIANG NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **37**	**8/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **31**
ĐIỂM XẾP HẠNG **69,17**	**4** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **40**
TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	**3** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Hà Giang đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Hà Giang đạt **69,17** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **37** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **giảm 10 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 31: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Hà Giang phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[22]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**400**	**5,80**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**4773**	**69,17**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	899	13,03
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	816	11,83
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	350	5,07
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020	400	5,80
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	400	5,80
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	375	5,43
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1133	16,42
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	200	2,90
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	0	0,00
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	600	8,70
2. Tính kịp thời	375	5,43
3. Tính thuận tiện	800	11,59
4. Tính đầy đủ	2299	33,32
5. Tính tin cậy	399	5,78
6. Tính liên tục	300	4,35

[22] Đã tính trọng số

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Hà Giang, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Hà Giang có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu, theo từng năm và có cập nhật nội dung.
- Các tài liệu đều được công khai bằng định dạng word/excel, kèm theo bản scan, thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai **08/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Kế hoạch Đầu tư công năm 2021 (Biểu số 58 - Danh mục các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước năm 2021 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương).
- 03 tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo ngân sách công dân năm 2021, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021, Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có **05** tài liệu được công khai kịp thời trên trang TTĐT của Sở Tài chính, UBND, và HĐND tỉnh; **03** tài liệu được công khai muộn. Cụ thể:

- **04** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020 (14/04/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020 (13/07/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm năm 2020 (14/10/2020), Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn (13/01/2021).

- **03** tài liệu được công khai muộn là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh (17/12/2020), Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định (13/01/2021), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 (13/01/2021).

Tính đầy đủ của tài liệu

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh kèm thuyết minh phản ánh **06/13** biểu theo quy định của TT 343, thiếu **Biểu số 45**, còn các **Biểu số 34, 35, 40, 41, 42, 49** không mở xem hoặc tải về được.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định phản ánh **12/13** biểu theo quy định, thiếu **Biểu số 57**. Ngoài ra, **Biểu số 46** mục A thiếu Thu từ quỹ dự trữ tài chính, Thu kết dư, một số mục không theo mẫu Biểu 46 TT 343. **Biểu số 48** thiếu mục thuế sử dụng đất nông nghiệp; tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu NN; thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác. Báo cáo không phản ánh các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020 kèm thuyết minh phản ánh **03/03** biểu theo quy định của TT 343. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020 kèm thuyết minh phản ánh **03/03** biểu theo quy định của TT 343. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020 kèm thuyết minh phản ánh **03/03** biểu theo quy định của TT 343. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 kèm thuyết minh phản ánh **03/03** biểu theo quy định của TT 343. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn không kèm thuyết minh phản ánh **07/07** biểu theo quy định của TT 343. **Biểu số 68** trong mục đầu tư phát triển, kinh phí sự nghiệp chưa có chi tiết về số vốn trong nước, vốn ngoài nước theo quy định của TT 343.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh **đảm bảo tin cậy** cho việc thực hiện dự toán. Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2019 là **4%**.
- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh **chưa đảm bảo tin cậy** cho việc thực hiện dự toán. Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là **24%**, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là **135%**, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là **15%**, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là **210%.**
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực **giáo dục và đào tạo** của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 **chưa phù hợp**. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh và dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục đào tạo đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là **15,6%**. Mức thay đổi này giảm mạnh hơn so với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (**2,3%**) của tỉnh.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực **y tế và dân số** của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 **phù hợp**. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế của tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh và dự toán chi thường xuyên cho y tế, dân số đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế, dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là **7,9%**. Mức thay đổi này tăng so với tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (**2,3%**) của tỉnh.

Tính liên tục của tài liệu công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh quyết định trong 3 năm 2019, 2020, 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê chuẩn năm 2017, 2018, 2019 được công khai liên tục trên trang web của tỉnh.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

Trong số **05** tài liệu không chấm điểm POBI 2020, có **02** tài liệu được công khai, **03** tài liệu không được công khai. Cụ thể:

- **02** tài liệu được công khai là Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023; Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

- **03** tài liệu không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2021 của tỉnh; Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019; Báo cáo tài chính của tỉnh năm (bất kỳ năm nào).

Sự tham gia của người dân

- Trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính tỉnh Hà Giang có thư mục hỏi đáp và có thể sử dụng được.
- Trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh (Facebook/Zalo) để trao đổi với người dân.
- Trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có công khai Quy chế và quy trình cung cấp thông tin cho người dân của Sở; Biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021.
- Trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh không công khai Báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh (bao gồm báo cáo thẩm tra quyết toán 2019 hoặc dự thảo dự toán 2021); Báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020; Báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2020.

23. TỈNH HÀ NAM

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH HÀ NAM NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **48**	**7/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **59**
ĐIỂM XẾP HẠNG **60,42**	4 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **10**
TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	**2** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Hà Nam đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh

Hà Nam đạt **60,42** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **48** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **giảm 27 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 32: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Hà Nam phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[23]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**100**	**1,45**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**4169**	**60,42**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	815	11,81
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	781	11,32
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	300	4,35
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020	375	5,43
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	350	5,07
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	0	0,00
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1148	16,64
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	200	2,90
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	0	0,00
II.Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	550	7,97
2. Tính kịp thời	400	5,80
3. Tính thuận tiện	750	10,87

[23]Đã tính trọng số

4. Tính đầy đủ	2005	29,06
5. Tính tin cậy	198	2,87
6. Tính liên tục	266	3,86

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính tỉnh Hà Nam, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Hà Nam có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.
- Các tài liệu đều được công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai 7/11 loại tài liệu bắt buộc theo quy định của TT 343, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê chuẩn 2019 và Kế hoạch Đầu tư công năm 2021 (Biểu số 58 trong Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định).
- 4 tài liệu ngân sách không công khai: Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020; Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2021; Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 và Báo cáo thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

- Căn cứ vào chữ ký và dấu online trên các tài liệu ngân sách được công khai, nhóm nghiên cứu xác định tỉnh Hà Nam công khai kịp thời 4 tài liệu: Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND; Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng năm 2020; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê chuẩn 2019.

- 2 tài liệu công khai muộn: Báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý 1 năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020.

Tính đầy đủ của tài liệu

- Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh công khai 11/13 biểu theo quy định của TT 343, 2 biểu còn thiếu: Biểu số 43 và Biểu số 44. Trong số các biểu đã công khai có một số thông tin chưa đầy đủ, cụ thể Biểu số 39 thiếu mục Chi Bảo đảm xã hội; Biểu số 35 không chi tiết các sắc thuế.
- Dự toán ngân sách năm 2021 của tỉnh đã được HĐND tỉnh quyết định công khai 11/13 biểu theo quy định, 2 biểu còn thiếu: Biểu số 53; Biểu số 57 (Biểu không có số liệu). Trong số các biểu đã công khai có một số thông tin chưa đầy đủ như quy định, cụ thể: Biểu số 52 thiếu mục chi Bảo đảm xã hội; Biểu số 48 không cụ thể các sắc thuế.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 công khai đủ 7 biểu theo quy định. Tuy nhiên, Biểu số 68 không có thông tin cụ thể về các công trình đầu tư công.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020 đều có thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước, 3 tài liệu trên đều có báo cáo thuyết minh đi kèm.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 108%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 120%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 180%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 239%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2019 của tỉnh là 95%.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 chưa phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh và dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục đào tạo đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết

định là -4,1 % và -4,1% thấp hơn với mức thay đổi của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (-1,9%) của tỉnh.

- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 chưa phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế của tỉnh năm 2021 trình HĐND và dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số đã được đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế, dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là -14,6% và -14,6%. Mức thay đổi này giảm so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (1,9%) của tỉnh.

Tính liên tục

- Báo cáo Dự thảo dự toán trình HĐND tỉnh và Dự toán ngân sách được HĐND tỉnh quyết định đều được công khai trong 3 năm liên tục: 2019, 2020 và 2021.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh được công khai liên tục 2 năm: 2018 và 2019.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Trong số 5 tài liệu không chấm điểm POBI 2020, có 2 tài liệu được công khai: Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023 và Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025. Các tài liệu không được công khai gồm có: Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020, Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2021 của tỉnh, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018, 2019.

Sự tham gia của người dân

- Trên trang TTĐT của Sở Tài chính có 1 nội dung đảm bảo dự tham gia của người dân: Có Thư mục hỏi đáp.
- Các nội dung còn thiếu như sau: Quy chế và quy trình cung cấp thông tin cho người dân, Biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021; Báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh; Báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2020; Đường dẫn tới 1 trang mạng xã hội chính thức để trao đổi với người dân và Báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh.

24. THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **13**	**10/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **40**
ĐIỂM XẾP HẠNG **83,78**	**8** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **35**
ĐẦY ĐỦ	**0** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy thành phố Hà Nội đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của thành phố Hà Nội đạt **83,78** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **13** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **tăng 4 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 33: Kết quả chấm POBI 2020 thành phố Hà Nội phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[24]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**350**	**5,07**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**5781**	**83,78**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1099	15,93
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1166	16,90
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	375	5,43

[24] Đã tính trọng số

4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020	375	5,43
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	375	5,43
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	375	5,43
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1366	19,80
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	150	2,17
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	200	2,90
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	100	1,45
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	0	0,00
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	750	10,87
2. Tính kịp thời	600	8,70
3. Tính thuận tiện	800	11,59
4. Tính đầy đủ	2832	41,04
5. Tính tin cậy	499	7,23
6. Tính liên tục	300	4,35

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính thành phố Hà Nội, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính thành phố Hà Nội có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu, theo từng năm và có cập nhật nội dung.
- Các tài liệu đều được công khai bằng định dạng word/excel, kèm theo bản scan, thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Thành phố đã công khai **10/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2021 trình HĐND thành phố, Báo cáo dự toán ngân sách thành phố năm 2021 đã được HĐND thành phố quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 9 tháng đầu năm năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố năm 2019 đã được HĐND thành phố phê chuẩn, Báo cáo ngân sách công dân năm 2021, Kế hoạch Đầu tư công năm 2021 (Biểu số 58 - Danh mục các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước năm 2021), Báo cáo tình hình nợ công của thành phố năm 2020.
- **01** tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tất cả tài liệu được công khai kịp thời trên trang TTĐT của Sở Tài chính, UBND, và HĐND thành phố. Cụ thể: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2021 trình HĐND thành phố (06/12/2020), Báo cáo dự toán ngân sách thành phố năm 2021 đã được HĐND thành phố quyết định (28/12/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố quý 1 năm 2020 (04/04/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm 2020 (08/07/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 9 tháng đầu năm 2020 (06/10/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố năm 2020 (08/12/2020), Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố năm 2019 đã được HĐND thành phố phê chuẩn (29/12/2020), Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (8/12/2020)

Tính đầy đủ của tài liệu

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2021 trình HĐND thành phố kèm thuyết minh phản ánh **13/13** biểu theo quy định của TT 343. Tuy nhiên, **Biểu số 39** chỉ phản ánh 10/12 mục theo quy định của TT 343, không có 2 mục chi giao thông và chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản. **Biểu số 44** chưa chi tiết , đầy đủ như trong TT343, thiếu mục cơ quan đơn vị, trong 2 mục đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp chưa nêu chi tiết phần vốn trong nước và vốn ngoài nước.
- Báo cáo dự toán ngân sách thành phố năm 2021 đã được HĐND thành phố quyết định phản ánh **13/13** biểu theo quy định. Tuy nhiên, **Biểu số 52** chỉ phản ánh 10/12 mục theo quy định của TT 343, không có 2 mục chi giao thông và chi nông nghiệp,

lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản. **Biểu số 57** chưa chi tiết , đầy đủ như trong TT343, thiếu mục cơ quan đơn vị, trong 2 mục đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp chưa nêu chi tiết phần vốn trong nước và vốn ngoài nước. Báo cáo có phản ánh các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố quý 1 năm 2020 kèm thuyết minh phản ánh **03/03** biểu theo quy định của TT 343. Tuy nhiên, **Biểu số 59** tuy có đủ mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ, cụ thể, mục A.I. thiếu thu viện trợ; thiếu mục B.II. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSĐP. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm 2020 kèm thuyết minh phản ánh **03/03** biểu theo quy định của TT 343. Tuy nhiên, **Biểu số 59** thiếu mục B.II. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSĐP. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 9 tháng đầu năm 2020 kèm thuyết minh phản ánh **03/03** biểu theo quy định của TT 343. Tuy nhiên, **Biểu số 59** thiếu mục B.II. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSĐP. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố năm 2020 kèm thuyết minh phản ánh **03/03** biểu theo quy định của TT 343. Tuy nhiên, **Biểu số 59** thiếu mục B.II. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSĐP. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn kèm thuyết minh phản ánh **07/07** biểu theo quy định của TT 343. Tuy nhiên, **Biểu số 68** chưa chi tiết, đầy đủ như trong TT 343, trong 2 mục đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp chưa nêu chi tiết phần vốn trong nước và vốn ngoài nước.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của thành phố **đảm bảo tin cậy** cho việc thực hiện dự toán. Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của thành phố năm 2019 là **2,7%**.

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của thành phố **chưa đảm bảo tin cậy** cho việc thực hiện dự toán. Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của thành phố là **78,5%**, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của thành phố là **6,1%**, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của thành phố là **21,1%**, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của thành phố là **14%**.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực **giáo dục và đào tạo** của thành phố năm 2021 so với năm 2020 **phù hợp**. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của thành phố năm 2021 trình HĐND thành phố và dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục đào tạo đã được HĐND thành phố quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục đào tạo năm 2020 đã được HĐND thành phố quyết định là **7,25%**. Mức thay đổi này tăng so với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (**2,8%**) của thành phố.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực **y tế và dân số** của thành phố năm 2021 so với năm 2020 **chưa phù hợp**. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế của thành phố năm 2021 trình HĐND thành phố và dự toán chi thường xuyên cho y tế, dân số đã được HĐND thành phố quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế, dân số năm 2020 đã được HĐND thành phố quyết định là **6,05%**. Mức thay đổi này giảm mạnh hơn so với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (**2,8%**) của thành phố.

Tính liên tục của tài liệu công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách thành phố trình HĐND thành phố trong 3 năm 2019, 2020, 2021 được công khai liên tục trên trang web của thành phố. Tuy nhiên Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách trình HĐND thành phố năm 2019 không đầy đủ theo quy định của TT 343. Báo cáo dự toán ngân sách đã được HĐND thành phố quyết định trong 3 năm 2019, 2020, 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố đã được HĐND thành phố phê chuẩn năm 2017, 2018, 2019 được công khai liên tục trên trang TTĐT của thành phố.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

Trong số **05** tài liệu không chấm điểm POBI 2020, có **02** tài liệu được công khai, **03** tài liệu không được công khai. Cụ thể:

- **02** tài liệu được công khai là Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2021 của thành phố, Dự thảo kế hoạch tài chính thành phố 05 năm 2021-2025).

- **03** tài liệu không được công khai gồm: Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019; Báo cáo tài chính của thành phố năm (bất kỳ năm nào); Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách thành phố 03 năm 2021-2023.

Sự tham gia của người dân

- Trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính thành phố Hà Nội **có** thư mục hỏi đáp và có thể sử dụng được.
- Trên cổng thông tin điện tử của UBND thành phố, HĐND thành phố và Sở Tài chính thành phố **không** có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của thành phố (Facebook/Zalo) để trao đổi với người dân.
- Trên cổng thông tin điện tử của UBND thành phố, HĐND thành phố và Sở Tài chính thành phố **có** công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND thành phố tháng 12 năm 2020.
- Trên trang TTĐT của Sở Tài chính thành phố **không** công khai Quy chế và quy trình cung cấp thông tin cho người dân của Sở; Biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của thành phố năm 2021, Báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND thành phố (bao gồm báo cáo thẩm tra quyết toán 2019 hoặc dự thảo dự toán 2021); Báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ thành phố trình kỳ họp HĐND thành phố tháng 12/2020.

25. TỈNH HÀ TĨNH

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH HÀ TĨNH NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **59**	**7/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **7**
ĐIỂM XẾP HẠNG **48,13**	**6** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **70**
CHƯA ĐẦY ĐỦ	**0** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Hà Tĩnh đã công bố **CHƯA ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Hà Tĩnh đạt **48,13** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **59** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **không thay đổi về hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 34: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Hà Tĩnh phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[25]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**700**	**10,14**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**3321**	**48,13**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	782	11,33
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	432	6,26
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	400	5,80
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020	250	3,62
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	0	0,00
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	275	3,99
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	782	11,33
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	200	2,90
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	0	0,00
II. Theo tiêu chí đánh giá		

[25] Đã tính trọng số

1. Tính sẵn có	550	7,97
2. Tính kịp thời	450	6,52
3. Tính thuận tiện	625	9,06
4. Tính đầy đủ	1131	16,39
5. Tính tin cậy	265	3,84
6. Tính liên tục	300	4,35

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên Cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Hà Tĩnh, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Hà Tĩnh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.
- Có 4 tài liệu được công khai bằng định dạng word/excel là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Kế hoạch Đầu tư công năm 2021. Có 1 tài liệu được công khai bằng định dạng PDF nhưng dễ dàng chuyển đổi là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020. Có 1 tài liệu được công khai bằng định dạng PDF dạng file ảnh, không theo biểu mẫu của TT 343, khó sử dụng là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai 8/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Kế hoạch Đầu tư công năm 2021.
- 3 tài liệu ngân sách không công khai: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020, Báo cáo ngân sách công dân năm 2021, Báo cáo tình hình nợ

công của tỉnh, Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

- Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có 6 tài liệu được công khai kịp thời trên Cổng TTĐT của Sở Tài chính, UBND, HĐND tỉnh. Trong đó có 3 tài liệu công khai sớm hơn thời gian bắt buộc công khai là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định (8/12/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020 (24/3/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020 (10/6/2020). 2 tài liệu công khai đúng thời gian là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 (3/12/2020), Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn.

Tính đầy đủ của tài liệu

- Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh được công khai kèm theo thuyết minh. Báo cáo phản ánh **6/13** biểu (Biểu 35, Biểu 37, Biểu 40, Biểu 41, Biểu 42, Biểu 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 35/CK-NSNN không phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa và chi tiết theo loại thuế, chỉ có mục thu doanh nghiệp trong nước (không chia doanh nghiệp TW và địa phương), thiếu thuế sử dụng đất nông nghiệp, không chi tiết theo sắc thuế hoặc phí. Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh chỉ có biểu 40 về ngân sách cấp tỉnh.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định không kèm thuyết minh, các biểu công khai không theo mẫu của TT 343. Phụ lục 1 tương ứng Biểu số 48, Phụ lục 2 - Biểu số 49 và 50, Phụ lục 3 - không, phụ lục 4 - không, phụ lục 5 - Biểu số 54, phụ lục 6 - Biểu số 55, phụ lục 7 - không, phụ lục 8 - không, phụ lục 9 -> 15 - Biểu số 58. Biểu số 46 không phản ánh đầy đủ 5 mục lớn theo quy định. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định phản ánh các nguồn thu trong nội địa nhưng không đủ 18 mục thu theo quy định; Thiếu thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý, thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài, thuế sử dụng đất nông nghiệp, tiền cho thuê hoặc bán nhà thuộc sở hữu nhà nước, thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020 không kèm thuyết minh và không có biểu số liệu.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020 không kèm thuyết minh, thiếu Biểu số 59.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021 có kèm thuyết minh, thiếu Biểu số 59. Báo cáo không có thông tin so sánh với cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND phê chuẩn kèm thuyết minh, có 4/7 biểu theo quy định của TT 343, thiếu Biểu số 65, 66, 67, 68. Biểu số 62 không phản ánh đầy đủ cả 6 mục lớn theo quy định.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Nhóm nghiên cứu không tìm thấy số liệu quyết toán của tỉnh để tính toán mức chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu NSĐP được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh.
- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu NSĐP năm 2019 của tỉnh là 72%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối NSĐP năm 2019 của tỉnh là 47%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 50%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên năm 2019 của tỉnh là 8%.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 chưa phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục đào tạo năm 2021 trình HĐND tỉnh và dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục đào tạo năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 4,77% và 3,73%. Mức thay đổi này giảm so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (3,2%) của tỉnh.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 chưa phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế của tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh và dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế của tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế, dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định đều là 26,9%. Mức thay đổi này giảm so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (3,2%) của tỉnh.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự toán được HĐND tỉnh quyết định trong 3 năm 2019, 2020 và 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2017, 2018 và 2019 đều được công khai liên tục trên trang web của tỉnh.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Trong số 5 tài liệu không chấm điểm POBI 2020, có 3 tài liệu được công khai, gồm có: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2021 của tỉnh, Báo cáo tài chính của tỉnh, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023. Các tài liệu không được công khai gồm có: Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018, 2019; Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

Sự tham gia của người dân

- Trên Cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có phần thư mục hỏi đáp và có thể sử dụng được.
- Cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh không công khai quy chế, quy trình cung cấp thông tin cho người dân.
- Trên Cổng TTĐT của UBND, HĐND, Sở Tài chính tỉnh có đường dẫn tới trang facebook chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân.
- Có 3 tài liệu được công khai trên Cổng TTĐT của UBND, HĐND, Sở Tài chính tỉnh là: Báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh, Báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh, Báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12. Tài liệu không được công khai là: Biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021.

26. TỈNH HẢI DƯƠNG

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH HẢI DƯƠNG NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **4**	**11/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **17**
ĐIỂM XẾP HẠNG **89,84**	**8** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **55**
ĐẦY ĐỦ	**0** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Hải Dương đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Hải Dương đạt **89,84** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **4** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **tăng 1 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 35: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Hải Dương phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[26]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**550**	**7,97**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**6199**	**89,84**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1433	20,77
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1233	17,87
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	400	5,80

[26] Đã tính trọng số

4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020	400	5,80
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	400	5,80
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	400	5,80
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1233	17,87
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	166	2,41
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	100	1,45
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	100	1,45
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	100	1,45
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	900	13,04
2. Tính kịp thời	600	8,69
3. Tính thuận tiện	700	10,14
4. Tính đầy đủ	3400	49,28
5. Tính tin cậy	299	4,33
6. Tính liên tục	300	4,35

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử (TTĐT) của Sở Tài chính và UBND tỉnh Hải Dương, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Hải Dương có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các tài liệu được công khai đều được xếp vào thư mục riêng. Thư mục công khai ngân sách trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh được phân chia theo loại tài liệu.
- **10** tài liệu được công khai trên cổng TTĐT của Sở Tài chính gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách 6 tháng đầu

năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê chuẩn năm 2019, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020, Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2021, Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2021 của tỉnh và Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023 đều có định dạng excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

- **02** tài liệu được công khai bằng định dạng PDF dạng scan/file ảnh (khó/không thuận tiện chuyển sang định dạng word/excel) bao gồm: Kế hoạch Đầu tư công năm 2021 và Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai **11/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê chuẩn 2019, Kế hoạch Đầu tư công năm 2021, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020, Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019 và Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2021.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có **08** tài liệu được công khai kịp thời trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính, UBND, và HĐND tỉnh. Cụ thể:

- **08** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh (21/12/2020), Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định (31/12/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020 (4/10/2020), 6 tháng (14/7/2020) và 9 tháng (13/10/2020) năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 (21/12/2020), Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê chuẩn 2019 (23/1/2021) và Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2021 (23/1/2021).

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo thuyết minh có giải thích về ưu tiên của địa phương cho ít nhất một chính sách cụ thể và được minh chứng bằng số liệu.

Báo cáo thuyết minh có nêu căn cứ dựa vào các chỉ tiêu PTKTXH trung hạn (2021-2025), kế hoạch tài chính trung hạn của tỉnh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ biểu 33 đến biểu 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế; tuy nhiên không chi tiết khoản thu phí lệ phí theo huyện, xã phường; thu từ xổ số kiến thiết.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ biểu 46 đến biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế; tuy nhiên không chi tiết khoản thu từ xổ số kiến thiết. Báo cáo có phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai có đi kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ biểu số 62 đến biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63/CK-NSNN); tuy nhiên không chi tiết khoản thu phí lệ phí theo tỉnh huyện xã phường, và khoản thu từ xổ số kiến thiết. Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 174%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 32%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 33%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 136%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2019 của tỉnh là 11%.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 trình HĐND và dự toán chi thường xuyên lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 23,1%. Mức thay đổi này giảm với mức giảm thay đổi của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (23,2%) của tỉnh.

- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 chưa phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế của tỉnh năm 2021 trình HĐND và dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số đã được đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế, dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 27,8%. Mức thay đổi này giảm mạnh hơn với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (23,2%) của tỉnh.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh được công khai liên tục trong 03 năm 2019, 2020 và 2021.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Trong 05 tài liệu được khuyến khích công khai, tỉnh công khai 03 tài liệu gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2021 của tỉnh (10/8/2020), Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023 (10/8/2020) và Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025 (24/12/2020).
- Có 01 tài liệu không được công khai là Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018, 2019 và Báo cáo tài chính của tỉnh.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính và sau 30 ngày vẫn chưa nhận được phản hồi.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh.
- Trang TTĐT của Sở Tài chính có công khai Quy chế và Quy trình cung cấp thông tin cho người dân của Sở.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường link dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo) và cũng không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021 (kỳ họp tháng 12/2020).

- Có **03** tài liệu về trụ cột tham gia của người dân được công khai trên trang TTĐT của HĐND tỉnh đó là báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh, có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020 nhưng không có ý kiến về ngân sách, có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2020 và có ý kiến về ngân sách khi đề cập tới đầu tư, chi phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách.

27. THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **43**	**8/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **57**
ĐIỂM XẾP HẠNG **66,01**	**5** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **15**
TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	**2** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy thành phố Hải Phòng đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của thành phố Hải Phòng đạt **66,01** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **43** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **giảm 8 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 36: Kết quả chấm POBI 2020 thành phố Hải Phòng phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[27]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**150**	**2,17**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI	**4555**	**66,01**

[27] Đã tính trọng số

2020		
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	798	11,57
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	866	12,55
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	325	4,71
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020	275	3,99
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	325	4,71
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	0	0,00
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1500	21,74
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	166	2,41
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	0	0,00
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	100	1,45
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	650	9,42
2. Tính kịp thời	466	6,75
3. Tính thuận tiện	550	7,97
4. Tính đầy đủ	1957	28,36
5. Tính tin cậy	632	9,16
6. Tính liên tục	300	4,35

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử (TTĐT) của Sở Tài chính và UBND thành phố Hải Phòng, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính thành phố Hải Phòng có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các tài liệu được công khai đều được xếp vào thư mục riêng. Thư mục

công khai ngân sách trên cổng TTĐT của Sở Tài chính được phân chia theo loại tài liệu.

- **05** tài liệu được công khai trên cổng TTĐT của Sở Tài chính gồm: Báo cáo dự toán ngân sách thành phố năm 2021 đã được HĐND thành phố quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 9 tháng đầu năm 2020 và Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố đã được HĐND thành phố phê chuẩn năm 2019 đều có định dạng excel, thuận tiện cho việc sử dụng.
- **04** tài liệu được công khai bằng định dạng PDF dạng scan/file ảnh (khó/không thuận tiện chuyển sang định dạng word/excel) bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2021 trình Hội đồng nhân dân thành phố, Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán năm 2018, Báo cáo tài chính của thành phố năm 2019 và Dự thảo kế hoạch tài chính thành phố 05 năm 2021-2025.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Thành phố đã công khai **8/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2021 trình Hội đồng nhân dân thành phố, Báo cáo dự toán ngân sách thành phố năm 2021 đã được HĐND thành phố quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 9 tháng đầu năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố đã được HĐND thành phố phê chuẩn 2019, Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2021 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán năm 2018.
- **03** tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố năm 2020, Kế hoạch Đầu tư công năm 2021 và Báo cáo tình hình nợ công của thành phố năm 2020

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có **05** tài liệu được công khai kịp thời trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính, UBND, và HĐND thành phố; **02** tài liệu được công khai muộn. Cụ thể:

- **05** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2021 trình HĐND thành phố (19/12/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố quý 1 năm 2020 (31/3/2020), 6 tháng (27/6/2020) và 9 tháng

(25/9/2020) năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố đã được HĐND thành phố phê chuẩn 2019 (16/1/2021).

- **02** tài liệu được công khai muộn là: Dự toán ngân sách thành phố năm 2021 đã được HĐND thành phố quyết định (15/1/2021) và Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2021 (15/1/2021).

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2021 trình HĐND thành phố: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo thuyết minh có giải thích về ưu tiên của địa phương cho ít nhất một chính sách cụ thể và được minh chứng bằng số liệu. Báo cáo thuyết minh không nêu căn cứ dựa vào các chỉ tiêu PTKTXH trung hạn (2021-2025), kế hoạch tài chính trung hạn của tỉnh. Báo cáo chỉ phản ánh **05/13** biểu (từ Biểu số 33 đến Biểu số 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343, thiếu Biểu số 33, 34, 36, 38, 39, 41, 43, 44, 45. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) không phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN không phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo cũng không phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 44/CK-NSNN). Các danh mục biểu số liệu không đánh số thứ tự theo mẫu của Thông tư 343.

- Báo cáo dự toán ngân sách thành phố năm 2021 đã được HĐND thành phố phê duyệt: Báo cáo phản ánh **10/13** biểu (từ biểu 46 đến biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343, thiếu Biểu số 52, 57, 58. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN không phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo cũng không phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 57/CK-NSNN). Báo cáo không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương. Đối với các Biểu số 52, 57, 58, tỉnh chỉ tải biểu số liệu giống như Thông tư 343 rồi đăng lên, không điền chi tiết nội dung.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh **02/03** biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343, thiếu Biểu số 59. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh

với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN không phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm 2020: Báo cáo được công khai không kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh **02/03** biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN không phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 9 tháng năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh **02/03** biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN không phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố cả năm 2020: Báo cáo không được công khai trên Trang TTĐT của thành phố Hải Phòng. Trên Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh, có tiêu đề tài liệu được công khai nhưng tài liệu được công khai lại là Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2021 trình HĐND thành phố.
- Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố năm 2019 đã được HĐND thành phố phê duyệt: Báo cáo được công khai có đi kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp thành phố và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của thành phố đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của thành phố là 0,7%, chênh lệch giữa quyết toán

và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của thành phố là 4,9%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của thành phố năm 2019 là 1,3%.

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của thành phố chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của thành phố là 39,5%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của thành phố là 22,9%.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của thành phố năm 2021 so với năm 2020 phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 trình HĐND và dự toán chi thường xuyên lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã được HĐND thành phố quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND thành phố quyết định là 0% và 1,5%. Mức thay đổi này tăng với mức tăng thay đổi của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (0%) của thành phố.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của thành phố năm 2021 so với năm 2020 phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế của thành phố năm 2021 trình HĐND thành phố và dự toán chi thường xuyên cho y tế, dân số đã được HĐND thành phố quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế, dân số năm 2020 đã được HĐND thành phố quyết định là 0% và 4,3%. Mức thay đổi này tăng với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (0%) của thành phố.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách thành phố trình HĐND thành phố, Báo cáo dự toán ngân sách thành phố đã được HĐND thành phố phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố được công khai liên tục trong 03 năm 2019, 2020 và 2021.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Trong 05 tài liệu được khuyến khích công khai, tỉnh công khai **02** tài liệu gồm: Báo cáo tài chính của thành phố năm 2019 (16/1/2021) và Dự thảo kế hoạch tài chính thành phố 05 năm 2021-2025 (7/1/2021)
- Có **03** tài liệu không được công khai là: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2021 của thành phố, Kết quả kiểm toán ngân sách thành phố của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018, 2019 và Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách thành phố 03 năm 2021-2023.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính không có thư mục hỏi đáp, có email nhưng email báo lỗi không hỗ trợ mã hóa và không thể sử dụng được.
- Trang TTĐT của UBND, HĐND thành phố và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND thành phố.
- Trang TTĐT của Sở Tài chính có công khai Quy chế và Quy trình cung cấp thông tin cho người dân của Sở.
- Trang TTĐT của UBND, HĐND thành phố và Sở Tài chính không có đường link dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo) và cũng không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của thành phố năm 2021 (kỳ họp tháng 12/2020), không công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND thành phố, không công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND thành phố tháng 12 năm 2020 và không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ thành phố trình kỳ họp HĐND thành phố tháng 12/2020.

28. TỈNH HẬU GIANG

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH HẬU GIANG NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **38**	**9/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **22**
ĐIỂM XẾP HẠNG **68,67**	**4** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **50**
TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	**2** tài liệu công bố chậm, **1** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Hậu Giang đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh

Hậu Giang đạt **68,67** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **38** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **tăng 16 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 37: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Hậu Giang phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[28]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**500**	**7,25**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**4738**	**68,67**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1183	17,14
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1015	14,71
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	325	4,71
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020	350	5,07
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	375	5,43
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	175	2,54
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1032	14,96
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	100	1,45
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	50	0,72
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	0	0,00
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	650	9,42
2. Tính kịp thời	400	5,80
3. Tính thuận tiện	283	4,10

[28] Đã tính trọng số

4. Tính đầy đủ	2673	38,74
5. Tính tin cậy	432	6,26
6. Tính liên tục	300	4,35

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính, UBND và HĐND tỉnh Hậu Giang, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Hậu Giang có thư mục riêng về công khai ngân sách, nhưng nội dung không được phân chia cụ thể theo năm hoặc theo loại tài liệu tuy nhiên vẫn có tài liệu.
- Trong số các tài liệu được công khai, **03** tài liệu được công bố bằng định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020 và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020. Có **05** tài liệu được công bố bằng định dạng PDF dạng scan/file ảnh, không thuận tiện trong việc chuyển sang định dạng word/excel, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn và Kế hoạch Đầu tư công năm 2021.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh Hậu Giang đã công khai **9/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Kế hoạch Đầu tư công năm 2021 và Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021.
- **02** tài liệu không được công bố công khai gồm: Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có **04** tài liệu được công khai kịp thời trên trang TTĐT của Sở Tài chính, UBND, và HĐND tỉnh; **02** tài liệu được công khai muộn. Cụ thể:

- **04** tài liệu công khai kịp thời gồm có: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định (24/12/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm năm 2020 (08/10/2020) và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn (13/11/2020).
- **02** tài liệu được công khai muộn gồm có: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020 (11/05/2020) và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm năm 2020 (23/07/2020).

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai có kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh **10/13** biểu (thiếu Biểu số 33, Biểu số 35, Biểu số 45) theo hướng dẫn của TT 343. Biểu số 39/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh có đầy đủ ba biểu chi tiết về ngân sách cấp tỉnh (biểu số 38, 39 và 40/CK-NSNN).
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định: Các bảng biểu được công khai dưới dạng phụ lục đính kèm Nghị quyết số 57/NQ-HĐND và Nghị quyết số 58/NQ-HĐND, và không theo mẫu của TT 343. Các phụ lục chỉ phản ánh 11 biểu tương tự như trong TT 343, không có Biểu số 54 và Biểu số 58. Biểu số 37 đính kèm Nghị quyết số 57/NQ-HĐND cũng phản ánh dự toán chi thường xuyên của ngân sách cấp tỉnh cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực như Biểu số 53 được ban hành theo TT 343, nhưng không theo đúng mẫu được quy định. Biểu mẫu 16 đính kèm nghị quyết số 58/NQ-HĐND (tương ứng với Biểu số 48 theo TT 343) phản ánh đầy đủ 18 mục thu nhưng không chi tiết đầy đủ sắc thuế hoặc không theo Biểu số 48 quy định bởi TT 343, cụ thể: Mục Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý và Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết không liệt kê đầy đủ các sắc thuế; chi tiết mục Thuế bảo vệ môi trường và Thu phí, lệ phí không theo quy định của TT 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020: Báo cáo phản ánh đầy đủ báo cáo thuyết minh và 3/3 biểu theo quy định của TT 343. Biểu số 59 phản ánh

đầy đủ 4 mục lớn nhưng không phản ánh các mục nhỏ cấu thành của tổng nguồn thu NSNN trên địa bàn theo đúng quy định của TT 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm năm 2020 và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm năm 2020: Hai báo cáo đều phản ánh đầy đủ báo cáo thuyết minh và 3/3 biểu theo quy định của TT 343. Biểu mẫu 59 cũng phản ánh đầy đủ 4 mục lớn nhưng không phản ánh mục nhỏ Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSĐP trong mục lớn Tổng chi NSĐP.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh nhưng không phản ánh biểu nào về ngân sách địa phương theo quy định của TT 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm nhưng không có thông tin về tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN không phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn: Các bảng biểu được công khai dưới dạng phụ lục của Nghị quyết số 29/NQ-HĐND và không theo mẫu của TT 343. Tuy nhiên, báo cáo phản ánh đầy đủ 7/7 biểu kèm báo cáo thuyết minh theo quy định của TT 343. Biểu số 48 đính kèm Nghị quyết 29/NQ-HĐND (tương ứng với Biểu số 62 theo TT 343) phản ánh đầy đủ 6 mục lớn nhưng không chi tiết đầy đủ các mục nhỏ, cụ thể: không phản ánh mục A.3 (Thu từ quỹ dự trữ tài chính) và B.II (Chi các chương trình mục tiêu). Biểu số 50 đính kèm Nghị quyết 29/NQ-HĐND (tương ứng với Biểu số 63 theo TT 343) chỉ phản ánh 17/18 nguồn thu nội địa, không phản ánh mục Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác. Biểu số 52 đính kèm Nghị quyết 29/NQ-HĐND (tương ứng với Biểu số 65 theo TT 343) phản ánh đầy đủ 3 mục lớn nhưng không chi tiết một số mục nhỏ, bao gồm: Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay, Dự phòng ngân sách, và Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương.
- Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021: Báo cáo được công khai dưới dạng phụ lục đính kèm Nghị quyết 58/NQ-HĐND (Biểu số 18), có công bố nợ chính quyền địa phương nhưng không chi tiết theo từng nguồn vay.
- Ngoài ra, các câu hỏi còn lại về tính đầy đủ của các tài liệu đã công khai đều được đáp ứng đầy đủ.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương

năm 2019 của tỉnh là 9,95%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 17,72%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 28,57%, chênh lệch giữa quyết toán và dự án chi thường xuyên của tỉnh năm 2019 của tỉnh là 10,62%. Nhóm nghiên cứu không tìm thấy số liệu cụ thể về chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh.

- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 chưa phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 trình HĐND so với dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 8,19%. Mức tăng này thấp hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 trình HĐND so với năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định (14,75%) của tỉnh.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế của tỉnh năm 2021 trình HĐND so với dự toán chi thường xuyên cho y tế, dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 16,75%. Mức tăng này cao hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 trình HĐND so với năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định (14,75%) của tỉnh.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh quyết định và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê chuẩn đều được công khai liên tục trong ba năm trên trang TTĐT của tỉnh.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Trong số 5 tài liệu không chấm điểm POBI 2020, chỉ có **01** tài liệu được công khai, đó là: Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.
- **04** tài liệu không được công khai bao gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2021, Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2017, 2018 và 2019, Báo cáo tài chính của tỉnh và Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023.

Sự tham gia của người dân

- Quy chế và quy trình cung cấp thông tin cho người dân không được công khai trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh.
- Trên trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có thư mục hỏi đáp và có thể sử dụng được, có đường dẫn tới công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh.
- Biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021 không được công khai trên trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính.
- Báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh kỳ họp tháng 12/2020 và báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh kỳ họp tháng 12/2020 được công khai nhưng không có ý kiến về ngân sách.

29. THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **35**	**8/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **22**
ĐIỂM XẾP HẠNG **69,87**	**4** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **50**
TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	**3** tài liệu công bố chậm, **1** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy thành phố Hồ Chí Minh đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của thành phố Hồ Chí Minh đạt **69,87** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **35** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **tăng 3 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 38: Kết quả chấm POBI 2020 thành phố Hồ Chí Minh phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[29]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**500**	**7,25**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**4821**	**69,87**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1182	17,13
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	916	13,28
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	350	5,07
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020	350	5,07
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	350	5,07
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	325	4,71
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1065	15,43
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	83	1,20
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	0	0,00
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	0	0,00
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	550	7,97
2. Tính kịp thời	458	6,64
3. Tính thuận tiện	550	7,97
4. Tính đầy đủ	2398	34,75
5. Tính tin cậy	565	8,19
6. Tính liên tục	300	4,35

[29] Đã tính trọng số

Kết quả khảo sát POBI 2020 của thành phố theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính, UBND và HĐND thành phố Hồ Chí Minh, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh có thư mục riêng về công khai ngân sách, nhưng nội dung không được phân chia cụ thể theo năm hoặc theo loại tài liệu tuy nhiên vẫn có tài liệu.
- Trong số các tài liệu được công khai, 05 tài liệu được công bố bằng định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2021 trình HĐND thành phố, Báo cáo dự toán ngân sách thành phố năm 2021 đã được HĐND thành phố quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm 2020 và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 9 tháng đầu năm 2020. Có **02** tài liệu được công bố bằng định dạng PDF dạng scan/file ảnh, không thuận tiện trong việc chuyển sang định dạng word/excel, bao gồm: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố năm 2020 và Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố năm 2019 đã được HĐND thành phố phê chuẩn. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố năm 2020 công bố các bảng biểu bằng cả định dạng excel và PDF, nhưng tài liệu dưới định dạng excel của Biểu số 59 và Biểu số 61 yêu cầu đăng nhập nên nhóm nghiên cứu chỉ truy cập được hai biểu này dưới định dạng PDF. Tương tự, Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố năm 2019 đã được HĐND thành phố phê chuẩn cũng công bố hầu hết các bảng biểu bằng định dạng excel, nhưng Biểu số 64 chỉ có định dạng PDF.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Thành phố Hồ Chí Minh đã công khai **8/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2021 trình HĐND thành phố, Báo cáo dự toán ngân sách thành phố năm 2021 đã được HĐND thành phố quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 9 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố năm 2019 đã được HĐND thành phố phê chuẩn và Báo cáo ngân sách công dân năm 2021.

- **03** tài liệu không được công bố công khai gồm: Kế hoạch Đầu tư công năm 2021, Báo cáo tình hình nợ công của thành phố năm 2021 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có **04** tài liệu được công khai kịp thời trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính, UBND, và HĐND thành phố; **03** tài liệu được công khai muộn; **01** tài liệu không rõ ngày công khai. Cụ thể:

- **04** tài liệu công khai kịp thời gồm có: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2021 trình HĐND thành phố (07/12/2020), Báo cáo dự toán ngân sách thành phố năm 2021 đã được HĐND thành phố quyết định (13/01/2021), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố năm 2020 (03/02/2020) và Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố năm 2019 đã được HĐND thành phố phê chuẩn (13/01/2021).
- **03** tài liệu được công khai muộn gồm có: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố quý 1 năm 2020 (25/04/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm 2020 (29/07/2020) và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 9 tháng đầu năm 2020 (21/10/2020).
- Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 không rõ ngày công khai.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách thành phố năm 2021 trình HĐND thành phố: Báo cáo phản ánh 10/13 biểu theo quy định của TT 343, các biểu không công khai bao gồm Biểu số 39, Biểu số 44 và Biểu số 45. Báo cáo thuyết minh được công khai và có nêu căn cứ dựa vào các chỉ tiêu phát triển kinh tế-xã hội trung hạn (2021-2025), kế hoạch tài chính trung hạn của thành phố. Biểu số 35 phản ánh đầy đủ 18 nguồn thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa, nhưng mục Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết chưa chi tiết theo từng loại sắc thuế.
- Báo cáo dự toán ngân sách thành phố năm 2021 đã được HĐND thành phố quyết định: Báo cáo phản ánh 10/13 biểu theo quy định của TT 343. Các biểu không công khai bao gồm Biểu số 52, Biểu số 57 và Biểu số 58 nên báo cáo không phản ánh được cụ thể dự toán chi đầu tiên cho từng lĩnh vực và dự toán chi đầu tư thuộc chương trình mục tiêu quốc gia cho ngân sách thành phố và huyện. Báo cáo cũng không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm năm 2020, Báo cáo tình hình thực

hiện ngân sách thành phố 9 tháng đầu năm năm 2020, và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách thành phố năm 2020: Các báo cáo này đều công khai đầy đủ 3/3 biểu theo quy định của TT 343. Biểu số 59 ở các báo cáo này phản ánh đầy đủ cả 4 mục lớn nhưng Mục Tổng nguồn thu NSNN trên địa bàn không chi tiết thành hai mục Thu cân đối NSNN và Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang theo mẫu được quy định bởi TT 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố năm 2019 đã được HĐND thành phố phê chuẩn: Báo cáo phản ánh đầy đủ 7/7 biểu theo quy định của TT 343 nhưng không có báo cáo thuyết minh. Biểu số 62 chỉ phản ánh 5/6 mục lớn theo quy định, thiếu mục Tổng mức dư nợ vay cuối năm của NSĐP.
- Ngoài ra, các câu hỏi còn lại về tính đầy đủ của các tài liệu đã công khai đều được đáp ứng đầy đủ.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của thành phố chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của thành phố là 97,98%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của thành phố là 5,01%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của thành phố là 8,54%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của thành phố là 30,41%, chênh lệch giữa quyết toán và dự án chi thường xuyên của thành phố năm 2019 của thành phố là 11,26%.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của thành phố năm 2021 so với năm 2020 phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của thành phố năm 2021 trình HĐND và dự toán chi thường xuyên lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã được HĐND thành phố quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND thành phố quyết định là 19,97% và 19,97%. Mức tăng này cao hơn so với mức thay đổi của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 trình HĐND và tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 đã được HĐND thành phố quyết định so với năm 2020 đã được HĐND thành phố quyết định (12,20%) của thành phố.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của thành phố năm 2021 so với năm 2020 phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của thành phố năm 2021 trình HĐND thành phố và dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số đã được HĐND thành phố quyết định so với dự

toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2020 đã được HĐND thành phố quyết định là 88,83% và 88,83%. Mức tăng này cao hơn so với mức thay đổi của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 trình HĐND và tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 đã được HĐND thành phố quyết định so với năm 2020 đã được HĐND thành phố quyết định (12,20%) của thành phố.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách thành phố trình HĐND thành phố, Báo cáo dự toán ngân sách thành phố đã được HĐND thành phố quyết định và Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố đã được HĐND thành phố phê chuẩn đều được công khai liên tục trong ba năm trên trang TTĐT của thành phố.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Trong số 5 tài liệu không chấm điểm POBI 2020, có **02** tài liệu được công khai, đó là: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách thành phố năm 2021, được ban hành ngày 10/08/2020 và Báo cáo tài chính của thành phố và Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách thành phố 03 năm 2021-2023.
- **03** tài liệu không được công khai bao gồm: Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2017, 2018 và 2019, Báo cáo tài chính của thành phố và Dự thảo kế hoạch tài chính thành phố 05 năm 2021-2025.

Sự tham gia của người dân

- Trên trang TTĐT của UBND, HĐND và Sở Tài chính thành phố không có đường dẫn tới công cụ mạng xã hội chính thức của thành phố.
- Biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của thành phố năm 2021, báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND thành phố, báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ thành phố trình kỳ họp HĐND thành phố kỳ họp tháng 12/2020, và báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND thành phố kỳ họp tháng 12/2020 không được công khai trên trang TTĐT của UBND, HĐND và Sở Tài chính của thành phố.

30. TỈNH HÒA BÌNH

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH HOÀ BÌNH NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **14**	**10/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **57**
ĐIỂM XẾP HẠNG **83,67**	**7** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **15**
ĐẦY ĐỦ	**1** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Hòa Bình đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Hòa Bình đạt **83,67** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **14** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **tăng 49 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 39: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Hoà Bình phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[30]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**150**	**2,17**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**5773**	**83,67**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1066	15,45
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1000	14,49
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	400	5,80
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng	400	5,80

[30] Đã tính trọng số

đầu năm 2020		
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	400	5,80
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	375	5,43
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1432	20,75
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	200	2,90
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	200	2,90
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	100	1,45
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	0	0,00
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	800	11,59
2. Tính kịp thời	575	8,33
3. Tính thuận tiện	800	11,59
4. Tính đầy đủ	2732	39,59
5. Tính tin cậy	566	8,20
6. Tính liên tục	300	4,35

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Về tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính tỉnh Hòa Bình, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Hòa Bình có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.
- Các tài liệu đều được công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng. Riêng tài liệu: Báo cáo NSNN dành cho công dân năm 2021 công khai ở định dạng powerpoint, trực quan hóa nội dung-số liệu thuận lợi cho người sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai 11/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách

tỉnh 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020; Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê chuẩn 2019; Kế hoạch Đầu tư công năm 2021 (Biểu số 58 trong Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định); Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2021; Báo cáo thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019 và Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

- Căn cứ vào chữ ký và dấu online trên các tài liệu ngân sách được công khai, nhóm nghiên cứu xác định tỉnh Yên Bái công khai kịp thời **7** tài liệu: Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND; Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định; Báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý 1 năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng và 9 tháng năm 2020; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê chuẩn 2019; Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2021.
- **01** Tài liệu ngân sách công khai chậm: Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020. (Báo cáo công khai ngày 15/1/2021 trong khi ngày khai mạc kỳ họp HĐND tỉnh là 8/12/2020).

Tính đầy đủ của tài liệu

- Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh có 12/13 biểu theo quy định. Trong đó Biểu số 39 chỉ có 1 mục chi cho Phát triển kinh tế.
- Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định có 12/13 biểu theo quy định. Trong đó Biểu số 52 chỉ có 1 mục chi cho Phát triển kinh tế.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý I năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020 và Báo cáo thực hiện ngân sách năm 2020 đều có thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương

năm 2019 của tỉnh là 124%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 93%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 99%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 83 %, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2019 của tỉnh là 104 %.

- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 trình HĐND và dự toán chi thường xuyên lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 406% và 5,73%. Mức thay đổi này tăng với mức tăng thay đổi của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (1,73 %) của tỉnh.
- Nhóm nghiên cứu không tìm thấy số liệu mục chi cho Y tế, dân số và gia đình trong Bảng 50 trong Dự toán ngân sách năm 2021 tỉnh đã được HĐND quyết định. Vì vậy, không thực hiện được so sánh với số liệu năm 2020.

Tính liên tục

- Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách trình HĐND tỉnh được công khai trong 2 năm: 2020, 2021
- Dự toán ngân sách được HĐND tỉnh quyết định được công khai trong năm 2021 (1 năm).
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh được công khai trong 3 năm liên tục: 2017, 2018 và 2019.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Trong số 5 tài liệu không chấm điểm POBI 2020, có 2 tài liệu được công khai, gồm có Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2021 của tỉnh và Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023. Các tài liệu không được công khai gồm có: Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020; Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018, 2019 và Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025..

Sự tham gia của người dân

- Trên trang TTĐT của Sở Tài chính có 2 nội dung đảm bảo dự tham gia của người dân: Thư mục hỏi đáp và Báo cáo NSNN dành cho công dân năm 2021

- Các nội dung còn thiếu như sau: Quy chế và quy trình cung cấp thông tin cho người dân; Biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021; Báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh; Báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2020; Đường dẫn tới 1 trang mạng xã hội chính thức để trao đổi với người dân và Báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh.

31. TỈNH HƯNG YÊN

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH HƯNG YÊN NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **28**	**10/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **52**
ĐIỂM XẾP HẠNG **74,58**	**6** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **20**
TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	**0** tài liệu công bố chậm, **1** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Hưng Yên đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Hưng Yên đạt **74,58** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **28** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **tăng 23 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 40: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Hưng Yên phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[31]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**200**	**2,90**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**5146**	**74,58**
I. Theo loại tài liệu		

[31] Đã tính trọng số

1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	898	13,01
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	982	14,23
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	350	5,07
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020	350	5,07
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	350	5,07
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	350	5,07
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1266	18,35
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	200	2,90
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	100	1,45
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	100	1,45
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	800	11,59
2. Tính kịp thời	450	6,52
3. Tính thuận tiện	800	11,59
4. Tính đầy đủ	2564	37,16
5. Tính tin cậy	232	3,36
6. Tính liên tục	300	4,35

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.

- 8 tài liệu được công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai **10/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020, Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn 2019, Kế hoạch Đầu tư công năm 2021, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 và Báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2018.
- Kế hoạch Đầu tư công năm 2021 là Biểu số 58 của Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định.
- 1 tài liệu ngân sách không công khai: Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2021.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, **6** tài liệu được công khai kịp thời trên trang TTĐT của Sở Tài chính, UBND, và HĐND tỉnh; **1** tài liệu được công khai muộn. Cụ thể:

- **6** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh (26/11/2020), Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định (1/12/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020 (3/4/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020 (10/7/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020 (8/10/2020), và Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn 2019 (1/12/2020).
- **1** tài liệu được công khai muộn là: Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 (12/1/2021)

Tính đầy đủ của tài liệu

- Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh kèm thuyết minh, có 11/13 biểu theo quy định của TT 343, thiếu Biểu số 39 và 44. Biểu số 35 phản ánh 18/18 khoản thu nội địa nhưng không chi tiết theo sắc thuế.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định phản ánh 12/13 biểu theo quy định, thiếu Biểu số 54. Biểu số liệu không có Biểu số 52 về Dự toán chi thường xuyên của ngân sách cấp tỉnh cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực. Nội dung về Dự toán chi thường xuyên của ngân sách cấp tỉnh cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực được phản ánh trong Biểu số 37 của Nghị quyết 329/NQ-HĐND về phân bổ NSĐP năm 2021. Biểu số 48 đủ 18/18 mục thu nội địa nhưng không chi tiết theo sắc thuế. Báo cáo Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định không phản ánh các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020 và Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 có thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020 không có mục Chi trả nợ gốc.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn có kèm thuyết minh và đủ 7/7 biểu theo quy định của TT 343.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách thu ngân sách địa phương, thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp, chi cân đối ngân sách địa phương, chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 68%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 32%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 29%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 132%.
- Lập dự toán ngân sách chi thường xuyên năm 2019 của tỉnh đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2019 của tỉnh là 2%.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 chưa phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh và dự toán chi

thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục đào tạo đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 12,6% và 12,6%. Mức giảm này cao hơn mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (8,7%) của tỉnh.

- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 chưa phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế của tỉnh năm 2021 trình HĐND và dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số đã được đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế, dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 18,7% và 18,7%. Mức giảm này này cao hơn mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (8,7%) của tỉnh.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo Dự thảo dự toán trình HĐND tỉnh và Dự toán được HĐND tỉnh quyết định được công khai liên tục trong 3 năm 2019, 2020, và 2021. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2017, 2018 và 2019 được công khai liên tục trên trang TTĐT của Sở Tài chính.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Trong số 5 tài liệu không chấm điểm POBI 2020, có **1/5** tài liệu được công khai là Kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021 – 2023. Các tài liệu không được công khai gồm Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2021 của tỉnh, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018, hoặc 2019, Báo cáo tài chính của tỉnh, Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên có thư mục hỏi đáp và thư mục này có hoạt động.
- Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên chưa công khai Quy chế và Quy trình cung cấp thông tin cho công dân trên trang TTĐT của Sở.
- Cổng TTĐT của UBND, HĐND, và Sở Tài chính chưa có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân.
- Trang TTĐT của Sở Tài chính, UBND, HĐND hay MTTQ chưa công khai Biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021, Báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh (bao gồm cả Báo cáo thẩm tra quyết toán 2019 và dự thảo dự toán NSNN 2021), Báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh

trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020, và Báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020.

32. TỈNH KHÁNH HÒA

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH KHÁNH HÒA NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **44**	**9/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **40**
ĐIỂM XẾP HẠNG **65,3**	**5** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **35**
TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	**1** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Khánh Hòa đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Khánh Hòa đạt **65,3** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **44** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **giảm 29 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 41: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Khánh Hoà phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[32]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**350**	**5,07**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**4506**	**65,30**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	33	0,48
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1099	15,93

[32] Đã tính trọng số

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	400	5,80
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020	400	5,80
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	400	5,80
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	225	3,26
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1399	20,28
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	150	2,17
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	100	1,45
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	100	1,45
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	700	10,14
2. Tính kịp thời	375	5,43
3. Tính thuận tiện	650	9,42
4. Tính đầy đủ	2250	32,61
5. Tính tin cậy	366	5,30
6. Tính liên tục	165	2,39

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử (TTĐT) của Sở Tài chính và UBND tỉnh Khánh Hòa, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa có thư mục riêng về công khai ngân sách, được phân chia cụ thể theo loại tài liệu và có nội dung được cập nhật. Riêng thư mục nợ công không có tài liệu được công khai vào thời điểm chấm (03/02/2021). Trang TTĐT của UBND tỉnh không có thư mục CKNS.
- Các tài liệu được công khai trên cổng TTĐT của Sở Tài chính đều có định dạng excel, thuận tiện cho việc sử dụng. Tuy nhiên, một số tài liệu được công khai hỗn hợp dưới

dạng PDF và excel như dự toán ngân sách 2021 đã được phê duyệt, báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai **9/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, 6 tháng đầu năm 2020, 9 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách cả năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Kế hoạch đầu tư công năm 2021, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc năm 2021 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019.
- **02** tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh và Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2021.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số **07** tài liệu ngân sách được công khai, có **05** tài liệu được công khai kịp thời và **01** tài liệu được công khai muộn trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính: Cụ thể:

- **06** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt (30/12/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020 (3/4/2020), 6 tháng đầu năm 2020 (30/6/2020), 9 tháng đầu năm 2020 (30/9/2020), và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt (23/11/2020).
- **01** tài liệu được công khai muộn là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 2020.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh không được công khai. Trong thư mục về tài liệu dự toán trình năm 2021 tỉnh công khai các biểu mẫu của năm 2020.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ Biểu số 46 đến Biểu số 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020: Báo cáo được công khai không kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 3 biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách địa phương (biểu 59/CK-NSNN) có phản ánh cụ thể, đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định. Tuy nhiên, báo cáo không có những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai có đi kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 39%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 14%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 37%. Riêng chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 2% và chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2019 của tỉnh là 0,7%, đảm bảo tính tin cậy.
- Do không có số liệu dự thảo dự toán năm 2021 trình HĐND nên không tính đoán được thay đổi của dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 trình HĐND so với sự thay đổi của dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là -3%. Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này giảm chậm hơn so với với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (-5,6%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Do không có số liệu dự thảo dự toán năm 2021 trình HĐND nên không tính đoán được thay đổi của dự toán chi thường xuyên cho lĩnh y tế và dân số của tỉnh năm 2021 trình HĐND so với sự thay đổi của dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2020 đã được HĐND quyết định.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên lĩnh vực y tế và dân số năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là -9%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm nhanh hơn so với với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (-5,6%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Các tài liệu được công khai không đảm bảo tính liên tục. Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh chỉ có của năm 2020 (năm 2021 công khai số liệu của năm 2020). Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt chỉ có của 2020 và 2021, không có của năm 2019. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt chỉ có của 2020 và 2021, không có của năm 2019.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Trong 05 tài liệu được khuyến khích công khai, tỉnh chỉ công khai 01 tài liệu là: Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023 (nằm trong Báo cáo số 225).
- Có 04 tài liệu không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo tài chính của tỉnh, Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước tỉnh năm 2017, 2018 hoặc 2019 và Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 05 năm 2021-2025.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính và có nhận được phản hồi nhưng sau 30 ngày kể từ ngày gửi (tỉnh có phản hồi lại do hệ thống email bị lỗi nên phản hồi chậm).
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh.
- Trang TTĐT của Sở Tài chính có công khai Quy chế và Quy trình cung cấp thông tin cho người dân của Sở.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường link dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo) và cũng không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021 (kỳ họp tháng 12/2020) mà chỉ có đề cương báo cáo kết quả kỳ họp. Trang TTĐT của HĐND tỉnh không công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2020 và báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020. Trang TTĐT của HĐND tỉnh cũng không công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh.
- Về việc tuyên truyền, phổ biến về dự toán ngân sách 2021, theo phản hồi của Sở Tài chính thì tỉnh sử dụng hai kênh đó là trang TTĐT của UBND tỉnh và Sở Tài chính.

33. TỈNH KIÊN GIANG

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH KIÊN GIANG NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **42**	**4/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **9**
ĐIỂM XẾP HẠNG **66,64**	**3** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **65**
TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	**0** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Kiên Giang đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Kiên Giang đạt **66,64** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **42** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **tăng 18 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 42: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Kiên Giang phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[33]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**650**	**9,42**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**4598**	**66,64**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1500	21,74
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1066	15,45
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	0	0,00
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng	0	0,00

[33] Đã tính trọng số

đầu năm 2020		
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	0	0,00
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	0	0,00
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1632	23,65
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	200	2,90
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	0	0,00
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	400	5,80
2. Tính kịp thời	300	4,35
3. Tính thuận tiện	600	8,70
4. Tính đầy đủ	2300	33,33
5. Tính tin cậy	732	10,61
6. Tính liên tục	266	3,86

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử (TTĐT) của Sở Tài chính và UBND tỉnh Kiên Giang, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT sở Tài chính tỉnh Kiên Giang có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các mục được chia rõ ràng và sắp xếp theo từng năm nhằm tạo thuận lợi cho việc truy cập và tìm kiếm các loại tài liệu.
- Các tài liệu được công bố trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang đều có định dạng excel nhằm tạo thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang đã công khai 4/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán

ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo Đầu tư công 2021.

- 07 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020, Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2021, Kế hoạch đầu tư công năm 2021, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc năm 2021 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

- Trong số 04 tài liệu ngân sách được công khai, cả 03 tài liệu được Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang công khai kịp thời.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh 11/13 biểu (thiếu Biểu số 39 và Biểu số 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo không phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 44/CK-NSNN).

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ Biểu số 46 đến Biểu số 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo không phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 57/CK-NSNN). Báo cáo cũng không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai không kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội

địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh tương đối đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 7%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 3%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 2%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 2%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2019 của tỉnh là 1%.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 trình HĐND so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND phê duyệt là 6%. Mức thay đổi này nhanh hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 trình HĐND tỉnh so với dự toán năm 2020 (4%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 6%. Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (4%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2021 trình HĐND so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt là 7%. Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này thấp hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (4%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên lĩnh vực y tế và dân số năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt là 7%. Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (4%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đều được công khai liên tục trong 03 năm 2019, 2020 và 2021.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Sở Tài chính tỉnh Bến Tre không công khai tất cả 05 tài liệu được khuyến khích công khai.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email nhưng báo lỗi không thể gửi đi được.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh.
- Trang TTĐT của Sở Tài chính có công khai Quy chế và Quy trình cung cấp thông tin cho người dân của Sở.
- Cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2020 nhưng không có ý kiến về ngân sách.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có đường link dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo), công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021 (kỳ họp tháng 12/2020),và có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020. Các trang TTĐT của tỉnh cũng công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh.
- Về việc tuyên truyền, phổ biến về dự toán ngân sách 2021, tỉnh cho biết không sử dụng kênh thông tin gồm trang TTĐT của Sở Tài chính, trang TTĐT của HĐND và Cổng công khai ngân sách của Bộ Tài chính.

34. TỈNH KON TUM

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH KON TUM NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **50**	**7/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **13**
ĐIỂM XẾP HẠNG **55,55**	**5** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **60**
TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	**0** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Kon Tum đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Kon Tum đạt **55,55** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **50** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **giảm 25 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 43: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Kon Tum phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[34]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**600**	**8,70**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**3833**	**55,55**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	0	0,00
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1100	15,94
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	325	4,71

[34] Đã tính trọng số

4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020	350	5,07
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	0	0,00
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	325	4,71
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1233	17,87
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	200	2,90
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	100	1,45
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	0	0,00
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	550	7,97
2. Tính kịp thời	350	5,07
3. Tính thuận tiện	650	9,42
4. Tính đầy đủ	1750	25,36
5. Tính tin cậy	333	4,83
6. Tính liên tục	200	2,90

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử (TTĐT) của Sở Tài chính và UBND tỉnh Kon Tum, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT sở Tài chính tỉnh Kon Tum có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các mục được chia rõ ràng và sắp xếp theo từng năm nhằm tạo thuận lợi cho việc truy cập và tìm kiếm các loại tài liệu.
- Các tài liệu được công bố trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Kon Tum đều có định dạng excel nhằm tạo thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai 9/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã

được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Kế hoạch đầu tư công năm 2021 (trong Dự toán ngân sách năm 2021 được phê duyệt có Biểu số 58 về Danh mục dự án sử dụng vốn NSNN năm 2021), và Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc năm 2021.

- 02 tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2021 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số 09 tài liệu ngân sách được công khai, có 05 tài liệu được công khai kịp thời trên trang TTĐT của Sở Tài chính. Cụ thể:

- 05 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh (19/11/2020), Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt (31/12/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020 (15/7/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020 (08/10/2020) và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt (19/11/2020).

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh: Báo cáo không được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ Biểu số 33 đến Biểu số 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 44/CK-NSNN).

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ Biểu số 46 đến Biểu số 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản

ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 57/CK-NSNN). Báo cáo có phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số

65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 55,8%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 36,5%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 1,16%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 13,3%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2019 của tỉnh là 6%.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 trình HĐND so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND phê duyệt là -10,4%. Mức thay đổi này chậm hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 trình HĐND tỉnh so với dự toán năm 2020 (78,46%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là -10,4%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (78,7%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2021 trình HĐND so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt là 1,85%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này thấp hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (78,46%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên lĩnh vực y tế và dân số năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt là 1,85%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (78,7%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đều được công khai liên tục trong 03 năm 2019, 2020 và 2021.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Sở Tài chính tỉnh Kon Tum không công khai tất cả 05 tài liệu được khuyến khích công khai.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính và có nhận được phản hồi chỉ sau 02 ngày.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh.
- Trang TTĐT của Sở Tài chính có công khai Quy chế và Quy trình cung cấp thông tin cho người dân của Sở.
- Cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2020 nhưng không có ý kiến về ngân sách.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường link dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo) và cũng không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021 (kỳ họp tháng 12/2020),và không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020. Các trang TTĐT của tỉnh cũng không công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh.
- Về việc tuyên truyền, phổ biến về dự toán ngân sách 2021, tỉnh cho biết có sử dụng kênh thông tin gồm trang TTĐT của Sở Tài chính, trang TTĐT của HĐND và Cổng công khai ngân sách của Bộ Tài chính.

35. TỈNH LAI CHÂU

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH LAI CHÂU NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **21**	**8/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **43**
ĐIỂM XẾP HẠNG **78,45**	**6** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **30**
ĐẦY ĐỦ	**0** tài liệu công bố chậm, **1** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Lai Châu đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Lai Châu đạt **78,45** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **21** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **giảm 5 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 44: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Lai Châu phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[35]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**300**	**4,35**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**5413**	**78,45**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1148	16,64
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	916	13,28
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	400	5,80
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020	400	5,80

[35] Đã tính trọng số

5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	400	5,80
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	350	5,07
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1399	20,28
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	200	2,90
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	0	0,00
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	600	8,70
2. Tính kịp thời	450	6,52
3. Tính thuận tiện	800	11,59
4. Tính đầy đủ	2866	41,54
5. Tính tin cậy	431	6,25
6. Tính liên tục	266	3,86

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Lai Châu, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Lai Châu có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu, theo từng năm và có cập nhật nội dung.
- Các tài liệu đều được công khai bằng định dạng word/excel, kèm theo bản scan, thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai **08/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020,

Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Kế hoạch Đầu tư công năm 2021 (Biểu số 58 - Danh mục các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước năm 2021).

- **03** tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo ngân sách công dân năm 2021, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021, Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có **06** tài liệu được công khai kịp thời trên trang TTĐT của Sở Tài chính, UBND, và HĐND tỉnh; **01** tài liệu được công khai muộn. Cụ thể:

- **06** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh (07/12/2020), Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định (12/01/2021), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020 (10/04/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020 (09/07/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020 (12/10/2020), Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn (12/01/2021).
- **01** tài liệu được công khai muộn là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 (15/01/2021).

Tính đầy đủ của tài liệu

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh kèm thuyết minh phản ánh **13/13** biểu theo quy định của TT 343. **Biểu số 35** phản ánh 18/18 khoản thu nhưng không chi tiết theo từng loại thuế, cụ thể: các mục (1) Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước do Trung ương quản lý, (2) Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước do địa phương quản lý, (3) Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, (4) Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh chưa chi tiết theo sắc thuế theo Thuế GTGT, Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế tiêu thụ đặc biệt,... Mục số (14) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết chưa chi tiết theo sắc thuế theo Thuế GTGT, Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế tiêu thụ đặc biệt,...
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định phản ánh **12/13** biểu theo quy định, thiếu **Biểu số 48** (tuy trên web có ghi biểu 48 nhưng mở

ra xem và tải về là Biểu số 47). Báo cáo không phản ánh các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020 kèm thuyết minh phản ánh **03/03** biểu theo quy định của TT 343. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020 kèm thuyết minh phản ánh **03/03** biểu theo quy định của TT 343. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020 kèm thuyết minh phản ánh **03/03** biểu theo quy định của TT 343. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 kèm thuyết minh phản ánh **03/03** biểu theo quy định của TT 343. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn không kèm thuyết minh phản ánh **07/07** biểu theo quy định của TT 343.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh **đảm bảo tin cậy** cho việc thực hiện dự toán. Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là **3%,** chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là **3%.**
- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh **chưa đảm bảo tin cậy** cho việc thực hiện dự toán. Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 33%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là **14%,** chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2019 là **7%**.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực **giáo dục và đào tạo** của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 **chưa phù hợp**. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh và dự toán chi

thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục đào tạo đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là **21,7%**. Mức thay đổi này giảm mạnh hơn so với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (**6,4%**) của tỉnh.

- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực **y tế và dân số** của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 **chưa phù hợp**. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế của tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh và dự toán chi thường xuyên cho y tế, dân số đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế, dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là **8,1%**. Mức thay đổi này giảm mạnh hơn so với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (**6,4%**) của tỉnh.

Tính liên tục của các tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh trong 3 năm 2019, 2020, 2021, Báo cáo dự toán ngân sách đã được HĐND tỉnh quyết định trong 3 năm 2019, 2020, 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê chuẩn năm 2017, 2018, 2019 được công khai liên tục trên trang web của tỉnh.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

Trong số **05** tài liệu không chấm điểm POBI 2020, có **03** tài liệu được công khai, **02** tài liệu không được công khai. Cụ thể:

- **03** tài liệu được công khai là Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2021 của tỉnh; Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023; Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.
- **02** tài liệu không được công khai gồm: Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019; Báo cáo tài chính của tỉnh năm (bất kỳ năm nào).

Sự tham gia của người dân

- Trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính tỉnh Lai Châu có thư mục hỏi đáp và có thể sử dụng được.
- Trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh **có** công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh (bao gồm báo cáo thẩm tra quyết toán 2019 hoặc dự thảo dự toán 2021).
- Trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh **không** công khai Quy chế và quy trình cung cấp thông tin cho người dân của Sở.

- Trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh **không** có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh (Facebook/Zalo) để trao đổi với người dân.
- Trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh **không** công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021.
- Trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh **không** công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020.
- Trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh **không** công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2020.

36. TỈNH LÂM ĐỒNG

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH LÂM ĐỒNG NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **36**	**10/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **17**
ĐIỂM XẾP HẠNG **69,25**	**7** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **55**
TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	**1** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Lâm Đồng đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Lâm Đồng đạt **69,25** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **36** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **giảm 13 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 45: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Lâm Đồng phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[36]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**550**	**7,97**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**4778**	**69,25**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	915	13,26
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	582	8,43
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	350	5,07
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020	350	5,07
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	350	5,07
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	350	5,07
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1315	19,06
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	166	2,41
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	100	1,45
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	100	1,45
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	0	0,00
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	800	11,59
2. Tính kịp thời	566	8,20
3. Tính thuận tiện	700	10,14
4. Tính đầy đủ	1981	28,71
5. Tính tin cậy	431	6,25
6. Tính liên tục	300	4,35

[36] Đã tính trọng số

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Thư mục công khai ngân sách của tỉnh Lâm Đồng được phân chia rất hệ thống, có thể lọc được các loại tài liệu như báo cáo ngân sách công dân, kế hoạch đầu tư công, báo cáo nợ công,... Tuy nhiên các tài liệu ngân sách chưa theo sát biểu mẫu của TT343.
- Trên website của Sở Tài chính tỉnh có **7/8** loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai ở dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020; và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Báo cáo Kế hoạch Đầu tư công năm 2021 được công khai ở định dạng PDF scan, không thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai **10/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt) và Kế hoạch Đầu tư công năm 2021; và Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc năm 2021.
- **01** tài liệu ngân sách không công khai, đó là: Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có **07** tài liệu được công khai kịp thời trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính, UBND, và HĐND tỉnh; **01** tài liệu được công khai muộn. Cụ thể:

- **07** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020 và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020.
- **01** tài liệu trong được công khai muộn, đó là: Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt).

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

Nhóm nghiên cứu có một số nhận xét về tính đầy đủ của các loại tài liệu chấm điểm POBI như sau:

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo thuyết minh có giải thích về ưu tiên của địa phương cho ít nhất một chính sách cụ thể và được minh chứng bằng số liệu. Báo cáo thuyết minh có nêu căn cứ dựa vào các chỉ tiêu PTKTXH trung hạn (2021-2025), kế hoạch tài chính trung hạn của tỉnh. Tuy nhiên, báo cáo chỉ đính kèm 7 biểu, và không theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 35/CK-NSNN chưa phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (chỉ có 9 mục nhỏ). Các biểu về cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN), về các lĩnh vực chi đầu tư (Biểu số 39/CK-NSNN), về chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo đơn vị sử dụng ngân sách tỉnh và huyện (Biểu số 44/CK-NSNN) đều không được công khai, vì vậy không được tính điểm.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: báo cáo chỉ đính kèm 7 biểu, và không theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu số 48/CK-NSNN chưa phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (chỉ có 9 mục nhỏ). Các biểu về cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN), về các lĩnh vực chi đầu tư (Biểu số 52/CK-NSNN), về chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo đơn vị sử dụng ngân sách tỉnh và huyện (Biểu số 58/CK-NSNN) đều không được công khai, vì vậy không được tính điểm.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, Biểu số 59/CK-NSNN không theo biểu mẫu trong TT343, cụ thể là thiếu mục C (bội chi/bội thu) và mục D (chi trả nợ gốc); mục A không chi tiết các khoản thu cân đối theo mẫu.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, Biểu số 59/CK-NSNN không theo biểu mẫu trong TT343, cụ thể là thiếu mục C (bội chi/bội thu) và mục D (chi trả nợ gốc); mục A không chi tiết các khoản thu cân đối theo mẫu.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, Biểu số 59/CK-NSNN không theo biểu mẫu trong TT343, cụ thể là thiếu mục C (bội chi/bội thu) và mục D (chi trả nợ gốc); mục A không chi tiết các khoản thu cân đối theo mẫu.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, Biểu số 59/CK-NSNN không theo biểu mẫu trong TT343, cụ thể là thiếu mục C (bội chi/bội thu) và mục D (chi trả nợ gốc); mục A không chi tiết các khoản thu cân đối theo mẫu.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai đi kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ biểu số 62 đến biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN). Tuy nhiên, biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh thiếu mục D về chi trả nợ gốc của

ngân sách địa phương. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhưng không chi tiết thu phí lệ phí theo tỉnh, huyện, xã phường.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 36,28%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 11,41%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 5,92%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 0,69%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2019 của tỉnh là 4,18%.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 trình HĐND so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt là -4,15%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm trong khi tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 tăng (4,94%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã được HĐND tỉnh quyết định năm 2021 so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là -4,15%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm trong khi tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 tăng (4,94%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2021 trình HĐND so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt là 0,2%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng chậm hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (4,94%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên lĩnh vực y tế và dân số năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định năm 2021 so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 0,2%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng chậm hơn so với với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (4,94%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh và Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai liên tục trong 03 năm 2019, 2020 và 2021.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh được công khai liên tục trong 03 năm 2017, 2018 và 2019.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Tỉnh không công khai tài liệu nào trong số 05 tài liệu được khuyến khích công khai, bao gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo tài chính của tỉnh, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023 và Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 05 năm 2021-2025, và kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước tỉnh năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Sự tham gia của người dân

- Thư mục công khai ngân sách của tỉnh Lâm Đồng được phân chia rất hệ thống, có thể lọc được các loại tài liệu như báo cáo ngân sách công dân, kế hoạch đầu tư công, báo cáo nợ công,... Tuy nhiên các tài liệu ngân sách chưa theo sát biểu mẫu của TT343.
- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính vào ngày 26/01/2021 và sau 30 ngày vẫn chưa nhận được phản hồi.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh.
- Trang TTĐT của Sở Tài chính không công khai Quy chế và Quy trình cung cấp thông tin cho người dân của Sở.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường link dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo)
- Trang TTĐT UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021 (Kỳ họp tháng 12/2020

- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh (bao gồm báo cáo thẩm tra quyết toán 2019 hoặc dự thảo dự toán 2021).
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020.

37. TỈNH LẠNG SƠN

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH LẠNG SƠN NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **16**	**11/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **2**
ĐIỂM XẾP HẠNG **82,3**	**7** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **85**
ĐẦY ĐỦ	**1** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Lạng Sơn đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Lạng Sơn đạt **82,3** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **16** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **tăng 45 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 46: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Lạng Sơn phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[37]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**850**	**12,32**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**5679**	**82,30**

[37] Đã tính trọng số

I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1282	18,58
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	898	13,01
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	350	5,07
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020	375	5,43
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	375	5,43
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	400	5,80
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1199	17,38
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	200	2,90
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	200	2,90
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	100	1,45
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	100	1,45
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	900	13,04
2. Tính kịp thời	575	8,33
3. Tính thuận tiện	800	11,59
4. Tính đầy đủ	2973	43,09
5. Tính tin cậy	165	2,39
6. Tính liên tục	266	3,86

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.
- 8 tài liệu được công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng. 1 tài liệu được công khai ở định dạng PDF dễ dàng chuyển sang định dạng word/excel, là Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2021

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai **11/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020, Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020, và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Kế hoạch Đầu tư công năm 2021, Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2021, Báo cáo tình hình nợ công 6 tháng đầu năm 2020 và Báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2019.
- Kế hoạch Đầu tư công năm 2021 là Biểu số 58 của Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có **7** tài liệu được công khai kịp thời trên trang TTĐT của Sở Tài chính, UBND, và HĐND tỉnh; **1** tài liệu không xác định được ngày công khai. Cụ thể:

- **7** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh (10/12/2020), Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định (11/1/2021), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020 (10/7/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020 (8/10/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 (11/1/2021), Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn (5/1/2021), và Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2021 (19/12/2020).
- 1 tài liệu được công khai muộn là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020 (27/4/2020).

Tính đầy đủ của tài liệu

- Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh kèm thuyết minh, có 13/13 biểu theo quy định của TT 343. Biểu số 35 phản ánh 18/18 khoản thu nội địa nhưng không chi tiết theo sắc thuế cho mục thu từ hoạt động xổ số kiến thiết. Biểu số 44 không có số liệu cho nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia cho ngân sách tỉnh và huyện.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định phản ánh 13/13 biểu theo quy định của TT 343. Biểu số 48 đủ 18/18 mục thu nội địa nhưng không chi tiết theo sắc thuế. Biểu số 57 không có số liệu cho nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia cho ngân sách tỉnh và huyện. Báo cáo Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định không phản ánh các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020 và Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 có thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59 trong Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020, và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020 có đủ 4 mục lớn và các mục nhỏ, mục bội chi NSĐP/bội thu NSĐP và chi trả nợ gốc được gộp thành 1 mục. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 có đủ 4 mục lớn và các mục nhỏ.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn có kèm thuyết minh và đủ 7/7 biểu theo quy định của TT 343. Biểu số 63 có đủ 18/18 mục thu nội địa nhưng không chi tiết theo sắc thuế.
- Báo cáo về tình hình vay, trả nợ 6 tháng đầu năm 2020 có đủ 4 mục (i) số dư nợ đầu năm, (ii) số vay trong năm, (iii) số trả nợ trong năm, (iv) số dư nợ cuối năm, nhưng nội dung chi tiết theo dự án, chương trình.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 29,43%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 24,63%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 25,77%,

chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 105,24%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2019 của tỉnh là 14,91%.

- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 chưa phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh và dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục đào tạo đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 11,9% và 11,9%. Mức giảm này cao hơn mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (11,3%) của tỉnh.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 chưa phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế của tỉnh năm 2021 trình HĐND và dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số đã được đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế, dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 44,7% và 44,7%. Mức giảm này cao hơn mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (11,3%) của tỉnh.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán trình HĐND tỉnh được công khai liên tục trong 3 năm 2019, 2020, và 2021.
- Báo cáo dự toán được HĐND tỉnh quyết định được công khai liên tục trong 2 năm 2020 và 2021.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2017, 2018 và 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn được công khai liên tục trên trang TTĐT của Sở Tài chính.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Trong số 5 tài liệu không chấm điểm POBI 2020, có 4/5 tài liệu được công khai. Các tài liệu được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2021 của tỉnh, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023, Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025 và Báo cáo tài chính của tỉnh. 1 tài liệu không được công khai gồm có Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018, 2019.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn có thư mục hỏi đáp và thư mục này có hoạt động.
- Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn đã công khai Quy chế và Quy trình cung cấp thông tin cho công dân trên trang TTĐT của Sở.
- Cổng TTĐT của UBND, HĐND, và Sở Tài chính chưa có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân.
- Trang TTĐT của Sở Tài chính, UBND, HĐND chưa công khai Biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021. Báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh (bao gồm cả Báo cáo thẩm tra quyết toán 2019 và dự thảo dự toán NSNN 2021); Báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020 và Báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020 được công khai trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh.

38. TỈNH LÀO CAI

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH LÀO CAI NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **41**	**9/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **31**
ĐIỂM XẾP HẠNG **67,7**	**3** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **40**
TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	**3** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Lào Cai đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Lào Cai đạt **67,7** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **41** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **giảm 12 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 47: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Lào Cai phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[38]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**400**	**5,80**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**4671**	**67,70**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1016	14,72
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	682	9,88
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	375	5,43
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020	375	5,43
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	375	5,43
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	0	0,00
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1348	19,54
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	100	1,45
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	100	1,45
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	100	1,45
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	750	10,87
2. Tính kịp thời	375	5,43
3. Tính thuận tiện	650	9,42
4. Tính đầy đủ	2264	32,81
5. Tính tin cậy	366	5,30
6. Tính liên tục	266	3,86

[38] Đã tính trọng số

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử (TTĐT) của Sở Tài chính và UBND tỉnh Lào Cai, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Lào Cai có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các tài liệu được công khai đều được xếp vào thư mục riêng. Thư mục công khai ngân sách trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh được phân chia theo loại tài liệu.
- **09** tài liệu được công khai trên cổng TTĐT của Sở Tài chính gồm Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê chuẩn năm 2019, Báo cáo tình hình nợ công năm 2020, Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018 và Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2018 đều có định dạng excel, thuận tiện cho việc sử dụng.
- **03** tài liệu được công khai bằng định dạng PDF dạng scan/file ảnh (khó/không thuận tiện chuyển sang định dạng word/excel) bao gồm: Kế hoạch Đầu tư công năm 2021, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2019 và Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai **9/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê chuẩn 2019, Kế hoạch Đầu tư công năm 2021, Báo cáo tình hình nợ công năm 2020 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018.
- **02** tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 và Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2021.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có **03** tài liệu được công khai kịp thời trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính, UBND, và HĐND tỉnh; **03** tài liệu được công khai muộn. Cụ thể:

- **03** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh (2/12/2020), Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định (16/12/2020) và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê chuẩn 2019 (16/12/2020).
- **03** tài liệu được công khai muộn là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020 (23/4/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng năm 2020 (29/7/2020) và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020 (22/10/2020).

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo thuyết minh có giải thích về ưu tiên của địa phương cho ít nhất một chính sách cụ thể và được minh chứng bằng số liệu. Báo cáo thuyết minh có nêu căn cứ dựa vào các chỉ tiêu PTKTXH trung hạn (2021-2025), kế hoạch tài chính trung hạn của tỉnh. Báo cáo phản ánh **10/13** biểu (từ Biểu số 33 đến Biểu số 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343, thiếu Biểu số 39, 44, 45. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN không phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo không phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 44/CK-NSNN).
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh **10/13** biểu (từ biểu 46 đến biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343, thiếu Biểu số 52, 57, 58. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN không phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo không phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 57/CK-NSNN). Báo cáo không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020: Báo cáo được công khai chỉ có báo cáo thuyết minh đăng trực tiếp trên Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh, không kèm theo danh mục biểu số liệu.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai không đi kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh 06/07 biểu (từ biểu số 62 đến biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343, thiếu Biểu số 66. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 3%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương

được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 1%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 3%.

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 15%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2019 của tỉnh là 13%.
- Do tài liệu dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định và dự toán chi thường xuyên cho y tế, dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định bị lỗi và không thể sử dụng được nên không có dữ liệu để tính toán mức thay đổi của dự toán chi thường xuyên cho hai lĩnh vực này.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt chỉ được công khai liên tục trong 02 năm 2019 và 2021, tài liệu năm 2020 bị lỗi không truy cập được.
- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh được công khai liên tục trong 03 năm 2019, 2020 và 2021.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Trong 05 tài liệu được khuyến khích công khai, tỉnh công khai **03** tài liệu gồm: Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2019 (2/12/2020), Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025 (9/12/2020) và Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2018 (22/1/2020).
- Có **02** tài liệu không được công khai là: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2021 của tỉnh và Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính vào ngày 26/01/2021 và sau 30 ngày vẫn chưa nhận được phản hồi.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh.
- Trang TTĐT của Sở Tài chính không công khai Quy chế và Quy trình cung cấp thông tin cho người dân của Sở.

- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường link dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo) và cũng không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021 (kỳ họp tháng 12/2020), và không công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2020.
- Chỉ có duy nhất 02 tài liệu về trụ cột tham gia của người dân được công khai trên trang TTĐT của HĐND tỉnh đó là báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh và có báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020 và báo cáo có ý kiến về ngân sách.

39. TỈNH LONG AN

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH LONG AN NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **51**	**7/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **5**
ĐIỂM XẾP HẠNG **55,39**	**3** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **75**
TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	**3** tài liệu công bố chậm, **1** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Long An đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Long An đạt **55,39** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **51** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **giảm 23 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 48: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Long An phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[39]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**750**	**10,87**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**3822**	**55,39**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	749	10,86
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	599	8,68
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	325	4,71
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020	350	5,07
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	300	4,35
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	0	0,00
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1199	17,38
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	0	0,00
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	100	1,45
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	0	0,00
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	550	7,97
2. Tính kịp thời	325	4,71
3. Tính thuận tiện	450	6,52
4. Tính đầy đủ	2032	29,45
5. Tính tin cậy	165	2,39
6. Tính liên tục	300	4,35

[39] Đã tính trọng số

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

- Trang TTĐT sở Tài chính tỉnh Long An có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các mục được chia rõ ràng và sắp xếp theo từng năm nhằm tạo thuận lợi cho việc truy cập và tìm kiếm các loại tài liệu.
- Các tài liệu được công bố trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Long An đều có định dạng excel nhằm tạo thuận tiện cho việc sử dụng là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Kế hoạch đầu tư công năm 2021 (trong Dự toán ngân sách năm 2021 được phê duyệt có biểu số 58 về Danh mục dự án sử dụng vốn NSNN năm 2021), Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc năm 2021.
- Các tài liệu được công bố trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Long An đều có định PDF nhưng khó chuyển đổi sang word/excel là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh và Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai 7/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Kế hoạch đầu tư công năm 2021 (trong Dự toán ngân sách năm 2021 được phê duyệt có Biểu số 58 về Danh mục dự án sử dụng vốn NSNN năm 2021), Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc năm 2021.
- 03 tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2020, Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2021 , và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số 07 tài liệu ngân sách được công khai, có 03 tài liệu được công khai kịp thời trên trang TTĐT của Sở Tài chính và 03 tài liệu công khai muộn. Cụ thể:

- 03 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020, và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- 03 tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách trình HĐND tỉnh năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020 và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh: Báo cáo không được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ Biểu số 33 đến Biểu số 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 44/CK-NSNN).
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ Biểu số 46 đến Biểu số 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 57/CK-NSNN). Báo cáo có phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh không đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 80%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 83%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 8,48%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 32,57%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2019 của tỉnh là 35,27%.

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 trình HĐND so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND không thể tính toán do không có số liệu chi tiết.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định không thể tính toán do không có số liệu chi tiết.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2021 trình HĐND so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt là -12,4%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này thấp hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (16,4%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên lĩnh vực y tế và dân số năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt là -12,4%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (16,4%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đều được công khai liên tục trong 03 năm 2019, 2020 và 2021.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Sở Tài chính tỉnh Long An không công khai tất cả 05 tài liệu được khuyến khích công khai.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính nhưng không nhận được phản hồi.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh.
- Trang TTĐT của Sở Tài chính có công khai Quy chế và Quy trình cung cấp thông tin cho người dân của Sở.

- Cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2020 và có ý kiến về ngân sách.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có đường link dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo). Tỉnh có công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021 (kỳ họp tháng 12/2020),và công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020. Các trang TTĐT của tỉnh cũng công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh.
- Về việc tuyên truyền, phổ biến về dự toán ngân sách 2021, tỉnh không sử dụng kênh thông tin gồm trang TTĐT của Sở Tài chính, trang TTĐT của HĐND và Cổng công khai ngân sách của Bộ Tài chính.

40. TỈNH NAM ĐỊNH

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH NAM ĐỊNH NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **45**	**8/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **27**
ĐIỂM XẾP HẠNG **63,72**	**5** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **45**
TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	**1** tài liệu công bố chậm, **1** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Nam Định đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Nam Định đạt **63,72** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **45** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **tăng 10 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 49: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Nam Định phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[40]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**450**	**6,52**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**4397**	**63,72**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	982	14,23
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	799	11,58
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	325	4,71
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020	275	3,99
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	325	4,71
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	125	1,81
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1216	17,62
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	150	2,17
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	0	0,00
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	600	8,70
2. Tính kịp thời	425	6,16
3. Tính thuận tiện	425	6,16
4. Tính đầy đủ	2349	34,04
5. Tính tin cậy	298	4,32
6. Tính liên tục	300	4,35

[40] Đã tính trọng số

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Nam Định, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Nam Định có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu, theo từng năm và có cập nhật nội dung. Tuy nhiên, tài liệu thư mục để nhầm chỗ, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định thì để trong mục Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh.
- Có **06** tài liệu được công khai bằng định dạng PDF nhưng dễ dàng chuyển đổi, và **02** tài liệu được công khai bằng định dạng PDF scan không thuận tiện chuyển đổi.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai **08/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Kế hoạch Đầu tư công năm 2021.
- **03** tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo ngân sách công dân năm 2021, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020, Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có **05** tài liệu được công khai kịp thời trên trang TTĐT của Sở Tài chính, UBND, và HĐND tỉnh. Cụ thể:

- **05** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh (5/12/2020), Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định (22/12/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020 (15/04/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020 (07/10/2020), Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn (22/12/2020).

- **01** tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 (08/01/2021).
- **01** tài liệu công bố quá chậm là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020 (08/07/2020).

Tính đầy đủ của tài liệu

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh được công khai kèo thuyết minh nhưng không giải thích gì về ưu tiên cho ít nhất một chính sách chi cụ thể của địa phương. Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 phản ánh 9/13 biểu theo như quy định của TT 343. Tuy nhiên, các biểu không ghi đúng tên như trong TT 343. Cụ thể, biểu số 33 tương ứng với biểu số 10 (trang 38), biểu số 34 tương ứng với biểu số 23 (trang 54), biểu số 35 tương ứng với biểu số 11 (trang 39), biểu số 36 tương ứng với biểu số 26 (trang 57), biểu số 37 tương ứng với biểu số 27 (trang 58), biểu số 38 tương ứng với biểu số 28 (trang 59), biểu số 39 tương ứng với biểu số 29 (trang 62), biểu số 40 tương ứng với biểu số 30 (trang 67), biểu số 42 tương ứng với biểu số 31 (trang 70), thiếu biểu số 41, 43, 44, 45. Biểu Cân đối ngân sách (biểu số 33) và biểu Dự toán chi đầu tư phát triển (biểu số 39) phản ánh cụ thể, đầy đủ nội dung theo quy định của TT 343. Các nguồn thu nội địa được phản ánh đủ 18 khoản thu nhưng không chi tiết theo sắc thuế. Cụ thể là ở các mục thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý; thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý; thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh; thuế bảo vệ môi trường; thu phí lệ phí thiếu 3 mục gồm: phí và lệ phí địa phương, huyện, xã/phường; thu từ hoạt động xổ số kiến thiết.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định phản ánh **09/13** biểu theo quy định của TT 343, thiếu các **Biểu số 54, 56, 57, 58.** Các biểu được công khai không ghi đúng như tên biểu theo quy định của TT 343, cụ thể: Biểu số 1 tương đương Biểu số 46, Biểu số 2 tương đương Biểu số 47, Biểu số 3 tương đương Biểu số 48, Biểu số 4 tương đương Biểu số 49, Biểu số 5 tương đương Biểu số 50, Biểu số 6 tương đương Biểu số 51, Biểu số 7 tương đương Biểu số 52, Biểu số 8 tương đương Biểu số 53, Biểu số 9 tương đương Biểu số 55. Ngoài ra, **Biểu số 48** chỉ phản ánh 17/18 khoản thu, thiếu mục thuế sử dụng đất nông nghiệp và không chi tiết theo từng loại thuế, cụ thể: Các mục (1) Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước do Trung ương quản lý, (2) Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước do địa phương quản lý, (3) Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, (4) Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh chưa chi tiết theo sắc thuế theo Thuế GTGT, Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế tiêu thụ đặc biệt,... Mục số (8) Thu phí, lệ phí thiếu mục

phí và lệ phí huyện; phí và lệ phí xã, phường. Mục số (15) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết chưa chi tiết theo sắc thuế theo Thuế GTGT, Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế tiêu thụ đặc biệt,... Báo cáo không phản ánh các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020 kèm thuyết minh phản ánh **03/03** biểu theo quy định của TT 343. Tuy nhiên, **Biểu số 59** chưa phản ánh đầy đủ theo quy định của TT 343, chỉ phản ánh 3 mục lớn, thiếu mục chi trả nợ gốc, nội dung các khoản mục không theo mẫu TT 343, thiếu mục B.II. Chi từ nguồn bổ sung cổ mục tiêu từ NSTW cho NSĐP, Có 2 mục B (sai tên mục). Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020 kèm thuyết minh phản ánh **03/03** biểu theo quy định của TT 343. Tuy nhiên, **Biểu số 59** chưa phản ánh đầy đủ theo quy định của TT 343, chỉ phản ánh 3 mục lớn, thiếu mục chi trả nợ gốc, nội dung các khoản mục không theo mẫu TT343, thiếu mục B.II. Chi từ nguồn bổ sung cổ mục tiêu từ NSTW cho NSĐP, Có 2 mục B (sai tên mục). Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020 kèm thuyết minh phản ánh **03/03** biểu theo quy định của TT 343. Tuy nhiên, **Biểu số 59** chưa phản ánh đầy đủ theo quy định của TT 343, chỉ phản ánh 3 mục lớn, thiếu mục chi trả nợ gốc, nội dung các khoản mục không theo mẫu TT343, thiếu mục B.II. Chi từ nguồn bổ sung cổ mục tiêu từ NSTW cho NSĐP, Có 2 mục B (sai tên mục). Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 kèm thuyết minh phản ánh **0/3** biểu theo quy định của TT 343. Báo cáo **không** có thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn kèm thuyết minh phản ánh **07/07** biểu theo quy định của TT 343.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh **đảm bảo tin cậy** cho việc thực hiện dự toán. Quyết toán **bằng** dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2019.

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh **chưa đảm bảo tin cậy** cho việc thực hiện dự toán. Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là **35%**, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là **14%**, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là **12%**, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là **53%**.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực **giáo dục và đào tạo** của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 **chưa phù hợp**. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là **4,4%**. Mức thay đổi này giảm mạnh hơn so với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (**2,9%**) của tỉnh.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực **y tế và dân số** của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 **chưa phù hợp**. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế của tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế, dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là **5,3%**. Mức thay đổi này giảm mạnh hơn so với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (**2,9%**) của tỉnh.

Tính liên tục của tài liệu công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh trong 3 năm 2019, 2020, 2021 được công khai liên tục trên trang web của tỉnh. Báo cáo dự toán ngân sách đã được HĐND tỉnh quyết định trong 3 năm 2019, 2020, 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê chuẩn năm 2017, 2018, 2019 được công khai liên tục trên trang web của tỉnh.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

Trong số **05** tài liệu không chấm điểm POBI 2020, có **02** tài liệu được công khai, **03** tài liệu không được công khai. Cụ thể:

- **02** tài liệu được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2021 của tỉnh, Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2019.
- **03** tài liệu không được công khai gồm: Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019; Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023; Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

Sự tham gia của người dân

- Trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính tỉnh Nam Định có thư mục hỏi đáp và có thể sử dụng được.
- Trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh (Facebook/Zalo) để trao đổi với người dân.
- Trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021; Báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh (bao gồm báo cáo thẩm tra quyết toán 2019 hoặc dự thảo dự toán 2021);
- Trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không công khai Quy chế và quy trình cung cấp thông tin cho người dân của Sở; Báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020; Báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2020.

41. TỈNH NGHỆ AN

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH NGHỆ AN NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **15**	**10/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **17**
ĐIỂM XẾP HẠNG **83,52**	**7** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **55**
ĐẦY ĐỦ	**0** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Nghệ An đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Nghệ An đạt **83,52** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **15** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **tăng 43 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 50: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Nghệ An phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[41]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**550**	**7,97**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**5763**	**83,52**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1282	18,58
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1132	16,41
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	400	5,80
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020	400	5,80
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	400	5,80
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	400	5,80
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1199	17,38
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	200	2,90
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	50	0,72
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	100	1,45
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	750	10,87
2. Tính kịp thời	500	7,25
3. Tính thuận tiện	800	11,59
4. Tính đầy đủ	3148	45,62
5. Tính tin cậy	265	3,84
6. Tính liên tục	300	4,35

[41] Đã tính trọng số

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Nghệ An, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Nghệ An có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu, theo từng năm và có cập nhật nội dung. Tuy nhiên, thư mục công khai ngân sách nhưng khó theo dõi để download tài liệu (chỗ cung cấp link download không hiển thị trên 1 trang, mà phải kéo sang bên phải).
- Các tài liệu được công khai bằng định dạng word/excel, kèm theo bản scan, thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai **10/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Kế hoạch Đầu tư công năm 2021 (Biểu số 58), Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020, Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019.
- **01** tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo ngân sách công dân năm 2021.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có **06** tài liệu được công khai kịp thời trên trang TTĐT của Sở Tài chính, UBND, và HĐND tỉnh. Cụ thể:

- **07** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh (26/11/2020); Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định (12/01/2021), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020 (15/04/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020 (13/07/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020 (10/10/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm

2020 (15/01/2021), Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn (28/12/2020).

- **01** tài liệu không được công khai là: Báo cáo ngân sách công dân năm 2021.

Tính đầy đủ của tài liệu

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh kèm thuyết minh phản ánh **13/13** biểu theo quy định của TT 343, **Biểu số 35** phản ánh 18/18 khoản thu nhưng không chi tiết theo từng loại thuế, cụ thể: các mục (1) Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước do Trung ương quản lý, (2) Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước do địa phương quản lý, (3) Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, (4) Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh chưa chi tiết theo sắc thuế theo Thuế GTGT, Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế tiêu thụ đặc biệt... Mục số (15) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết chưa chi tiết theo sắc thuế theo Thuế GTGT, Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế tiêu thụ đặc biệt...
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định phản ánh **13/13** biểu theo quy định của TT 343, ngoài ra, **Biểu số 48** phản ánh 18/18 khoản thu nhưng không chi tiết theo từng loại thuế, cụ thể: các mục (1) Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước do Trung ương quản lý, (2) Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước do địa phương quản lý, (3) Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, (4) Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh chưa chi tiết theo sắc thuế theo Thuế GTGT, Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế tiêu thụ đặc biệt... Mục số (15) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết chưa chi tiết theo sắc thuế theo Thuế GTGT, Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế tiêu thụ đặc biệt... Báo cáo có phản ánh các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020 có kèm thuyết minh phản ánh **03/03** biểu theo quy định của TT 343. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020 kèm thuyết minh phản ánh **03/03** biểu theo quy định của TT 343. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020 kèm thuyết minh phản ánh **03/03** biểu theo quy định của TT 343. Báo cáo có thông tin so sánh với số

liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 kèm thuyết minh phản ánh **03/03** biểu theo quy định của TT 343. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn **không** kèm thuyết minh phản ánh **07/07** biểu theo quy định của TT 343. Tuy nhiên, **Biểu số 63** phản ánh 18/18 khoản thu nhưng không chi tiết theo từng loại thuế, cụ thể: các mục (1) Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước do Trung ương quản lý, (2) Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước do địa phương quản lý, (3) Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, (4) Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh chưa chi tiết theo sắc thuế theo Thuế GTGT, Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế tiêu thụ đặc biệt,... Mục số (15) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết chưa chi tiết theo sắc thuế theo Thuế GTGT, Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế tiêu thụ đặc biệt,...

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh **đảm bảo tin cậy** cho việc thực hiện dự toán. Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của thành phố năm 2019 là **3%**.
- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh **chưa đảm bảo tin cậy** cho việc thực hiện dự toán. Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là **33%**, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là **28%**, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là **10%**, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là **65%**,
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực **giáo dục và đào tạo** của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 **chưa phù hợp**. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là **9,1%**. Mức thay đổi này giảm mạnh hơn so với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (**7,4%**) của tỉnh.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực **y tế và dân số** của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 **chưa phù hợp**. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế của tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường

xuyên cho y tế, dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là **12,01%**. Mức thay đổi này giảm mạnh hơn so với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (**7,4%**) của tỉnh.

Tính liên tục

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh quyết định trong 3 năm 2019, 2020, 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê chuẩn năm 2017, 2018, 2019 được công khai liên tục trên trang web của tỉnh.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

Trong số **05** tài liệu không chấm điểm POBI 2020, có **01** tài liệu được công khai, **04** tài liệu không được công khai. Cụ thể:

- **01** tài liệu được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2021 của tỉnh.
- **04** tài liệu không được công khai gồm: Báo cáo tài chính của tỉnh năm (bất kỳ năm nào); Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019; Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023 Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

Sự tham gia của người dân

- Trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính tỉnh Nghệ An **có** thư mục hỏi đáp nhưng **không** sử dụng được.
- Trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh **không** có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh (Facebook/Zalo) để trao đổi với người dân.
- Trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh **không** công khai Quy chế và quy trình cung cấp thông tin cho người dân của Sở.
- Trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh **có** công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021; Báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh (bao gồm báo cáo thẩm tra quyết toán 2019 hoặc dự thảo dự toán 2021); Báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/202; Báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2020.

42. TỈNH NINH BÌNH

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH NINH BÌNH NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **9**	**11/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **48**
ĐIỂM XẾP HẠNG **84,99**	**7** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **25**
ĐẦY ĐỦ	**0** tài liệu công bố chậm, **1** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Ninh Bình đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Ninh Bình đạt **84,99** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **9** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **tăng 43 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 51: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Ninh Bình phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[42]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**250**	**3,62**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**5864**	**84,99**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1265	18,33
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1133	16,42
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	325	4,71
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng	375	5,43

[42] Đã tính trọng số

đầu năm 2020		
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	375	5,43
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	325	4,71
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1266	18,35
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	200	2,90
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	200	2,90
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	100	1,45
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	100	1,45
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	875	12,68
2. Tính kịp thời	550	7,97
3. Tính thuận tiện	675	9,78
4. Tính đầy đủ	3166	45,88
5. Tính tin cậy	332	4,81
6. Tính liên tục	266	3,86

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.
- **4** tài liệu được công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng. **4** tài liệu được công khai ở định dạng PDF dễ dàng chuyển sang định dạng word/excel, là Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020, và Báo cáo ngân sách công dân năm 2021. **1** tài liệu được công

khai ở định dạng PDF scan, không thuận tiện chuyển sang định dạng word/excel, là Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai **11/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Kế hoạch Đầu tư công năm 2021, Báo cáo ngân sách công dân năm 2021, Kế hoạch vay và trả nợ năm 2021 và Báo cáo bổ sung kết quả thực hiện kiến nghị của kiểm toán nhà nước năm 2018.
- Kế hoạch Đầu tư công năm 2021 là Biểu số 58 của Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định. Kế hoạch vay và trả nợ năm 2021 là Biểu số 04 trong Nghị quyết 103/NQ-HĐND về việc quyết định dự toán thu, chi NSNN trên địa bàn; thu chi NSĐP tỉnh Ninh Bình năm 2021.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có **7** tài liệu được công khai kịp thời trên trang TTĐT của Sở Tài chính, UBND, và HĐND tỉnh; **1** tài liệu được công khai muộn. Cụ thể:

- **7** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh (7/12/2020), Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định (22/12/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020 (10/4/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020 (15/7/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020 (12/10/2020), Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn (22/12/2020) và Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (22/12/2020).
- **1** tài liệu được công khai muộn là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 (15/1/2021).

Tính đầy đủ của tài liệu

- Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh kèm thuyết minh, có 13/13 biểu theo quy định của TT 343. Biểu số 35 phản ánh 18/18 khoản thu nội địa nhưng không chi tiết theo sắc thuế cho mục thu từ hoạt động xổ số kiến thiết.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định phản ánh 13/13 biểu theo quy định của TT 343. Biểu số 48 đủ 18/18 mục thu nội địa nhưng không chi tiết theo sắc thuế cho mục thu từ hoạt động xổ số kiến thiết. Báo cáo Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định không phản ánh các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020 và Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 có thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn có kèm thuyết minh và đủ 7/7 biểu theo quy định của TT 343.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 128,7%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 98,8%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 31,6%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 201,4%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2019 của tỉnh là 6,7%.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh và dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục đào tạo đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 26% và 26%. Mức tăng này cao hơn mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (17,1%) của tỉnh.

- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 chưa phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế của tỉnh năm 2021 trình HĐND và dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số đã được đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế, dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 6,7% và 6,7%. Mức tăng này tăng thấp hơn mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (17,1%) của tỉnh.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán trình HĐND tỉnh được công khai liên tục trong 2 năm 2020 và 2021. Báo cáo dự toán được HĐND tỉnh quyết định được công khai liên tục trong 3 năm 2019, 2020, và 2021. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2017, 2018 và 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn được công khai liên tục trên trang TTĐT của Sở Tài chính.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Trong số 5 tài liệu không chấm điểm POBI 2020, có **1/5** tài liệu được công khai. Tài liệu được công khai là Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025. **4** tài liệu không được công khai gồm có Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2021 của tỉnh, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018, 2019, Báo cáo tài chính của tỉnh và Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình có thư mục hỏi đáp và thư mục này có hoạt động.
- Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình chưa công khai Quy chế và Quy trình cung cấp thông tin cho công dân trên trang TTĐT của Sở.
- Cổng TTĐT của Sở Tài chính có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook).
- Trang TTĐT của Sở Tài chính, UBND, HĐND hay MTTQ chưa công khai Biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021, Báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh (bao gồm cả Báo cáo thẩm tra quyết toán 2019 và dự thảo dự toán NSNN 2021), Báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020, và Báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020.

43. TỈNH NINH THUẬN

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH NINH THUẬN NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **25**	**9/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **31**
ĐIỂM XẾP HẠNG **75,33**	**7** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **40**
ĐẦY ĐỦ	**0** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Ninh Thuận đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Ninh Thuận đạt **75,33** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **25** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **giảm 7 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 52: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Ninh Thuận phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[43]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**400**	**5,80**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**5198**	**75,33**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1182	17,13
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1016	14,72
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	400	5,80
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng	400	5,80

[43] Đã tính trọng số

đầu năm 2020		
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	400	5,80
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	0	0,00
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1200	17,39
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	200	2,90
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	100	1,45
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	100	1,45
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	0	0,00
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	750	10,87
2. Tính kịp thời	550	7,97
3. Tính thuận tiện	650	9,42
4. Tính đầy đủ	2548	36,93
5. Tính tin cậy	400	5,80
6. Tính liên tục	300	4,35

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và nội dung được cập nhật.
- Các tài liệu đều được công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai 9/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020;

Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn; Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020; Kế hoạch Đầu tư công năm 2021 và Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2021.

- 2 tài liệu ngân sách không công khai: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 và Báo cáo thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

- Căn cứ vào chữ ký, dấu online trên các tài liệu và thời gian đăng các tài liệu ngân sách được trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính tỉnh, nhóm nghiên cứu xác định tỉnh Ninh Thuận công khai kịp thời 7 tài liệu: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn và Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2021.

Tính đầy đủ của tài liệu

- Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh công khai 11/13 biểu theo quy định của TT343, 2 biểu còn thiếu: Biểu số 39 và Biểu số 44 (không có số liệu).
- Dự toán ngân sách năm 2021 của tỉnh đã được HĐND tỉnh quyết định công khai 11/13 biểu theo quy định, 2 biểu còn thiếu: Biểu số 52 và Biểu số 58; Biểu số 57 (Biểu không có số liệu).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 127%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 128%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 137%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 115%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2019 của tỉnh là 156%.

- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh và dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục đào tạo đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là -15,5% và -15,5% cao hơn với mức thay đổi của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (-15,8%) của tỉnh.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế của tỉnh năm 2021 trình HĐND và dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số đã được đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế, dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là -3,9% và -3,9%. Mức thay đổi này giảm thấp hơn với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (-15,8%) của tỉnh.

Tính liên tục

- Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách trình HĐND tỉnh được công khai trong 2 năm: 2019-2020.
- Dự toán ngân sách được HĐND tỉnh quyết định được công khai trong 3 năm 2019-2020 - 2021
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh được công khai trong 3 năm liên tiếp: 2017, 2018 và 2019.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Cả 5 tài liệu không chấm điểm POBI 2020 đều không công khai: Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023; Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2021 của tỉnh; Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020; Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018, 2019 và Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

Sự tham gia của người dân

- Trên trang TTĐT của Sở Tài chính có 3 nội dung đảm bảo dự tham gia của người dân: Thư mục hỏi đáp; Biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021 và Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2021.
- Các nội dung còn thiếu như sau: Quy chế và quy trình cung cấp thông tin cho người dân; Báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh; Báo

cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2020; Đường dẫn tới 1 trang mạng xã hội chính thức để trao đổi với người dân và Báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh.

44. TỈNH PHÚ THỌ

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH PHÚ THỌ NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **30**	**8/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **52**
ĐIỂM XẾP HẠNG **73,75**	**7** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **20**
TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	**0** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Phú Thọ đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Phú Thọ đạt **73,75** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **30** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **tăng 4 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 53: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Phú Thọ phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[44]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**200**	**2,90**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**5089**	**73,75**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1099	15,93
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được	949	13,75

[44] Đã tính trọng số

HĐND tỉnh phê duyệt		
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	400	5,80
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020	400	5,80
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	400	5,80
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	275	3,99
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1166	16,90
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	200	2,90
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	0	0,00
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	600	8,70
2. Tính kịp thời	500	7,25
3. Tính thuận tiện	800	11,59
4. Tính đầy đủ	2523	36,57
5. Tính tin cậy	366	5,30
6. Tính liên tục	300	4,35

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.
- **8** tài liệu được công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai **8/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, và Kế hoạch Đầu tư công năm 2021.
- Kế hoạch Đầu tư công năm 2021 là Biểu số 58 của Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định.
- 3 tài liệu ngân sách không được công khai, bao gồm: Báo cáo ngân sách công dân năm 2021, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021, và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có **7** tài liệu được công khai kịp thời trên trang TTĐT của Sở Tài chính, UBND, và HĐND tỉnh. Cụ thể:

- **7** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh (1/12/2020), Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định (8/1/2021), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020 (15/4/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020 (14/7/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020 (12/10/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 (28/11/2020), Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn (8/1/2021).

Tính đầy đủ của tài liệu

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh kèm thuyết minh, có 11/13 biểu theo quy định của TT 343, thiếu Biểu số 43 và 44. Biểu số 35 phản ánh 18/18 khoản thu nội địa nhưng không chi tiết theo sắc thuế.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định phản ánh 11/13 biểu theo quy định của TT 343, thiếu Biểu số 56 và 57. Biểu số 48 đủ 18/18 mục thu nội địa nhưng không chi tiết theo sắc thuế. Báo cáo Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định không phản ánh các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020 có thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 không có thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Nội dung các Biểu số 59 và 60 được gộp trong Biểu số 33, 34, 35 trong Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND. Biểu số 59 tương ứng với Biểu số 33 và 35. Biểu số 60 tương ứng Biểu số 35. Không có biểu tương ứng Biểu số 61.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn không kèm thuyết minh, chỉ công khai phụ biểu số liệu và quyết định công khai. Báo cáo đủ 7/7 biểu theo quy định của TT 343. Biểu số 63 có 18/18 mục thu nội địa nhưng không chi tiết theo sắc thuế.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 32%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 22%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 25%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 251%.
- Lập dự toán ngân sách chi thường xuyên năm 2019 của tỉnh đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2019 của tỉnh là 4%.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 chưa phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh và dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục đào tạo đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 77,2% và 77,2%. Mức giảm này cao hơn mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (61,9%) của tỉnh.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế của tỉnh năm 2021 trình HĐND và dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và

dân số đã được đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế, dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 6,3% và 6,3%. Mức giảm này thấp hơn mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (61,9%) của tỉnh.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán trình HĐND tỉnh và Báo cáo dự toán được HĐND tỉnh quyết định được công khai liên tục trong 3 năm 2019, 2020 và 2021. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2017, 2018 và 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn được công khai liên tục trên trang TTĐT của Sở Tài chính.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Trong số 5 tài liệu không chấm điểm POBI 2020, có **2/5** tài liệu được công khai. Tài liệu được công khai là Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023 và Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025. **3** tài liệu không được công khai gồm có Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2021 của tỉnh, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018, 2019, và Báo cáo tài chính của tỉnh

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ có thư mục hỏi đáp và thư mục này có hoạt động.
- Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ chưa công khai Quy chế và Quy trình cung cấp thông tin cho công dân trên trang TTĐT của Sở.
- Cổng TTĐT của UBND, HĐND và Sở Tài chính không đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân.
- Trang TTĐT của Sở Tài chính, UBND, HĐND hay MTTQ chưa công khai Biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021, Báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh (bao gồm cả Báo cáo thẩm tra quyết toán 2019 và dự thảo dự toán NSNN 2021), Báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020, và Báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020.

45. TỈNH PHÚ YÊN

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH PHÚ YÊN NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **54**	**6/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **52**
ĐIỂM XẾP HẠNG **54,68**	**5** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **20**
TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	**0** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Phú Yên đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Phú Yên đạt **54,68** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **54** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **giảm 10 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 54: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Phú Yên phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[45]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**200**	**2,90**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**3773**	**54,68**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	66	0,96
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1066	15,45
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	325	4,71
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng	325	4,71

[45] Đã tính trọng số

đầu năm 2020		
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	325	4,71
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	0	0,00
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1316	19,07
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	150	2,17
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	0	0,00
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	450	6,52
2. Tính kịp thời	350	5,07
3. Tính thuận tiện	425	6,16
4. Tính đầy đủ	1850	26,81
5. Tính tin cậy	466	6,75
6. Tính liên tục	232	3,36

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên Cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Phú Yên, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Phú Yên có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.
- Các tài liệu đều được công khai bằng định dạng PDF nhưng dễ dàng chuyển đổi.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai 6/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu

năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Kế hoạch Đầu tư công năm 2021.

- 5 tài liệu ngân sách không công khai: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020, Báo cáo ngân sách công dân năm 2021, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu được công khai, có 5 tài liệu được công khai kịp thời trên Cổng TTĐT của UBND, HĐND, Sở Tài chính tỉnh; không có tài liệu công khai muộn. Cụ thể:

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định: 31/12/2020. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020: 7/4/2020. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020: 6/7/2020. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020: 15/10/2020. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn: 31/12/2020.

Tính đầy đủ của tài liệu

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định không kèm thuyết minh, có 12/13 biểu theo quy định của TT 343, thiếu Biểu số 57.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn đều không công bố quyết định hay thông báo và thuyết minh, chỉ có biểu số liệu.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 2,27%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên năm 2019 của tỉnh là 4,92%.
- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu NSĐP năm 2019 của tỉnh là 54,83%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu NSĐP được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 17,35%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối NSĐP năm 2019 của tỉnh là 6,93%.

- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 9,17%. Mức thay đổi này tăng với mức giảm thay đổi của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (2,27%) của tỉnh.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế của tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế của tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 0,66%. Mức thay đổi này giảm với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (2,27%) của tỉnh.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh quyết định không được công khai liên tục trên web của tỉnh, chỉ công khai năm 2020 và 2021.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2017, 2018 và 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn đều được công khai liên tục trên Cổng TTĐT của tỉnh.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Trong số 5 tài liệu không chấm điểm POBI 2020, có 1 tài liệu được công khai là: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2021 của tỉnh. Các tài liệu không được công khai là: Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018, 2019, Báo cáo tài chính của tỉnh, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023, Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

Sự tham gia của người dân

- Trên Cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh không có phần thư mục hỏi đáp.
- Cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có công khai quy chế và quy trình cung cấp thông tin cho người dân.
- Trên Cổng TTĐT của UBND, HĐND, Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân.
- Có 4 tài liệu không được công khai trên Cổng TTĐT của UBND, HĐND, Sở Tài chính tỉnh là: Biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh, Báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp

tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh, Báo cáo kết quả tổng hợp kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2020.

46. TỈNH QUẢNG BÌNH

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH QUẢNG BÌNH NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **60**	**6/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **13**
ĐIỂM XẾP HẠNG **30,41**	**3** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **60**
CHƯA ĐẦY ĐỦ	**2** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Quảng Bình đã công bố **CHƯA ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Quảng Bình đạt **30,41** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **60** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **giảm 3 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 55: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Quảng Bình phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[46]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**600**	**8,70**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**2098**	**30,41**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	66	0,96
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	316	4,58

[46] Đã tính trọng số

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	400	5,80
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020	400	5,80
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	400	5,80
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	0	0,00
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	250	3,62
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	0	0,00
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	100	1,45
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	400	5,80
2. Tính kịp thời	250	3,62
3. Tính thuận tiện	366	5,30
4. Tính đầy đủ	750	10,87
5. Tính tin cậy	66	0,96
6. Tính liên tục	266	3,86

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử (TTĐT) của Sở Tài chính và UBND tỉnh Quảng Bình, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Quảng Bình có thư mục riêng về công khai ngân sách, được phân chia cụ thể theo loại tài liệu nhưng chỉ có một số nội dung được cập nhật. Một số tài liệu phải tìm trên trang TTĐT của UBND tỉnh như Dự toán ngân sách tỉnh 2021 đã được phê duyệt và quyết toán ngân sách tỉnh 2019.
- Các tài liệu báo cáo tình hình thực hiện quý 1/2020, 6 tháng 2020, 9 tháng 2020 được công bố trên trang TTĐT của Sở Tài chính dưới dạng excel dễ dàng sử dụng, các tài

liệu được công bố khác trên trang TTĐT của UBND tỉnh có dạng file ảnh, khó khăn trong việc chuyển đổi và sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai **6/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, 6 tháng đầu năm 2020, 9 tháng năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017.
- **05** tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2021, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách năm 2020, Kế hoạch đầu tư công năm 2021 (trong Dự toán ngân sách năm 2021 được phê duyệt không có biểu số 58 về Danh mục dự án sử dụng vốn NSNN năm 2021), Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc năm 2021.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số **05** tài liệu ngân sách được công khai có hỏi thông tin về tính kịp thời (không bao gồm báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị của kiểm toán), có **03** tài liệu được công khai kịp thời và **02** tài liệu công khai muộn: Cụ thể:

- **03** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020 (10/3/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020 (10/6/2020) và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020 (8/9/2020).
- **02** tài liệu công khai muộn gồm: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt (12/01/2021) và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt (23/11/2020).

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai trên cổng TTĐT của UBND tỉnh. Báo cáo được công bố không theo mẫu của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 chỉ được công bố dưới dạng báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ ngân sách (Báo cáo được công bố không đánh số và chưa được ký phê duyệt), không có số liệu, bảng biểu chi tiết đính kèm theo hướng dẫn của Thông tư 343.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt được tìm thấy trên trang TTĐT của UBND tỉnh: Báo cáo được công khai không đi kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo không được công khai theo biểu mẫu của Thông tư 343.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Không xác định được tính tin cậy của việc lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh do không tiếp cận được số liệu từ Biểu số 62 (không có Biểu số 62 trong báo cáo quyết toán 2019).
- Do không có số liệu dự thảo dự toán năm 2021 trình HĐND nên không tính toán được thay đổi của dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 trình HĐND so với sự thay đổi của dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 5%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi

này tăng chậm hơn so với với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (-9%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

- Do không có số liệu dự thảo dự toán năm 2021 trình HĐND nên không tính toán được thay đổi của dự toán chi thường xuyên cho lĩnh y tế và dân số của tỉnh năm 2021 trình HĐND so với sự thay đổi của dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên lĩnh vực y tế và dân số năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 0%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này không tăng so với với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (9%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Đối với hai tài liệu dự toán và quyết toán tỉnh công bố liên tục trong 03 năm gần nhất. Tài liệu dự thảo trình không có của năm 2021, chỉ có của năm 2020.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Tỉnh chỉ công khai 1/5 tài liệu khuyến khích đó là Báo cáo tài chính năm 2019 của tỉnh.
- Có 4/5 tài liệu khuyến khích không được tỉnh công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2021, Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước tỉnh năm 2017, 2018 hoặc 2019, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023 và Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 05 năm 2021-2025. Đối với Dự thảo kế hoạch tài chính 03 năm 2021-2023 tỉnh chỉ công bố dưới dạng phương hướng xây dựng dự thảo, chứ chưa có bản dự thảo cụ thể.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính nhưng không nhận được phản hồi của tỉnh. Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh. Trang TTĐT của Sở Tài chính không công khai Quy chế và Quy trình cung cấp thông tin cho người dân của Sở.

- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có đường link dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook).
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021 (kỳ họp tháng 12/2020) mà chỉ có đề cương báo cáo kết quả kỳ họp.
- Trang TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2020 và báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020. Trang TTĐT của HĐND tỉnh cũng công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh.
- Về việc tuyên truyền, phổ biến về dự toán ngân sách 2021, nhóm nghiên cứu không nhận được phản hồi từ Sở Tài chính.

47. TỈNH QUẢNG NAM

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH QUẢNG NAM NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **17**	**10/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **22**
ĐIỂM XẾP HẠNG **81,83**	**7** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **50**
ĐẦY ĐỦ	**0** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Quảng Nam đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Quảng Nam đạt **79,65** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **17** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **giảm 16 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 56: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Quảng Nam phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[47]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**500**	**7,25**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**5646**	**81,83**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1199	17,38
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1199	17,38
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	400	5,80
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020	400	5,80
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	400	5,80
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	0	0,00
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1298	18,81
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	200	2,90
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	200	2,90
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	50	0,72
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	100	1,45
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	800	11,59
2. Tính kịp thời	550	7,97
3. Tính thuận tiện	750	10,87
4. Tính đầy đủ	2748	39,83
5. Tính tin cậy	498	7,22
6. Tính liên tục	300	4,35

[47] Đã tính trọng số

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính tỉnh Quảng Nam, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung
- Trên website của Sở Tài chính tỉnh có **7/8** loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai ở dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Kế hoạch Đầu tư công năm 2021.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai **10/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt); Kế hoạch Đầu tư công năm 2021; Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019.
- **01** tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có **07** tài liệu được công khai kịp thời trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính, UBND, và HĐND tỉnh; Cụ thể:

- **07** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm

2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020; Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt) và Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

Nhóm nghiên cứu có một số nhận xét về tính đầy đủ của các loại tài liệu chấm điểm POBI như sau:

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo thuyết minh có giải thích về ưu tiên của địa phương cho ít nhất một chính sách cụ thể và được minh chứng bằng số liệu. Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ Biểu số 33 đến Biểu số 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 44/CK-NSNN). Tuy nhiên, Báo cáo thuyết minh không nêu căn cứ dựa vào các chỉ tiêu PTKTXH trung hạn (2021-2025), kế hoạch tài chính trung hạn của tỉnh. Ngoài ra, Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (bao gồm 18 mục nhỏ), nhưng chưa phản ánh đầy đủ về thu phí, lệ phí theo từng huyện, xã phường.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ Biểu số 46 đến Biểu số 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Báo cáo có phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 57/CK-NSNN). Báo cáo cũng phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương. Tuy nhiên, Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (bao gồm 18 mục nhỏ), nhưng chưa phản ánh đầy đủ về thu phí, lệ phí theo từng huyện, xã phường.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN). Tuy nhiên, Báo cáo không được công khai đi kèm với báo cáo thuyết minh. Ngoài ra, Biểu số 63/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (bao gồm 18 mục nhỏ), nhưng chưa phản ánh đầy đủ về thu phí, lệ phí theo từng huyện, xã phường.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 44%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 4%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 22%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 6%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2019 của tỉnh là 6%.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 trình HĐND so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm

2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt là -9,76%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm nhanh hơn so với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (-2,34%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã được HĐND tỉnh quyết định năm 2021 so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là -9,76%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này giảm nhanh hơn so với với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (-2,34%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2021 trình HĐND so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt là -0,22%. Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này giảm chậm hơn so với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (-2,34%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên lĩnh vực y tế và dân số năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định năm 2021 so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là -0,22%. Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi giảm chậm hơn so với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (-2,34%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh và Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai liên tục trong 03 năm 2019, 2020 và 2021.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh được công khai liên tục trong 03 năm 2017, 2018 và 2019.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Tỉnh công khai **4/5** tài liệu được khuyến khích công khai, bao gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo tài chính của tỉnh, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023 và Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 05 năm 2021-2025.
- Loại tài liệu khuyến khích công khai không được công khai là: Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước tỉnh năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính vào ngày 26/01/2021 và sau 30 ngày vẫn chưa nhận được phản hồi.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh.
- Trang TTĐT của Sở Tài chính không công khai Quy chế và Quy trình cung cấp thông tin cho người dân của Sở.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường link dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo)
- Trang TTĐT UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021 (Kỳ họp tháng 12/2020
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có đường dẫn đến báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh (bao gồm báo cáo thẩm tra quyết toán 2019 hoặc dự thảo dự toán 2021), tuy nhiên khi truy cập vào đường dẫn lại không có tài liệu.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020.
- Trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2020 và trong đó có tổng hợp ý kiến về vấn đề ngân sách.

48. TỈNH QUẢNG NGÃI

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH QUẢNG NGÃI NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **22**	**10/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **52**
ĐIỂM XẾP HẠNG **76,51**	**3** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **20**
ĐẦY ĐỦ	**5** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Quảng Ngãi đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Quảng Ngãi đạt **76,51** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **22** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **tăng 23 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 57: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Quảng Ngãi phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[48]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**200**	**2,90**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**5279**	**76,51**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	916	13,28
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	882	12,78
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	350	5,07
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng	400	5,80

[48] Đã tính trọng số

đầu năm 2020		
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	375	5,43
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	375	5,43
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1281	18,57
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	200	2,90
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	200	2,90
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	100	1,45
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	800	11,59
2. Tính kịp thời	400	5,80
3. Tính thuận tiện	750	10,87
4. Tính đầy đủ	2832	41,04
5. Tính tin cậy	265	3,84
6. Tính liên tục	232	3,36

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Về tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.
- 8/9 tài liệu ngân sách được công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng. 1 tài liệu công khai định dạng PDF không chuyển được sang word/excel, không thuận tiện cho người sử dụng: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách quý 1 năm 2020.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai 10/11 loại tài liệu ngân sách bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê chuẩn 2019; Kế hoạch Đầu tư công năm 2021 (Biểu 58 trong Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định); Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2021 và Báo cáo thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019.
- 1 tài liệu ngân sách không công khai: Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

- Căn cứ vào chữ ký và dấu online trên các tài liệu ngân sách được công khai, nhóm nghiên cứu xác định tỉnh Quảng Ngãi công khai kịp thời 3 tài liệu: Báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý 1 năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020 và Báo cáo Ngân sách dành cho công dân năm 2021.
- 5 báo cáo công khai chậm: Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND; Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định (Ngày công khai 14/01/2021); Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm (Ngày công khai 18/10/2021); Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê chuẩn 2019 (Ngày công khai ngày 15/1/2021).

Tính đầy đủ của tài liệu

- Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh có 12/13 biểu theo quy định, trong đó Biểu số 44 không có nội dung, số liệu.
- Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định có đủ 12/13 biểu, trong đó Biểu số 57 không có nội dung, số liệu.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020 và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách năm 2020 đều có thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 140 %, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 93%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 95%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 113%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2019 của tỉnh là 103%.
- Không so sánh được mức thay đổi việc Lập dự toán chi cho lĩnh vực Giáo dục đào tạo và Y tế với Chi thường xuyên giữa năm 2020 và năm 2021 do không tìm được số liệu năm 2020 (Biểu số 50 trong Dự toán ngân sách năm 2020 của tỉnh đã được HĐND quyết định).

Tính liên tục

- Báo cáo dự thảo dự toán trình HĐND tỉnh và Dự toán được HĐND tỉnh quyết định trong được công khai trong 3 năm liên tục: 2019, 2020 và 2021.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh được công khai 2 năm liên tục: 2018 và 2019.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Trong số 5 tài liệu không chấm điểm POBI 2020, có 1 tài liệu được công khai: Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023. Các tài liệu không được công khai gồm có: Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020; Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2021 của tỉnh; Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018, 2019; Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

Sự tham gia của người dân

- Trên trang TTĐT của Sở Tài chính có 1 nội dung đảm bảo sự tham gia của người dân: Có Thư mục hỏi đáp.
- Các nội dung còn thiếu như sau: Quy chế và quy trình cung cấp thông tin cho người dân; Biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021; Báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh; Báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2020; Đường dẫn tới 1 trang mạng xã hội chính thức để trao đổi với người dân và Báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh.

49. TỈNH QUẢNG NINH

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH QUẢNG NINH NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **47**	**10/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **13**
ĐIỂM XẾP HẠNG **62,96**	**4** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **60**
TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	**3** tài liệu công bố chậm, **1** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Quảng Ninh đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Quảng Ninh đạt **62,96** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **47** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **giảm 33 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 58: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Quảng Ninh phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[49]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**600**	**8,70**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**4344**	**62,96**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	848	12,29
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	666	9,65
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	400	5,80

[49] Đã tính trọng số

4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020	350	5,07
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	350	5,07
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	300	4,35
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	864	12,52
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	166	2,41
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	100	1,45
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	100	1,45
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	800	11,59
2. Tính kịp thời	416	6,03
3. Tính thuận tiện	500	7,25
4. Tính đầy đủ	1763	25,55
5. Tính tin cậy	565	8,19
6. Tính liên tục	300	4,35

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính tỉnh Quảng Ninh, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Quảng Ninh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.
- **5** tài liệu được công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng. **1** tài liệu được công khai ở định dạng PDF dễ chuyển đổi sang định dạng word/excel, là Báo cáo ngân sách công dân năm 2021. **3** tài liệu được công khai ở định dạng PDF scan, là Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định,

Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, và Kế hoạch Đầu tư công năm 2021.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai **9/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 và Kế hoạch Đầu tư công năm 2021.
- Kế hoạch Đầu tư công năm 2021 là Biểu số 58 của Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định.
- **2** tài liệu ngân sách không được công khai, bao gồm: Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021, và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có **4** tài liệu được công khai kịp thời trên trang TTĐT của Sở Tài chính, UBND, và HĐND tỉnh; **4** tài liệu được công khai muộn. Cụ thể:

- **4** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh (4/12/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020 (8/4/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020 (3/7/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020 (12/10/2020).
- **4** tài liệu được công khai muộn là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định (18/1/2021), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 (13/1/2021), Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn (18/1/2021), và Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (11/1/2021).

Tính đầy đủ của tài liệu

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh không kèm báo cáo thuyết minh, có 12/13 biểu theo quy định của TT 343, thiếu Biểu số 44. Biểu số 33 thiếu mục bội chi NSĐP/bội thu NSĐP và mục tổng mức vay của NSĐP. Biểu số

35 phản ánh 18/18 khoản thu nội địa nhưng không chi tiết theo sắc thuế cho mục thu từ hoạt động xổ số kiến thiết. Biểu số 39 thiếu lĩnh vực chi cho giao thông và chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định phản ánh 12/13 biểu theo quy định của TT 343, thiếu Biểu số 57. Biểu số 46 thiếu mục thu từ quỹ dự trữ tài chính, thu kết dư, thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang. Biểu số 48 phản ánh 17/18 mục thu nội địa, thiếu mục tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước nhưng không chi tiết theo sắc thuế cho mục thu từ hoạt động xổ số kiến thiết. Báo cáo Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định không phản ánh các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020, và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 có thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020 và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020 thiếu mục bội chi NSĐP/bội thu NSĐP. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 thiếu mục thu viện trợ, thu từ dầu thô, và bội chi NSĐP/bội thu NSĐP.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn không kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo có 4/7 biểu theo quy định của TT 343, thiếu Biểu số 66, 67 và 68. Biểu số 62 thiếu tổng mức dư nợ vay cuối năm của NSĐP, mục nhỏ cả chi trả nợ gốc của NSĐP và tổng mức vay của NSĐP. Biểu số 63 có 18/18 mục thu nội địa nhưng không chi tiết theo sắc thuế cho mục thu từ hoạt động xổ số kiến thiết.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách tổng thu ngân sách địa phương, thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp và chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 39%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 6%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 12%.

- Lập dự toán ngân sách chi cân đối ngân sách địa phương, chi thường xuyên năm 2019 của tỉnh đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 1%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2019 của tỉnh là 1%.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 chưa phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh và dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục đào tạo đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 25,6% và 25,6%. Mức giảm này cao hơn mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (20,4%) của tỉnh.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế của tỉnh năm 2021 trình HĐND và dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số đã được đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế, dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 44% và 44%. Mức thay đổi này cao hơn mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (20,4%) của tỉnh.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán trình HĐND tỉnh và Báo cáo dự toán được HĐND tỉnh quyết định được công khai liên tục trong 3 năm 2019, 2020 và 2021.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2017, 2018 và 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn được công khai liên tục trên trang TTĐT của Sở Tài chính.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Trong số 5 tài liệu không chấm điểm POBI 2020, có **1/5** tài liệu được công khai. Tài liệu được công khai là Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2021 của tỉnh. **4** tài liệu không được công khai gồm có Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018, 2019, Báo cáo tài chính của tỉnh, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023 và Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Quảng Ninh có thư mục hỏi đáp và thư mục này có hoạt động.

- Sở Tài chính tỉnh Quảng Ninh chưa công khai Quy chế và Quy trình cung cấp thông tin cho công dân trên trang TTĐT của Sở.
- Cổng TTĐT của UBND, HĐND và Sở Tài chính không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân.
- Trang TTĐT của Sở Tài chính, UBND, HĐND hay MTTQ đã công khai Thông báo kết quả kỳ họp trong đó có nội dung về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021, Báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh (bao gồm cả Báo cáo thẩm tra quyết toán 2019 và dự thảo dự toán NSNN 2021), Báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020, và Báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020. Báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020 không có ý kiến về ngân sách. Báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020 có ý kiến về ngân sách.

50. TỈNH QUẢNG TRỊ

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH QUẢNG TRỊ NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **19**	**10/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **31**
ĐIỂM XẾP HẠNG **79,42**	**7** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **40**
ĐẦY ĐỦ	**0** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Quảng Trị đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Quảng Trị đạt **79,42** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **19** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **giảm 8 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 59: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Quảng Trị phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[50]	Điểm POBI 2020 quy đổi
Trụ cột sự tham gia	**400**	**5,80**
Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**5480**	**79,42**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1015	14,71
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	949	13,75
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	400	5,80
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020	400	5,80
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	350	5,07
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	400	5,80
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1366	19,80
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	200	2,90
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	100	1,45
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	100	1,45
II. Theo tiêu chí đánh giá		
Tính sẵn có	800	11,59
Tính kịp thời	500	7,25
Tính thuận tiện	800	11,59
Tính đầy đủ	2548	36,93
Tính tin cậy	532	7,71
Tính liên tục	300	4,35

[50] Đã tính trọng số

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Nhóm nghiên cứu có nhận xét như sau về tính thuận tiện trong việc tiếp cận tài liệu ngân sách của Cổng TTĐT tỉnh Quảng Trị:

- Trên Cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.
- Biểu số 40 của Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 được công khai bằng định dạng PDF nhưng dễ dàng chuyển đổi. Còn lại các tài liệu khác đều được công khai bằng định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai 10/11 tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh và Kế hoạch đầu tư công năm 2021
- 1 tài liệu ngân sách không công khai: Báo cáo ngân sách công dân năm 2021.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu được công khai, có 7 tài liệu được công khai kịp thời trên Trang TTĐT của Sở Tài chính, UBND, HĐND tỉnh; không có tài liệu công khai muộn. Cụ thể:

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh: 11/12/2020. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định: 31/12/2020. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020: 7/4/2020. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020: 10/7/2020. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020: 12/10/2020. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020: 16/12/2020. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn: 31/12/2020.

Tính đầy đủ của tài liệu

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh kèm thuyết minh, có 12/13 biểu theo quy định của TT 343, thiếu Biểu số 39. Biểu số 35 phản ánh 18/18 khoản thu nhưng không chi tiết khoản thu từ thuế tiêu thụ đặc biệt.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định phản ánh 11/13 biểu theo quy định, thiếu Biểu số 52 và 57.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020 không kèm thuyết minh.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn không kèm thuyết minh.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối NSĐP năm 2019 của tỉnh là 0%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên năm 2019 của tỉnh là 2%.
- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu NSĐP năm 2019 của tỉnh là 32%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu NSĐP được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 10%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 13%.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 trình HĐND và dự toán chi thường xuyên lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định đều là 0,35%. Mức thay đổi này tăng so với mức giảm thay đổi của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (0,25%) của tỉnh.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 chưa phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế của tỉnh năm 2021 trình HĐND và dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số đã được đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế, dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định đều là 0,53%. Mức thay đổi này cao hơn so với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (0,25%) của tỉnh.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh, Dự toán ngân sách tỉnh được HĐND tỉnh quyết định trong 3 năm 2019, 2020 và 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê chuẩn năm 2017, 2018 và 2019 đều được công khai liên tục trên trang TTĐT của tỉnh.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Trong số 5 tài liệu không chấm điểm POBI 2020, có 2 tài liệu được công khai gồm có: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2021, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023. Các tài liệu không được công khai gồm có: Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018, 2018; Báo cáo tài chính của tỉnh; Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

2.3. Trụ cột về sự tham gia của người dân

- Trên Cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục hỏi đáp nhưng không thể sử dụng được.
- Cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh không công khai Quy chế và quy trình cung cấp thông tin cho người dân.
- Trên Cổng TTĐT của UBND, HĐND, Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân.
- Trên Cổng TTĐT của UBND, HĐND, Sở Tài chính tỉnh có 2 tài liệu được công khai là: Báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh, Báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2020. Các tài liệu không được công khai là: Biên bản kỳ họp/ thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021, Báo cáo góp ý/ báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh.

51. TỈNH SÓC TRĂNG

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH SÓC TRĂNG NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **61**	**4/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **17**
ĐIỂM XẾP HẠNG **25,71**	**4** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **55**
CHƯA ĐẦY ĐỦ	**0** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Sóc Trăng đã công bố **CHƯA ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Sóc Trăng đạt **25,71** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **61** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **giảm 14 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 60: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Sóc Trăng phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[51]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**550**	**7,97**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**1774**	**25,71**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	0	0,00
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	33	0,48
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	400	5,80
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng	375	5,43

[51] Đã tính trọng số

đầu năm 2020		
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	400	5,80
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	400	5,80
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	33	0,48
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	0	0,00
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	0	0,00
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	200	2,90
2. Tính kịp thời	200	2,90
3. Tính thuận tiện	308	4,46
4. Tính đầy đủ	1000	14,49
5. Tính tin cậy	0	0,00
6. Tính liên tục	66	0,96

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách, tuy nhiên không được phân chia cụ thể theo tài liệu hoặc theo năm.
- **3** loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai trên cổng TTĐT của Sở Tài chính ở dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020; và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020.

- **1** tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai trên cổng TTĐT của Sở Tài chính ở dạng PDF thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020
- Các tài liệu sau đây không được công khai và vì thế không được chấm điểm về định dạng: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; và Kế hoạch Đầu tư công năm 2021.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai **4/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020; và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020.
- **07** tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt); Kế hoạch Đầu tư công năm 2021; Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021; và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Cả **4/4** tài liệu được công khai kịp thời trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính, UBND, và HĐND tỉnh. Cụ thể:

- **04** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020; và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020.
- Các tài liệu sau đây không được công khai và vì thế không được chấm điểm về tính kịp thời: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; và Kế hoạch Đầu tư công năm 2021.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

Nhóm nghiên cứu có một số nhận xét về tính đầy đủ của các loại tài liệu chấm điểm POBI như sau:

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Các tài liệu sau đây không được công khai và vì thế không được chấm điểm về tính đầy đủ: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

Các tài liệu sau đây không được công khai và vì thế không được chấm điểm về tính tin cậy: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh không được công khai.
- Chỉ công khai dự toán đã năm 2020 đã được HĐND duyệt cùng với báo cáo quyết toán ngân sách năm 2018.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh chỉ được công khai đối với năm 2018.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Tỉnh không công khai tài liệu nào trong số 05 tài liệu được khuyến khích công khai, bao gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2021, Báo cáo tài chính của tỉnh, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023 và Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 05 năm 2021-2025, và kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước tỉnh năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính vào ngày 26/01/2021 và nhận được phản hồi trong vòng 27 ngày (ngày 23/02/2021).
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh.
- Trang TTĐT của Sở Tài chính có công khai Quy chế và Quy trình không cung cấp thông tin cho người dân của Sở.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường link dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo)
- Trang TTĐT UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021 (Kỳ họp tháng 12/2020

- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh (bao gồm báo cáo thẩm tra quyết toán 2019 hoặc dự thảo dự toán 2021).
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020.
- Trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2020.

52. TỈNH SƠN LA

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH SƠN LA NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **24**	**9/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **31**
ĐIỂM XẾP HẠNG **76,3**	**7** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **40**
ĐẦY ĐỦ	**0** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Sơn La đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Sơn La đạt **76,3** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **24** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **tăng 15 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 61: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Sơn La phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[52]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**400**	**5,80**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**5265**	**76,30**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	983	14,25
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	983	14,25
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	350	5,07
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020	400	5,80
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	400	5,80
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	350	5,07
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1299	18,83
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	200	2,90
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	100	1,45
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	700	10,14
2. Tính kịp thời	500	7,25
3. Tính thuận tiện	800	11,59
4. Tính đầy đủ	2299	33,32
5. Tính tin cậy	666	9,65
6. Tính liên tục	300	4,35

[52] Đã tính trọng số

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử (TTĐT) của Sở Tài chính và UBND tỉnh Sơn La, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Sơn La có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các tài liệu được công khai đều được xếp vào thư mục riêng. Thư mục công khai ngân sách trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh được phân chia theo loại tài liệu.
- 09 tài liệu được công khai trên cổng TTĐT của Sở Tài chính gồm Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê chuẩn năm 2019, Kế hoạch Đầu tư công năm 2021, và Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025 đều có định dạng excel, thuận tiện cho việc sử dụng.
- 03 tài liệu được công khai bằng định dạng PDF dạng scan/file ảnh (khó/không thuận tiện chuyển sang định dạng word/excel) bao gồm: Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2021 của tỉnh và Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2017.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai **9/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê chuẩn 2019, Kế hoạch Đầu tư công năm 2021 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán năm 2018.
- **02** tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 và Báo cáo ngân sách công dân năm 2021.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có **07** tài liệu được công khai kịp thời trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính, UBND, và HĐND tỉnh; **0** tài liệu được công khai muộn. Cụ thể:

- **07** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh (19/11/2020), Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định (25/12/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020 (14/4/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng năm 2020 (8/6/2020) và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020 (14/10/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 (19/11/2020) và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê chuẩn 2019 (27/12/2020).

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai không kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo thuyết minh không giải thích về ưu tiên của địa phương cho ít nhất một chính sách cụ thể và không minh chứng bằng số liệu. Báo cáo thuyết minh không nêu căn cứ dựa vào các chỉ tiêu PTKTXH trung hạn (2021-2025), kế hoạch tài chính trung hạn của tỉnh. Báo cáo phản ánh **11/13** biểu (từ Biểu số 33 đến Biểu số 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343, thiếu Biểu số 43, 44. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN phản ánh **07/12** các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo không phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 44/CK-NSNN).
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh **11/13** biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343, thiếu Biểu số 56, 57. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh **07/12** các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo không phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 57/CK-NSNN). Báo cáo không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ **03/04** mục lớn và không chi tiết các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343 khi phần tổng thu thiếu thu từ dầu thô và thu viện trợ.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020: Báo cáo được công khai không kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai không đi kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ biểu số 62 đến biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh **14/18** các nguồn thu cụ thể cấu thành khoản thu nội địa và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 3,5%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2019 của tỉnh là 1,6%.
- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 20,3%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 16,2%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 7,03%.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 trình HĐND và dự toán chi thường xuyên lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 0,4%. Mức thay đổi này tăng với mức tăng thay đổi của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (27,6%) của tỉnh.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế của tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh và dự toán chi thường xuyên cho y tế, dân số đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế, dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 4,8%. Mức thay đổi này giảm với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (27,6%) của tỉnh.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh được công khai liên tục trong 03 năm 2019, 2020 và 2021.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Trong 05 tài liệu được khuyến khích công khai, tỉnh công khai **03** tài liệu gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2021 của tỉnh (10/6/2020), Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2017 (25/8/2017) và Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025 (8/12/2020)

- Có **02** tài liệu không được công khai là: Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018, 2019 và Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính vào ngày 26/01/2021 và tỉnh phản hồi email trong vòng 3 ngày, phản hồi lần một vào ngày 29/01/2021 và phản hồi lần hai vào ngày 01/02/2021.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh.
- Trang TTĐT của Sở Tài chính không công khai Quy chế và Quy trình cung cấp thông tin cho người dân của Sở.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường link dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo) và cũng không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021 (kỳ họp tháng 12/2020), không công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh, không công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2020 và không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020.

53. TỈNH TÂY NINH

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH TÂY NINH NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **10**	**10/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **31**
ĐIỂM XẾP HẠNG **84,28**	**7** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **40**
ĐẦY ĐỦ	**0** tài liệu công bố chậm, **1** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Tây Ninh đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Tây Ninh đạt **84,28** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **10** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **giảm 2 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 62: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Tây Ninh phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[53]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**400**	**5,80**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**5815**	**84,28**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1133	16,42
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1033	14,97
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	400	5,80
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng	400	5,80

[53] Đã tính trọng số

đầu năm 2020		
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	400	5,80
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	400	5,80
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1499	21,72
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	50	0,72
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	200	2,90
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	100	1,45
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	0	0,00
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	750	10,87
2. Tính kịp thời	500	7,25
3. Tính thuận tiện	800	11,59
4. Tính đầy đủ	2932	42,49
5. Tính tin cậy	533	7,72
6. Tính liên tục	300	4,35

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung
- Trên website của Sở Tài chính tỉnh có 8/8 loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai ở dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020; Báo cáo quyết

toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Kế hoạch Đầu tư công năm 2021.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai **10/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt); Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc năm 2021 và Kế hoạch Đầu tư công năm 2021.
- **01** tài liệu ngân sách không công khai, đó là: Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có **07** tài liệu được công khai kịp thời trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính, UBND, và HĐND tỉnh; **01** tài liệu không xác định được ngày công khai. Cụ thể:

- **07** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020; và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020.
- **01** tài liệu trong đó không xác định được ngày đăng tải lên trang TTĐT (tỉnh không công khai ngày đăng hoặc công khai nội bộ), đó là Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt).

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

Nhóm nghiên cứu có một số nhận xét về tính đầy đủ của các loại tài liệu chấm điểm POBI như sau:

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy

đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Tuy nhiên, thuyết minh Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 không giải thích gì về ưu tiên cho ít nhất một chính sách chi cụ thể của địa phương, không nêu căn cứ dựa vào kế hoạch trung hạn hay dài hạn. Biểu số 35/CK-NSNN chưa phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (chỉ có 15 mục nhỏ, thiếu các mục về thuế sử dụng đất nông nghiệp, thu cấp quyền khai thác khoáng sản; tiền cho thuê/bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước). Báo cáo cũng đính kèm Biểu số 44/CK-NSNN về chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Tuy nhiên, Biểu số 48/CK-NSNN chưa phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (chỉ có 15 mục nhỏ, thiếu các mục về thuế sử dụng đất nông nghiệp, thu cấp quyền khai thác khoáng sản; tiền cho thuê/bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước). Báo cáo có phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 57/CK-NSNN). Ngoài ra, Báo cáo cũng không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh

với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai đi kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN). Tuy nhiên, Biểu số 63/CK-NSNN phản ánh chưa đầy đủ các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ nhưng không chi tiết các khoản thu từ hoạt động xổ số kiến thiết.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 40,3%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 11,1%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 4,6%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 1,1%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2019 của tỉnh là 2,8%.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 trình HĐND so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt là -2,06%. Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này giảm chậm hơn so với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (-5,96%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã được HĐND tỉnh quyết định năm 2021 so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là -2,06%. Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này giảm chậm hơn so với với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (-5,96%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2021 không được công khai trong dự toán trình HĐND và dự toán đã được HĐND phê duyệt. Vì vậy, tỉnh không được chấm điểm đối với các câu hỏi về so sánh thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số giữa hai năm 2020 và 2021.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh và Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai liên tục trong 03 năm 2019, 2020 và 2021.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh được công khai liên tục trong 03 năm 2017, 2018 và 2019.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Tỉnh công khai 3/5 tài liệu được khuyến khích công khai, bao gồm: Báo cáo tài chính của tỉnh, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023 và Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 05 năm 2021-2025.
- 02 tài liệu khuyến khích không được công khai là: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 (công văn CV-2428 về Hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN năm 2021 và Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2021-2023 được công khai nhưng đường dẫn này bị lỗi và không tải được tài liệu) và Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước tỉnh năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính vào ngày 26/01/2021 và sau 30 ngày vẫn chưa nhận được phản hồi.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh.

- Trang TTĐT của Sở Tài chính không có công khai Quy chế và Quy trình cung cấp thông tin cho người dân của Sở.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường link dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo)
- Trang TTĐT UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021 (Kỳ họp tháng 12/2020)
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh (bao gồm báo cáo thẩm tra quyết toán 2019 hoặc dự thảo dự toán 2021).
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020.

54. TỈNH THÁI BÌNH

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH THÁI BÌNH NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **34**	**8/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **48**
ĐIỂM XẾP HẠNG **70,12**	**5** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **25**
TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	**2** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Thái Bình đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Thái Bình đạt **70,12** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **34** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **giảm 4 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 63: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Thái Bình phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[54]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**250**	**3,62**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**4838**	**70,12**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	982	14,23
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	882	12,78
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	400	5,80
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020	400	5,80
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	400	5,80
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	375	5,43
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1166	16,90
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	0	0,00
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	100	1,45
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	0	0,00
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	600	8,70
2. Tính kịp thời	425	6,16
3. Tính thuận tiện	633	9,17
4. Tính đầy đủ	2682	38,87
5. Tính tin cậy	198	2,87
6. Tính liên tục	300	4,35

[54] Đã tính trọng số

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Thái Bình, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Thái Bình có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục **không** được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu, theo từng năm và có cập nhật nội dung.
- Có **07** tài liệu được công khai bằng định dạng word/excel, kèm theo bản scan, thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai **08/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020.
- **03** tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo ngân sách công dân năm 2021, Kế hoạch Đầu tư công năm 2021, Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có **05** tài liệu được công khai kịp thời trên trang TTĐT của Sở Tài chính, UBND, và HĐND tỉnh. Cụ thể:

- **05** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định (31/12/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020 (10/04/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020 (30/06/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm năm 2020 (07/10/2020), Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn (29/12/2020).

- **02** tài liệu không được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh (22/12/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 (29/12/2020).

Tính đầy đủ của tài liệu

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh kèm thuyết minh phản ánh **10/13** biểu theo quy định của TT 343, thiếu **Biểu số 41, 45**, **Biểu số 39** không đúng như biểu mẫu theo quy định của TT 343.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định phản ánh **10/13** biểu theo quy định của TT 343, thiếu các **Biểu số 52, 54, 58.** Báo cáo không phản ánh các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020 kèm thuyết minh phản ánh **03/03** biểu theo quy định của TT 343. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020 kèm thuyết minh phản ánh **03/03** biểu theo quy định của TT 343. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020 kèm thuyết minh phản ánh **03/03** biểu theo quy định của TT 343. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 kèm thuyết minh phản ánh **03/03** biểu theo quy định của TT 343. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn kèm thuyết minh phản ánh **07/07** biểu theo quy định của TT 343. Tuy nhiên, **Biểu số 68** chưa chi tiết, đầy đủ như trong TT 343, trong 2 mục đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp chưa nêu chi tiết phần vốn trong nước và vốn ngoài nước.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh **chưa đảm bảo tin cậy** cho việc thực hiện dự toán. Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm

2019 của tỉnh là **115,2%**, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là **45,1%**, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là **94,1%**, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là **93,3%**, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của thành phố năm 2019 là **5,3%**.

- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực **giáo dục và đào tạo** của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 **chưa phù hợp**. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là **13,2%**. Mức thay đổi này tăng ít hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (**15,04%**) của tỉnh.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực **y tế và dân số** của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 **chưa phù hợp**. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế của tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế, dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là **2,7%**. Mức thay đổi này giảm mạnh hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (**15,04%**) của tỉnh.

Tính liên tục của tài liệu công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh trong 3 năm 2019, 2020, 2021 được công khai liên tục trên trang web của tỉnh. Báo cáo dự toán ngân sách đã được HĐND tỉnh quyết định trong 3 năm 2019, 2020, 2021 được công khai liên tục trên trang web của tỉnh. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê chuẩn trong 3 năm 2019, 2020, 2021 được công khai liên tục trên trang web của tỉnh.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

Trong số **05** tài liệu không chấm điểm POBI 2020, có **02** tài liệu được công khai, **03** tài liệu không được công khai. Cụ thể:

- **02** tài liệu được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2021 của tỉnh; Báo cáo tài chính của tỉnh.
- **03** tài liệu không được công khai gồm: Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019; Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023; Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

Sự tham gia của người dân

- Trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính tỉnh Thái Bình **có** thư mục hỏi đáp và có thể sử dụng được.
- Trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh **không** có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh (Facebook/Zalo) để trao đổi với người dân.
- Trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh **có** công khai Quy chế và quy trình cung cấp thông tin cho người dân của Sở.
- Trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh **không** công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021, Báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh (bao gồm báo cáo thẩm tra quyết toán 2019 hoặc dự thảo dự toán 2021); Báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020; Báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2020.

55. TỈNH THÁI NGUYÊN

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **46**	**9/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **27**
ĐIỂM XẾP HẠNG **63,59**	**7** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **45**
TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	**0** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Thái Nguyên đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Thái Nguyên đạt **63,59** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **46** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **tăng 2 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 64: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Thái Nguyên phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[55]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**450**	**6,52**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**4388**	**63,59**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	648	9,39
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	949	13,75
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	400	5,80
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020	400	5,80
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	375	5,43
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	400	5,80
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	866	12,55
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	100	1,45
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	50	0,72
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	0	0,00
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	650	9,42
2. Tính kịp thời	500	7,25
3. Tính thuận tiện	700	10,14
4. Tính đầy đủ	1973	28,59
5. Tính tin cậy	265	3,84
6. Tính liên tục	300	4,35

[55] Đã tính trọng số

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.
- **6** tài liệu được công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn. **1** tài liệu được công khai ở định dạng PDF scan, là Kế hoạch Đầu tư công năm 2021.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai **9/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Kế hoạch Đầu tư công năm 2021 và Kế hoạch vay, trả nợ của tỉnh năm 2021.
- Kế hoạch Đầu tư công năm 2021 là Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 11/12/2020, được công khai trong mục Văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng TTĐT của UBND tỉnh. Kế hoạch vay, trả nợ của tỉnh năm 2021 là phụ biểu VIII trong NQ 46/NQ-HĐND về phân bổ dự toán ngân sách năm 2021 của tỉnh Thái Nguyên.
- **2** tài liệu ngân sách không được công khai, bao gồm: Báo cáo ngân sách công dân năm 2021, và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có **7** tài liệu được công khai kịp thời trên trang TTĐT của Sở Tài chính, UBND, và HĐND tỉnh. Cụ thể:

- Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh (27/11/2020), Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định (11.1.2021), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020 (8/4/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020 (14/7/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020 (9/10/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 (26/11/2020), Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn (11/1/2021).

Tính đầy đủ của tài liệu

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh không kèm báo cáo thuyết minh, có 9/13 biểu theo quy định của TT 343, thiếu Biểu số 38, 39, 41 và 45. Biểu số 35 phản ánh 15/18 khoản thu nội địa; thiếu thuế sử dụng đất nông nghiệp; tiền cho thuê và bán nhà thuộc sở hữu nhà nước; thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác; thu hồi vốn, thu cổ tức. Biểu số 35 không chi tiết theo sắc thuế. Biểu số 44 có mục hỗ trợ vốn đầu tư và vốn sự nghiệp nhưng không rõ nội dung chỉ theo ngân sách tỉnh và huyện.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh **12/13** biểu (thiếu Biểu số 54 trong các biểu từ Biểu số 46 đến Biểu số 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN chỉ phản ánh 15/18 các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo có phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020, và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 có thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020 công khai thiếu Biểu số 60 và công khai 2 lần Biểu số 59. thiếu thiếu mục bội chi NSĐP/bội thu NSĐP.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn kèm báo cáo thuyết minh, có 7/7 biểu theo quy định của TT 343. Biểu số 62 thiếu mục thu từ quỹ dự trữ tài chính, chi trả nợ gốc của NSĐP và 2 mục nhỏ kèm theo, tổng mức vay của NSĐP và 2 mục nhỏ kèm theo, tổng mức dư nợ của vay cuối năm của NSĐP. Biểu số 63 phản ánh 15/18 mục thu nội địa, thiếu thu thuế sử dụng đất nông nghiệp; tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước, thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác; thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước. Biểu số 63 nhưng không chi tiết theo sắc thuế cho mục thu từ hoạt động xổ số kiến thiết. Biểu số 65 có mục lớn chi chuyển nguồn được gộp với mục tiền thực hiện cải cách tiền lương; mục chi đầu tư phát triển không cụ thể theo lĩnh vực chi như hướng dẫn trong Biểu số 65 của TT 343. Biểu số 68 gồm cả nội dung của chương trình mục tiêu, dự án, một số nhiệm vụ khác Trung ương bổ sung có mục tiêu, mà không được trình bày theo đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh, huyện.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách tổng thu ngân sách địa phương, thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp, chi cân đối ngân sách địa phương và chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 45,5%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 10,1%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 41,3%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 26,8%.

- Lập dự toán ngân sách chi thường xuyên năm 2019 của tỉnh đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2019 của tỉnh là 1,7%.

- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 chưa phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 22,8%. Mức giảm này cao hơn mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (3%) của tỉnh.

- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 chưa phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế của tỉnh năm 2021 trình HĐND so với dự toán chi thường xuyên cho y tế,

dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là (22%). Mức giảm này cao hơn hơn mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (3%) của tỉnh.

- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 chưa phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế của tỉnh năm 2021 trình HĐND so với dự toán chi thường xuyên cho y tế, dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là (4,5%). Mức giảm này cao hơn hơn mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (3%) của tỉnh.
- Nhóm nghiên cứu không tìm thấy số liệu dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định để tính toán mức thay đổi của dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định so với mức thay đổi dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán trình HĐND tỉnh được công khai liên tục trong 3 năm 2019, 2020 và 2021.
- Báo cáo dự toán được HĐND tỉnh quyết định được công khai liên tục trong 3 năm 2019, 2020 và 2021.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2017, 2018 và 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn được công khai liên tục trên trang TTĐT của Sở Tài chính.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Trong số 5 tài liệu không chấm điểm POBI 2020, có **0/5** tài liệu được công khai. Tài liệu không được công khai gồm có Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2021 của tỉnh, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018, 2019, Báo cáo tài chính của tỉnh, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023, Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên có thư mục hỏi đáp và thư mục này hoạt động bình thường.
- Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên chưa công khai Quy chế và Quy trình cung cấp thông tin cho công dân trên trang TTĐT của Sở.

- Cổng TTĐT của UBND, HĐND và Sở Tài chính không đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân.
- Trang TTĐT của Sở Tài chính, UBND, HĐND hay MTTQ chưa công khai Biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021, Báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh (bao gồm cả Báo cáo thẩm tra quyết toán 2019 và dự thảo dự toán NSNN 2021), Báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020, và Báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020.

56. TỈNH THANH HÓA

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH THANH HÓA NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **58**	**7/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **63**
ĐIỂM XẾP HẠNG **48,52**	**5** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **5**
CHƯA ĐẦY ĐỦ	**0** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Thanh Hóa đã công bố **CHƯA ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Thanh Hóa đạt **48,52** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **58** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **giảm 12 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 65: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Thanh Hoá phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[56]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**50**	**0,72**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**3348**	**48,52**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1049	15,20
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	616	8,93
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	400	5,80
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020	400	5,80
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	400	5,80
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	0	0,00
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	33	0,48
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	150	2,17
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	100	1,45
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	550	7,97
2. Tính kịp thời	350	5,07
3. Tính thuận tiện	600	8,70
4. Tính đầy đủ	1349	19,55
5. Tính tin cậy	266	3,86
6. Tính liên tục	233	3,38

[56] Đã tính trọng số

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử (TTĐT) của Sở Tài chính và UBND tỉnh Thanh Hóa, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các tài liệu được công khai đều được xếp vào thư mục riêng. Thư mục công khai ngân sách trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh được phân chia theo loại tài liệu.
- **05** tài liệu được công khai trên cổng TTĐT của Sở Tài chính gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách 6 tháng đầu năm 2020 và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020 đều có định dạng excel, thuận tiện cho việc sử dụng.
- **01** tài liệu được công khai bằng định dạng PDF dạng scan/file ảnh (khó/không thuận tiện chuyển sang định dạng word/excel) bao gồm: Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai **07/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020, Kế hoạch Đầu tư công năm 2021 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán năm 2017.
- **06** tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 và Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có **05** tài liệu được công khai kịp thời trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính, UBND, và HĐND tỉnh; **0** tài liệu được công khai muộn. Cụ thể:

- **05** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh (2/12/2020), Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định (6/12/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020 (15/4/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng năm 2020 (15/7/2020) và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020 (15/10/2020).

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo thuyết minh có giải thích về ưu tiên của địa phương cho ít nhất một chính sách cụ thể và được minh chứng bằng số liệu. Báo cáo thuyết minh có nêu căn cứ dựa vào các chỉ tiêu PTKTXH trung hạn (2021-2025), kế hoạch tài chính trung hạn của tỉnh. Báo cáo phản ánh **07/13** biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343, thiếu Biểu số 39, 40, 41, 43, 44, 45. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh **03/05** mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN không phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo không phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 44/CK-NSNN).
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh **07/13** biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343, thiếu Biểu số 48, 51, 52, 56, 57, 58. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh **03/05** mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN không phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN không phản ánh các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo không phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 57/CK-NSNN). Báo cáo không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo

quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Nhóm nghiên cứu không tìm thấy số liệu (cụ thể không tìm thấy dự toán hay quyết toán của tỉnh) để tính toán mức chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển, chênh lệch giữa quyết toán và dự án chi thường xuyên đầu tư phát triển của tỉnh năm 2019. Do vậy, báo cáo này chưa phản ánh mức độ tin cậy của công tác lập dự toán ngân sách của tỉnh năm 2019.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 chưa phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh và dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục đào tạo đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 10,2%. Giảm mạnh hơn với mức thay đổi của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (6,5%) của tỉnh.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế

của tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh và dự toán chi thường xuyên cho y tế, dân số đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế, dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 8,9%. Mức thay đổi này tăng với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (6,5%) của tỉnh.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh chỉ được công khai trong năm 2017.
- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh và Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai liên tục trong 03 năm 2019, 2020 và 2021.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Trong 05 tài liệu được khuyến khích công khai, tỉnh không công khai **05** tài liệu, bao gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2021, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018, 2019, Báo cáo tài chính của tỉnh, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023 và và Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính không có thư mục hỏi đáp, có email nhưng email báo lỗi và không thể sử dụng được.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh.
- Trang TTĐT của Sở Tài chính không công khai Quy chế và Quy trình cung cấp thông tin cho người dân của Sở.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường link dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo) và cũng không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021 (kỳ họp tháng 12/2020), không công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh không công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2020 và không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020.

57. TỈNH THỪA THIÊN-HUẾ

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH THỪA THIÊN HUẾ NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **55**	**8/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **9**
ĐIỂM XẾP HẠNG **54,62**	**3** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **65**
TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	**3** tài liệu công bố chậm, **1** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Thừa Thiên Huế đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Thừa Thiên Huế đạt **54,62** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **55** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **giảm 15 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 66: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Thừa Thiên Huế phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[57]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**650**	**9,42**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**3769**	**54,62**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	832	12,06
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	849	12,30
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	250	3,62
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng	250	3,62

[57] Đã tính trọng số

đầu năm 2020		
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	250	3,62
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	275	3,99
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	713	10,33
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	150	2,17
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	0	0,00
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	550	7,97
2. Tính kịp thời	325	4,71
3. Tính thuận tiện	450	6,52
4. Tính đầy đủ	1747	25,32
5. Tính tin cậy	431	6,25
6. Tính liên tục	266	3,86

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử (TTĐT) của Sở Tài chính và UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Thừa Thiên Huế có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các tài liệu được công khai đều được xếp vào thư mục riêng. Thư mục công khai ngân sách trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh được phân chia theo loại tài liệu.
- 02 tài liệu được công khai bằng định dạng word/excel bao gồm: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê chuẩn năm 2019.

- **02** tài liệu được công khai bằng định dạng PDF nhưng dễ dàng chuyển đổi bao gồm: Kế hoạch Đầu tư công năm 2021 và Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.
- **05** tài liệu được công khai bằng định dạng PDF dạng scan/file ảnh (khó/không thuận tiện chuyển sang định dạng word/excel) bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020 và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai **8/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê chuẩn 2019, Kế hoạch Đầu tư công năm 2021.
- **03** tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo tình hình nợ công năm 2020, Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2021 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có **03** tài liệu được công khai kịp thời trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính, UBND, và HĐND tỉnh; **03** tài liệu được công khai muộn và **01** tài liệu không rõ ngày công khai. Cụ thể:

- **03** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh (9/12/2020), Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định (8/1/2021), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 (15/1/2021).
- **03** tài liệu được công khai muộn là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020 (16/4/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng năm 2020 (16/7/2020) và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020 (23/10/2020).

- **01** tài liệu không rõ ngày công khai là: Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê chuẩn 2019, công khai vào ngày 2/2/2021 trên trang TTĐT của Sở tài chính tỉnh, do công khai sau ngày 31/1/2021 nên không được tính điểm. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê chuẩn 2019 cũng được công khai trên trang TTĐT của UBND tỉnh nhưng không rõ ngày công khai.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo thuyết minh có giải thích về ưu tiên của địa phương cho ít nhất một chính sách cụ thể nhưng không có minh chứng bằng số liệu. Báo cáo thuyết minh không nêu căn cứ dựa vào các chỉ tiêu PTKTXH trung hạn (2021-2025), kế hoạch tài chính trung hạn của tỉnh. Báo cáo phản ánh **10/13** biểu (từ Biểu số 33 đến Biểu số 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343, thiếu Biểu số 40, 44, 45. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN không phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh **17/18** các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế nhưng thiếu nguồn thu từ thuế sử dụng đất nông nghiệp. Báo cáo không phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 44/CK-NSNN).

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh **10/13** biểu (từ Biểu số 46 đến Biểu số 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343, thiếu Biểu số 51, 52, 57. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN không phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh **17/18** các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ), thiếu nguồn thu từ thuế sử dụng đất nông nghiệp. Trong Biểu số 48, có các khoản Thu từ doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý, Thu từ doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý, Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh đều không chi tiết theo sắc thuế. Báo cáo không phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 57/CK-NSNN). Báo cáo có phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương. Cụ thể, trong biểu số 53 có chi tiết Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo, cận nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020: Báo cáo được công khai không đi kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương

theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343, mục A thiếu khoản thu từ dầu thô và viện trợ.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020: Báo cáo được công khai không đi kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343, mục A thiếu khoản thu từ dầu thô và viện trợ.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020: Báo cáo được công khai không đi kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343, mục A thiếu khoản thu từ dầu thô và viện trợ.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020: Báo cáo được công khai không đi kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343, mục A thiếu khoản thu từ dầu thô và viện trợ.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai không đi kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh 04/07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343, thiếu Biểu số 66, 67, 68. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 63 mục A thuế thu từ doanh nghiệp nhà nước không ghi rõ thu từ Trung ương hay Địa phương. Ngoài ra, trong Biểu số 63 các khoản thuế bảo vệ môi trường, phí, lệ phí và thuế thu từ hoạt động xổ số kiến thiết không chi tiết theo sắc thuế.Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ nhưng không chi tiết các khoản chi đầu tư phát triển. Báo cáo không có các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 44,7%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 20,7%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 6,4%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 11,2%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên đầu tư phát triển của tỉnh năm 2019 của tỉnh là 7,9%.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 trình HĐND và dự toán chi thường xuyên lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 0,3%. Mức thay đổi này giảm với mức giảm thay đổi của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (2,5%) của tỉnh.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 chưa phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế của tỉnh năm 2021 trình HĐND và dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số đã được đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế, dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 4,9%. Mức thay đổi này giảm mạnh hơn với mức giảm của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (2,5%) của tỉnh.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh chỉ được công khai liên tục trong 02 năm 2017 và 2019.
- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh và Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai liên tục trong 03 năm 2019, 2020 và 2021.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Trong 05 tài liệu được khuyến khích công khai, tỉnh công khai **01** tài liệu gồm: Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025 (7/12/2020)

- Có **04** tài liệu không được công khai là: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2021 của tỉnh, Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018, 2019, Báo cáo tài chính của tỉnh và Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính vào ngày 26/01/2021 và nhận được phản hồi của tỉnh vào ngày 30/01/2021.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh.
- Trang TTĐT của Sở Tài chính không công khai Quy chế và Quy trình cung cấp thông tin cho người dân của Sở.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường link dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo) và cũng không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021 (kỳ họp tháng 12/2020).
- Có 03 tài liệu về trụ cột tham gia của người dân được công khai trên trang TTĐT của HĐND tỉnh đó là báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh, có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020 nhưng không có ý kiến về ngân sách, có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2020 và có ý kiến về ngân sách khi có đề cập đến nhu cầu đầu tư xây dựng công trình, dự án.
- Sở Tài chính tỉnh còn sử dụng các kênh truyền thông như Cổng TTĐT tỉnh, Trang TTĐT HĐND và Sở Tài chính để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2021 tới người dân.

58. TỈNH TIỀN GIANG

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH TIỀN GIANG NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **53**	**7/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **43**
ĐIỂM XẾP HẠNG **54,77**	**4** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **30**
TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ	**2** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Tiền Giang đã công bố **TƯƠNG ĐỐI ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Tiền Giang đạt **54,77** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **53** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **giảm 16 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 67: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Tiền Giang phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[58]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**300**	**4,35**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**3779**	**54,77**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	783	11,35
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	882	12,78
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	350	5,07
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng	325	4,71

[58] Đã tính trọng số

đầu năm 2020		
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	325	4,71
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	0	0,00
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	864	12,52
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	0	0,00
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	50	0,72
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	0	0,00
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	500	7,25
2. Tính kịp thời	400	5,80
3. Tính thuận tiện	350	5,07
4. Tính đầy đủ	1697	24,59
5. Tính tin cậy	532	7,71
6. Tính liên tục	300	4,35

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính, UBND và HĐND tỉnh Tiền Giang, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Tiền Giang có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.
- Trong số các tài liệu được công khai, **03** tài liệu được công bố bằng định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020 và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020. Có **03** tài liệu được công bố bằng định dạng PDF dạng scan/file ảnh, không thuận tiện trong việc chuyển sang định dạng word/excel, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán

ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh Tiền Giang đã công khai **7/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn và Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021.
- **04** tài liệu không được công bố công khai đó là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020, Báo cáo ngân sách công dân năm 2021, Kế hoạch Đầu tư công năm 2021 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có **04** tài liệu được công khai kịp thời trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính, UBND, và HĐND tỉnh; **02** tài liệu được công khai muộn. Cụ thể:

- **04** tài liệu công khai kịp thời gồm có: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh (03/12/2020), Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định (17/12/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020 (06/04/2020) và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn (17/12/2020).
- **02** tài liệu được công khai muộn gồm có: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020 (16/07/2020) và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020 (19/10/2020).
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh được công bố trên cùng một trang có ngày công bố tự động là 10/06/2020, muộn hơn ngày công khai Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020 được Sở ghi chú (06/04/2020). Nhóm nghiên cứu cho rằng ngày công khai của báo cáo này chưa thực sự rõ ràng, tỉnh cần lưu ý để khắc phục trong các năm tới.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh: Báo cáo không công khai kèm báo cáo thuyết minh và chỉ công khai 11/13 biểu theo quy định của TT 343, không phản ánh Biểu số 41, Biểu số 44 và Biểu số 45. Biểu số 39 không theo mẫu quy định bởi TT 343. Biểu số 35 chỉ phản ánh 16/18 nguồn thu nội địa, phản ánh thiếu mục Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác và Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định: Báo cáo chỉ công khai 9/13 biểu theo quy định của TT 343, không phản ánh Biểu số 52, Biểu số 54, Biểu số 57 và Biểu số 58. Biểu số 48 phản ánh đầy đủ 18 mục thu nhưng không chi tiết đầy đủ sắc thuế của một số mục thu, bao gồm: Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý, Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý, Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh và Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết. Báo cáo có phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương. Biểu số 53 có số liệu quỹ bảo trì đường bộ và quỹ phát triển khoa học công nghệ.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm năm 2020 và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm năm 2020: Các báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh đều công khai đầy đủ 3/3 biểu theo quy định của TT 343 nhưng không công khai kèm báo cáo thuyết minh.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn: Báo cáo không công khai cùng báo cáo thuyết minh và chỉ phản ánh 5/6 biểu theo quy định của TT 343. Biểu số 62 có phản ánh đầy đủ 6 mục lớn nhưng không chi tiết mục Chi các chương trình mục tiêu. Biểu số 65 không được công khai, nên báo cáo chỉ phản ánh 4/5 biểu quyết toán chi và 2/3 biểu chi tiết về ngân sách cấp tỉnh.
- Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021: Báo cáo được công khai dưới dạng phụ lục đính kèm Nghị quyết 29/NQ-HĐND (Biểu số 04), có công bố nợ chính quyền địa phương nhưng không chi tiết theo từng nguồn vay.
- Ngoài ra, các câu hỏi còn lại về tính đầy đủ của các tài liệu đã công khai đều được đáp ứng đầy đủ.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 78,23%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 26,24%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 6,41%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 13,39%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2019 của tỉnh là 14,07%.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 trình HĐND và dự toán chi thường xuyên lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 0,19% và 0,19%. Mức thay đổi này cao hơn so với mức thay đổi của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 trình HĐND và tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định so với năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định (âm 2,36%) của tỉnh.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh và dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 0% và 0%. Mức thay đổi này cao hơn so với mức thay đổi của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 trình HĐND và tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định so với năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định (2,36%) của tỉnh.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh quyết định và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê chuẩn đều được công khai liên tục trong ba năm trên trang TTĐT của tỉnh.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Trong số 5 tài liệu không chấm điểm POBI 2020, chỉ có **01** tài liệu được công khai, đó là: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2021, được ban hành ngày 12/08/2020.
- **04** tài liệu không được công khai bao gồm: Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2017, 2018 và 2019, Báo cáo tài chính của tỉnh, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023 và Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

Sự tham gia của người dân

- Quy chế và quy trình cung cấp thông tin cho người dân không được công khai trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh.
- Biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021, báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh, báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh kỳ họp tháng 12/2020, và báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh kỳ họp tháng 12/2020 không được công khai trên trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính.

59. TỈNH TRÀ VINH

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH TRÀ VINH NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **20**	**10/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **3**
ĐIỂM XẾP HẠNG **78,96**	**7** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **80**
ĐẦY ĐỦ	**1** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Trà Vinh đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Trà Vinh đạt

78,96 điểm quy đổi, xếp hạng thứ **20** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **giảm 10 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 68: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Trà Vinh phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[59]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**800**	**11,59**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**5448**	**78,96**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	966	14,00
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1066	15,45
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	400	5,80
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020	400	5,80
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	400	5,80
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	400	5,80
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1150	16,67
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	166	2,41
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	200	2,90
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	100	1,45
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	0	0,00
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	800	11,59
2. Tính kịp thời	566	8,20
3. Tính thuận tiện	800	11,59

[59] Đã tính trọng số

4. Tính đầy đủ	2750	39,86
5. Tính tin cậy	232	3,36
6. Tính liên tục	300	4,35

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử (TTĐT) của Sở Tài chính và UBND tỉnh Trà Vinh, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT sở Tài chính tỉnh Trà Vinh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các mục được chia rõ ràng và sắp xếp theo từng năm nhằm tạo thuận lợi cho việc truy cập và tìm kiếm các loại tài liệu.
- Các tài liệu được công bố trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh đều có định dạng excel nhằm tạo thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai 10/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Kế hoạch đầu tư công năm 2021 (trong Dự toán ngân sách năm 2021 được phê duyệt có biểu số 58 về Danh mục dự án sử dụng vốn NSNN năm 2021), Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2021 và Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc năm 2021.
- 03 tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

- Trong số các tài liệu bắt buộc công khai được liệt kê bên trên, Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh đều công khai kịp thời 7 tài liệu bắt buộc công khai.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh: Báo cáo không được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu theo

hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 44/CK-NSNN).

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 57/CK-NSNN). Báo cáo có phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 66% chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 28%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 39%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 21%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2019 của tỉnh là 67%.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 trình HĐND so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND phê duyệt là 5%. Mức thay đổi này chậm hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 trình HĐND tỉnh so với dự toán năm 2020 (10%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 5%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (10%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2021 trình HĐND so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt là 3%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này thấp hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (10%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên lĩnh vực y tế và dân số năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt là 3%. Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (10%) đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đều được công khai liên tục trong 03 năm 2019, 2020 và 2021.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh không công khai tất cả 05 tài liệu được khuyến khích công khai.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính và nhận được phản hồi sau 30 ngày.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh.
- Trang TTĐT của Sở Tài chính có công khai Quy chế và Quy trình cung cấp thông tin cho người dân của Sở.
- Cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2020 nhưng không có ý kiến về ngân sách.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có đường link dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo). có công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ

ngân sách của tỉnh năm 2021 (kỳ họp tháng 12/2020), và công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020. Các trang TTĐT của tỉnh cũng công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh.

- Về việc tuyên truyền, phổ biến về dự toán ngân sách 2021, tỉnh không sử dụng kênh thông tin gồm trang TTĐT của Sở Tài chính, trang TTĐT của HĐND và Cổng công khai ngân sách của Bộ Tài chính.

60. TỈNH TUYÊN QUANG

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH TUYÊN QUANG NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **12**	**9/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **59**
ĐIỂM XẾP HẠNG **83,88**	**7** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **10**
ĐẦY ĐỦ	**1** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Tuyên Quang đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Tuyên Quang đạt **83,88** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **12** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **tăng 41 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 69: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Tuyên Quang phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[60]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**100**	**1,45**

[60] Đã tính trọng số

B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**5788**	**83,88**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1182	17,13
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1049	15,20
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	400	5,80
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020	400	5,80
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	400	5,80
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	375	5,43
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1432	20,75
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	200	2,90
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	150	2,17
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	0	0,00
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	700	10,14
2. Tính kịp thời	575	8,33
3. Tính thuận tiện	750	10,87
4. Tính đầy đủ	2998	43,45
5. Tính tin cậy	532	7,71
6. Tính liên tục	233	3,38

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu, theo từng năm và có cập nhật nội dung.
- Các tài liệu đều được công khai bằng định dạng word/excel, kèm theo bản scan, thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai **09/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Báo cáo ngân sách công dân năm 2021, Kế hoạch Đầu tư công năm 2021.
- **02** tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021, Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có **07** tài liệu được công khai kịp thời trên trang TTĐT của Sở Tài chính, UBND, và HĐND tỉnh; **01** tài liệu được công khai muộn. Cụ thể:

- **07** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh (05/12/2020), Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định (31/12/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020 (15/04/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020 (14/07/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020 (13/10/2020), Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn (31/12/2020), Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (01/01/2021).
- **01** tài liệu được công khai muộn là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 (05/01/2021).

Tính đầy đủ của tài liệu

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh kèm thuyết minh phản ánh **13/13** biểu theo quy định của TT 343. **Biểu số 35** phản ánh 18/18 khoản thu nhưng không chi tiết theo từng loại thuế, cụ thể: các mục (1) Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước do Trung ương quản lý, (2) Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước do địa phương quản lý, (3) Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, (4) Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh chưa chi tiết theo sắc thuế theo Thuế GTGT, Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế tiêu thụ đặc biệt,... Mục số (14) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết chưa chi tiết theo sắc thuế theo Thuế GTGT, Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế tiêu thụ đặc biệt,...
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định phản ánh **11/13** biểu theo quy định, thiếu **Biểu số 54 và 57**. **Biểu số 48** phản ánh 18/18 khoản thu nhưng không chi tiết theo từng loại thuế, cụ thể: các mục (1) Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước do Trung ương quản lý, (2) Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước do địa phương quản lý, (3) Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, (4) Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh chưa chi tiết theo sắc thuế theo Thuế GTGT, Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế tiêu thụ đặc biệt,... Mục số (14) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết chưa chi tiết theo sắc thuế theo Thuế GTGT, Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế tiêu thụ đặc biệt,... Báo cáo có phản ánh các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương trong Biểu số 51.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020 kèm thuyết minh phản ánh **03/03** biểu theo quy định của TT 343. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020 kèm thuyết minh phản ánh **03/03** biểu theo quy định của TT 343. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020 kèm thuyết minh phản ánh **03/03** biểu theo quy định của TT 343. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 kèm thuyết minh phản ánh **03/03** biểu theo quy định của TT 343. Báo cáo có thông tin so sánh với số liệu dự

toán ngân sách được duyệt của cả năm và so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn kèm thuyết minh phản ánh **07/07** biểu theo quy định của TT 343. **Biểu số 63** phản ánh 18/18 khoản thu nhưng không chi tiết theo từng loại thuế, cụ thể: các mục (1) Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước do Trung ương quản lý, (2) Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước do địa phương quản lý, (3) Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, (4) Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh chưa chi tiết theo sắc thuế theo Thuế GTGT, Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế tiêu thụ đặc biệt,... Mục số (14) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết chưa chi tiết theo sắc thuế theo Thuế GTGT, Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế tiêu thụ đặc biệt,...

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh **đảm bảo tin cậy** cho việc thực hiện dự toán. Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là **3,5%,** chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là **3,6%.**

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh **chưa đảm bảo tin cậy** cho việc thực hiện dự toán. Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là **35,2%**, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là **137%,** chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2019 là **9,7%**.

- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực **giáo dục và đào tạo** của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 **phù hợp**. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh và dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục đào tạo đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là **10,8%**. Mức thay đổi này tăng nhiều hơn so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (**1,3%**) của tỉnh.

- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực **y tế và dân số** của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 **chưa phù hợp.** Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế của tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh và dự toán chi thường xuyên cho y tế, dân số đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế, dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là **13,4%**. Mức thay đổi này giảm mạnh

so với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (**1,3%**) của tỉnh.

Tính liên tục của tài liệu công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh không được công khai liên tục trên trang web của tỉnh. Cụ thể, chỉ có Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh được công khai, còn báo cáo năm 2019 và 2020 không được công khai. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh quyết định trong 3 năm 2019, 2020, 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê chuẩn năm 2017, 2018, 2019 được công khai liên tục trên trang web của tỉnh.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

Trong số **05** tài liệu không chấm điểm POBI 2020, có **0** tài liệu được công khai. Cụ thể:

- **05** tài liệu không được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2021 của tỉnh; Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019; Báo cáo tài chính của tỉnh; Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023; Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

Sự tham gia của người dân

- Trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang **không** có thư mục hỏi đáp.
- Trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh **không** có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh (Facebook/Zalo) để trao đổi với người dân.
- Trên trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh **không** công khai Quy chế và quy trình cung cấp thông tin cho người dân của Sở; Biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021; Báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh (bao gồm báo cáo thẩm tra quyết toán 2019 hoặc dự thảo dự toán 2021); Báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020; Báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2020.

61. TỈNH VĨNH LONG

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH VĨNH LONG NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **1**	**11/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **5**
ĐIỂM XẾP HẠNG **93,68**	**8** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **75**
ĐẦY ĐỦ	**0** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Vĩnh Long đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Vĩnh Long đạt **93,68** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **1** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **tăng 3 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 70: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Vĩnh Long phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[61]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**750**	**10,87**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**6464**	**93,68**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1366	19,80
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1166	16,90
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	400	5,80
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng	400	5,80

[61] Đã tính trọng số

đầu năm 2020		
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	400	5,80
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	400	5,80
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1532	22,20
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	200	2,90
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	200	2,90
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	100	1,45
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	100	1,45
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	900	13,04
2. Tính kịp thời	600	8,70
3. Tính thuận tiện	800	11,59
4. Tính đầy đủ	3132	45,39
5. Tính tin cậy	732	10,61
6. Tính liên tục	300	4,35

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung
- Trên website của Sở Tài chính tỉnh công khai **8/8** loại tài liệu được chấm điểm về định dạng tài liệu được công khai ở dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020;

Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Kế hoạch Đầu tư công năm 2021.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai **11/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt); Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc năm 2021; Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019 và Kế hoạch Đầu tư công năm 2021.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có **8/8** tài liệu được công khai kịp thời trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính, UBND, và HĐND tỉnh. Cụ thể:

- **08** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020; và Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt).

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

Nhóm nghiên cứu có một số nhận xét về tính đầy đủ của các loại tài liệu chấm điểm POBI như sau:

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo thuyết minh có giải thích về ưu tiên của địa phương cho ít nhất một chính sách cụ thể và được minh chứng bằng số liệu. Báo cáo thuyết minh có nêu căn cứ dựa vào các chỉ tiêu PTKTXH trung hạn (2021-2025), kế hoạch tài chính trung hạn của tỉnh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN phản ánh

chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 44/CK-NSNN). Tuy nhiên, Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa nhưng chưa chi tiết đối với các mục nhỏ.

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Báo cáo có phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 57/CK-NSNN). Báo cáo cũng phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương. Tuy nhiên, Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa nhưng chưa chi tiết đối với các mục nhỏ.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán

ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.

- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai đi kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 109,69%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 7,38%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 4,52%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 7,77%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2019 của tỉnh là 0,24%.
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 trình HĐND so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt là 0,14%. Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng trong khi tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 giảm (-4,92%).
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã được HĐND tỉnh quyết định năm 2021 so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 0,14%. Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng trong khi tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 giảm (-4,92%).
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2021 trình HĐND so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt là 10,92%. Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này

tăng trong khi tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 giảm (-4,92%).

- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên lĩnh vực y tế và dân số năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định năm 2021 so với dự toán chi thường xuyên cho y tế và dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 10,92%. Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng trong khi tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 giảm (-4,92%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh và Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai liên tục trong 03 năm 2019, 2020 và 2021.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh được công khai liên tục trong 03 năm 2017, 2018 và 2019.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Tỉnh công khai **3/5** tài liệu được khuyến khích công khai, bao gồm: Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023; Báo cáo tài chính của tỉnh và Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 05 năm 2021-2025.
- Các tài liệu khuyến khích không được công khai là: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách tỉnh năm 2021; và kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước tỉnh năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính vào ngày 26/01/2021 và nhận được phản hồi email của tỉnh trong vòng 1 ngày (vào ngày 27/01/2021).
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh.
- Trang TTĐT của Sở Tài chính có công khai Quy chế và Quy trình cung cấp thông tin cho người dân của Sở.

- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường link dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo)
- Trang TTĐT UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021 (Kỳ họp tháng 12/2020
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh (bao gồm báo cáo thẩm tra quyết toán 2019 hoặc dự thảo dự toán 2021).
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020.
- Trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2020 và có bao gồm ý kiến về ngân sách.

62. TỈNH VĨNH PHÚC

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH VĨNH PHÚC NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **18**	**8/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **59**
ĐIỂM XẾP HẠNG **81,51**	**4** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **10**
ĐẦY ĐỦ	**3** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Vĩnh Phúc đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Vĩnh Phúc đạt **81,51** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **18** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **tăng 23 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 71: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Vĩnh Phúc phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[62]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**100**	**1,45**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**5624**	**81,51**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1383	20,04
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1083	15,70
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	375	5,43
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020	400	5,80
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	400	5,80
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	250	3,62
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1333	19,32
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	200	2,90
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	0	0,00
II. Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	600	8,70
2. Tính kịp thời	375	5,43
3. Tính thuận tiện	775	11,23
4. Tính đầy đủ	3175	46,01
5. Tính tin cậy	399	5,78
6. Tính liên tục	300	4,35

[62] Đã tính trọng số

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử (TTĐT) của Sở Tài chính và UBND tỉnh Vĩnh Phúc, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Phúc có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các tài liệu được công khai đều được xếp vào thư mục riêng. Thư mục công khai ngân sách trên cổng TTĐT của Sở Tài chính tỉnh được phân chia theo loại tài liệu.
- **07** tài liệu được công khai trên cổng TTĐT của Sở Tài chính gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020, Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê chuẩn năm 2019 và Danh mục các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước năm 2021 đều có định dạng excel, thuận tiện cho việc sử dụng.
- **01** tài liệu là Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 (chỉ có báo cáo thuyết minh) được công khai trên cổng TTĐT của UBND tỉnh dưới dạng PDF nhưng dễ dàng chuyển đổi để sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai **08/11** loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 (chỉ có báo cáo thuyết minh), Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê chuẩn 2019 và Danh mục các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước năm 2021.
- **03** tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo tình hình nợ công năm 2020, Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2021 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán năm 2017, 2018 hoặc 2019.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách được công khai, có **04** tài liệu được công khai kịp thời trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính, UBND, và HĐND tỉnh; **03** tài liệu được công khai muộn. Cụ thể:

- **04** tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020 (8/4/2020), Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng năm 2020 (10/7/2020) và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020 (9/10/2020) và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê chuẩn 2019 (15/1/2021).
- **03** tài liệu được công khai muộn là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh (17/12/2020), Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định (15/1/2021) và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020 (17/12/2020).

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh. Báo cáo thuyết minh có giải thích về ưu tiên của địa phương cho ít nhất một chính sách cụ thể và được minh chứng bằng số liệu. Báo cáo thuyết minh có nêu căn cứ dựa vào các chỉ tiêu PTKTXH trung hạn (2021-2025), kế hoạch tài chính trung hạn của tỉnh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 35/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 44/CK-NSNN).
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo cũng phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (Biểu số 57/CK-NSNN). Báo cáo không phản ánh dự toán cho các khoản thu chi ngoài cân đối ngân sách của địa phương.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn Phản ánh đầy đủ các mục lớn nhưng không chi tiết các mục nhỏ do phần tổng thu thiếu thu từ dầu thô và thu từ viện trợ.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020: Báo cáo được công khai kèm báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2020: Báo cáo được công khai chỉ có báo cáo thuyết minh, không phản ánh đầy đủ ba biểu về ngân sách địa phương theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo bao gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN không phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai đi kèm với báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 2%.
- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 136%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 37%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 27%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên đầu tư phát triển của tỉnh năm 2019 của tỉnh là 15%.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 chưa phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh và dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục đào tạo đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 17,7%. Giảm mạnh hơn với mức thay đổi của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (6,7%) của tỉnh.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế của tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh và dự toán chi thường xuyên cho y tế, dân số đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho y tế, dân số năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là 33,8%. Mức thay đổi này tăng với mức tăng của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (6,7%) của tỉnh.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh được công khai liên tục trong 03 năm 2019, 2020 và 2021.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Trong 05 tài liệu được khuyến khích công khai, tỉnh không công khai **05** tài liệu, bao gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2021, Kết quả kiểm toán ngân

sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018, 2019, Báo cáo tài chính của tỉnh, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023 và và Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

Sự tham gia của người dân

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp nhưng báo lỗi khi gửi câu hỏi, có email nhưng báo lỗi không hỗ trợ mã hóa nên không thể sử dụng được.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND tỉnh.
- Trang TTĐT của Sở Tài chính không công khai Quy chế và Quy trình cung cấp thông tin cho người dân của Sở.
- Trang TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường link dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo) và cũng không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021 (kỳ họp tháng 12/2020), không công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh không công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2020 và không công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2020.

63. TỈNH YÊN BÁI

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH YÊN BÁI NĂM 2020		
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH POBI 2020)		**SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**
XẾP HẠNG **26**	**10/11** Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG **27**
ĐIỂM XẾP HẠNG **75,19**	**6** Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG **45**
ĐẦY ĐỦ	**1** tài liệu công bố chậm, **0** tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai	

Ghi chú: *Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2020, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).*

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2020 cho thấy tỉnh Yên Bái đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Yên Bái đạt **75,19** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **26** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2020, **giảm 17 hạng** so với kết quả chấm POBI 2019.

Bảng 72: Kết quả chấm POBI 2020 tỉnh Yên Bái phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi[63]	Điểm POBI 2020 quy đổi
A. Trụ cột sự tham gia	**450**	**6,52**
B. Điểm trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2020	**5188**	**75,19**
I. Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1148	16,64
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	899	13,03
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2020	350	5,07
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020	350	5,07
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2020	350	5,07
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020	375	5,43
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2019 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1116	16,17
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2021 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2021	200	2,90
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020 hoặc 2021	100	1,45
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018 hoặc 2019	100	1,45
II. Theo tiêu chí đánh giá		

[63]Đã tính trọng số

1. Tính sẵn có	800	11,59
2. Tính kịp thời	475	6,88
3. Tính thuận tiện	800	11,59
4. Tính đầy đủ	2547	36,91
5. Tính tin cậy	266	3,86
6. Tính liên tục	300	4,35

Kết quả khảo sát POBI 2020 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Về tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính tỉnh Yên Bái, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh Yên Bái có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục được phân chia cụ thể theo từng loại tài liệu và có cập nhật nội dung.
- Các tài liệu đều được công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Tỉnh đã công khai 11/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê chuẩn 2019; Kế hoạch Đầu tư công năm 2021 (Biểu số 58 trong Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định); Báo cáo thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2019, Báo cáo ngân sách dành cho công dân năm 2021 và Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2020.

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

- Căn cứ vào chữ ký và dấu online trên các tài liệu ngân sách được công khai, nhóm nghiên cứu xác định tỉnh Yên Bái công khai kịp thời **06** tài liệu: Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 trình HĐND; Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định; Báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý 1 năm 2020; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng và 9 tháng năm 2020; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê chuẩn 2019; **01** báo cáo công

khai chậm: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2020. (Báo cáo công khai ngày 12/1/2021 trong khi ngày khai mạc kỳ họp HĐND tỉnh là 15/12/2020).

Tính đầy đủ của tài liệu

- Dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định đủ 13/13 biểu theo quy định, tuy nhiên nội dung trong một số biểu còn thiếu hoặc không theo mẫu như quy định trong TT 343, cụ thể: Biểu số 46 thiếu mục III, IV, V; Biểu số 52 thiếu 2 mục: Chi Giao Thông và Chi Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản; Biểu 48 đủ các mục nhưng không theo mẫu TT 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2020, 6 tháng đầu năm 2020, 9 tháng đầu năm 2020 và Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách năm 2020 đều có thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và so sánh với tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2020 không kèm thuyết minh.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2020 có kèm theo thuyết minh.

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Lập dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh chưa đảm bảo tin cậy cho việc thực hiện dự toán. Cụ thể, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 135,8%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2019 của tỉnh là 116,3%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh là 105,4%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh là 131,5%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2019 của tỉnh là 98,6%.
- Lập dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 so với năm 2020 phù hợp. Cụ thể, thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2021 trình HĐND và dự toán chi thường xuyên lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã được HĐND tỉnh quyết định so với dự toán chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo năm 2020 đã được HĐND tỉnh quyết định là -2,2% và 2,2%. Mức thay đổi này giảm với mức giảm thay đổi của tổng dự toán chi thường xuyên năm 2021 so với năm 2020 (3,6 %) của tỉnh.
- Không tìm thấy số liệu dự toán chi thường xuyên cho y tế, dân số đã được HĐND tỉnh quyết định năm 2020 do vậy không so được với năm 2021.

Tính liên tục

- Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách trình HĐND tỉnh và Dự toán ngân sách được HĐND tỉnh quyết định được công khai trong 3 năm liên tục: 2019, 2020 và 2021.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2017, 2018 và 2019 được công khai liên tục trên trang TTĐT của tỉnh .

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Trong số 5 tài liệu không chấm điểm POBI 2020, có 2 tài liệu được công khai, gồm có Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 và Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2021-2023 và. Các tài liệu không được công khai gồm có: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2021 của tỉnh; Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2017, 2018, 2019: Dự thảo kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

Sự tham gia của người dân

- Trên trang TTĐT của Sở Tài chính có 2 nội dung đảm bảo dự tham gia của người dân: Có Thư mục hỏi đáp và Báo cáo thẩm tra ngân sách của HĐND tỉnh.
- Các nội dung còn thiếu như sau: Quy chế và quy trình cung cấp thông tin cho người dân; Biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2021; Báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh; Báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2020; Đường dẫn tới 1 trang mạng xã hội chính thức để trao đổi với người dân.

PHẦN 4 PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: KHUNG PHÁP LÝ VỀ CÔNG KHAI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

I. LUẬT NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 2015

Khung pháp lý cao nhất cho việc công khai thông tin NSNN là Luật NSNN năm 2015. Khoản 1, Điều 15, Luật NSNN 2015, quy định chi tiết các thông tin phải được công khai, nội dung, hình thức và thời điểm công khai các thông tin. Các tài liệu bắt buộc phải công bố công khai theo Luật NSNN 2015 bao gồm: (i) Dự toán ngân sách nhà nước trình Quốc hội, Hội đồng nhân dân; (ii) Dự toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền quyết định; (iii) Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước; (iv) Quyết toán ngân sách nhà nước được Quốc hội, Hội đồng nhân dân phê chuẩn. Việc công khai được thực hiện theo quy định sau đây:

Thứ nhất, về nội dung công khai bao gồm: (i) Số liệu và báo cáo thuyết minh dự toán ngân sách nhà nước trình Quốc hội, Hội đồng nhân dân, (ii) Dự toán đã được cấp có thẩm quyền quyết định, (iii) Tình hình thực hiện ngân sách nhà nước và quyết toán ngân sách nhà nước; (iv) kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước; trừ số liệu chi tiết, báo cáo thuyết minh thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, dự trữ quốc gia. Khoản 3, Điều 15 cũng nêu rõ nội dung công khai phải bảo đảm đầy đủ theo các chỉ tiêu, biểu mẫu do Bộ Tài chính quy định.

Thứ hai, về hình thức công khai, việc công khai ngân sách nhà nước được thực hiện bằng một hoặc một số hình thức: công bố tại kỳ họp, niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị; phát hành ấn phẩm; thông báo bằng văn bản đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan; đưa lên trang thông tin điện tử; thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Thứ ba, về thời điểm công khai: Báo cáo dự toán ngân sách nhà nước phải được công khai chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày Chính phủ gửi đại biểu Quốc hội, Ủy ban nhân dân gửi đại biểu Hội đồng nhân dân. Báo cáo dự toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền quyết định, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê chuẩn, kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước, kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước phải được công khai chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày văn bản được ban hành. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước hằng quý, 06 tháng phải được công khai chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý và 06 tháng. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước hằng năm được công khai khi Chính phủ trình Quốc hội vào kỳ họp giữa năm sau.

II. THÔNG TƯ 343/2016/TT-BTC HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÔNG KHAI NSNN

Việc công khai ngân sách tỉnh (ngân sách địa phương) và ngân sách cấp tỉnh được quy định tại các điều từ Điều 7 đến Điều 10 của Thông tư 343/2016/TT-BTC hướng dẫn thực hiện công khai NSNN. Bao gồm các thông tin về nội dung công khai, trách nhiệm công khai, hình thức công khai và thời điểm công khai đối với từng loại tài liệu ngân sách. Việc công khai được thực hiện theo

các quy định sau đây: Thứ nhất, về nội dung công khai bao gồm: (i) Công khai chỉ tiêu, biểu mẫu, thuyết minh làm căn cứ trình HĐND cấp tỉnh quyết định dự toán ngân sách tỉnh và phân bổ ngân sách cấp tỉnh (các biểu từ 33 đến biểu 45), (ii) Công khai số liệu dự toán ngân sách tỉnh và phân bổ ngân sách cấp tỉnh đã được HĐND quyết định (các biểu từ 46 đến biểu 58), (iii) Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách tỉnh (06 tháng, năm) đã được báo cáo UBND cấp tỉnh (các biểu từ 59 đến biểu 61), (iv) Công khai số liệu và thuyết minh quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND cấp tỉnh phê chuẩn (các biểu từ 62 đến biểu 68).

Thứ hai, về trách nhiệm công khai, UBND cấp tỉnh thực hiện công khai hoặc giao Sở Tài chính thực hiện công khai các nội dung quy định. Đối với số liệu dự toán ngân sách tỉnh và phân bổ ngân sách cấp tỉnh và số liệu và thuyết minh quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND cấp tỉnh phê chuẩn, UBND cấp tỉnh ban hành Quyết định công bố công khai ngân sách và các biểu mẫu theo quy định của Thông tư 343 (mẫu số 02/ QĐ-CKNS).

Thứ ba, về hình thức công khai: Việc công khai được thực hiện bằng một hoặc một số hình thức như: công bố tại kỳ họp, niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị; phát hành ấn phẩm; thông báo bằng văn bản đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan; đưa lên trang thông tin điện tử; thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng; trong đó có hình thức bắt buộc là công bố trên Cổng/Trang thông tin điện tử của UBND tỉnh và Cổng/Trang thông tin điện tử của Sở Tài chính.

Thứ tư, về thời điểm công khai: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND cấp tỉnh phải được công khai chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày UBND cấp tỉnh gửi đại biểu HĐND cấp tỉnh. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND cấp tỉnh quyết định, quyết toán ngân sách tỉnh đã được HĐND cấp tỉnh phê chuẩn phải được công khai chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày văn bản được ban hành. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh hằng quý, 06 tháng phải được công khai chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày kết thúc quý và 06 tháng. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh hằng năm được công khai khi UBND cấp tỉnh trình HĐND dân cấp tỉnh.

III. CÁC QUY ĐỊNH CÔNG KHAI KHÁC

Bên cạnh việc tuân thủ theo Luật NSNN năm 2015 thì các tài liệu ngân sách còn phải công khai theo một số các quy định của các luật khác như Luật Đầu tư công 2014, Luật Kiểm toán nhà nước 2015.

Điều 14 Luật Đầu tư công năm 2014 quy định về việc công khai minh bạch trong đầu tư công nêu rõ việc bắt buộc phải công bố công khai 10 loại tài liệu, trong đó các tài liệu có liên quan đến khoản mục ngân sách nhà nước như tài liệu về Danh mục dự án trên địa bàn, bao gồm quy mô, tổng mức đầu tư, thời gian, địa điểm; báo cáo đánh giá tác động tổng thể của dự án tới địa bàn đầu tư; Kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm theo từng nguồn vốn, bao gồm danh mục dự án và mức vốn đầu tư công bố trí cho từng dự án.

Điều 50 và điều 51 Luật Kiểm toán nhà nước 2015 quy định rõ việc công khai các tài liệu về Báo cáo kiểm toán và Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm và báo cáo kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước. Theo đó, các tài liệu sau khi phát hành phải được công bố công khai, trừ những nội dung thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật. Tổng Kiểm toán Nhà nước tổ chức công khai báo cáo kiểm toán theo một trong các hình thức như họp báo, công bố trên công báo và phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải trên trang thông tin điện tử và các ấn phẩm của Kiểm toán nhà nước và niêm yết tại trụ sở của đơn vị được kiểm toán.

Các tài liệu bắt buộc công bố công khai theo Luật Đầu tư công 2014, Luật Kiểm toán nhà nước năm 2015 được xếp vào nhóm các tài liệu khuyến khích các địa phương công khai, không đưa vào nhóm các tài liệu tính điểm POBI 2020.

PHỤ LỤC 2: PHƯƠNG PHÁP KHẢO SÁT POBI 2020

POBI 2020 thực hiện khảo sát với 16 loại tài liệu ngân sách, trong đó có 11 tài liệu khảo sát để tính điểm POBI 2020 và 5 tài liệu khuyến khích công khai. Trong số 11 tài liệu khảo sát để tính điểm POBI 2020 có 7 loại tài liệu ngân sách bắt buộc phải công khai theo Luật NSNN 2015 và 4 tài liệu ngân sách cần phải công khai theo như thông lệ tốt của quốc tế.

Mức độ công khai, minh bạch ngân sách (tính là chỉ số công khai ngân sách POBI 2020) được xây dựng thông qua 6 tiêu chí là tính sẵn có, kịp thời, thuận tiện, đầy đủ, tin cậy và tính liên tục của các loại tài liệu ngân sách. Nội dung cụ thể của từng tiêu chí như sau:

Tính sẵn có: Tính sẵn có của các tài liệu ngân sách được xác định dựa trên việc công khai 10 tài liệu ngân sách trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh và/hoặc trang thông tin điện tử của Sở Tài chính, HĐND tỉnh, Sở KH&ĐT tỉnh và MTTQ tỉnh.

Tính kịp thời (thời điểm công khai): Tính kịp thời được xác định thông qua ngày công khai hoặc ngày đăng các tài liệu ngân sách trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh và/hoặc Sở Tài chính tỉnh.

Tính thuận tiện: Tính thuận tiện được xác định dựa trên định dạng tài liệu ngân sách được công khai trên cổng thông tin điện tử. Tài liệu công khai được coi là thuận tiện khi cho phép người sử dụng/người đọc có thể dễ dàng tái sử dụng các thông tin cho công việc của họ.

Tính đầy đủ: Tính đầy đủ được xác định dựa trên việc công bố đầy đủ số lượng các bảng biểu và nội dung của một số bảng biểu theo quy định tại Thông tư 343 đối với từng loại tài liệu ngân sách.

Tính tin cậy: Khảo sát đánh giá khả năng dự báo chính xác của dự toán ngân sách năm 2019 so với thực tế (quyết toán ngân sách năm 2019) theo phương pháp phân tích ngân sách gọi tắt là PEFA thường được các tổ chức quốc tế và các nước đang áp dụng.

Tính liên tục: Tính liên tục, thường xuyên trong việc công bố các tài liệu ngân sách được xác định dựa trên việc công khai đầy đủ các loại tài liệu Báo cáo dự thảo dự toán trình HĐND tỉnh,

Báo cáo dự thảo dự toán đã được HĐND phê duyệt, và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương trong ba năm gần nhất.

Tổng số câu hỏi khảo sát POBI 2020 có tính điểm bao gồm 96 câu hỏi. Số điểm tối đa cho mỗi câu hỏi là 100 điểm. Xếp hạng POBI 2020 về kết quả công khai minh bạch ngân sách của địa phương được thực hiện theo thang điểm với 4 mức. Mức A: Từ 75 – 100 điểm quy đổi, được hiểu là mức độ công khai ĐẦY ĐỦ. Mức B: Từ 50 – dưới 75 điểm quy đổi), được hiểu là mức độ công khai TƯƠNG ĐỐI. Mức C: Từ 25 – dưới 50 điểm quy đổi, được hiểu là mức độ công khai CHƯA ĐẦY ĐỦ. Mức D: Từ 0 – dưới 25 điểm quy đổi, được hiểu là mức độ công khai ÍT.

Trọng số khi tính điểm POBI 2020

Theo chu trình ngân sách, Báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách Quý 1, 6 tháng, Quý 3 và cả năm 2020 chỉ được coi là loại tài liệu ngân sách. Vì vậy, để đảm bảo công bằng khi tính điểm, số điểm của các câu hỏi POBI 2020 cho Báo cáo 4 loại tài liệu này sẽ được tính bằng 50% tổng số điểm của từng câu hỏi.

Quy trình khảo sát POBI 2020

Khảo sát POBI 2020 đã được thực hiện qua 3 vòng khảo sát như sau:

Vòng thứ nhất: Nhóm các đánh giá viên làm việc theo nhóm 2 người, tiến hành khảo sát độc lập POBI cho từng tỉnh, đưa ra các minh chứng. Sau đó, kết quả khảo sát vòng 1 được các đánh giá viên thực hiện so sánh, đối chiếu, kiểm tra lại kết quả. Kết quả khảo sát cuối cùng được thống nhất giữa hai đánh giá viên và được gửi tới cho nghiên cứu viên cao cấp.

Vòng thứ hai: Nhóm nghiên cứu viên cao cấp sẽ thực hiện kiểm tra, thẩm định lại kết quả khảo sát POBI vòng thứ nhất do các đánh giá viên thực hiện. Nếu có các sai khác giữa kết quả thẩm định của nghiên cứu viên cao cấp và kết quả khảo sát của các đánh giá viên thì kết quả chấm POBI sẽ được nhóm nghiên cứu kiểm tra, đối chiếu lại một lần nữa.

Vòng thứ ba: Kết quả khảo sát POBI sau khi được nghiên cứu viên cao cấp thẩm định và đồng ý sẽ được gửi cho các tỉnh để tham vấn và xác nhận lại. Kết quả khảo sát POBI cuối cùng là sự tổng hợp của ba vòng khảo sát trên.

BTAP
Minh bạch vì Công bằng và Phát triển

POBI
PROVINCIAL OPEN BUDGET INDEX

Liên minh Minh bạch Ngân sách (BTAP) ra đời với mục đích tìm kiếm, thử nghiệm và thúc đẩy việc áp dụng các giải pháp hiệu quả hướng tới công khai minh bạch, trách nhiệm giải trình và sự tham gia của người dân trong quy trình ngân sách nhà nước tại Việt Nam, góp phần tạo ra những thay đổi tích cực để đảm bảo công bằng cho mọi người và sự phát triển chung của đất nước.

Khảo sát Chỉ số Công khai Ngân sách tỉnh (POBI) là khảo sát đầu tiên ở Việt Nam về mức độ công khai ngân sách tỉnh, do Liên minh Minh bạch Ngân sách (BTAP) chủ trì, Trung tâm Phát triển và Hội nhập (CDI) và Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR) thực hiện. Kết quả khảo sát là công cụ giúp các địa phương và cơ quan trung ương tham chiếu, đo lường mức độ công khai, minh bạch trong quản lý ngân sách nhà nước tại các tỉnh. POBI cũng là công cụ hỗ trợ Việt Nam thực hiện cải cách hành chính và tài khoá tốt hơn, góp phần hoàn thành mục tiêu phát triển bền vững SDG 16 về minh bạch, giải trình có sự tham gia của người dân.

ẤN PHẨM ĐÃ CÔNG BỐ

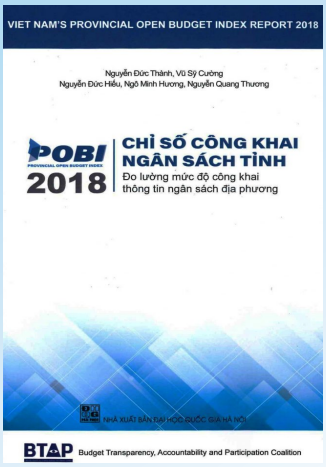

CDI

VEPR Thành viên TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

OXFAM

KONRAD ADENAUER STIFTUNG